

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CÙ THỊ THÚY LAN

CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC
TỪ 2012 ĐẾN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI – 2024

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CÙ THỊ THÚY LAN

CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC
TỪ 2012 ĐẾN NAY

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO QUYẾT NGHỊ CỦA
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CẤP ĐẠI HỌC QUỐC GIA

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

PGS. TS. Trần Thọ Quang

PGS.TS. Nguyễn Thành Nam

Hà Nội - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tác giả. Các số liệu đề cập trong luận án là trung thực, có căn cứ khoa học, được trích dẫn từ nguồn tư liệu đáng tin cậy. Những kết luận khoa học của luận án không sao chép trong bất cứ công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả luận án

NCS. Cù Thị Thúy Lan

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình thực hiện và nghiên cứu Luận án với đề tài *Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay*, tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ cũng như tạo điều kiện của tập thể tập thể Ban Giám hiệu, Ban lãnh đạo Khoa Khoa học chính trị, giảng viên, cán bộ các phòng, ban chức năng của Khoa Khoa học chính trị và Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, Ban Lãnh đạo Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất về sự giúp đỡ đó.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới PGS. TS. Trần Thọ Quang, TS. Nguyễn Thu Hồng - những giảng viên trực tiếp hướng dẫn và chỉ bảo giúp đỡ tôi để tôi hoàn thành Luận án này.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp của tôi đang công tác tại Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật và gia đình đã động viên, khích lệ, tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành Luận án này.

Tác giả Luận án

NCS. Cù Thị Thuý Lan

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	
LỜI CẢM ƠN	
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG	5
MỞ ĐẦU	6
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	6
2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	9
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	10
5. Đóng góp của luận án	12
6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn	12
7. Kết cấu của luận án.....	12
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	13
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay.....	13
1.1.1. Liên quan đến sự cần thiết phải cải cách thể chế chính trị	13
1.1.2. Về tiến trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc.....	16
1.1.3. Về mục tiêu, nhiệm vụ, con đường cải cách thể chế chính trị Trung Quốc.....	19
1.1.4. Một số nội dung chính của cải cách thể chế chính trị	29
1.1.5. Đánh giá sơ bộ về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc và dự báo	30
1.2. Những vấn đề các công trình nghiên cứu trước đã giải quyết.....	40
1.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	42
Tiểu kết chương 1	44
CHƯƠNG 2: CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC TỪ 2012 ĐẾN NAY: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	46
2.1. Cơ sở lý luận.....	46

2.1.1. Một số khái niệm liên quan	46
2.1.2. Nhận thức chung của ĐCS Trung Quốc về thể chế chính trị và cải cách thể chế chính trị	58
2.2. Cơ sở thực tiễn	90
2.2.1. Bối cảnh chung	90
2.2.2. Nhu cầu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay	113
Tiểu kết chương 2	123
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC TỪ 2012 ĐẾN NAY	125
3.1. Cải cách tổ chức bộ máy	125
3.1.1. Cải cách, tăng cường năng lực lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc	125
3.1.2. Cải cách hệ thống quản lý đất nước	142
3.1.3. Cải cách quốc phòng	147
3.2. Cải cách mối quan hệ Đảng - Chính quyền, Trung ương - địa phương	155
3.2.1. Cải cách mối quan hệ Đảng - Chính quyền	155
3.2.2. Cải cách mối quan hệ Trung ương - địa phương	160
3.3. Cải cách cơ chế giám sát quyền lực	162
3.4. Cải cách cơ chế bầu cử dân chủ	171
3.4.1. Bầu trực tiếp một số chức danh	172
3.4.2. Mở rộng ngôn luận trong Đảng	172
Tiểu kết Chương 3	175
CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT, DỰ BÁO VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC THỜI GIAN TỚI VÀ GỢI MỞ ĐỐI VỚI VIỆT NAM	176
4.1. Một số nhận xét	176
4.1.1. Thành tựu và hạn chế	176
4.1.2. Một số nhận định về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc	187
4.1.3. Những tác động của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc	188
4.2. Dự báo về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời gian tới	192

4.3. Gợi mở đối với Việt Nam.....	198
4.3.1. <i>Đổi mới thể chế chính trị tại Việt Nam</i>	198
4.3.2. <i>Gợi mở cho Việt Nam</i>	200
Tiểu kết Chương 4	208
KẾT LUẬN	210
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN	
ĐẾN LUẬN ÁN	215
TÀI LIỆU THAM KHẢO	216
Phụ lục 1: Tóm lược về 5 bản Hiến pháp của Trung Quốc	236
Phụ lục 2: Chức năng, quyền hạn của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc.....	238
Phụ lục 3: Chức năng, quyền hạn của Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp, Ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương và các Ủy ban chuyên trách.....	242
Phụ lục 4: Chức năng, quyền hạn của Quốc vụ viện nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.....	249

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

CNXH	Chủ nghĩa xã hội
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
ĐCS	Đảng Cộng sản
ĐHĐBND	Đại hội đại biểu nhân dân
ĐHĐBNDTQ	Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc
NXB	Nhà xuất bản
TBCN	Tư bản chủ nghĩa
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. So sánh sức mạnh quân sự Mỹ - Nga - Trung Quốc năm 2017	100
Bảng 2: Tác động của “Made in China 2025”	102

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với sự không ngừng “trỗi dậy” của Trung Quốc từ một cường quốc về kinh tế trở thành cường quốc chính trị trên thế giới và cạnh tranh Trung - Mỹ không ngừng gia tăng, ảnh hưởng, chi phối toàn diện tới đời sống chính trị toàn cầu, ngày càng có nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới tập trung vào phân tích, đánh giá nhân tố nội tại dẫn tới sức mạnh tăng lên không ngừng của Trung Quốc. Quan điểm tương đối thống nhất trong giới nghiên cứu chỉ rõ: Một trong những nguyên nhân dẫn tới gia tăng sức mạnh tổng hợp, cải thiện vị trí của Trung Quốc trên toàn cầu là nhờ vào những cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau khi Tập Cận Bình lên nắm quyền (Đại hội XVIII Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc từ năm 2012).

Cải cách thể chế chính trị luôn là vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm kể từ khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa đến nay, đặc biệt là trong những năm gần đây. Thể chế chính trị của Trung Quốc đã được hình thành trong những năm tháng đấu tranh cách mạng và cơ bản được xác lập trong thời kỳ cải tạo xã hội XHCN với đặc điểm nổi bật là nhấn mạnh tập trung quyền lực nhưng lại xem nhẹ việc phân bổ hợp lý quyền lực, nhấn mạnh đến chức năng giai cấp nhưng lại xem nhẹ chức năng quản lý của Nhà nước. Sau khi hoàn thành cải tạo xã hội XHCN, về chính trị, Trung Quốc vẫn tiếp tục nhấn mạnh “lấy đấu tranh giai cấp làm chính”, về kinh tế là tập trung phát triển kinh tế kế hoạch mang tính mệnh lệnh thống nhất. Chính vì thế, đã làm tổn hại đến đời sống dân chủ, chế độ lãnh đạo tập thể, chế độ tập trung dân chủ của Đảng và Nhà nước, thiếu hụt cơ chế, pháp chế bảo đảm sự tham dự và giám sát của nhân dân trong đời sống chính trị của đất nước, đó cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến cuộc “Đại cách mạng văn hóa”.

Sau khi thực hiện cải cách mở cửa (1978), thực tế cho thấy, qua mỗi bước đi của cải cách thể chế kinh tế, Trung Quốc đều nhận thấy một cách sâu sắc sự cần thiết phải cải cách thể chế chính trị. Nếu không cải cách thể chế chính trị, sẽ không những không bảo đảm được thành quả của công cuộc cải cách thể chế kinh tế, không thúc đẩy công cuộc cải cách thể chế kinh tế tiến lên, mà ngược lại còn cản trở sự phát triển của sức

sản xuất, cản trở việc thực hiện “bốn hiện đại hóa”. Những thành tựu về phát triển kinh tế đã chứng minh đường lối chính sách cải cách mở cửa là đúng đắn, nhưng từ đó cũng tạo ra những áp lực đối với cải cách thể chế chính trị.

Để phát triển kinh tế, trước hết phải ổn định chính trị. Trung Quốc vươn lên và duy trì được địa vị cường quốc chùng nào còn nắm được định luật đó. Thực tế lịch sử Trung Quốc cho thấy, nguy cơ dẫn đến sụp đổ là từ chính trị chứ không phải kinh tế. Vì vậy, lãnh đạo Trung Quốc luôn nhấn mạnh đến “ổn định là trên hết” để phát triển. Do đó, cải cách thể chế chính trị, thông qua các biện pháp cải cách để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đặc biệt là đòi hỏi đến từ công cuộc phát triển kinh tế, qua đó tìm kiếm sự ổn định đã trở thành nhu cầu bức thiết và tất yếu.

Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc được triển khai với tiền đề là hình thức kết cấu quyền lực và cục diện chính trị chung của xã hội XHCN không thay đổi, trong khuôn khổ đó tiến hành điều chỉnh và hoàn thiện mối quan hệ tương hỗ giữa tổ chức chính quyền và tổ chức chính trị cùng các cơ chế vận hành, nói một cách cụ thể là tiến hành cải cách trên các mặt như: Thể chế lãnh đạo, cơ quan hành chính, chế độ nhân sự cán bộ, quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hành chính. Mục tiêu chung cải cách thể chế chính trị Trung Quốc bao gồm: (i) củng cố chế độ XHCN; (ii) Phát triển sức sản xuất xã hội XHCN; (iii) Phát huy dân chủ XHCN, huy động tính tích cực của quần chúng nhân dân.

Nghiên cứu về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay là một công trình tổng thể, đề cập những cải cách theo chiều ngang ở bộ máy lãnh đạo (ĐCS Trung Quốc) và những cải cách của hệ thống cơ quan hành chính (Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa), đi kèm với đó là hàng loạt cải cách tiến hành theo chiều dọc trong hệ thống các cơ quan này. Ở Trung Quốc, cải cách thể chế chính trị diễn ra sau cải cách thể chế kinh tế, được ban hành nhằm thích ứng với sự phát triển của thể chế kinh tế, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đồng thời đã trải qua nhiều giai đoạn với các biện pháp, mức độ cải cách khác nhau.

Trước Đại hội lần thứ XVIII – mốc đánh dấu sự thay thế và lên cầm quyền của thế hệ lãnh đạo thứ năm của Trung Quốc với hạt nhân là Tập Cận Bình, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã trải qua 04 giai đoạn: (1) Giai đoạn 1978-1985, nổi bật

là tranh luận cải cách chính trị Canh Thân (1980), với điểm nhấn là mở rộng nhận thức về mặt tư tưởng và lý luận liên quan đến cải cách thể chế chính trị cũng như sự cần thiết phải cải cách thể chế chính trị; (2) Giai đoạn 1986-1989, là giai đoạn Trung Quốc tiến hành cải cách chính trị theo hướng loại bỏ quyền lực quá tập trung; (3) Giai đoạn 1990-1992, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc rơi vào thoái trào do sự kiện Thiên An Môn; (4) Giai đoạn 1992-2012, đồng thời với tăng cường củng cố nhận thức về kiên trì cải cách mở cửa, tiếp tục dồn sức cho phát triển kinh tế, Trung Quốc tiến hành các biện pháp cải cách thể chế chính trị một cách thận trọng, củng cố vững chắc các cơ chế, bộ máy hiện có như kiên trì và hoàn thiện chế độ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (ĐHĐBNDTQ, gọi tắt là Nhân đại toàn quốc), kiên trì và hoàn thiện chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS và chế độ Hiệp thương chính trị, tăng cường xây dựng pháp chế và xây dựng dân chủ cơ sở, bước đầu hình thành mục tiêu xây dựng nhà nước pháp trị. Sang giai đoạn (5) từ 2012 đến nay, dưới sự lãnh đạo nhất quán, xuyên suốt của Trung ương ĐCS Trung Quốc, hạt nhân là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình, hàng loạt động thái cải cách thể chế chính trị đã được thúc đẩy, từ ban hành bộ cục tổng thể “bốn toàn diện” tới đẩy mạnh cuộc chiến chống tham nhũng, chỉnh đốn nội bộ Đảng, tái cơ cấu quân đội, sửa đổi Hiến pháp, sửa đổi Điều lệ Đảng..., làm cho diện mạo đời sống chính trị tại Trung Quốc xuất hiện nhiều đặc điểm mới. Tuy nhiên, một điểm khá nổi bật của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc giai đoạn từ 2012 đến nay đó là chủ trương, mục tiêu, biện pháp, bước đi của cải cách gắn liền với vai trò của cá nhân lãnh đạo Tập Cận Bình. Nắm chắc đường hướng, mục tiêu, chiến lược và các biện pháp triển khai cải cách thể chế chính trị hiện nay của Trung Quốc sẽ giúp dự báo những diễn biến, bước đi tiếp theo cũng như xu thế của nền chính trị Trung Quốc trong giai đoạn 5-10 năm tới cũng như triển vọng của các cải cách thể chế chính trị đang tiến hành. Đây được xác định là tính quan trọng, ý nghĩa thực tiễn, cũng là trọng tâm hướng đến của Luận án.

Việt Nam là quốc gia láng giềng có quan hệ thân thiết với Trung Quốc trên nhiều mặt. Đặc biệt, thể chế chính trị tại Việt Nam hiện nay có sự tương đồng khá lớn với Trung Quốc. Hai nước đều do ĐCS lãnh đạo, đều đang đi trên con đường XHCN để xây dựng, phát triển đất nước. Trên chặng đường này, Trung Quốc tiến hành cải cách

mở cửa sớm hơn Việt Nam, trên thực tế đã thu được thành tựu to lớn trên các mặt, đặc biệt là về kinh tế, đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 trên thế giới chỉ sau Mỹ. Đi đôi với những biện pháp cải cách mạnh mẽ về kinh tế, cải cách thể chế chính trị do ĐCS Trung Quốc tiến hành cũng bước đầu đạt được thành tựu khá khả quan. Những thành tựu và bài học kinh nghiệm của Trung Quốc trên các mặt, trong đó có cải cách thể chế chính trị có ý nghĩa tham khảo rất lớn đối với Việt Nam. Từ những suy ngẫm nói trên, Luận án đi sâu nghiên cứu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay, qua đó đúc rút, tổng kết một số bài học kinh nghiệm, đồng thời liên hệ với thực tiễn đổi mới hệ thống chính trị tại Việt Nam. Đây chính là ý nghĩa lý luận cũng như thực tiễn quan trọng của Luận án.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nghiên cứu, làm rõ đặc điểm của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, trên cơ sở trình bày thực trạng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay, rút ra một số bài học kinh nghiệm, dự báo cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời gian tới, để liên hệ với thực tiễn đổi mới hệ thống chính trị tại Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích trên, luận án triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất: tập hợp, xâu chuỗi, khái quát các thành quả nghiên cứu hiện có trên thế giới và tại Việt Nam về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay, chỉ rõ những vấn đề đã được phân tích thấu đáo, đạt được nhận thức chung, những vấn đề còn tồn tại nhiều quan điểm khác biệt, cần tiếp tục quan sát, làm rõ.

Thứ hai: tìm hiểu, làm rõ cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các thành tố cấu thành thể chế chính trị tại Trung Quốc hiện nay, đi sâu phân tích một số thể chế chính trị đặc trưng tại Trung Quốc.

Thứ ba: đi sâu phân tích, làm rõ những nội dung cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 - khi Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình lên nắm quyền đến nay. Đánh giá về những khó khăn gặp phải, kết quả đạt được, những điểm còn tồn

tại, chỉ ra những nét đặc trưng, rút ra bài học kinh nghiệm, dự báo xu hướng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong thời gian tới.

Thứ tư: liên hệ thực tiễn đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam để rút ra một số gợi mở.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Luận án nghiên cứu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay và một số gợi mở cho Việt Nam.

- *Về thời gian:* Luận án tập trung vào các khảo sát, đánh giá từ 2012 đến nay (sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc, khi Tập Cận Bình lên nắm quyền); đối với một số nội dung thuộc cơ sở, nền tảng lịch sử, Luận án có thể nghiên cứu giai đoạn trước 2012; một số nội dung dự báo thì thời gian nghiên cứu kéo dài hơn.

- *Về không gian:* Luận án tập trung nghiên cứu tình hình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đại lục, không đặt Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan vào phạm vi nội dung, không gian nghiên cứu.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Những nghiên cứu trong luận án được triển khai trên cơ sở nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, cách mạng, Đảng cầm quyền và hệ thống chính trị.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận đa chiều, trong đó kết hợp tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, áp dụng tùy theo từng vấn đề cụ thể, mục đích nhằm hướng đến tính khách quan, chính xác, tổng thể trong giải quyết vấn đề nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm:

- *Phương pháp phân tích tài liệu*

Trên cơ sở xâu chuỗi, phân tích, hệ thống các tài liệu có sẵn, luận án khảo sát tổng quan tình hình nghiên cứu trước đó có liên quan đến cải cách thể chế chính trị

Trung Quốc, bao gồm các nghiên cứu theo tiến trình lịch sử, nghiên cứu cắt lát với từng vấn đề, từng mảng nội dung cải cách thể chế chính trị cụ thể, trên cơ sở đó hình thành khung cơ sở lý luận cũng như định hướng nghiên cứu tiếp theo.

- Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Đối với một số hạng mục cải cách thể chế chính trị cụ thể, ví dụ cải cách hệ thống các cơ quan, bộ máy liên quan phòng chống tham nhũng tại Trung Quốc sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc, luận án áp dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp cụ thể (án lệ), qua đó làm rõ những biểu hiện cải cách cụ thể, các yếu tố tham gia, tác động tới tiến trình cải cách cơ quan phòng chống tham nhũng của ĐCS, của Chính phủ Trung Quốc, những nhân tố chi phối tiến trình cải cách, hiệu quả cải cách của các cơ quan này và đánh giá, dự báo các bước cải cách giai đoạn tiếp theo.

- Phương pháp so sánh

Khi nghiên cứu, đánh giá về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau năm 2012 tới nay, luận án đã tiến hành so sánh với các giai đoạn cải cách trước đó, đồng thời cũng đối chiếu ở mức độ nhất định với tiến trình đổi mới hệ thống chính trị tại Việt Nam hiện nay để rút ra nhận định.

- Phương pháp nghiên cứu thứ cấp

Một số nội dung nghiên cứu khuôn khổ lý luận về cải cách thể chế chính trị, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu thứ cấp, trên cơ sở thành tựu nghiên cứu lý luận hiện có liên quan chính đảng - nhà nước của chủ nghĩa Mác, áp dụng vào trong trường hợp, lĩnh vực cụ thể là mối quan hệ giữa ĐCS Trung Quốc với chính quyền do ĐCS Trung Quốc lãnh đạo, đặt trong điều kiện thực tiễn hiện tại để soi chiếu, làm rõ tính chất mối quan hệ này cũng như đặc điểm của những cải cách thể chế chính trị do ĐCS Trung Quốc tiến hành.

- Ngoài ra, Luận án còn sử dụng phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích số liệu thống kê, phương pháp lôgic để nhìn nhận, phân tích, đánh giá tình hình thực trạng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, đặc biệt tập trung vào giai đoạn từ 2012 đến nay.

5. Đóng góp của luận án

- Luận án đưa ra nhìn nhận tổng thể về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay, giúp đánh giá chính xác hiện trạng chính trị nội bộ Trung Quốc.

- Trên cơ sở phân tích đánh giá thành quả đạt được, khó khăn gặp phải trong công cuộc cải cách thể chế chính trị, luận án đưa ra những dự báo về triển vọng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, từ đó cung cấp một góc nhìn để đánh giá tương lai chính trị Trung Quốc.

- Một số bài học kinh nghiệm liên quan cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đề cập trong luận án mang ý nghĩa gợi mở đối với đổi mới hệ thống chính trị tại Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn

- Về mặt lý luận: thông qua tổng kết các thành quả nghiên cứu hiện có trên thế giới và Việt Nam liên quan cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc, luận án hình thành khuôn khổ lý luận nghiên cứu về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, làm rõ nội hàm, các thành tố cấu thành cải cách thể chế chính trị.

- Về mặt thực tiễn: kết quả nghiên cứu của luận án giúp chỉ ra những thành công cũng như vấn đề còn tồn tại liên quan cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay, qua đó cung cấp bài học kinh nghiệm có thể đối chiếu, tham khảo, áp dụng trong thực tiễn công cuộc đổi mới hệ thống chính trị mà ĐCS Việt Nam đang tiến hành.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung luận án chia thành 04 chương với 12 tiết:

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu;
- Chương 2: Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 tới nay: Cơ sở lý luận và thực tiễn;
- Chương 3: Thực trạng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay;
- Chương 4: Nhận xét, dự báo về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời gian tới và gợi mở đối với Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay

1.1.1. Liên quan đến sự cần thiết phải cải cách thể chế chính trị

Trong các văn kiện chính trị của ĐCS Trung Quốc, cải cách thể chế chính trị vẫn luôn được liệt kê là một trong những hạng mục công việc cần được ưu tiên thực hiện, nằm trong danh mục chương trình nghị sự của mỗi kỳ Đại hội Đảng. Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc xác định kiên trì cải cách mở cửa, trong đó tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước, điểm nhấn là kiên trì “bốn toàn diện”, gồm “xây dựng toàn diện đất nước hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, đi sâu cải cách toàn diện, thúc đẩy toàn diện quản lý đất nước theo pháp luật, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện”. Nội hàm “bốn toàn diện” này đề cập các hạng mục cải cách thể chế chính trị, từ tầng nấc bộ máy cầm quyền cho tới các thay đổi về hệ thống pháp luật cũng như cải cách, chỉnh đốn bên trong nội bộ Đảng. Văn kiện Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc xác định mục tiêu “hai bước đi” để xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI nhằm hiện thực hóa mục tiêu “*Một trăm năm* thứ hai” (nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa): “Bước thứ nhất” là giai đoạn 2020 - 2035, cơ bản thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa; “Bước thứ hai” từ năm 2035 đến giữa thế kỷ XXI trở thành cường quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Đi kèm với mục tiêu này là các biện pháp tiếp tục cải cách thể chế chính trị, hoàn thiện hệ thống bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn, cắt giảm bớt thủ tục hành chính và tăng cường chỉnh đốn nội bộ Đảng. Với việc Tập Cận Bình tiếp tục nắm chức Tổng Bí thư ĐCS Trung Quốc tại Đại hội XX, xác định 5 năm nhiệm kỳ Đại hội XX sẽ là 5 năm khởi đầu quan trọng trong xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, có thể mang tính quyết định đối với thực hiện mục tiêu “*Một trăm năm* thứ hai”. Tuy nhiên, “chuyển sang trạng thái bình thường mới”, nền kinh tế Trung Quốc phát triển chững lại, đối diện với nhiều khó khăn hơn, Trung Quốc xác

định trọng tâm cải cách giai đoạn tới vẫn là lĩnh vực kinh tế. Theo đó, phát triển không cân đối, không đầy đủ được chỉ ra là các vấn đề tồn tại nghiêm trọng nhất hiện tại của Trung Quốc. Đáng lưu ý, Văn kiện Đại hội XX ĐCS Trung Quốc nhấn mạnh: “củng cố vững chắc nền tảng phát triển có quan hệ biện chứng với giải quyết vấn đề phát triển không cân đối, không đầy đủ, có lợi cho hoạch định tổng thể về phát triển và an ninh của Trung Quốc. Theo đó, Trung Quốc sẽ tập trung củng cố bốn nền tảng phát triển, gồm: Sáng tạo khoa học - công nghệ; an ninh phát triển; môi trường kinh doanh; bảo đảm dân sinh”. Từ quan điểm, cách xác định cũng như câu từ đề cập cải cách thể chế chính trị, có thể nhận thấy tương đối rõ xu hướng xa rời dần, tránh đề cập trực tiếp các chủ đề cải cách chính trị qua các kỳ đại hội của ĐCS Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII tới nay. Xét từ góc độ này, có khả năng trong 05 năm nhiệm kỳ Đại hội XX ĐCS Trung Quốc, cải cách thể chế chính trị không còn là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, cũng không phải là “điểm nhấn” của Tập Cận Bình.

Bên cạnh đó, tính tất yếu của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc còn được đề cập trong một số ấn phẩm uy tín, có ảnh hưởng sâu rộng với giới tinh hoa chính trị Trung Quốc như các cuốn *Sách lược nước lớn (Đại quốc sách)*, NXB Đường Tấn (2015), *Khuôn khổ hình thành Đại chiến lược Trung Quốc*, NXB Đại học Bắc Kinh (2016). Hai ấn phẩm được mệnh danh là “sách gối đầu giường” của Tập Cận Bình này đều đề cập cải cách thể chế chính trị là một nội dung tất yếu phải tiến hành ở Trung Quốc hiện nay, sau khi các cải cách kinh tế đã phát huy hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, từ trong cách diễn đạt các nội dung về cải cách, cơ chế lãnh đạo cũng như động lực tiến hành cải cách, có thể nhận thấy rõ ràng, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc luôn phải đặt trong khuôn khổ sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc, nhất là người đứng đầu.

Gần đây, trong bối cảnh chung Trung Quốc xuất bản khá nhiều tác phẩm định hướng chính sách, tuyên truyền cho đường lối của ban lãnh đạo khóa mới mà đứng đầu là Tập Cận Bình, cải cách thể chế chính trị cũng là một chủ đề được tiếp tục đề cập. Một số bài viết và công trình nghiên cứu cũng đã bước đầu phân tích tư tưởng Tập Cận Bình đề xuất tại Đại hội XIX, trong đó đề cập nhiều khía cạnh liên quan đến

những hạng mục cải cách thể chế chính trị cập nhật nhất. Tiêu biểu là cuốn sách *Ba mươi bài giảng về tư tưởng của Tập Cận Bình về CNXH đặc sắc Trung Quốc thời đại mới* do Ban Tuyên truyền Trung ương ĐCS Trung Quốc biên soạn và xuất bản tháng 5/2018; cùng với đó là hàng loạt các bài báo: “Đổi mới lý luận và giá trị đương đại của tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” [杜飞进 (Đỗ Phi Tiến, 2023)]; “Nhìn nhận những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới từ nhiều chiều cạnh” [杨凤城、肖政军 (Đương Phong Thành, Tiêu Chính Quân), 2022]; “Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới là hệ thống chiến lược định hướng Trung Quốc phát triển nhanh chóng” [陈曙光 (Trần Thụ Quang), 2021]; “40 năm cải cách thể chế chính trị Trung Quốc: Kinh nghiệm cơ bản và đường lối logic” [包心鉴 (Bao Tâm Giám), 2018]; “Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đương đại” [许耀桐 (Hứa Diệu Đồng), 2018]; “Xã hội chủ nghĩa là con đường hiện thực để hiện đại hóa Trung Quốc” [秦刚 (Tân Cương), 2018]; “Nghiên cứu tư tưởng “cộng đồng chung vận mệnh nhân loại” của Tập Cận Bình” [刘志礼 (Lưu Chí Lễ), 2017]; “Bối cảnh lý luận và nghiên cứu thực tiễn tư tưởng cải cách của Tập Cận Bình” [冯志峰 (Phùng Chí Phong), 2017]; “Hiện thực hóa “giấc mơ Trung Quốc” là sứ mệnh lịch sử của ĐCS Trung Quốc trong thời đại mới” [何毅亭 (Hà Nghị Đình), 2017]; “Thời đại cường quốc và tinh thần “Con thuyền đỏ”” [韩庆祥 (Hàn Khánh Dương), 2017];... Điểm nổi bật trong những bài viết này là đề cập cải cách thể chế chính trị Trung Quốc chủ yếu dưới góc độ tuyên truyền, cho rằng cải cách thể chế chính trị là yêu cầu tất yếu, quan trọng, cần tiếp tục tiến hành, đề cao vai trò của ĐCS Trung Quốc trong phát động, lãnh đạo cũng như xác định nội dung cải cách, tuy nhiên thiếu những nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu về biện pháp, cách thức cũng như những hạng mục cải cách cần ưu tiên tiến hành.

Tính tất yếu của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc còn được đặt trong mối tương quan với cải cách thể chế kinh tế và các mặt cải cách khác. Học giả Trung Quốc Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh cho rằng, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

không phải là một lĩnh vực chính trị đơn thuần, mà liên quan đến nhiều mặt như: kinh tế, văn hóa... Kinh tế phát triển cần phải có thể chế chính trị và phương thức vận hành chính trị tương ứng, thêm vào đó phân bổ quyền lực tại Trung Quốc hiện còn tồn tại nhiều vấn đề, hiệu quả hành chính của các địa phương không cao, chính điều đó đòi hỏi phải cải cách thể chế chính trị. Từ góc nhìn này, cải cách thể chế chính trị là một yêu cầu tất yếu không thể né tránh, buộc phải song hành cùng cải cách kinh tế [梁晓玲, 李梅清 (Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh), 2018].

Các nghiên cứu của giới học giả quốc tế cũng chỉ ra, cải cách thể chế chính trị là một hướng đi tất yếu trong cải cách chính trị tại Trung Quốc. Nhà nghiên cứu Trung Quốc nổi tiếng thế giới Joseph Nye ngay từ năm 2012 đã nhận định, trải qua 10 năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã đạt được những thành quả nhất định trong quá trình ổn định hệ thống chính trị đất nước, tuy nhiên xét trong phạm vi thời gian lâu dài, song song với quá trình cải cách cơ cấu kinh tế thì có vô số vấn đề vẫn cần thiết phải tiến hành cải cách trên phương diện chính trị, như vậy mới có thể giải quyết được những vấn đề tồn tại [Joseph Nye, 2012]. Cũng giữ quan điểm tương tự, ngay từ năm 2013, học giả Bao Tâm Giám đã khẳng định, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc là yêu cầu tất yếu [包心鉴 (Bao Tâm Giám), 2013]. Các nghiên cứu của giới học giả quốc tế có đề cập nội dung Trung Quốc tất yếu phải cải cách thể chế chính trị bao gồm “Changing facts - China’s new leaders have shuffled their foreign-affairs team. Relations with other big powers will soon be tested” [Cai Xia, 2017]; “China: New leaders, same assertive foreign policy” [Stephanie Kleine-Ahlbrandt, 2013]; “China Marches towards ‘Grand Diplomacy’” [Zhang Hong, 2011] ...

Nhìn chung, các nghiên cứu hiện có đều đã đề cập tính tất yếu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Tuy nhiên, cần thiết đặt cải cách thể chế chính trị vào khung tham chiếu môi trường quốc tế, bối cảnh hiện nay của Trung Quốc, đồng thời đánh giá cụ thể hơn về tính cấp thiết này.

1.1.2. Về tiến trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

Các học giả quốc tế và Trung Quốc đều có cái nhìn tương đối thống nhất liên quan phân kỳ các giai đoạn cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Nhìn chung, mốc

bắt đầu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thường được xác định là năm 1978, cùng thời điểm Trung Quốc phát động công cuộc cải cách mở cửa. Học giả Trung Quốc Phòng Ninh, Trương Dậu (trong bài viết “Thể chế chính trị trong 40 năm qua có gì thay đổi” [房宁, 张茜 (Phòng Ninh, Trương Dậu), 2018]) chỉ rõ, điểm đặc biệt trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc kể từ sau cải cách mở cửa là với tư cách là nước đang phát triển có xuất phát điểm thấp lại đi sau, trong quá trình thúc đẩy công nghiệp hóa, Trung Quốc đã lấy kích thích tính sản xuất để dẫn dắt, thay đổi các sắp xếp chế độ, từ đó bảo đảm sự phát triển đồng bộ giữa thay đổi chế độ, thể chế và sức sản xuất. Cải cách thể chế chính trị còn được khởi động trước khi tiến hành cải cách thể chế kinh tế toàn diện, tạo điều kiện về mặt chính trị cho cải cách thể chế kinh tế.

Giới nghiên cứu chính trị Trung Quốc đạt được nhận thức khá thống nhất về 04 giai đoạn cải cách chính trị của Trung Quốc từ năm 1978 cho tới 2012, thời điểm trước Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc. Cụ thể, Hội nghị Trung ương 3 khóa XI của ĐCS Trung Quốc (1978) đã bắt đầu nhận thức lại và sửa chữa những sai lầm của “Đại Cách mạng văn hóa”, chỉ rõ Trung Quốc cần phải tiến hành cải cách thể chế chính trị vốn có nhiều khiếm khuyết. Sau Hội nghị, ĐCS Trung Quốc xuất phát từ tình hình thực tế đã đưa ra chủ trương cải cách thể chế chính trị, kiện toàn dân chủ và pháp chế XHCN. Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trước thời Tập Cận Bình đã trải qua những giai đoạn chủ yếu sau:

- Giai đoạn thứ nhất (1978 - 1985): Trong giai đoạn này, Trung Quốc chủ yếu mở rộng nhận thức về tư tưởng và lý luận liên quan đến cải cách thể chế chính trị, tuyên truyền tính tất yếu cần thiết phải cải cách thể chế chính trị. Đồng thời, trên thực tế cũng đã có những bước điều chỉnh cụ thể và cải cách sơ bộ như xoá bỏ chế độ Công xã nhân dân, xây dựng thể chế hương trấn, thành lập Ban cố vấn Trung ương mang tính quá độ, hủy bỏ chế độ giữ chức vụ lãnh đạo suốt đời, thiết lập lại Ban Bí thư Trung ương, hủy bỏ chức vụ Chủ tịch Trung ương Đảng, đổi thành Tổng Bí thư, khôi phục Ủy ban kiểm tra kỷ luật Đảng các cấp, thực hiện thí điểm việc tách rời Đảng và chính quyền. Đặc điểm chủ yếu của giai đoạn này, Trung Quốc tập trung

vào giải quyết vấn đề ăn no, mặc ấm, sức khỏe cải cách thể chế kinh tế, chưa đề ra nhiệm vụ cụ thể cho cải cách thể chế chính trị.

- Giai đoạn thứ hai (1986 - 1989): Mục tiêu chính trong giai đoạn này là loại bỏ quyền lực quá tập trung. Trên cơ sở tổng kết bài học kinh nghiệm cải cách trước đó, Đại hội XIII (1987) của ĐCS Trung Quốc đã xác định cải cách thể chế chính trị là nhiệm vụ độc lập và cấp bách, đồng thời, đưa vào chương trình nghị sự với trọng điểm là cải cách cục diện quyền lực quá tập trung, đặc biệt là thể chế tập quyền cá nhân cao độ. Kể từ đây, Trung Quốc bước vào giai đoạn cải cách thể chế chính trị đồng bộ với mục tiêu, bước đi cụ thể. Trong giai đoạn này, Trung Quốc tiến hành điều chỉnh và cải cách chủ yếu trên các mặt như tách rời Đảng và chính quyền; làm rõ mối quan hệ Trung ương và địa phương; cải cách chế độ nhân sự cán bộ.

- Giai đoạn thứ ba (1990 - 1992): Đây là giai đoạn trì trệ. Do sự kiện Thiên An Môn (04/6/1989) cùng những đột biến ở Đông Âu và Liên Xô nên đã ảnh hưởng nhiều đến công cuộc cải cách mở cửa nói chung và cải cách thể chế chính trị Trung Quốc nói riêng. Trong giai đoạn này, cải cách thể chế chính trị và kinh tế của Trung Quốc đều ở vào tình trạng khó khăn. Sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc đứng trước những thách thức to lớn.

- Giai đoạn thứ tư (1993 - 2012): Trong giai đoạn này, Trung Quốc xác định lấy kiên trì và hoàn thiện ưu thế làm tiền đề để cải cách thể chế chính trị. Đây là giai đoạn đi sâu cải cách về kinh tế, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN. Lãnh đạo Trung Quốc nhận thức rõ cải cách thể chế chính trị phải hết sức thận trọng, một số biện pháp cải cách cụ thể gồm: kiên trì và hoàn thiện chế độ ĐHĐBNDTQ, kiên trì và hoàn thiện chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS và chế độ Hiệp thương chính trị, tăng cường xây dựng pháp chế và xây dựng dân chủ cơ sở, đưa ra phương thức quản lý đất nước theo pháp luật.

Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, Đại hội XV ĐCS Trung Quốc (1997) đặt vấn đề xây dựng nhà nước pháp trị XHCN, theo đó kinh tế thị trường là nền kinh tế pháp trị, phải được quản lý bằng pháp luật. Bước sang thế kỷ XXI, Trung Quốc đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế

giới (WTO), kinh tế có sự phát triển mạnh mẽ. Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc (2002) chính thức xác nhận “Ba đại diện” trở thành tư tưởng chỉ đạo lâu dài. Đại hội XVII ĐCS Trung Quốc (2007) đã bổ sung thêm các nội hàm cho cải cách thể chế chính trị, chỉ ra hàng nghìn văn bản quy phạm pháp luật đã không còn phù hợp, đặt vấn đề thiết lập các bộ đa ngành (siêu bộ), chuyển đổi chức năng chính phủ và tăng cường quản lý xã hội, nêu lên mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa XHCN và mục tiêu mới trong xây dựng toàn diện xã hội khá giả - theo đó đến năm 2020 không chỉ GDP toàn Trung Quốc mà cả GDP bình quân đầu người cũng sẽ tăng gấp 4 lần năm 2000; đặt vấn đề nhanh chóng chuyển đổi phương thức phát triển.

Đặc điểm cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời kỳ này là: (i) Phát triển cải cách thích ứng với kinh tế thị trường, có đột phá tương đối lớn trong cải cách thể chế quản lý hành chính và chuyển đổi chức năng chính phủ; (ii) Chế độ công chức nhà nước chính thức được thúc đẩy; (iii) Nghiên cứu, tìm tòi, tuyên truyền về cải cách chính trị liên quan đến hệ thống kết cấu quyền lực nhà nước đã được khôi phục, nhưng vẫn chưa đậm nét và có xu hướng lý tính hóa; (iv) Xây dựng pháp chế XHCN có tiến triển tương đối lớn, khung pháp chế của kinh tế thị trường XHCN từng bước được xây dựng. Cũng ở giai đoạn này, các tiếng nói kêu gọi xây dựng thể chế chính trị Trung Quốc theo hướng dân chủ, cởi mở hơn cũng dần xuất hiện, các cách đề cập như tăng cường xây dựng pháp chế để đảm bảo cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường dân chủ trong Đảng nhận được sự đồng thuận rộng rãi.

1.1.3. Về mục tiêu, nhiệm vụ, con đường cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

Các học giả Trung Quốc Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh đã chỉ ra, mục tiêu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc là nhằm củng cố chế độ XHCN; phát huy dân chủ XHCN; khơi gợi và phát huy tính tích cực của quần chúng nhân dân. Cụ thể, qua các kỳ Đại hội, ĐCS Trung Quốc đã không ngừng xác định, bổ sung mục tiêu cho cải cách thể chế chính trị [梁晓玲, 李梅清 (Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh), 2018]:

1.1.3.1. Mục tiêu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc qua các kỳ Đại hội Đảng

Đại hội XIII (1987) ĐCS Trung Quốc đã đưa ra mục tiêu lâu dài trong cải cách thể chế chính trị: “Xây dựng thể chế chính trị XHCN dân chủ cao độ, pháp chế hoàn chỉnh, có hiệu quả cao, tràn đầy sức sống” [吴安家 (Ngô An Gia), 1994, tr. 49]. Để

có bước đi cần thiết nhằm đạt được mục tiêu lâu dài, Đại hội XIII cũng đã đề ra mục tiêu ngắn hạn của cải cách thể chế chính trị, bao gồm: “Xây dựng thể chế lãnh đạo có lợi cho việc nâng cao hiệu suất, tăng cường sức sống và huy động tính tích cực trên nhiều mặt” [吴安家 (Ngô An Gia), 1994, tr. 50]. Đặng Tiểu Bình cũng đã nhiều lần chỉ ra rằng, phải căn cứ vào ba mục tiêu để tiến hành cải cách thể chế chính trị, cụ thể là: (i) Luôn bảo đảm sức sống của Đảng và Nhà nước; (ii) Khắc phục chủ nghĩa quan liêu và nâng cao hiệu quả công việc; (iii) Huy động tính tích cực của cơ sở và nhân dân, như vậy “bốn hiện đại hóa” mới thực sự có hy vọng [吴安家 (Ngô An Gia), 1994, tr. 50].

Đại hội XIV (1992) ĐCS Trung Quốc đã nhấn mạnh và chỉ ra rằng: “Mục tiêu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc là xây dựng dân chủ chính trị XHCN đặc sắc Trung Quốc, quyết không thực hiện chế độ đa đảng và chế độ nghị viện như phương Tây” [黄仁宗 (Hoàng Nhân Tông), 2002]. Đồng thời, Đại hội cũng đặt vấn đề xây dựng nền chính trị dân chủ phù hợp với mục tiêu cải cách thể chế kinh tế và xây dựng thể chế thị trường XHCN [吴安家 (Ngô An Gia), 1994, tr. 50].

Vấn đề cải cách thể chế chính trị cũng được đề cập trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XV (1997) ĐCS Trung Quốc: “Tiếp tục thúc đẩy cải cách thể chế chính trị chính là phải mở rộng hơn nữa chính trị XHCN, kiện toàn pháp chế XHCN, dựa vào pháp luật để quản lý đất nước, xây dựng Nhà nước pháp trị XHCN” [黄仁宗 (Hoàng Nhân Tông), 2002].

Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc (2002) cũng đã đặt ra mục tiêu cải cách thể chế chính trị là: “Xây dựng Nhà nước pháp trị, đến năm 2010 sẽ hình thành hệ thống pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc. Cải cách thể chế chính trị là nhằm tăng cường sức sống cho Đảng và Nhà nước, nhưng đồng thời nhấn mạnh đến giữ tính thống nhất, đoàn kết và ổn định, và phải xuất phát từ đặc điểm tình hình Trung Quốc, không theo mô hình phương Tây mà thực hiện chế độ hóa, quy phạm hóa và trật tự hóa nền chính trị dân chủ XHCN; hoàn thiện chế độ ĐCS lãnh đạo, hợp tác và hiệp thương chính trị nhiều Đảng”.

Đại hội XVII ĐCS Trung Quốc (2007) nhấn mạnh: Đi sâu cải cách thể chế chính trị cần phải kiên trì phương hướng chính trị chính xác và đã đưa ra 06 nhiệm vụ đi

sâu cải cách thể chế chính trị [韩西林 (Hàn Tây Lâm), 2008], cụ thể: (i) Mở rộng dân chủ nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; (ii) Phát triển dân chủ cơ sở, bảo đảm cho nhân dân được hưởng quyền lợi dân chủ nhiều hơn, thiết thực hơn; (iii) Thực hiện đường lối quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật, đẩy nhanh xây dựng nhà nước pháp trị XHCN; (iv) Xây dựng mạnh mẽ mặt trận thống nhất yêu nước, đoàn kết tất cả lực lượng có thể đoàn kết; (v) Đẩy nhanh cải cách thể chế quản lý hành chính, xây dựng chính phủ theo mô hình dịch vụ; (vi) Hoàn thiện cơ chế kiểm soát và giám sát, bảo đảm quyền lực mà nhân dân trao cho, mưu cầu lợi ích vì nhân dân...

So với Đại hội XIII, Đại hội XVII đã bỏ việc tách bạch Đảng và chính quyền, có thể nói đây là sự thụt lùi rất lớn và đi ngược lại với tư tưởng cải cách thể chế chính trị của Đặng Tiểu Bình [吴伟 (Ngô Vĩ), 2012].

Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc (2012) đưa ra lập luận mới về “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”, trình bày hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, cũng như nội hàm của chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. “Chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc” lần đầu tiên được đưa vào Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng. Đại hội lần này cũng chỉ rõ phương hướng thúc đẩy cải cách, kiên toàn nền dân chủ. Trọng điểm là ủng hộ và bảo đảm cho nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua ĐHĐBND, trong đó nâng cao tỷ lệ đại biểu đến từ cơ sở. ĐCS Trung Quốc tăng cường hiệp thương chính trị với các đảng phái chính trị dân chủ; đưa hiệp thương chính trị vào trình tự hoạch định quyết sách; Đảng cần phải hoạt động trong phạm vi của Hiến pháp và pháp luật.

Về việc sửa đổi Điều lệ ĐCS Trung Quốc, Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc khẳng định, quan điểm phát triển khoa học cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, tư tưởng quan trọng “Ba đại diện” là tư tưởng chỉ đạo của Đảng. Đại hội nhất trí đưa vấn đề con đường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, hệ thống lý luận xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, xây dựng văn minh sinh thái vào Điều lệ Đảng. Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội đã xác lập cơ chế đại biểu Đại hội theo toàn nhiệm kỳ, tư cách đại biểu đại hội không chỉ ở thời điểm đại hội mà kéo dài suốt 05 năm của nhiệm kỳ.

Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc đã đưa ra những quyết sách chiến lược trên cơ sở đổi mới tư duy, cách tiếp cận và sự sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng đối với công cuộc cải cách và phát triển đất nước Trung Quốc. Đại hội nhấn mạnh kiện toàn hệ thống chế độ nhân dân làm chủ, phát triển chính trị dân chủ XHCN. Coi xây dựng chính trị của Đảng là dòng chính, thống lĩnh chung. Nhiệm vụ cơ bản của xây dựng chính trị trong Đảng là đảm bảo tính tiên tiến và thuần khiết của Đảng về chính trị, bảo vệ quyền uy hạt nhân và sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng, củng cố địa vị cầm quyền lâu dài của Đảng. Bên cạnh đó, Đại hội cũng đưa ra mục tiêu mới cho việc chống tham nhũng. Đi sâu cải cách thể chế giám sát nhà nước, xác định đây là biện pháp cải cách thể chế chính trị to lớn liên quan đến toàn cục.

Trong Nghị quyết Đại hội XIX về việc thông qua “Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương ĐCS Trung Quốc khóa XVIII” do Tổng Bí thư Tập Cận Bình trình bày, “Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” được khẳng định là “kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, nhân dân các dân tộc trong cả nước kiên trì và phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới, là văn kiện có tính chất cương lĩnh của chủ nghĩa Mác” [“Xã luận” của *Nhân dân Nhật báo*, 16/11/2021]. Trong “Điều lệ ĐCS Trung Quốc (sửa đổi)” được thông qua tại Đại hội XIX đã quy định: “Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới đã cùng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, tư tưởng quan trọng “Ba đại diện”, quan điểm phát triển khoa học tạo thành kim chỉ nam hành động của ĐCS Trung Quốc”.

Như vậy, mục tiêu của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc là phát triển dân chủ và thực hiện pháp trị. Điều kiện cơ bản và khung chế độ thực hiện dân chủ là dân chủ pháp chế hóa, chế độ hóa, trật tự hóa chứ không phải là dân chủ nhân trị hóa, dân chủ không có trật tự. Mục tiêu căn bản của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc là phát triển và hoàn thiện chế độ XHCN, mục tiêu cuối cùng là phục vụ nhân dân.

Hội nghị toàn thể Trung ương 4 khóa XIX đã đưa ra mục tiêu tổng thể, bao gồm: Đến năm 2035 các chế độ được hoàn thiện hơn, cơ bản thực hiện hệ thống quản lý đất nước và hiện đại hóa năng lực quản lý. Đến năm 2049, thực hiện toàn diện hệ

thống quản lý đất nước và hiện đại hóa năng lực quản lý đất nước, khiến cho chế độ XHCN được củng cố và ưu việt hơn.

Những năm gần đây, tiếng nói yêu cầu cải cách thể chế chính trị ngày càng mãnh mẽ, thậm chí nhiều người cho rằng, cải cách thể chế chính trị là công cụ sắc bén để giải quyết những mâu thuẫn gay gắt hiện nay của Trung Quốc.

1.1.3.2. Nhiệm vụ chủ yếu của cải cách thể chế chính trị

Trên cơ sở xác định mục tiêu chung của cải cách thể chế chính trị, mỗi kỳ Đại hội Đảng tại Trung Quốc lại không ngừng tăng cường bổ sung nhận thức, nội dung nhiệm vụ mới cho cải cách thể chế chính trị. Theo đó, cải cách thể chế chính trị cũng dần trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của mỗi kỳ đại hội, với ngày càng nhiều nhiệm vụ hơn.

Mặc dù, Đại hội XIII đưa ra mục tiêu cải cách thể chế chính trị ngắn hạn và dài hạn vô cùng đúng đắn, nhưng lại chưa rõ ràng, khó nắm bắt. Chính vì thế, Đại hội XV đã khẳng định mục tiêu phấn đấu của ĐCS Trung Quốc là phát triển nền chính trị dân chủ XHCN, đồng thời đề ra nhiệm vụ cải cách thể chế chính trị trong thời gian trước mắt và sau này là: “Phát triển dân chủ, tăng cường pháp chế, thực hiện chính quyền và doanh nghiệp tách rời nhau, tinh giản bộ máy, hoàn thiện chế độ giám sát dân chủ, duy trì ổn định đoàn kết” [Nguyễn Thế Tăng, 2000, tr. 134], cụ thể như sau:

Thứ nhất, phát triển dân chủ: (i) Chăm quyền của ĐCS chính là lãnh đạo và ủng hộ nhân dân nắm vững quyền quản lý nhà nước, thực hiện bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ, bảo đảm cho nhân dân dựa vào luật pháp để hưởng các quyền lợi và tự do rộng rãi, tôn trọng và đảm bảo nhân quyền; (ii) Kiên trì và hoàn thiện chế độ ĐHĐBND, bảo đảm cho ĐHĐBND và Ban thường vụ ĐHĐBND dựa vào pháp luật để thực hiện các chức năng của cơ quan quyền lực nhà nước, dần hình thành cơ chế quyết sách, phản ánh đầy đủ ý kiến của nhân dân, tập trung rộng rãi trí tuệ của nhân dân; (iii) Kiên trì và hoàn thiện chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS và chế độ Hiệp thương chính trị.

Thứ hai, tăng cường xây dựng pháp chế. Kiên trì có luật để dựa, có luật phải dựa, chấp pháp phải nghiêm, vi phạm pháp luật phải bị truy cứu là đòi hỏi tất yếu cho sự

phát triển thuận lợi của Đảng và Nhà nước. Tăng cường công tác lập pháp, nâng cao chất lượng lập pháp, bảo vệ sự tôn nghiêm của Hiến pháp và pháp luật, mọi người bình đẳng trước pháp luật.

Thứ ba, cải cách bộ máy chính quyền. Đây là một trong những nội dung quan trọng của cải cách thể chế chính trị. Phải căn cứ theo yêu cầu của kinh tế thị trường XHCN, chuyển đổi chức năng của Chính phủ, thực hiện chính quyền và doanh nghiệp tách rời nhau, giao quyền quản lý sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp. Căn cứ vào nguyên tắc tinh giản, thống nhất, hiệu quả để tiến hành cải cách bộ máy, xây dựng hệ thống hành chính làm việc hiệu quả cao.

Thứ tư, hoàn thiện chế độ giám sát dân chủ. Quyền lực thuộc về nhân dân, cán bộ là công bộc của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân và pháp luật, phải đi sâu cải cách hoàn thiện cơ chế giám sát, xây dựng và kiện toàn cơ chế kiểm soát quyền lực bằng pháp luật. Kiên trì nguyên tắc công bằng, chính đáng, công khai. Tăng cường giám sát việc thực thi Hiến pháp và pháp luật, phát huy vai trò giám sát của dư luận, duy trì pháp chế thống nhất của Nhà nước, tăng cường giám sát cán bộ nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp để đề phòng lợi dụng quyền lực.

Thứ năm, duy trì ổn định đoàn kết. Tổ chức Đảng và chính quyền các cấp phải tích cực phụ trách, nhiệt tình giải quyết những vấn đề thực tế trong đời sống và công tác của quần chúng nhân dân; giải quyết tốt những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; tăng cường giáo dục và quản lý, thực hiện chế độ trách nhiệm, tạo ra môi trường xã hội ổn định, tốt đẹp [Nguyễn Thế Tăng, 2000, tr. 134-140].

Đại hội XV ĐCS Trung Quốc đã đưa công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc bước sang một giai đoạn mới để thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp trị XHCN.

Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc cũng đã đề ra phương hướng, nội dung cải cách thể chế chính trị trong quá trình phát triển từ thấp lên cao, từ cơ sở đi lên; tập trung đi sâu chấn chỉnh hệ thống tư pháp, cải cách chế độ quản lý và cải tiến phương thức quản lý hành chính, chuyển đổi chức năng chính phủ, phân định rạch ròi chế độ quản lý công bằng, minh bạch và hiệu quả, kiên quyết chống tham nhũng hơn nữa, tăng

cường sự giám sát của quần chúng đối với cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

Tuy nhiên, Báo cáo chính trị tại Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc cũng tỏ ra thận trọng khi đề cập tiếp tục cải cách thể chế chính trị “một cách ôn hòa”, nhấn mạnh nguyên tắc và trình tự hoàn thiện quyết sách quan trọng, tránh tùy tiện, giữ ổn định xã hội, làm theo pháp luật, không ngừng sáng tạo mới, coi trọng “bốn nguyên tắc” của Đảng. Đồng thời, Đại hội cũng khẳng định rõ: “phương châm, sách lược cơ bản của Đảng là lãnh đạo nhân dân quản lý đất nước theo pháp luật, không ai có đặc quyền ở trên Hiến pháp và pháp luật”. Bên cạnh đó, chỉ rõ: Đảng lãnh đạo chủ yếu về chính trị, tư tưởng và tổ chức, được thể hiện cụ thể qua phương châm chính trị lớn, đưa ra kiến nghị lập pháp, tuyên chọn cán bộ quan trọng, tuyên truyền tư tưởng, cầm quyền theo pháp luật, thực hiện Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; cải cách và hoàn thiện thêm một bước về cơ cấu và cơ chế làm việc; quy phạm mối quan hệ giữa Đảng ủy với ĐHĐBND, chính quyền và Mặt trận thống nhất.

Dưới sự chỉ đạo về đường lối của Đại hội XVII ĐCS Trung Quốc, đặc biệt là quán triệt “quan điểm phát triển khoa học”, kỳ họp thứ nhất ĐHĐBNDTQ khóa XI Trung Quốc (3/2008) đã tổng kết công cuộc cải cách mở cửa và phát triển 05 năm trước đó, đề ra phương hướng cho những năm tiếp theo, xác định những nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2008. Về kinh tế, đó là sự chuyển hướng từ tăng trưởng “thô” theo chiều rộng sang tăng trưởng “tinh” theo chiều sâu với “quan điểm phát triển khoa học”. Đây là sự chuyển hướng từ bước đầu hình thành khung sang phát triển thể chế để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, từ bước đầu mở cửa đối ngoại chuyển sang hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu. Về chính trị, đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế chính trị nhằm xây dựng một xã hội công dân và nhà nước pháp trị XHCN, trọng tâm là cải cách thể chế quản lý hành chính.

Những sự chuyển hướng đó đã được chuẩn bị về lý luận và đường lối chính sách, được vận dụng vào thực tiễn trong nhiều năm qua, và đều có tầm nhìn đến năm 2020. Về lý luận và đường lối, có 04 vấn đề quan trọng chủ yếu được kết luận trong Đại hội XVII ĐCS Trung Quốc. Những vấn đề này được nêu rõ trong Báo cáo chính trị do

Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trình bày và được Đại hội thông qua, đồng thời cũng được đưa vào “Điều lệ ĐCS Trung Quốc” (sửa đổi) được thông qua tại Đại hội. Trong đó nhấn mạnh: (i) Kiên định con đường “xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc”; (ii) Kiên trì đường lối cải cách mở cửa; (iii) Quán triệt quan điểm “phát triển khoa học”; và (iv) Xây dựng xã hội hài hòa, tập trung cải thiện dân sinh.

Học giả Trung Quốc Hứa Diệu Đồng cho rằng, trong nhiệm kỳ Đại hội XVIII dưới sự cầm quyền của Tập Cận Bình, Trung Quốc xác định nhiệm vụ chủ yếu của cải cách thể chế chính trị là: thúc đẩy chế độ ĐHĐBND tiên cùng thời đại, thúc đẩy đổi mới lý luận và thực tiễn chế độ ĐHĐBND, hoàn thiện thể chế pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc, kiện toàn cơ chế khởi thảo, luận chứng, điều phối và thẩm định lập pháp, nâng cao chất lượng, lập pháp, phòng ngừa xuất hiện hiện tượng pháp chế hóa bảo hộ địa phương và lợi ích nhóm; thúc đẩy phát triển chế độ hóa hiệp thương dân chủ ở nhiều tầng nấc rộng rãi, xây dựng hệ thống hiệp thương dân chủ với trình tự hợp lý và hoàn chỉnh các khâu, mở rộng các kênh hiệp thương của cơ quan nhà nước, tổ chức Chính Hiệp, các đoàn thể đảng phái, tổ chức cơ sở, tổ chức xã hội, đi sâu triển khai hiệp thương liên quan các vấn đề lập pháp, hành chính, dân chủ, tham chính, xã hội, tăng cường xây dựng “Kho Tư tưởng” - các tổ chức tư vấn chính sách - kiểu mới đặc sắc Trung Quốc, xây dựng kiện toàn chế độ tư vấn quyết sách; phát triển dân chủ cơ sở. Khai thông các kênh, kiện toàn các cơ chế dân chủ như: bầu cử, nghị sự, công khai, báo cáo, truy cứu trách nhiệm từ cơ sở, triển khai hiệp thương dân chủ cơ sở với nhiều hình thức, thúc đẩy chế độ hóa hiệp thương dân chủ cơ sở; đẩy mạnh thực hiện chính xác, toàn diện chức năng của chính phủ. Giảm bớt các thủ tục hành chính và nói lỏng quyền lực theo hướng tăng cường quyền lực cho đơn vị cấp dưới, đơn vị cơ sở, đi sâu cải cách chế độ phê duyệt hành chính, nỗ lực tối đa để giảm bớt quản lý của Trung ương đối với sự việc ở tầm vi mô, thực hiện điều tiết hiệu quả các hoạt động kinh tế bằng cơ chế thị trường, bỏ chế độ quản lý phê chuẩn đối với một số thủ tục hành chính, đối với các hạng mục phê chuẩn hành chính còn bảo lưu, xác định cần quản lý quy phạm, nâng cao hiệu quả; cải thiện kết cấu tổ chức chính phủ, cải thiện bố trí bộ máy chính phủ, phân bổ chức năng, xác lập chu trình làm việc, hoàn

thiện cơ chế vận hành hành chính trong đó các quyền quyết sách, thực hiện, giám sát vừa kiểm chế lẫn nhau vừa điều phối với nhau; bao quát tổng thể cải cách bộ máy Đảng, Nhà nước và các đoàn thể xã hội, xử lý thỏa đáng quan hệ công tác giữa các bộ phận, thực hiện tích cực ổn thỏa chế độ siêu bộ, cải thiện bố trí quy hoạch khu hành chính, thúc đẩy quản lý biên chế bộ máy một cách khoa học, quy phạm, pháp chế.

Đến năm 2017, Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc yêu cầu toàn Đảng lấy tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới để thống nhất tư tưởng và hành động, tăng cường tính tự giác và tính kiên định trong học tập, quán triệt tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới trong toàn bộ quá trình xây dựng, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Đại hội nhấn mạnh: (i) Kiên trì lấy chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, tư tưởng quan trọng “Ba đại diện”, quan điểm phát triển khoa học, tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới làm chỉ đạo, tăng cường “Bốn ý thức”, kiên định “Bốn tự tin”...; (ii) Kiên trì và hoàn thiện chế độ XHCN đặc sắc Trung Quốc, thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước; (iii) Kiên trì và hoàn thiện hệ thống chế độ lãnh đạo của Đảng, nâng cao trình độ cảm quyền khoa học, cảm quyền dân chủ và cảm quyền theo pháp luật; (iv) Kiên trì và hoàn thiện hệ thống chế độ nhân dân làm chủ, phát triển dân chủ XHCN; (v) Kiên trì và hoàn thiện hệ thống pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc, nâng cao năng lực quản lý đất nước theo pháp luật, cảm quyền theo pháp luật; (vi) Kiên trì và hoàn thiện thể chế hành chính XHCN đặc sắc Trung Quốc, xây dựng hệ thống quản lý hành chính theo pháp luật; (vii) Kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản của CNXH, thúc đẩy phát triển kinh tế chất lượng cao; (viii) Kiên trì và hoàn thiện chế độ phát triển phồn vinh nền văn hóa tiên tiến XHCN; (ix) Kiên trì và hoàn thiện chế độ bảo đảm dân sinh ở cả thành thị và nông thôn; (x) Kiên trì hoàn thiện chế độ quản trị xã hội cùng xây dựng, cùng quản trị, cùng chia sẻ, bảo đảm ổn định xã hội, an ninh quốc gia; (xi) Kiên trì và hoàn thiện hệ thống chế độ văn minh sinh thái, thúc đẩy sự chung sống hài hòa giữa con người và thiên nhiên; (xii) Kiên trì và hoàn thiện chế độ lãnh đạo

tuyệt đối của Đảng đối với quân đội, đảm bảo quân đội trung thành thực hiện nhiệm vụ sứ mệnh thời đại mới; (xiii) Kiên trì và hoàn thiện hệ thống chế độ “một nước, hai chế độ”, thúc đẩy thống nhất hòa bình; (xiv) Kiên trì và hoàn thiện chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, thúc đẩy xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại; (xv) Kiên trì và hoàn thiện hệ thống giám sát Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh kiểm soát và giám sát việc vận hành quyền lực; (xvi) Kiên trì và hoàn thiện chế độ XHCN đặc sắc Trung Quốc, thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước là nhiệm vụ chiến lược to lớn của toàn Đảng [Đảng Cộng sản Trung Quốc, 2017].

Hội nghị toàn thể Trung ương 4 khóa XIX có những điểm sáng cụ thể như: (i) Nắm bắt chính xác hai đại cục trong nước và quốc tế, nắm vững hai việc lớn “phát triển và an ninh”, đặt “an ninh” ngang hàng với “phát triển”, đó là cách đề cập mới so với “cải cách, phát triển, ổn định”; (ii) Lần đầu tiên đưa ra một cách hệ thống 13 đặc điểm rõ nét trong hệ thống quản lý đất nước và chế độ XHCN đặc sắc Trung Quốc; (iii) Đưa ra mục tiêu chung “Ba bước đi” với hiện đại hóa hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước; (iv) Đưa ra 13 kiên trì và hoàn thiện; (v) Tính quan trọng và vai trò của chế độ được nâng lên tầm cao mới; (vi) Đề cập quản lý đối với Hồng Kông, Ma Cao dựa theo Hiến pháp và luật cơ bản, kiên trì thúc đẩy tiến trình hòa bình thống nhất đất nước. Ngoài ra, những tiến bộ đáng ghi nhận ở Hội nghị toàn thể Trung ương 4 khóa XIX còn bao gồm: nghiên cứu chuyên sâu về chế độ nhà nước và vấn đề quản lý đất nước; làm rõ mối quan hệ giữa chế độ XHCN đặc sắc Trung Quốc, hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước; từ 13 phương diện khái quát cô đọng ưu thế rõ rệt của chế độ nhà nước và hệ thống quản lý đất nước; làm rõ địa vị thống lĩnh của chế độ Đảng lãnh đạo trong hệ thống quản lý đất nước và chế độ nhà nước; làm rõ nội hàm chế độ cơ bản kinh tế XHCN; coi địa vị chỉ đạo của chủ nghĩa Mác trong ý thức hệ là chế độ căn bản; làm rõ địa vị quan trọng của hệ thống giám sát Đảng và Nhà nước trong hệ thống quản lý đất nước và chế độ XHCN đặc sắc Trung Quốc.

1.1.3.3. Con đường cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

Nghiên cứu về con đường cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, học giả Trung Quốc Tôn Hiểu Lợi chỉ ra, sau Đại hội XVIII, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc luôn tuân theo ba lôgích cơ bản sau: (i) Luôn song hành giữa kiên định phương hướng và sáng tạo mới về con đường; (ii) Coi trọng đồng thời xây dựng chế độ và xây dựng văn hóa; (iii) Đồng thời coi trọng kiểm soát, quy phạm quyền lực và xác lập lại quyền uy [孙晓莉 (Tôn Hiểu Lợi), 2014]. Học giả Trung Quốc Lưu Tri Phong thậm chí chỉ rõ, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc luôn tiến hành theo lôgích tuần tự tiệm tiến, tuyệt đối không thể diễn ra theo lối cải cách cấp tiến của Liên Xô, điều này quy định bởi chính chiến lược cải cách mở cửa của Trung Quốc [刘智峰 (Lưu Tri Phong), 2014].

1.1.4. Một số nội dung chính của cải cách thể chế chính trị

Nghiên cứu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc theo lát cắt cải cách hệ thống chính quyền, học giả Phạm Đức Toàn chỉ ra, trong hơn 40 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc, việc kiện toàn bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức luôn là nội dung cải cách quan trọng, đặc biệt là trong bối cảnh tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của ĐCS Trung Quốc hiện nay [Phạm Đức Toàn, 2018]. Học giả Lê Thị Thu Mai chỉ ra, cải cách chính trị của Trung Quốc diễn ra chủ yếu trên các mặt như: (i) Phát triển mới về nhận thức và lý luận; (ii) Cải cách tổ chức bộ máy Đảng và Nhà nước; (iii) Quản lý đất nước bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc; (iv) Tư tưởng phát triển lấy người dân làm trung tâm; (v) Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện [Lê Thị Thu Mai, 2023].

Phân tích về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc dưới góc nhìn cải cách bộ máy chính quyền, học giả T.X đã chỉ ra một số đặc điểm cơ bản: từ khi thực hiện cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc đã có nhiều đợt cải cách hành chính với chu kỳ cơ bản là 05 năm một lần, trong đó nhiều đợt cải cách tập trung vào mục tiêu tinh giản bộ máy chính quyền, giảm số lượng, nâng cao chất lượng và trẻ hóa đội ngũ cán bộ, công chức, kết hợp giữa tinh gọn bộ máy với cắt giảm thủ tục hành chính.

Học giả Trung Quốc Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh phân tích rõ nội dung, biện pháp cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, theo đó: (i) Nội dung cải cách: Cải cách thể chế chính trị dưới tiền đề chế độ XHCN không thay đổi, tiến hành cải cách tổ chức chính quyền, các tổ chức chính trị với nội dung chủ yếu là: phân tách chức năng, nhiệm vụ của Đảng và chính quyền, tăng thêm quyền lực cho các đơn vị ở cấp dưới, đơn vị cơ sở, cải cách bộ máy, cơ cấu hoạt động của chính quyền, cải cách chế độ nhân sự, chế độ đối thoại hiệp thương, xây dựng pháp chế XHCN; (ii) Biện pháp cải cách: cải cách thể chế quản lý hành chính; thay đổi tư duy cầm quyền; xây dựng mô hình chính phủ phục vụ; thay đổi cách thức lãnh đạo của ĐCS; hợp tác đa đảng theo hướng ĐCS cầm quyền, các đảng phái khác tham chính; (iv) Một số vấn đề còn tồn tại: quyền lực quá tập trung, chưa thật sự chuyển giao quyền lực cho bên dưới; chế độ giám sát còn nhiều vấn đề; biện pháp cải cách khó thực hiện ở các địa phương; việc xây dựng pháp chế còn cần tiếp tục hoàn thiện và tăng cường [梁晓玲, 李梅清 (Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh), 2018].

1.1.5. Đánh giá sơ bộ về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc và dự báo

1.1.5.1. Về kết quả cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

Đánh giá về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, tác giả Nguyễn Xuân Cường cho rằng: giai đoạn thập niên đầu thế kỷ XXI (trước thời Tập Cận Bình lên nắm quyền), cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã giành được những thành tựu đáng kể: Chính trị ổn định, chuyển giao xong thể hệ lãnh đạo, dân chủ chính trị được nâng cao; Nhà nước pháp trị XHCN bước đầu được hoàn thiện; Năng lực cầm quyền và trình độ lãnh đạo của Đảng được nâng lên, công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh. Nhưng bên cạnh đó, những vấn đề khó khăn ở tầng sâu của hệ thống chính trị vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn, vẫn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn chính trị, thêm vào đó tình hình mới cũng đặt ra những thử thách mới cho công cuộc cải cách và phát triển chính trị ở Trung Quốc [Nguyễn Xuân Cường, 2011]. Sau khi tiếp tục quan sát, nghiên cứu kỹ các cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, tác giả đã đưa ra những nhận định khái quát hơn, theo đó, bước vào thế kỷ XXI, Trung Quốc đã gặp phải nhiều thách thức, đặc biệt là thách thức về mô hình

tăng trưởng, phương thức và con đường phát triển. Hệ thống chính trị Trung Quốc đang gặp phải những thách thức liên quan chính trị đối nội và tình hình quốc tế, khu vực. Cải cách chính trị, xã hội, đặc biệt là cải cách thể chế chính trị đóng vai trò quan trọng. Sau Đại hội XVIII, ĐCS Trung Quốc với hạt nhân là Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã thay đổi tư duy lãnh đạo và quản lý đất nước. Tập thể lãnh đạo thế hệ thứ năm đã đưa ra nhiều chiến lược mới, tìm kiếm động lực mới cho sự phát triển của Trung Quốc giai đoạn mới. Cải cách thể chế chính trị trong thập niên thứ hai thế kỷ XXI của Trung Quốc còn đặt ra vấn đề điều chỉnh linh hoạt quan hệ giữa kinh tế, chính trị và xã hội trong bối cảnh tình hình Trung Quốc, quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp [Nguyễn Xuân Cường, 2018].

Học giả Trung Quốc Hứa Diệu Đồng chỉ ra, kể từ sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc (2012), với việc Tập Cận Bình lên nắm quyền và trở thành hạt nhân của thế hệ lãnh đạo thứ năm, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc được tiến hành với những đặc điểm, nội dung và trọng tâm mới.

Nội hàm chung của cải cách thể chế chính trị giai đoạn này bao gồm 10 phương diện lớn: (i) Cải cách quan hệ giữa Đảng và chính quyền; (ii) Cải cách chế độ đại hội đại biểu nhân dân; (iii) Cải cách chế độ hội nghị chính trị hiệp thương; (iv) Cải cách cơ cấu và thay đổi chức năng của chính quyền; (v) Cải cách cơ chế bầu cử và cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, nhân sự; (vi) Cải cách thể chế quyết sách; (vii) Cải cách thể chế tư pháp; (viii) Cải cách thể chế phân quyền, ràng buộc và giám sát quyền lực; (ix) Cải cách thể chế quản trị xã hội cấp cơ sở và phát triển dân chủ nhân dân; (x) Cải cách Đảng cầm quyền và phát triển dân chủ trong Đảng [许耀桐 (Hứa Diệu Đồng), 2018].

Học giả Hứa Diệu Đồng đồng thời nhận định, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay được tiến hành dưới sự chủ trì, kiểm soát chặt chẽ của ĐCS, phục vụ mục tiêu nắm quyền của ĐCS Trung Quốc, có sự khác biệt cũng như trọng tâm, trọng điểm khác nhau tùy theo từng giai đoạn. Cải cách được tiến hành trên các mặt như: Thể chế lãnh đạo, cơ quan hành chính, chế độ nhân sự cán bộ, pháp quy hành chính, nhằm hướng tới mục tiêu chung: (i) Củng cố chế độ XHCN; (ii) Phát triển sức sản

xuất xã hội XHCN; (iii) Phát huy dân chủ XHCN, huy động tính tích cực của quần chúng nhân dân và mục tiêu cuối cùng là “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”.

Học giả Trung Quốc Tô Kha, Cao Hoài Hà nhận định, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã giành được những thành tựu to lớn, chủ yếu thể hiện trên các mặt như năng lực nắm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc không ngừng được nâng cao, thể chế chính trị dân chủ XHCN từng bước được hoàn thiện, bố trí sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy đảng, chính quyền ngày một hợp lý hơn [苏珂、高怀霞 (Tô Kha, Cao Hoài Hà), 2021].

Đánh giá về tác động của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đối với phát triển kinh tế, xã hội Trung Quốc nói chung, học giả Nguyễn Anh Phương trong bài viết: “Vai trò cải cách thể chế trong quá trình phát triển của Trung Quốc” [trang tin Chính sách: <http://chinhhsach.vn/vai-tro-cai-cach-the-che-trong-qua-trinh-phat-trien-cua-trung-quoc-1/>, truy cập ngày 13/3/2020] đã đề cập: Trong cải cách thể chế chính trị, nhân tố ổn định chính trị là vấn đề quan tâm hàng đầu của lãnh đạo Trung Quốc, những cải cách về thể chế chính trị được tiến hành rất thận trọng. Một mặt, các thiết chế chính trị, hệ thống pháp lý có những điều chỉnh theo hướng tạo điều kiện thuận lợi giúp thiết lập thể chế kinh tế ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, giảm dần sự can thiệp đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đồng thời, kiên định củng cố vai trò của ĐCS Trung Quốc, chính đảng duy nhất lãnh đạo nhà nước. Thể chế mà Trung Quốc áp dụng được gọi là hệ thống “Tập quyền trung ương - Phân quyền địa phương”. Trong khi chính trị và quản lý nhân sự vẫn thuộc sự quản lý lãnh đạo của nhà nước tập quyền ở trung ương, các cấp chính quyền địa phương được phân quyền mạnh mẽ về quản lý hành chính và phát triển kinh tế. Đặc trưng kết hợp giữa tập quyền chính trị, phân quyền kinh tế làm cho thể chế chính trị Trung Quốc có nét đặc sắc riêng. Cải cách thể chế chính trị và kinh tế kiểu Trung Quốc đã đem lại thành công bước đầu cho mô hình phát triển kinh tế thị trường XHCN, trong điều kiện nhà nước XHCN đặc sắc Trung Quốc. Bên cạnh đó, tác giả chỉ ra những thách thức mà Trung Quốc phải đối mặt là: (i) Vấn đề bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; (ii) Liên quan đến hệ thống tài chính, một trong những vướng mắc lớn nhất là xây dựng và phát triển cơ

chế quản lý đối với lĩnh vực tài chính tư nhân; (iii) Vấn đề mất cân bằng cấu trúc nền kinh tế ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững; (iv) Việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao, liên tục, chủ yếu dựa trên khai thác quá mức tài nguyên đã dẫn đến vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; (v) Vấn đề phúc lợi xã hội, đảm bảo công bằng xã hội chưa đạt được.

Giới học giả quốc tế còn đi sâu đánh giá những tác động đối với quốc tế đến từ những điều chỉnh chiến lược, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu gồm có: “China’s Rise, the United States, and Asia’s Angst” [Robert Sutter, 2010]; “China – US relations transformed: Perspectives and strategic interactions” [Suisheng Zhao, 2009]; “US – China relations in the 21st century: Power transition and peace” [Zhiqun Zhu, 2008]; “Return of the dragon: US – China relations in the 21st century” [Danny Paau, Herbert Yee, 2005]; “Tip of the Spear: the 13 Missions for the US Marines in Okinawa” [Tetsuo Kotani, 2010];... Trong các nghiên cứu này, cải cách thể chế chính trị được đánh giá là một trong những nguyên nhân, nguồn lực giúp Trung Quốc tiếp tục tăng cường củng cố sức mạnh kinh tế, giúp ĐCS Trung Quốc tăng cường củng cố quyền lãnh đạo, qua đó đem lại cho Trung Quốc vai trò, vị thế lớn hơn trên trường quốc tế.

Về kết quả cải cách thể chế chính trị đối với từng hạng mục cụ thể, học giả Nguyễn Huy Quý đề cập việc sửa đổi Hiến pháp của Trung Quốc theo hướng xác lập vị trí của tư tưởng Tập Cận Bình. Ngoài ra, tác giả còn đề cập cải cách bộ máy của Đảng và Nhà nước nhằm hiện đại hóa hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước, chỉ ra đây là một nhiệm vụ rất quan trọng nhưng cũng rất khó khăn, phức tạp của Trung Quốc trong quá trình hiện đại hóa. Cải cách bộ máy, cơ cấu của Đảng và Nhà nước Trung Quốc theo chiều sâu năm 2017 bao hàm một phạm vi rộng những nội dung tiến hành theo yêu cầu của từng đối tượng cải cách. Cải cách theo chiều sâu bộ máy của Đảng nhằm mục tiêu hoàn thiện chế độ lãnh đạo toàn diện của Đảng. Để thực hiện mục tiêu đó, Trung Quốc xác định cần xây dựng và kiện toàn thể chế, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với những công tác quan trọng; tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các tổ chức cùng cấp; phát huy hơn nữa vai trò chuyên

ngành chức năng của Đảng; bố trí đồng bộ bộ máy của Đảng và Nhà nước; thúc đẩy cải cách theo hướng đồng bộ giữa thể chế kiểm tra kỷ luật và thể chế giám sát nhà nước. Để bảo đảm cho cải cách bộ máy của Đảng và Nhà nước theo chiều sâu, Trung Quốc chủ trương tăng cường những quy định bằng luật pháp liên quan đến biên chế, tổ chức bộ máy. Giải pháp lớn là hoàn thiện chế độ, quy phạm pháp quy về bộ máy của Đảng và Nhà nước; thắt chặt sự quản lý đối với biên chế bộ máy; tăng cường giám sát và xử lý những vi phạm liên quan biên chế, tổ chức bộ máy [Nguyễn Huy Quý, 2018].

Đáng lưu ý, các học giả quốc tế còn đi sâu đánh giá vai trò cá nhân của Tập Cận Bình đối với cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Steve Tsang nhận định, với việc đưa tên và tư tưởng của Tập Cận Bình vào Điều lệ ĐCS Trung Quốc (Điều lệ sửa đổi tại Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc) mang đến cho vị lãnh đạo này địa vị ngang hàng với Mao Trạch Đông - người sáng lập ra nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, cũng như Đặng Tiểu Bình - kiến trúc sư trưởng của tiến trình hiện đại hóa Trung Quốc. Trước thời điểm nói trên, đây là hai nhà lãnh đạo duy nhất được đề cập trong Điều lệ Đảng. Tháng 10/2017, tại Đại hội toàn quốc lần thứ XIX, ĐCS Trung Quốc đã đưa vào Điều lệ Đảng một học thuyết chính trị mới: “Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới”. Theo Steve Tsang, trong bối cảnh Trung Quốc hiện đại hóa nhanh chóng, đang dần vươn lên trở thành nhân tố lãnh đạo toàn cầu, người ta dễ bác bỏ học thuyết này như là một sự tuyên truyền mang tính Đảng đã lỗi thời. Steve Tsang còn chỉ ra, phương thức quản lý của Tập Cận Bình đã tích hợp một cách có chọn lọc một số tư tưởng, giá trị của nhà tư tưởng Trung Quốc vĩ đại thời cổ đại là Khổng Tử để xây dựng một nhà nước độc đảng theo kiểu riêng của Trung Quốc. Steve Tsang nhận định, Tập Cận Bình coi các thử nghiệm chính trị hoặc giá trị tự do là không phù hợp với Trung Quốc, đồng thời từ chối dân chủ hóa, xã hội dân sự và nhân quyền phổ quát. Từ góc nhìn này, ông cho rằng cải cách triệt để hiện nay ở Trung Quốc, đồng nghĩa với củng cố sự kiểm soát của ĐCS Trung Quốc, thông qua “chiến dịch chống tham nhũng” cũng như tăng cường kiểm soát quần chúng, bao gồm việc sử dụng các công nghệ tiên tiến được hỗ trợ bởi trí tuệ

nhân tạo... Tác giả kết luận, việc hiểu tư tưởng Tập Cận Bình là rất quan trọng nếu thế giới muốn can dự hiệu quả vào một Trung Quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ [Steve Tsang, 2019].

Bên cạnh những đánh giá tương đối tích cực trên, các học giả cũng đã nhìn nhận về những hạn chế mà Trung Quốc còn tồn tại trong cải cách thể chế chính trị. Học giả Trung Quốc Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh đã chỉ ra, các vấn đề tồn tại chủ yếu gồm: quyền lực quá tập trung, chưa thật sự nhường quyền cho bên dưới; chế độ giám sát còn nhiều vấn đề; biện pháp cải cách khó thực hiện ở các địa phương; xây dựng pháp chế còn cần tiếp tục hoàn thiện và tăng cường [梁晓玲, 李梅清 (Lương Hiểu Linh, Lý Mai Thanh), 2018].

1.1.5.2. Các nghiên cứu về rủi ro, thách thức mà Trung Quốc phải đối diện khi cải cách thể chế chính trị

Học giả nghiên cứu chính trị Trung Quốc Tần Tiên Hồng cho rằng, cải cách thể chế chính trị cần giải quyết bốn vấn đề lớn, cụ thể: (i) Tính chính đáng: cải cách thí điểm phải dựa vào luật pháp; (ii) Tính khoa học: bố trí thí điểm phải tổng quát, nhịp nhàng; (iii) Tính dân chủ: quá trình thí điểm phải có sự tham gia rộng rãi của các thành phần xã hội; (iv) Tính cẩn trọng: thúc đẩy thí điểm cần mở rộng vào thời điểm thích hợp. Từ góc độ cải cách Hiến pháp, có thể nhận thấy, trong những lần cải cách thể chế chính trị Trung Quốc những năm gần đây, tính chính đáng, khoa học, dân chủ và cẩn trọng trong thí điểm cải cách thể chế chính trị vẫn cần phải được tiếp tục cải thiện hơn nữa [秦前红 (Tần Tiên Hồng), 2017].

Cũng đánh giá về những rủi ro, khó khăn trong quá trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, trong bài viết: “Những khó khăn và sự lựa chọn con đường trong cải cách chính trị Trung Quốc” [熊光清 (Hùng Quang Thanh), 2015], chuyên gia nghiên cứu chính trị Trung Quốc này đã đề cập 04 khó khăn chính mà Trung Quốc gặp phải trong cải cách thể chế chính trị gồm: (i) Tính phức tạp rất lớn; (ii) Rủi ro rất cao; (iii) Trở lực không nhỏ; (iv) Động lực yếu. Theo học giả này, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc cần phải tiến lên trong ổn định, cụ thể là: Thứ nhất, đảm bảo ổn định, không được làm ảnh hưởng đến cục diện chính trị và trật tự ổn định xã hội; Thứ hai,

buộc phải có tiến triển, cần thuận theo tiến bộ xã hội và sự phát triển của thời đại. Từ đó, học giả Hùng Quang Thanh cho rằng, đứng trước yêu cầu trên, lựa chọn của Trung Quốc là: Thứ nhất, cân bằng mối quan hệ giữa tập quyền và phân quyền, thúc đẩy hệ thống chính trị phát triển lành mạnh; Thứ hai, tăng cường kiểm chế và cân bằng đối với quyền lực, tạo ra môi trường chính trị trong sạch, liêm khiết; Thứ ba, điều chỉnh mối quan hệ giữa quốc gia và xã hội, thúc đẩy sự phát triển nhịp nhàng giữa quốc gia và xã hội; Thứ tư, kiên trì song hành cải cách “từ trên xuống dưới” và “từ dưới lên trên”, chú trọng “thiết kế từ óc” và tận dụng kinh nghiệm thực tiễn ở cơ sở.

Học giả Trung Quốc Lưu Tri Phong sau khi so sánh giữa con đường cải cách chính trị tuân tự tiệm tiến của Trung Quốc với lối cải cách cấp tiến của Liên Xô trước đây cũng đã chỉ ra, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc không phải chỉ toàn “màu hồng”, mà cần phải nhận thức một cách lý tính, tinh táo lựa chọn, gắn chặt với thực tế, xuất phát từ lịch sử và tình hình thực tế của Trung Quốc, kiên trì nguyên tắc tiệm tiến, có sự lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt, có thể kiểm soát được, triển khai tích cực và ổn thỏa [刘智峰 (Lưu Tri Phong), 2014].

1.1.5.3. Các nghiên cứu về bài học kinh nghiệm trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

Từ góc độ nghiên cứu xây dựng Đảng, nhóm nghiên cứu thuộc Đại học Sư phạm Bắc Kinh đã triển khai dự án “Nghiên cứu tiến trình lịch sử và kinh nghiệm cơ bản trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc”. Đây là dự án nghiên cứu khoa học xã hội trọng điểm của thành phố Bắc Kinh, thực hiện từ tháng 03/2017, tới tháng 01/2021 thì hoàn thành, hiện tại đang công bố các kết quả liên quan. Nghiên cứu này đi sâu khảo sát, phân chia giai đoạn với lịch trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong hơn 40 năm qua, tiến hành đánh giá tổng kết các thành quả đạt được, đúc rút những bài học kinh nghiệm cơ bản trong cải cách, đồng thời cũng phân tích và chỉ ra những thời cơ, thách thức mà cải cách thể chế chính trị phải đối diện, đề xuất những đối sách cũng như những suy ngẫm liên quan nhằm thúc đẩy cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong thời đại mới [《首都师范大学学报》(Học báo Đại học Sư phạm Thủ đô), số 3, 2022].

Từ góc độ quan sát chính trị nội bộ, nhà nghiên cứu chính trị Trung Quốc Lý Phàn chỉ rõ một số bài học kinh nghiệm qua những cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời gian qua: (i) Mức độ thay đổi trong nội bộ của Trung Quốc quyết định đến sự trỗi dậy của nó; (ii) Cải cách càng đi vào chiều sâu thì càng không thể có kế hoạch hay phương án hoàn hảo; (iii) Mục tiêu cải cách là quan trọng nhất; (iv) Chạy đua giữa cải cách và cách mạng luôn là chủ đề vĩnh cửu trong sự biến động lớn của xã hội; (v) Có nhận thức chung về cải cách hay không là mấu chốt quyết định thành bại của cải cách; (vi) Sách lược và chiến lược thúc đẩy cải cách là hết sức quan trọng; (vii) Bất cứ một cuộc cải cách chính trị và xã hội to lớn nào đều cần có điểm trụ đỡ cho cải cách; (viii) Bất cứ cuộc cải cách nào cũng đều xuất hiện phe chống đối cải cách [李凡 (Lý Phàn), 2015].

Học giả Trung Quốc Tô Kha, Cao Hoài Hà chỉ ra cải cách thể chế chính trị Trung Quốc giành được thành tựu nổi bật nhờ tuân thủ các nguyên tắc: (i) Luôn kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc; (ii) Luôn kiên định bất di bất dịch đi “con đường Trung Quốc”; (iii) Kết hợp chặt chẽ giữa cải cách thể chế kinh tế với cải cách thể chế chính trị [苏珂、高怀霞 (Tô Kha, Cao Hoài Hà), 2021].

Gần đây nhất, các học giả Trung Quốc Cao Thượng Toàn, Tôn Khai và Triệu Chúc Đào chỉ ra, bài học kinh nghiệm trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc là vừa phải dựa chắc vào tình hình thực tiễn của đất nước để lên kế hoạch cho cải cách, xác định đúng lĩnh vực cải cách then chốt, giải quyết vấn đề trọng điểm, không ngừng đem lại lợi ích cho nhân dân, đồng thời trong cải cách thể chế chính trị cũng cần hiện thực hóa tiêu chuẩn giá trị “nhân dân là tối thượng” vào quá trình nghiên cứu ban hành chính sách, phương án, xác định trọng tâm trọng điểm cải cách, không ngừng xác lập chỗ dựa về mặt cơ chế chính sách cho xây dựng các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, văn minh sinh thái [高尚全 (Cao Thượng Toàn), 2024], [孙开, 赵祝涛 (Tôn Khai, Triệu Chúc Đào), 2024].

Đánh giá về kinh nghiệm cải cách của Trung Quốc qua các giai đoạn và những trọng tâm đột phá, học giả Phạm Đức Toàn nhận định, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc giành được thành công nhất định là do đã bám sát các đường hướng sau: (i)

Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, liên tục đổi mới, cập nhật quan điểm cầm quyền và quản lý đất nước phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, với chế độ XHCN đặc sắc Trung Quốc; (ii) Chiến lược cải cách đúng đắn; (iii) Kết hợp giữa cách thức cải cách “từ trên xuống” và “từ dưới lên”; (iv) Kiên trì xuất phát từ tình hình của đất nước, đồng thời, chú trọng nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế trong cải cách.

Học giả T.X sau khi phân tích về đường hướng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc cũng đã đúc rút một số kinh nghiệm của Trung Quốc như: (i) Kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; có quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo nhất quán, thông suốt “từ trên xuống” và “từ dưới lên”; thiết kế, hoạch định, quản lý vĩ mô ở cấp cao; tìm tòi, đúc rút kinh nghiệm ở cơ sở; (ii) Đặt cải cách hành chính trong tổng thể cải cách chung và có kế hoạch, lộ trình cụ thể gắn kết nhịp nhàng, đồng bộ với cải cách trong các lĩnh vực khác như lập pháp, tư pháp...; (iii) Cải cách cần bắt đầu từ việc thay đổi nhận thức, do vậy cần tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong quan điểm và nhận thức của các cấp lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công chức và doanh nghiệp, người dân về chủ trương, đường lối, các biện pháp cải cách do Đảng, Nhà nước đề ra; (iv) Luôn lấy nhân dân làm gốc, từ đó từng bước thúc đẩy chuyển đổi chức năng của chính quyền; (v) Kiên trì xuất phát từ tình hình đất nước Trung Quốc, đồng thời, chú trọng nghiên cứu và học tập kinh nghiệm quốc tế; kịp thời bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế [T.X: “Cải cách tổ chức, bộ máy hành chính - Kinh nghiệm của Trung Quốc”, Tạp chí *Tổ chức nhà nước điện tử*: <http://tcnn.vn/news/detail/41216/Cai-cach-to-chuc-bo-may-hanh-chinh-%E2%80%93-Kinh-nghiem-cua-Trung-Quoc.html>, truy cập ngày 14/3/2020].

1.1.5.4. Nghiên cứu về dự báo cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời gian tới

Quan sát, đánh giá về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau khi Tập Cận Bình lên nắm quyền là một trong số các hướng nghiên cứu trọng điểm về Trung Quốc của học giả Việt Nam. Diễn hình là giai đoạn trước và ngay sau Đại hội XIX, một số tạp chí trong nước cũng đã có những bài viết đánh giá về Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc và những quyết sách được đưa ra sau Đại hội, đặc biệt là dự báo về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời gian tới. Có thể kể đến: “ĐCS Trung Quốc với việc

chuẩn bị Đại hội XIX” [Hoài Nam, 2017]; “Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc và tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” [Nguyễn Huy Quý, 2017]; “Trung Quốc và những bước tiến tiếp theo dưới thời Tập Cận Bình” [Đỗ Tiến Sâm, 2018a]; “Đại hội XIX và xu thế đối ngoại của Trung Quốc trong những năm sắp tới” [Đỗ Tiến Sâm, 2018b]; “Những sáng tạo mới về lý luận chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong Đại hội XIX” [Đỗ Tiến Sâm, 2019];...

Học giả Trung Quốc Tô Kha, Cao Hoài Hà trên cơ sở tổng kết thành tựu, rút ra bài học kinh nghiệm về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc cũng đã đề ra một số phương hướng, cách thức nhằm thúc đẩy các cải cách này trong giai đoạn tới, cụ thể gồm: (i) Cơ chế hóa hiệp thương dân chủ một cách rộng rãi hơn, có sự tham gia của nhiều tầng nấc hơn; (ii) Không ngừng thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản lý cũng như năng lực quản lý đất nước; (iii) Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện với quản lý đất nước toàn diện theo pháp luật [苏珂、高怀霞 (Tô Kha, Cao Hoài Hà), 2021].

Gần đây, trên cơ sở phân tích, nghiên cứu đánh giá về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc giai đoạn từ sau 2012 - khi Tập Cận Bình lên nắm quyền, các học giả quốc tế cũng đã bước đầu đưa ra một số nhận định, dự báo về tương lai cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Đặc biệt, các học giả Việt Nam đã luôn quan tâm sâu sát vấn đề này. Trung tuần tháng 10/2022, ĐCS Trung Quốc đã tổ chức thành công Đại hội lần thứ XX. Nhiệm kỳ Đại hội này được đánh giá sẽ làm nổi bật hơn nữa vai trò của cá nhân Tập Cận Bình, gắn với “tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” vốn đã được hình thành từ nhiệm kỳ Đại hội XIX nhưng sẽ thực sự tạo mốc dấu trong nhiệm kỳ 2022-2027 của Đại hội XX này. Với vai trò là nước có nền kinh tế đứng thứ hai thế giới và đang áp ụ đại chiến lược soán ngôi vị siêu cường thế giới của Mỹ, Đại hội lần thứ XX của ĐCS Trung Quốc đã trở thành tiêu điểm quan tâm của khu vực và thế giới. Các nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu và học giả Việt Nam đã dành nhiều tâm huyết nghiên cứu, phân tích những vấn đề gắn với sự thay đổi, chuyển mình của Trung Quốc tại Đại hội lần thứ XX này. Trong đó, tiêu biểu là: Bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong Đại

hội XX của ĐCS Trung Quốc” [Chu Công Huy, 2022]; “Tập Cận Bình và Đại hội của ĐCS Trung Quốc lần thứ XX” [Nguyễn Quang Dy, 2022]; “Chặng đường phát triển của Trung Quốc sau Đại hội ĐCS Trung Quốc lần thứ XX” [Nguyễn Long, 2022]. Những bài viết này cơ bản đều dự báo Trung Quốc sẽ thúc đẩy cải cách thể chế chính trị theo hướng tuần tự tiệm tiến, đẩy mạnh chinh đốn nội bộ Đảng, chú trọng nhiều hơn tới tái cơ cấu, sắp xếp hệ thống cơ quan chính quyền theo hướng tinh gọn, tăng cường ban hành hệ thống quy phạm pháp luật.

Kế thừa, tiếp thu các thành quả nghiên cứu hiện có, tiếp tục cập nhật những thay đổi liên quan cải cách thể chế chính trị Trung Quốc sau Đại hội lần thứ XIX và lần thứ XX ĐCS Trung Quốc và làm rõ xu hướng diễn biến, dự báo về những cải cách này trong bối cảnh thế giới và Trung Quốc đang xuất hiện nhiều thay đổi hiện nay chính là mục tiêu đặt ra của luận án.

1.2. Những vấn đề các công trình nghiên cứu trước đã giải quyết

Các công trình nghiên cứu hiện có đã xác lập bức tranh khá toàn cảnh về diện mạo cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau cải cách mở cửa. Cụ thể, kể từ khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa (1978) cho đến nay, trải qua hơn 40 năm, cải cách thể chế chính trị luôn là vấn đề quan tâm và ngày càng trở nên cốt yếu đối với mỗi thế hệ lãnh đạo của Trung Quốc. Tập Cận Bình nhậm chức Tổng Bí thư - Chủ tịch Quân Ủy Trung ương (10/2012) tại Đại hội ĐCS Trung Quốc lần thứ XVIII, sau đó tháng 3/2013 được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (Nhân đại toàn quốc) bầu làm Chủ tịch Trung Quốc. Thời điểm Tập Cận Bình lên nắm quyền, Trung Quốc đang trở dậy mạnh mẽ với thế đi lên là cơ bản. Sức mạnh tổng hợp các mặt được tích hợp, Trung Quốc hội tụ đủ nhiều điều kiện để vươn lên vị trí cao hơn trên vũ đài quốc tế. Bối cảnh quốc tế, khu vực cũng có nhiều yếu tố thuận lợi đối với Trung Quốc. Vì thế, bản thân Tập Cận Bình cũng như thế hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc đặt khát vọng phát triển, hóa giải những thách thức, tận dụng thời cơ chiến lược để đưa Trung Quốc đến trạng thái hùng cường, bước lên vị trí trung tâm của vũ đài chính trị thế giới. Đây chính là căn cứ để Tập Cận Bình đề xuất “Giác mộng Trung Hoa” (hay “Giác mơ Trung Quốc” - giác mơ cường quốc, cường quân, cường dân và trở thành quốc gia trung tâm như tên gọi Trung Quốc, điều phối nhịp phát triển toàn cầu). Thực hiện

mong muốn đó, Tập Cận Bình đã dẫn dắt cải cách hệ thống chính trị Trung Quốc, tiếp tục thúc đẩy cải cách toàn diện nền kinh tế - xã hội. Để tương ứng và đủ sức dẫn dắt đất nước trong điều kiện mới, Tập Cận Bình đã đề xuất nhiều biện pháp cải cách toàn diện hệ thống chính trị. Trong đó, trọng tâm là nâng cao năng lực cầm quyền của ĐCS; cải cách mạnh mẽ cơ chế ban hành, thực thi quyết sách; cải cách cơ chế bầu cử dân chủ, chế độ hiệp thương chính trị; cải cách công tác tuyển chọn, đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược; cải cách mạnh mẽ cơ chế giám sát, kiểm tra, kỷ luật của Đảng, Nhà nước bằng việc dồn sức vào cuộc chiến chống tham nhũng để củng cố sự nghiêm minh của hệ thống công quyền, lấy lại niềm tin của dân chúng; xử lý giữa vấn đề quan hệ giữa sự cầm quyền của Đảng và điều hành của Nhà nước; xây dựng mô hình chính phủ phục vụ; cải cách mạnh mẽ hệ thống quân đội để tương ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới và tương xứng với vị thế của cường quốc đang vươn lên vị trí siêu cường toàn cầu; cải cách hệ thống chính trị địa phương... Đến nay, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình đã trải qua hai nhiệm kỳ. Tập Cận Bình đã đưa ra nhiều phương án, biện pháp để thực hiện cải cách nền chính trị của Trung Quốc và đã thu được những thành tựu bước đầu tương đối quan trọng, có những khía cạnh nổi bật (cuộc chiến chống tham nhũng, cải cách quân đội, cơ chế giám sát...) nhưng bên cạnh đó, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách phải vượt qua. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn buộc phải đi sâu cải cách thể chế chính trị hơn nữa, nếu không sẽ không thể giữ được những thành quả đã đạt được, thậm chí còn gây cản trở cho sự phát triển hiện nay. Trước những biến động mạnh mẽ của kinh tế, chính trị thế giới và của Trung Quốc thời gian qua, cũng như thực tế cải cách kinh tế, có thể nhận định rằng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã đi vào “vùng nước sâu” hoặc giai đoạn “công kiên”. Điều đó có nghĩa là cải cách thể chế chính trị Trung Quốc sẽ đụng chạm đến vấn đề “cốt lõi” - phân định lại cấu trúc quyền lực. Đây là giai đoạn hết sức khó khăn, phức tạp và nhiều rủi ro.

Với việc ĐCS Trung Quốc sửa đổi “Điều lệ Đảng” để xóa bỏ quy định không nắm quyền vượt quá hai nhiệm kỳ đối với chức danh Tổng Bí thư, ĐHĐBNDTQ Trung Quốc sửa Hiến pháp để bãi bỏ quy định giới hạn thời gian nắm quyền tối đa là

hai nhiệm kỳ đối với chức danh Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, đã mở đường cho Tập Cận Bình cầm quyền dài hạn hơn. Đại hội lần thứ XX ĐCS Trung Quốc đã diễn ra suôn sẻ, Tập Cận Bình tiếp tục duy trì vị trí cao nhất trong Đảng. Trong nhiệm kỳ thứ ba triển khai “tư tưởng Tập Cận Bình về CNXH đặc sắc Trung Quốc thời đại mới”, liệu Trung Quốc có thành công trong thực hiện các mục tiêu lớn của công cuộc cải cách thể chế chính trị hay không là một vấn đề hết sức to lớn. Thành quả cải cách thể chế chính trị sẽ góp phần quyết định vận mệnh của Trung Quốc trong tương lai. Để công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đi vào chiều sâu và giành được nhiều thành tựu hơn nữa, Trung Quốc sẽ buộc phải xử lý tốt những vấn đề nảy sinh trong cải cách thể chế chính trị về cả lý luận và thực tiễn. Tác động của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc ảnh hưởng tới không chỉ bản thân Trung Quốc mà còn tác động, ảnh hưởng lớn tới an ninh, phát triển của khu vực và thế giới.

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề nghiên cứu nói trên là một phần trong thực tế các kết quả nghiên cứu hết sức phong phú về Trung Quốc. Điều đó, chứng tỏ độ “nóng” của chủ đề mà luận án lựa chọn.

Qua tổng quan bước đầu tình hình nghiên cứu cho thấy những vấn đề liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án đã được tiếp cận, đề cập, giải quyết ở những mức độ khác nhau. Một số vấn đề như: lịch sử cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trước 2012; cải cách thể chế chính trị, cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Trung Quốc; tác động của những cải cách thể chế chính trị trước đây đối với sự phát triển Trung Quốc; vai trò của cải cách thể chế chính trị trong đại chiến lược phát triển của Trung Quốc,... cơ bản đã được đề cập, một số trong đó đã được giải quyết khá thỏa đáng. Những kết quả trên là cơ sở quan trọng để luận án có thể kế thừa, sử dụng, giúp cho nghiên cứu sinh tự tin hơn trong lựa chọn vấn đề nghiên cứu, định hướng, xác lập khuôn khổ nghiên cứu của luận án.

1.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Qua nghiên cứu, đánh giá tổng quan về chủ đề cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay ở trên có thể thấy, dù đã được đề cập nhiều ở các góc độ khác nhau nhưng vẫn còn không ít vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu hoặc cập nhật cho sát với diễn biến tình hình thực tế, đánh giá một cách toàn diện, có hệ thống. Đó là:

Một là, cách thức xác định mục tiêu chiến lược của Trung Quốc và cơ chế (hay quy trình) ban hành quyết sách chính trị của Trung Quốc thời kỳ Tập Cận Bình cầm quyền (từ 2012 đến nay), so sánh, đối chiếu để luận giải làm rõ điểm giống/khác biệt so với các thời kỳ trước. Liên quan tới điều này, luận án xác định cần tập trung đánh giá, làm rõ bối cảnh mới tổng thể của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời kỳ Tập Cận Bình cầm quyền.

Hai là, các cải cách để nâng cao năng lực cầm quyền của ĐCS Trung Quốc (thiết kế lại mô hình tổ chức, cơ cấu bộ máy; công tác cán bộ; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật; cuộc chiến chống tham nhũng...); cách thức xử lý mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền (chính phủ), mối quan hệ giữa tổ chức đảng ở Trung ương và địa phương.

Ba là, cải cách bộ máy Nhà nước, đi kèm với đó là xây dựng mô hình chính quyền (chính phủ) phục vụ; thiết kế lại phương án quản lý đất nước và quản lý địa phương; số hóa trong quản lý hành chính Nhà nước.

Bốn là, cải cách hệ thống và cơ chế vận hành của cơ cấu quốc phòng, an ninh, qua đó nâng cao hiệu quả của cơ chế đảm bảo an ninh quốc gia, tương xứng với sứ mệnh mới của cường quốc đang tiến dần đến vai trò siêu cường toàn cầu với lợi ích và không gian an ninh chiến lược ngày một mở rộng.

Năm là, đánh giá các vấn đề về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong khuôn khổ thời gian hai nhiệm kỳ Đại hội XVIII, XIX và thời gian đầu của nhiệm kỳ Đại hội XX với mục tiêu là nhận thức rõ thành tựu và hạn chế, chỉ rõ những vấn đề đang đặt ra, bước đầu rút ra một số gợi ý đối với tiến trình đổi mới hệ thống chính trị tại Việt Nam. Trong đó, luận án sẽ tập trung đánh giá vai trò cá nhân của Tập Cận Bình đối với cải cách thể chế chính trị nói riêng và tổng thể công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc nói chung.

Tiểu kết chương 1

Cải cách chính trị Trung Quốc nói chung và cải cách thể chế chính trị Trung Quốc nói riêng là một đề tài thu hút được sự quan tâm, nghiên cứu của giới học giả nhiều nước. Dù xuất phát từ các góc độ, quan sát và phân tích qua các lăng kính khác nhau, nhưng hầu hết các kết quả nghiên cứu đều chứng minh rằng, cùng với sự lớn mạnh trong quá trình từ “đứng lên”, “giàu lên” đến “mạnh lên” của Trung Quốc, cải cách thể chế chính trị là tất yếu, cùng với cải cách về kinh tế, cùng với công cuộc cải cách mở cửa, đã góp phần giúp Trung Quốc từng bước khẳng định vị thế và tiếng nói trên vũ đài quốc tế.

Các công trình nghiên cứu được khảo sát tại chương Tổng quan tình hình nghiên cứu này cho thấy: công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc luôn được các thế hệ lãnh đạo coi là vấn đề cốt lõi; công cuộc cải cách này của Trung Quốc kể từ 2012 đến nay diễn ra trong bối cảnh sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc được củng cố mạnh mẽ, tạo đà cho Tập Cận Bình thúc đẩy công cuộc cải cách thể chế chính trị một cách sâu rộng, toàn diện. Các chủ đề liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án đã được các học giả, các nhà nghiên cứu đề cập, đánh giá và giải quyết ở nhiều mức độ khác nhau, từ nhiều phương diện như: tiến trình cải cách thể chế chính trị, các thành quả của tiến trình này ở những thời kỳ trước, tầm quan trọng và sức ảnh hưởng của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đối với sự phát triển và mục tiêu hoàn thành Giác mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa. Những kết quả nghiên cứu đã có cung cấp cho luận án thêm căn cứ, luận cứ để triển khai các hướng nghiên cứu của mình, đó là: đánh giá, làm rõ bối cảnh tổng thể của công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của thế hệ lãnh đạo thứ năm của ĐCS Trung Quốc, đứng đầu là Tập Cận Bình; cách thức Tập Cận Bình và Trung ương ĐCS Trung Quốc xử lý các mối quan hệ trong quá trình cải cách thể chế chính trị như tổ chức lại cơ cấu, bộ máy, siết chặt công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, đẩy mạnh cuộc chiến chống tham nhũng,...; mức độ quan tâm và đi sâu trong cải cách hệ thống và cơ chế hoạt động, vận hành của lực lượng quân sự, an ninh, qua đó minh chứng tính tất yếu của cải cách

thể chế chính trị trong quân đội, lực lượng vũ trang trong quá trình Trung Quốc nỗ lực vươn lên vị trí siêu cường toàn cầu với lợi ích và không gian an ninh chiến lược ngày càng rộng mở; đánh giá những thành tựu, hạn chế của công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong hai nhiệm kỳ Đại hội XVIII, XIX và thời gian đầu của Đại hội XX ĐCS Trung Quốc, trong đó tập trung đánh giá vai trò của cá nhân Tập Cận Bình với tư cách là người đứng đầu Đảng và Nhà nước Trung Quốc, từ đó soi chiếu và nêu một số gợi mở cho tiến trình đổi mới hệ thống chính trị của Việt Nam.

CHƯƠNG 2

CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC TỪ 2012 ĐẾN NAY: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Khái niệm “Thể chế chính trị” được Trung Quốc chính thức sử dụng trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XII (1982). Thể chế chính trị của Trung Quốc hoàn toàn khác so với chế độ tam quyền phân lập, chế độ nghị viện của các nước phương Tây và cũng không giống thể chế chính trị của Liên Xô cũ, mà hoàn toàn mang nét đặc thù của Trung Quốc.

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Một số khái niệm liên quan

2.1.1.1. Thể chế chính trị

Khái niệm trung tâm được đề cập xuyên suốt trong luận án này là “thể chế chính trị”. Khái niệm này có một số nét tương đồng, dễ bị hiểu thành “chế độ chính trị”, “hệ thống chính trị”.

Theo *Từ điển bách khoa toàn thư* Trung Quốc, phần “Chính trị học”, chế độ chính trị là hiện tượng đặc thù của xã hội có giai cấp, là tổng hòa của các nguyên tắc và phương thức thực hiện sự thống trị của giai cấp thống trị trong một xã hội nhất định thông qua chính quyền do họ tổ chức. Chế độ chính trị xét theo nghĩa rộng bao gồm tính chất giai cấp của chính quyền, hình thức tổ chức và quản lý chính quyền, hình thức tổ chức bộ máy nhà nước, địa vị của công dân trong đời sống đất nước. Chế độ chính trị xét theo nghĩa hẹp chỉ hình thức tổ chức chính quyền, tức là chính thể.

Nội hàm chủ yếu mà chế độ chính trị đề cập chính là giai cấp, mô hình tổ chức chính quyền cơ bản (như chế độ tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa, phong kiến) với biểu hiện cụ thể là chính quyền. Nói cách khác, chế độ chính trị là hình thức cơ bản để tầng lớp cai trị thành lập chính phủ, thay đổi các nhà lãnh đạo chính quyền, thậm chí còn có thể nói rằng, chỉ cần tính chất xã hội không thay đổi, thì cho dù có xảy ra sự thay đổi về người lãnh đạo bên trong nội bộ giai cấp thống trị cũng sẽ không làm thay đổi chế độ ấy. Ví dụ như các triều đại Trung Quốc phong kiến trước đây, nhà

Minh thay thế nhà Nguyên, nhà Thanh thay thế nhà Minh, người thống trị đã thay đổi nhưng tính chất xã hội không thay đổi, do đó, chế độ chính trị vẫn là chế độ phong kiến... Một ví dụ khác, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, sự thay đổi Đảng cầm quyền không ảnh hưởng đến sự thay đổi của chế độ chính trị, bởi các Đảng cầm quyền này đều đại diện cho lợi ích của giai cấp tư bản chủ nghĩa.

Thể chế chính trị là tổng hòa của các tổ chức chính trị, kết cấu chính trị, chức năng chính trị và các loại quy phạm hành vi chính trị, trong đó lấy tổ chức chính quyền làm trung tâm. Nói cách khác, thể chế chính trị chủ yếu chỉ phương pháp tổ chức chính quyền, cũng như phương pháp ra quyết sách của chính quyền ấy, đặt trong khuôn khổ của một chế độ chính trị cụ thể. Ví dụ, thể chế chính trị của Trung Quốc là thể chế dân chủ tập trung, phương thức quyết sách là thông qua đại hội đại biểu nhân dân, còn nước Mỹ áp dụng thể chế nghị viện tam quyền phân lập, Nhật Bản theo thể chế quân chủ lập hiến.

Liên quan đến khái niệm thể chế chính trị, giới học giả cũng có mấy luồng quan điểm khác nhau. Một trong những luồng quan điểm đó cho rằng, thể chế chính trị là hình thức biểu hiện cụ thể của chế độ chính trị, là sự cụ thể hóa và hình thức biểu hiện ra bên ngoài của chế độ chính trị trong đời sống chính trị, chủ yếu bao gồm hình thức kết cấu nhà nước và các chế độ có liên quan tới việc thiết lập, xác định chức năng cũng như quy phạm hành vi của các tổ chức chính quyền.

Trong một thời gian dài, giới học giả nghiên cứu chính trị Trung Quốc đã xem các cặp khái niệm chế độ chính trị và thể chế chính trị, chính thể và hình thức tổ chức chính quyền là đồng nghĩa. Về sau, đã diễn ra các cuộc tranh luận sôi nổi về chủ đề này, nói chung tồn tại một số quan điểm phổ biến sau:

(1) Quan điểm kế tục định nghĩa truyền thống cho rằng, chế độ chính trị chủ yếu chỉ chính thể, hoặc tổng hòa của phương thức, phương pháp thống trị.

(2) Chế độ chính trị tức là quốc thể, đại diện cho tính chất cơ bản của một quốc gia. Còn thể chế chính trị lại là sự cụ thể hóa của chế độ chính trị trong đời sống chính trị, nói chung bao gồm chính thể, hình thức cấu trúc và quản lý nhà nước.

(3) Chế độ chính trị là sự thống nhất của quốc thể và chính thể. Thể chế chính trị

là biểu hiện cụ thể của chế độ chính trị, chỉ bao gồm hình thức quản lý, việc tổ chức bố trí sắp xếp các cơ quan, vận hành thực tế bộ máy nhà nước chứ không bao gồm quốc thể.

(4) Chế độ chính trị là một khái niệm mang nghĩa rộng, không chỉ bao gồm quốc thể, chính thể mà còn chỉ một loạt các quy phạm hành vi cụ thể. Thể chế chính trị là một chế độ chính trị cụ thể.

(5) Chế độ chính trị có thể được hiểu theo nghĩa rộng và hẹp. Hiểu theo nghĩa rộng, chế độ chính trị chỉ hàng loạt các chế độ trong lĩnh vực chính trị. Xét theo nghĩa hẹp, chế độ chính trị chủ yếu chỉ chính thể.

(6) Chế độ chính trị chủ yếu chỉ phần quy định về chất trong thể chế chính trị, là một phần của thể chế chính trị. Thể chế chính trị chủ yếu chỉ cơ chế vận hành nền chính trị, trong đó lấy việc bố trí sắp xếp các khái niệm chính trị làm trung tâm, lấy quản lý làm chức năng chủ yếu.

(7) Thể chế chính trị chỉ cơ chế ra quyết sách chính trị. So sánh với các khái niệm chế độ chính trị và chính thể, cả nội hàm lẫn ngoại diên của khái niệm thể chế chính trị đều sâu sắc, phong phú hơn nhiều. Thể chế chính trị bao gồm một số phương diện cơ bản sau của chính trị: cấu trúc chính trị, chức năng chính trị, chế độ chính trị, quá trình chính trị và văn hóa chính trị.

Các tác phẩm nghiên cứu chính trị học kinh điển của phương Tây đều cho rằng, thể chế chính trị chỉ chính thể còn chế độ chính trị là quốc thể. Chính thể chỉ kết cấu quyền lực và thể chế quản lý của chính quyền nhà nước, cụ thể như: chế độ cộng hòa, chế độ quân chủ lập hiến, chế độ lưỡng đảng. Quốc thể là tính chất xã hội của quốc gia như chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phong kiến, xã hội nô lệ. Cụ thể hơn, thể chế chính trị là hình thức tổ chức chính quyền, tức là phương thức giai cấp thống trị áp dụng để tổ chức cơ quan chính quyền của mình. Thể chế chính trị là thể hiện cụ thể của chế độ chính trị, các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau, cũng sẽ có sự khác nhau về các chính sách như kinh tế, văn hóa, thương mại... Còn chế độ chính trị là tổng hòa các phương thức, phương pháp thống trị mà giai cấp thống trị áp dụng để thực hiện chuyên chính giai cấp, bao gồm: hình thức tổ chức chính quyền nhà

nước, hình thức kết cấu quốc gia, chế độ Đảng cầm quyền và cơ chế bầu cử.

Thể chế chính trị là chế độ cụ thể liên quan đến hình thức quản lý nhà nước, xây dựng bộ máy, biện pháp chính sách thực tế... Chế độ chính trị là chế độ luật pháp quy phạm liên quan đến tính chất, tổ chức, phân bổ, vận hành của quyền lực nhà nước, chủ yếu là chỉ sự thống nhất giữa quốc thể và chính thể. Thể chế chính trị có thể được hiểu như là chế độ chính trị vi mô, cục bộ, là sự cụ thể hóa của chế độ chính trị trong đời sống chính trị, bị ràng buộc bởi chế độ chính trị, cũng ảnh hưởng đến việc thực hiện và củng cố chế độ chính trị căn bản của quốc gia. Một quốc gia áp dụng chính thể nào đều liên quan đến địa vị của các giai tầng xã hội trong nền chính trị, kinh tế quốc gia, đồng thời cũng bị ràng buộc bởi môi trường tự nhiên, truyền thống lịch sử, cấu thành dân tộc của xã hội đó. Theo quan điểm của học giả phương Tây, thể chế chính trị thường chỉ hình thức tổ chức chính phủ, còn theo chủ nghĩa Mác, thể chế chính trị là hình thức tổ chức của chính quyền nhà nước, hai khái niệm này không có khác biệt thực chất.

Học giả Trung Quốc Từ Phúc Lâm, Điền Phu cho rằng, thể chế chính trị chỉ hình thức thực hiện của chế độ chính trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội, là sự tổng hòa của các hình thức chế độ cụ thể và quy tắc vận hành được xây dựng nhằm thực hiện chế độ chính trị cơ bản của chủ nghĩa xã hội [Đỗ Tiến Sâm, 2003].

Theo Giáo sư Đỗ Tiến Sâm, thể chế chính trị bao hàm hai yếu tố cơ bản là hệ thống tổ chức và quy tắc vận hành. Hệ thống tổ chức xét theo chiều ngang bao gồm hệ thống tổ chức của các chính đảng và hệ thống tổ chức nhà nước. Quy tắc vận hành là chỉ các quy định và chế độ cụ thể được định ra nhằm xử lý việc phân định các chức năng và quyền hạn cùng với cơ cấu và mối quan hệ lẫn nhau giữa các bộ phận bên trong và giữa các hệ thống tổ chức chính trị xã hội khác nhau, làm cho chúng vận hành một cách bình thường [Đỗ Tiến Sâm, 2003].

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, chế độ chính trị được hiểu là nội dung phương thức tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị quốc gia mà trung tâm là nhà nước; chế độ chính trị do các yếu tố: chính trị, kinh tế - xã hội, tư tưởng văn hóa, pháp luật cấu thành nên. Chế độ chính trị được hiểu rõ nét nhất trong mô hình tổ chức nhà nước;

trong hiến pháp của mỗi quốc gia (nội dung quy định về nguồn gốc và tính chất của quyền lực, sự phân bổ và tổ chức các cơ quan quyền lực nhà nước và mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực, về quan hệ của nhà nước với công dân, các đảng phái chính trị, các tổ chức xã hội, giữa các giai cấp và tầng lớp xã hội, giữa các dân tộc trong nước và trên thế giới) [Nguyễn Xuân Cường, 2018].

Trong luận án này, *khái niệm thể chế chính trị được đề cập với nội hàm chỉ tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và hệ thống pháp luật cũng như các cơ chế vận hành bộ máy đó.*

2.1.1.2. Thể chế chính trị Trung Quốc

Thể chế chính trị Trung Quốc được đề cập tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ĐCS Trung Quốc là “chế độ đại hội đại biểu nhân dân, chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị dưới sự lãnh đạo của ĐCS”. Đến Đại hội XV của ĐCS Trung Quốc, Trung Quốc đã bổ sung thêm chế độ tự trị khu vực dân tộc. Tại Đại hội XVII, thể chế chính trị của Trung Quốc được khái quát là “chế độ đại hội đại biểu nhân dân, chế độ hiệp thương chính trị và hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS, chế độ tự trị khu vực dân tộc, chế độ tự trị quần chúng cơ sở”, tuy nhiên cho tới nay vẫn chưa hình thành khung lý luận thống nhất.

Trong thể chế chính trị Trung Quốc, ĐCS là hạt nhân lãnh đạo của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, là trục chính trong thể chế chính trị Trung Quốc đương đại. Đại hội đại biểu nhân dân của Trung Quốc là hình thức tổ chức chính quyền của nước này. ĐCS Trung Quốc chính là chiếc chìa khóa để lý giải chính trị Trung Quốc đương đại.

Lý luận của phương Tây miêu tả rằng, thể chế chính trị Trung Quốc về tổng thể lấy chủ nghĩa quốc gia làm trung tâm. Một trong những nguồn gốc cho luận điểm này xuất phát từ nghiên cứu của chủ nghĩa cực quyền, theo đó, cùng với sự hình thành quốc gia hiện đại, năng lực của thể chế chính trị quyền uy truyền thống đạt đến trình độ chưa từng có và xuất hiện thể chế “chủ nghĩa cực quyền” như: chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa Stalin. Sự lũng đoạn của chủ nghĩa cực quyền đối với quyền lực chính trị được khái quát thành một số đặc điểm như sau: (i) Ý thức hệ chính thống đơn nhất; (ii) Đảng cầm

quyền đại chúng đơn nhất, đặc trưng điển hình là một người lãnh đạo độc đoán; (iii) Thông qua kỹ thuật để lũng đoạn quyền kiểm soát đối với truyền thông; (iv) Thông qua quan liêu để thực hiện sự kiểm soát và chỉ đạo của trung ương đối với kinh tế quốc dân; (v) Thể chế cảnh sát chìm; (vi) Lũng đoạn lực lượng vũ trang. Do Trung Quốc thời kỳ đầu học tập và mô phỏng mô hình chính trị của Liên Xô nên cũng được coi là “chủ nghĩa cực quyền”, quyền lực tập trung cao độ được xây dựng bằng ý thức hệ, tổ chức đảng, chính quyền và quân đội kiểm soát toàn bộ quốc gia. Do quan điểm về chủ nghĩa cực quyền mang đậm màu sắc ý thức hệ nên đã mất dần năng lực giải thích, từ đó cũng thiếu thuyết phục trong giải thích thể chế chính trị Trung Quốc. Vào thập niên 70 của thế kỷ XX, đặc biệt là khi Trung Quốc cải cách mở cửa, các học giả phương Tây đã cho rằng không nên coi thể chế chính trị Trung Quốc là chủ nghĩa cực quyền. Cũng từ thời điểm này, “chủ nghĩa quyền uy” trở thành khái niệm mà giới chính trị học phương Tây sử dụng để phân tích thể chế chính trị Trung Quốc. Quan điểm này cho rằng Trung Quốc là quốc gia hiện đại đang chuyển đổi mô hình, sức mạnh xã hội bắt đầu từng bước lớn mạnh, nhưng trong quá trình quyền uy truyền thống suy giảm, đòi hỏi quyền uy quốc gia duy trì sự ổn định trong quá trình chuyển đổi mô hình của nó, từ đó xuất hiện chính thể chủ nghĩa quyền uy theo loại hình quá độ.

Tuy nhiên, chủ nghĩa quyền uy cũng không giải thích được một cách thuyết phục thể chế chính trị Trung Quốc. Từ thời cận đại trở đi, thể chế chính trị của Trung Quốc đã có sự thay đổi to lớn, nhưng đều bị quy chụp là thuộc chủ nghĩa quyền uy. Hiện nay, nhiều học giả cho rằng, sự phát triển chính trị của Trung Quốc hiện đại đã khiến cho giải thích theo góc nhìn của chủ nghĩa quyền uy trở nên thiếu sức thuyết phục, cần phải sửa đổi bởi nó chưa miêu tả được tình trạng phân bổ quyền lực thực tế hiện nay của Trung Quốc.

Mối liên hệ mật thiết khác giữa chủ nghĩa cực quyền và chủ nghĩa quyền uy được đề cập trong lý luận “Đảng cầm quyền – Nhà nước”. Đây cũng là một khái niệm được phát triển từ nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản so sánh. Nhiều học giả phương Tây đều khái quát thể chế chính trị của Trung Quốc là thể chế Đảng - Nhà nước, trong đó Đảng và Nhà nước tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình thúc đẩy xây dựng chính

quyền. Nhiều học giả Trung Quốc đều cho rằng, thể chế chính trị Trung Quốc là “thể chế Đảng - Nhà nước” hoặc thể chế chính trị Trung Quốc hiện đại là hình thái “Đảng cầm quyền - Nhà nước” điển hình. Đã có một số học giả bắt đầu chủ trương thể chế chính trị Trung Quốc sẽ hình thành “thể chế Đảng cầm quyền - Nhà nước” mới, với năng lực điều chỉnh và thu hẹp mới. Tuy nhiên, thực tế của nền chính trị Trung Quốc cho thấy vai trò độc tôn cũng như quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hình thức tổ chức chính quyền, cơ cấu sắp xếp nhân sự bộ máy hành chính từ Trung ương tới địa phương... đều nằm trong tay ĐCS Trung Quốc. Do đó, mô hình phân tích về thể chế chính trị Trung Quốc chủ yếu vẫn phải sử dụng lý luận về “chủ nghĩa quyền uy”.

Nhìn chung, thể chế chính trị Trung Quốc hoàn toàn khác so với chế độ tam quyền phân lập, chế độ nghị viện của các nước phương Tây, cũng không giống thể chế chính trị của Liên Xô cũ, mà mang đặc sắc Trung Quốc. *Thể chế chính trị của Trung Quốc được đề cập ở luận án này bao gồm: (i) Hiến pháp: chủ yếu là bản Hiến pháp Trung Quốc năm 1982, đã trải qua 5 lần sửa đổi; (ii) Thể chế nhà nước bao gồm: Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Chủ tịch nước, Quốc vụ viện, Quân Ủy Trung ương, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương; (iii) Một số chế độ chính trị: chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS, chế độ hiệp thương chính trị và cơ chế bầu cử dân chủ.*

2.1.1.3. Cải cách thể chế chính trị

Cải cách thể chế chính trị là cải cách cơ cấu, tổ chức và cơ chế vận hành; là thay đổi các quan hệ chính trị và quyền lực chính trị. Cải cách thể chế chính trị là một bộ phận trong cải cách chế độ chính trị và hệ thống chính trị.

Nghiên cứu sâu hơn lý luận về cải cách thể chế chính trị có thể đặt dưới góc nhìn của chính trị học hiện đại. Cải cách thể chế chính trị có thể xem xét theo 02 tư duy: (1) Coi cải cách thể chế chính trị chỉ là một vấn đề hành chính đơn thuần; (2) Xem xét dưới góc nhìn chính trị, coi đây là một vấn đề chính trị [任剑涛 (Nhiệm Kiếm Đào), 2008]. Xem xét theo lối tư duy thứ nhất hiện vẫn còn là cách hiểu của khá đông các nhà nghiên cứu, đặc biệt là các nhà nghiên cứu Trung Quốc, nguyên nhân là do

lối tư duy này đem lại lợi ích cho họ, giúp tránh được các vấn đề khó khăn về chính trị khó giải quyết trong thực trạng nền chính trị Trung Quốc hiện nay. Những vấn đề này bao gồm sự đối lập giữa hình thái ý thức của Đảng cầm quyền với hiện trạng vận hành xã hội, đồng thời cũng thể hiện qua xung đột trực diện giữa gây dựng tính hợp pháp cho quyền lực quốc gia với các yêu cầu về quyền lợi của xã hội, ở sự song hành giữa thiếu vắng các hệ thống giá trị, luân lý xã hội với tâm lý “không hài lòng” phổ biến trong dân chúng. Từ góc nhìn này, cách tiếp cận về cải cách thể chế chính trị như một hạng mục cải cách hành chính thông thường sẽ giúp mọi người vừa giải tỏa được những bức xúc về lý luận, tránh bàn luận, tiếp cận các chủ đề nóng nói trên, đồng thời phù hợp với lợi ích chung của cả nhà nước và xã hội. Xem xét cải cách thể chế chính trị Trung Quốc như vậy, sẽ chỉ tập trung vào một số điểm tồn tại, cần phải cải tiến, đổi mới trong thể chế nhà nước Trung Quốc như cơ chế quyết sách, trình tự hành chính, việc nghiên cứu ban hành các chính sách, thành tích hành chính..., không đi sâu phân tích các tiền đề chính trị, các vấn đề ở tầng nấc sâu hơn giúp thực hiện các cải cách nói trên. Cách tiếp cận giới hạn cải cách thể chế chính trị này chỉ gói gọn ở cải cách hành chính đơn thuần sẽ giúp “định hình” với mọi người rằng, thể chế chính trị hiện hành là hoàn toàn bình thường, không dẫn tới làm nảy sinh các vấn đề chính trị khó giải quyết liên quan đến thể chế hiện hành.

Ở lối tư duy thứ hai, phân tích về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc dưới góc nhìn chính trị vừa yêu cầu xem xét cải cách thể chế chính trị như một vấn đề chính trị cơ bản, vừa yêu cầu làm rõ các yếu tố cấu thành, tìm rõ quy luật thay đổi của cải cách. Xét từ góc nhìn này, cần xem xét các chủ thể chính trị giải thích như thế nào về tính chính danh hay lý do tồn tại của nền hành chính, đồng thời tạo ra cơ chế vận hành như thế nào cho toàn bộ hệ thống bộ máy hành chính. Phân tích cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ góc độ nhân tố cấu thành tức là phải làm rõ các yếu tố của cải cách thể chế chính trị có tác dụng, ảnh hưởng cụ thể như thế nào đối với từng hạng mục cải cách hành chính cụ thể. Nói cách khác, hiện nay, các nghiên cứu về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, bên cạnh làm rõ các biểu hiện cải cách cụ thể trong hệ thống Đảng cũng như bộ máy Nhà nước, cần chú ý làm rõ mối quan hệ tác

động giữa thay đổi về tư duy, đường lối cải cách của ĐCS Trung Quốc, chỉ rõ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với từng hạng mục cải cách hành chính cụ thể.

Học giả nghiên cứu về chính trị nổi tiếng Trung Quốc hiện nay, Giáo sư Nhiệm Kiếm Đào, Viện trưởng Viện nghiên cứu chính trị của Đại học Trung Sơn, Trung Quốc cho rằng, xuất phát từ góc nhìn chính Đảng cầm quyền muốn duy trì tư tưởng cách mạng, có một số điểm cần lưu ý sau: (i) Tư tưởng cách mạng của Đảng cầm quyền mang quán tính lịch sử. Có nghĩa là, bất kể là Đảng cầm quyền hay bộ máy chính quyền - cơ quan đảm nhiệm vai trò thực hiện sứ mệnh hành chính của Đảng cầm quyền - đều sẽ buộc phải tư duy, vận hành bộ máy quản lý nhà nước trên cơ sở tính chính danh về ý thức hệ do Đảng cầm quyền đề xướng. Nguồn gốc về mặt tư tưởng này quyết định tình trạng tất yếu, định hình của hệ thống quan điểm xã hội. Nói cách khác, tính quán tính lịch sử dẫn tới cải cách thể chế chính trị Trung Quốc buộc phải tuân theo tư duy, lôgic chính trị của ĐCS Trung Quốc, tuân thủ tiền đề tuyệt đối là duy trì tính chính danh cho ĐCS Trung Quốc; (ii) Do hệ tư tưởng, ý thức hệ của Đảng cầm quyền tại Trung Quốc đã bị khép kín, đóng cửa trong suốt một thời gian dài, dẫn tới hệ tư tưởng này đã đánh mất năng lực sáng tạo cũng như khả năng thích ứng với những thay đổi của xã hội; (iii) Hệ tư tưởng của chính Đảng cầm quyền luôn trong tình trạng do dự, băn khoăn giữa kế thừa và cải cách, do đó sẽ làm vụt mất thời cơ để tự làm mới, thay đổi mình. Thực tế trong nhiều thập niên cải cách mở cửa tại Trung Quốc vừa qua vẫn luôn tồn tại một cuộc tranh luận của giới lý luận liên quan đến kiên trì hay phát triển chủ nghĩa Mác. Nguyên nhân sâu xa dẫn tới điều này là do bản thân quan điểm vừa kiên trì vừa phát triển chủ nghĩa Mác chính là một lựa chọn không thể tự khắc phục mâu thuẫn nội tại của nó: Nếu muốn kiên trì tư tưởng cách mạng chủ nghĩa Mác, sẽ buộc phải không ngừng tiến hành cách mạng, tuyên chiến với hệ thống quan điểm chính trị, các nền tảng chế độ cũng như phương thức sống hiện có; Nếu muốn phát triển hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác, sẽ buộc phải từ bỏ một số giáo điều cách mạng cơ bản, lựa chọn hình thái ý thức phù hợp, thích ứng với sự phát triển của kinh tế - xã hội trong thời đại hòa bình. Giữa hai sự lựa chọn này, không có con đường trung dung; (iv) Tình trạng có sự đảo ngược vị trí giữa hình thái

ý thức của chính đảng nắm quyền với hình thái ý thức của xã hội đã không nhận được sự chú ý đầy đủ cũng như những phản ứng hữu hiệu của giới tinh hoa cầm quyền, các nhà lãnh đạo có quyền quyết định về hình thái ý thức (lãnh đạo của Đảng cầm quyền). GS. Nhiệm Kiếm Đào chỉ ra, hình thái ý thức của chính Đảng cầm quyền tại Trung Quốc (ĐCS Trung Quốc) khi bắt đầu cải cách mở cửa rơi vào trạng thái xã hội hậu cách mạng “tả khuynh” phát triển mạnh mẽ. Nhưng Đảng cầm quyền Trung Quốc đã không đủ năng lực đổi mới về hệ tư tưởng, ngược lại chỉ chăm chăm giữ chắc trận địa tư tưởng cách mạng. Lúc này, những biện pháp cải cách do chính quyền đề ra vẫn chỉ gói gọn trong tư duy kiểu “bất kể mèo trắng hay mèo đen, chỉ cần bắt được chuột đều là mèo tốt”. Do đó, trong suốt mấy chục năm qua, Trung Quốc dần xuất hiện tình trạng “rỗng ruột” về ý thức hệ, ý thức hệ của chính Đảng cầm quyền trên thực tế đã đánh mất năng lực dẫn dắt trào lưu xã hội, hoặc rơi vào trạng thái chủ nghĩa giáo điều nguyên thủy, “mẹ hát con khen hay”, hoặc rơi vào tình trạng ứng phó bị động kiểu “giật gấu vá vai”. Đã xuất hiện tình trạng ý thức hệ của Đảng cầm quyền ngày càng xa rời với những thay đổi thực tế của xã hội. Cũng chính vì sự xa rời này, tại Trung Quốc hiện nay đang xuất hiện tình trạng “chủ nghĩa hư vô giá trị” rất đáng báo động. Theo GS. Nhiệm Kiếm Đào, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc cần tiến hành thực chất, đi sâu từ góc độ nền tảng chính trị, cải cách sâu sắc từ quan điểm của Đảng cầm quyền chứ không thể chỉ thực hiện hời hợt ở một vài biện pháp cải cách bộ máy hành chính.

Phân tích sâu hơn từ thực tiễn hiện nay tại Trung Quốc, GS. Nhiệm Kiếm Đào còn chỉ rõ, xung đột trực diện giữa tư tưởng chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Mác đặc sắc Trung Quốc với sự phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia này biểu hiện ở hai trạng thái:

(i) Những người theo chủ nghĩa Mác nguyên thủy và phái chủ nghĩa Mác cánh tả mới tại Trung Quốc ra sức phê bình nghiêm khắc những hạng mục cải cách do chính quyền của ĐCS Trung Quốc lãnh đạo thực hiện suốt thời gian vừa qua. Đây là biểu hiện điển hình của trạng thái đối lập giữa hệ tư tưởng do ĐCS Trung Quốc đề xướng với những cải cách do chính quyền Trung Quốc thực hiện. Những người theo chủ

nghĩa Mác nguyên thủy đã dựa trên quan điểm tư tưởng cách mạng kinh điển để chỉ trích những cải cách của ĐCS và Chính phủ Trung Quốc dẫn tới sự “đổi màu” của đất nước. Nhóm theo quan điểm này đưa ra những phát biểu rất “nặng tình” với chế độ công hữu, không hề giấu giếm sự ủng hộ dành cho kinh tế bao cấp, ra sức ca ngợi lịch sử cách mạng. Thậm chí có tiếng nói còn cho rằng, những gì mà ĐCS Trung Quốc đang tiến hành hiện nay tại Trung Quốc mang màu sắc của con đường tư bản chủ nghĩa tự do. Tuy nhiên, những tư tưởng cực tả này đã rất thiếu sức thuyết phục đối với xã hội, hơn nữa do rất thiếu nguồn tài nguyên về lý luận nên nhóm theo khuynh hướng này không gây ra trở ngại lớn đối với các nhà cầm quyền.

Ở một góc nhìn khác, những người theo chủ nghĩa cánh tả mới dùng lý luận chủ nghĩa Mác kinh điển để biện luận xã hội. Chỉ trích của họ đối với hàng loạt vấn đề xã hội xuất hiện tại Trung Quốc từ sau cải cách mở cửa tới nay đã “điểm trúng huyệt” các vấn đề hiện thực nhức nhối tại Trung Quốc hiện nay, do đó giành được sự phản hồi mạnh mẽ từ công chúng. Do có chút hơi hướng cách mạng kiểu “Đại Cách mạng văn hóa”, sự đồng tình sâu sắc về mặt đạo đức với giai cấp công nhân, nông dân, khuynh hướng nghiêng về dân chủ trực tiếp, cùng với những chỉ trích về các hiện tượng tham nhũng, quan chức móc nối với gian thương để tư lợi, nhóm theo chủ nghĩa cánh tả mới này đã nhận được sự cổ vũ của một bộ phận những người vốn có tâm trạng bất mãn với xã hội, hiện thực. Do phe cánh tả mới này chủ yếu xuất hiện trên diễn đàn như một trào lưu học thuật, lý luận, nên họ đã hình thành thế tương phản rõ rệt với sự “rỗng ruột” về lý luận tại Trung Quốc. Đã có thời điểm nhất định, xu hướng học thuật này trở thành thách thức mạnh mẽ đối với nhà cầm quyền, những người lựa chọn thực hiện cải cách mở cửa. Tựu trung lại, hình thái lý luận của chủ nghĩa Mác đã ở trong cục diện đối đầu với hình thái nhà nước hiện thực của chủ nghĩa Mác.

(ii) Thực trạng thứ hai trong phát triển chủ nghĩa Mác tại Trung Quốc hiện nay là việc xây dựng, phát triển chủ nghĩa Mác giai đoạn sau khi cách mạng thành công ở Trung Quốc đã không được coi trọng, điều này làm cho Đảng cầm quyền theo chủ nghĩa Mác không có được chỗ dựa vững chắc về mặt lý luận. Đây cũng là “cố tật” thiếu chỗ dựa lý luận điển hình về hình thái ý thức nhà nước của các nước xã hội chủ

nghĩa. Xét cho cùng, thực tiễn tại Trung Quốc đã chứng minh việc làm thế nào để một chủ nghĩa Mác đã hỗ trợ, làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng xã hội chủ nghĩa trước đây có thể trở thành chủ nghĩa Mác giúp hỗ trợ, làm chỗ dựa vững chắc cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay. Đây chính là câu hỏi, phần việc mà những nhà lý luận tự xưng là theo chủ nghĩa Mác buộc phải trả lời nhưng tới nay họ vẫn chưa có câu trả lời hoàn chỉnh. Những xu hướng lý luận phát triển chủ nghĩa Mác theo chủ nghĩa cơ hội hay chủ nghĩa thực dụng tuyệt đối đều không thể giải thích cho hành vi nắm quyền của Đảng cầm quyền, bởi các khuynh hướng lý luận này vừa không thể cung cấp chỗ dựa giải thích cho tính chính danh của việc nắm quyền, vừa không thể cung cấp cho Đảng cầm quyền một lộ trình chính sách mang tính liên tục, dài hạn. Đây cũng là nguyên nhân cải cách theo kiểu Đặng Tiểu Bình tại Trung Quốc đã diễn tiến theo con đường chủ nghĩa thực dụng, bắt đầu dĩ phải cố ý xa rời và coi nhẹ lý luận. Theo góc nhìn nói trên của GS. Nhiệm Kiếm Đào, những cải cách thể chế chính trị hiện nay không phải là “cách mạng chính trị” mà chỉ là những sửa đổi đối với bộ máy hành chính, không mang tính chất triệt để và tác động không đáng kể tới cục diện chính trị hiện hành tại Trung Quốc.

Nói chung, trong nghiên cứu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay, xét từ góc nhìn chính trị học, cần phân định rõ ranh giới giữa “cải cách” với “cách mạng”. Những cải cách thể chế chính trị Trung Quốc rõ ràng đều phải đặt dưới tiền đề cơ bản là đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của ĐCS Trung Quốc, không được phép đi chệch hướng, không được chệch quỹ đạo do ĐCS Trung Quốc xác định, do đó, từ nội dung, biện pháp, cách thức cho tới bước đi của cải cách đều phải nằm trong khuôn khổ của ĐCS Trung Quốc, tuyệt đối không thể xuất hiện những cải cách mang tính đột biến, cấp tiến đe dọa tính quyền uy cũng như quyền lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc, hay nói cách khác, “cải cách” diễn ra trong khuôn khổ, có lộ trình và được kiểm soát chặt chẽ, không thể diễn tiến thành cuộc cách mạng chính trị. Nghiên cứu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc do đó có xu hướng quy về nghiên cứu các biện pháp cải cách đối với hệ thống, bộ máy tổ chức hành chính, kết hợp với nghiên cứu những thay đổi trong quan điểm của ĐCS Trung Quốc về cách thức điều hành, nắm quyền, tổ chức

bộ máy hành chính. Hướng nghiên cứu này tương đối thích hợp khi đặt trong khung thời gian từ 2012 đến nay.

2.1.2. Nhận thức chung của Đảng Cộng sản Trung Quốc về thể chế chính trị và cải cách thể chế chính trị

2.1.2.1. Định vị cải cách thể chế chính trị

Nhận thức của ĐCS Trung Quốc về cải cách thể chế chính trị cũng có sự thay đổi, cập nhật theo từng giai đoạn. Sau khi Trung Quốc đề cập cải cách mở cửa toàn diện (1978), trọng tâm của toàn bộ hệ thống chính trị Trung Quốc đều tập trung cho phát triển kinh tế, theo đó “phát triển là đạo lý cứng”. Gạt bỏ hoàn toàn những tranh luận về đường lối, hình thái ý thức hay đấu tranh giai cấp trước đó, Trung Quốc chuyển sang lấy xây dựng kinh tế làm hòn đá tảng, không ngần ngại áp dụng những mô hình thí điểm mới mẻ như đặc khu kinh tế, cho phép một bộ phận dân chúng “giàu lên trước”, tiến hành cải cách theo hướng “dò đá qua sông”. Sau khi đã gạt hái được những thành công về mặt kinh tế, ĐCS Trung Quốc mới bắt tay thực hiện các điều chỉnh về cơ chế, thể chế, bộ máy sao cho thích ứng với trình độ phát triển kinh tế, có lợi cho tăng trưởng kinh tế bền vững và duy trì trật tự, ổn định xã hội. Chính đặc điểm này quy định cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau năm 1978 luôn diễn ra sau, tiến hành chậm hơn cải cách thể chế kinh tế, chịu sự chi phối, ràng buộc mạnh mẽ của cải cách thể chế kinh tế.

Điểm quan trọng thứ hai quy định nhiệm vụ, mục tiêu của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc liên quan mật thiết với định vị về vai trò của ĐCS Trung Quốc đối với toàn bộ hệ thống chính trị. Qua các kỳ đại hội, ĐCS Trung Quốc đều liên tục khẳng định địa vị lãnh đạo, và vai trò trung tâm của toàn bộ hệ thống chính trị Trung Quốc. Đặc điểm này chi phối tới cải cách thể chế chính trị, theo đó các biện pháp, bước đi của cải cách thể chế chính trị đều nhằm mục tiêu củng cố vững chắc vai trò lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc, không cho phép cải cách thể chế chính trị diễn tiến thành cuộc cách mạng chính trị, lật đổ làm hay suy yếu vai trò lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc. Nói cách khác, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc do ĐCS Trung Quốc phát động và kiểm soát chặt chẽ, được diễn ra một cách thận trọng, tuần tự tiệm

tiền. Đáng lưu ý, khi trình bày về tầm quan trọng của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình từng nói: “tất cả mọi cải cách cuối cùng liệu có thành công hay không vẫn quyết định ở cải cách thể chế chính trị”. Vị “cha đẻ” của công cuộc cải cách mở cửa này cho dù dốc sức thiết kế, lên kế hoạch triển khai phát triển kinh tế, nhưng bản thân ông cũng nhận thức vô cùng rõ về vị trí của cải cách thể chế chính trị, luôn coi đây là một bước tất yếu Trung Quốc phải thực hiện trong quá trình phát triển.

2.1.2.2. Thiết kế mô hình

(1) Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Hiến pháp là đại pháp căn bản của quốc gia, cao hơn tất cả mọi luật pháp, trở thành cơ sở pháp trị và khung khổ của pháp chế. Hiến pháp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quy định chế độ và nhiệm vụ căn bản của quốc gia, quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Văn bản quy phạm pháp luật đặc biệt này giải quyết các vấn đề mang tính toàn cục, lâu dài, căn bản trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và là hạt nhân trong hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, có hiệu lực pháp luật cao nhất. Tất cả phải coi Hiến pháp là chuẩn tắc hành động căn bản và phải có trách nhiệm bảo vệ sự tôn nghiêm và bảo đảm tính thực thi.

Kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời đã có 5 bản Hiến pháp [Duong Xuân Ngọc, Lưu Văn An, 2003, tr. 335]. Bản Hiến pháp hiện hành của Trung Quốc ra đời trong thời kỳ đầu của công cuộc cải cách mở cửa, cùng với sự thay đổi mang tính lịch sử trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, nó cũng không ngừng phát triển và hoàn thiện. Theo đó, Hiến pháp năm 1982 đã trải qua 5 lần sửa đổi, cụ thể là:

(i) Lần thứ nhất (năm 1988), Đại hội XIII (10/1987) đã đưa ra luận điểm: Trung Quốc đang ở trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, nổi bật là dưới tiên đề nhấn mạnh lấy chế độ công hữu làm chủ thể phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, cho phép kinh tế tư nhân tồn tại và phát triển, phát triển mạnh mẽ kinh tế hàng hóa có kế hoạch, đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống thị trường xã hội chủ nghĩa. Sau Đại hội XIII, để thích ứng với nhu cầu của cải cách thể chế kinh tế, việc sửa đổi Hiến pháp đã được đưa vào chương trình nghị sự. Ngày 12/4/1988, Kỳ họp thứ nhất Nhân đại toàn quốc Trung Quốc khóa VII đã thông qua việc sửa đổi Điều 1 và Điều 2 của Hiến

pháp hiện hành.

(ii) Lần thứ hai (năm 1993), Đại hội XIV (10/1992) đã xác định: Coi lý luận CNXH đặc sắc Trung Quốc là phương châm lâu dài cho công cuộc xây dựng và cải cách mở cửa, đồng thời đưa ra lý luận về xây dựng kinh tế thị trường XHCN. Ngày 29/3/1993, Kỳ họp thứ nhất Nhân đại toàn quốc Trung Quốc khóa VIII thông qua sửa đổi 9 điều, từ Điều 3 đến Điều 11 của Hiến pháp hiện hành.

(iii) Lần thứ ba (năm 1999), sau Đại hội XIV, đời sống kinh tế - xã hội Trung Quốc đã có những thay đổi to lớn, kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, phương thức phân phối ngày càng đa dạng, chế độ trách nhiệm ngày càng hoàn thiện, công tác xây dựng pháp chế dân chủ ngày càng được tăng cường. Ngày 15/3/1999, Kỳ họp thứ hai Nhân đại toàn quốc Trung Quốc khóa IX đã thông qua việc sửa đổi 6 điều, từ Điều 12 đến Điều 17 của Hiến pháp.

Ba lần sửa đổi Hiến pháp nói trên đã bổ sung 3 điều, sửa đổi 14 điều. Trong đó chủ yếu là sửa Điều 3 trong lời nói đầu, trọng tâm tập trung vào tư tưởng chủ đạo, thêm vào Điều 3 cụm từ “đang ở vào giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội”, căn cứ vào nội dung lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, đã sửa “văn minh cao độ, dân chủ cao độ” thành “giàu mạnh, dân chủ, văn minh”; sửa Điều 12 chương I, Điều 1 chương II, Điều 1 chương III.

(iv) Lần thứ tư (năm 2004), Trung Quốc nhận định Hiến pháp hiện hành là một bộ Hiến pháp tốt, thực tiễn hơn 20 năm kể từ khi ra đời cho thấy, về tổng thể bản Hiến pháp này đã phù hợp với nhu cầu cải cách mở cửa và công cuộc xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Tuy nhiên, bên cạnh đó, thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc đã có những thay đổi to lớn về kinh tế - xã hội. Chính vì thế, việc thay đổi và bổ sung một số nội dung của Hiến pháp cho phù hợp là hết sức cần thiết. Nội dung sửa đổi Hiến pháp lần này chủ yếu đề cập 13 vấn đề liên quan đến sự phát triển và sinh tồn của đất nước¹.

¹. Chủ yếu là: (i) Xác định vị trí và vai trò chủ đạo quan trọng của “tư tưởng ba đại diện” trong đời sống kinh tế, chính trị của đất nước; (ii) Bổ sung nội dung thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa văn minh vật chất, văn minh tinh thần và văn minh chính trị; (iii) Do đi sâu cải cách mở cửa cũng như phát triển văn hóa và kinh tế, nên trong xã hội đã xuất hiện giai tầng mới, điều này cũng có nghĩa là mặt trận thống nhất đang không ngừng lớn mạnh; (iv) Hoàn thiện chế độ trung dụng đất đai; (v) Làm rõ hơn phương châm của Nhà nước đối với việc phát triển kinh tế phi công hữu (ngoài quốc doanh); (vi) Hoàn thiện quy định bảo vệ tài sản tư hữu; (vii) Tăng thêm

Sửa đổi Hiến pháp lần này khác hẳn 3 lần trước đó, chủ yếu được thể hiện qua một số đặc điểm sau đây: (i) Trung cầu ý kiến trước, sau đó Trung ương mới hình thành phương án sửa đổi; (ii) Sau khi thảo luận trong Bộ Chính trị, và Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XVI thẩm định thông qua, mới đề xuất ý kiến với Nhân đại toàn quốc; (iii) Căn cứ vào ý kiến của các đại biểu, Nhân đại toàn quốc thẩm định thông qua, sau đó mới tiến hành sửa đổi các điều khoản. Chính vì vậy, sửa đổi Hiến pháp lần này đã tạo điều kiện cho việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tính ưu việt của chế độ XHCN, huy động được sự tham gia tích cực của quần chúng nhân dân, có lợi cho việc thống nhất Trung Quốc, đoàn kết dân tộc, ổn định xã hội, thúc đẩy kinh tế phát triển và tiến bộ xã hội toàn diện.

(v) Lần thứ 5 (tháng 3/2018), sửa đổi Hiến pháp lần này dựa trên nguyên tắc: (i) Những vấn đề nào buộc phải sửa đổi thì phải sửa đổi; (ii) Vấn đề còn tranh cãi thì chưa sửa đổi [田国强、陈旭东 (Điền Quốc Cường, Trần Húc Đông), 2018]. Một trong những thay đổi đáng chú ý của lần sửa đổi Hiến pháp này đó là bỏ quy định giới hạn năm quyền 02 nhiệm kỳ đối với vị trí Chủ tịch nước. Lần này sửa đổi nhiều điều khoản, có điều khoản tập trung vào đội ngũ công chức nhà nước, có điều khoản tập trung vào công dân phổ thông, nhìn chung phạm vi sửa đổi tương đối rộng.

Trải qua những lần sửa đổi trên, bản Hiến pháp hiện hành của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngoài Lời nói đầu ra được chia làm 4 chương, 143 điều và bao gồm những nội dung chủ yếu là: Tổng quan (Chương I); Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân (Chương II); Cơ cấu quốc gia (Chương III), bao gồm: Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Chủ tịch nước CHND Trung Hoa, Quốc vụ viện, Quân Ủy Trung ương, Đại hội đại biểu nhân dân địa phương các cấp và chính quyền nhân dân địa phương các cấp, Cơ quan tự trị của khu tự trị dân tộc, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy, Thủ đô (Chương 4).

ĐCS Trung Quốc xác định, việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hiến pháp là hết sức cần thiết, trọng tâm là tăng cường tính pháp luật, tính quy phạm của Hiến

quy định xây dựng chế độ kiến toàn xã hội; (viii) Tăng thêm quy định tôn trọng và bảo vệ nhân quyền; (ix) Hoàn thiện quy định về tổ chức của Nhân đại toàn quốc; (x) Đổi giới nghiêm thành tình trạng khẩn cấp; (xi) Tăng thêm quy định đối với chức quyền của Chủ tịch nước; (xii) Sửa đổi nhiệm kỳ chính quyền hương trấn và (xiii) Tăng thêm quy định về Quốc ca.

pháp, phải xoay quanh việc thực hiện Hiến pháp, xây dựng và kiện toàn các chế độ Hiến pháp.

(2) Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc

Hiến pháp của Trung Quốc quy định, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua ĐHĐBNDTQ (ĐHĐBNDTQ) và ĐHĐBND các cấp địa phương. Đây là nguyên tắc chính trị cơ bản nhất trong thể chế chính trị của Trung Quốc [浦兴祖 (Phó Hưng Tổ), 2003, tr. 337].

ĐHĐBNDTQ là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đại biểu được bầu lên từ các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương và lực lượng vũ trang. Trong số các đại biểu có đại diện của ĐCS Trung Quốc, các đảng phái chính trị dân chủ, các tổ chức xã hội, các dân tộc, các giai cấp và các tầng lớp nhân dân khác nhau. Nhiệm kỳ của ĐHĐBNDTQ là 5 năm, mỗi năm tổ chức Hội nghị một lần và bầu ra cơ quan thường trực của mình là Ban thường vụ.

ĐHĐBNDTQ là cơ chế thuộc chính thể chế độ cộng hòa dân chủ đại nghị XHCN đặc sắc Trung Quốc. Đó là hình thức thực hiện của chuyên chính dân chủ nhân dân, phản ánh toàn bộ diện mạo đời sống chính trị, trực tiếp liên quan đến vấn đề căn bản nhất trong đời sống chính trị Trung Quốc [浦兴祖 (Phó Hưng Tổ) 2003, tr. 5].

ĐHĐBNDTQ mỗi năm họp một lần, mỗi lần khoảng 20 ngày, xen giữa các kỳ họp thường niên này là nhiều kỳ họp khác. Các kỳ họp này thường do Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ triệu tập. Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ là cơ quan thường trực của ĐHĐBNDTQ, là cơ quan quyền lực nhà nước tối cao trong thời gian giữa các kỳ họp của ĐHĐBNDTQ. Thành phần của Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ bao gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Trưởng ban thư ký, các Ủy viên. Nhiệm kỳ của Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ là 5 năm, Chủ tịch và các Phó chủ tịch có thể được giữ chức vụ liên tục 2 nhiệm kỳ, các Ủy viên không được phép đồng thời làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước, tòa án và viện kiểm sát.

Để thực hiện hiệu quả quyền lực quốc gia, ĐHĐBNDTQ đã thành lập các Ủy ban chuyên trách. Các cơ quan này mang tính bổ sung quan trọng cho cơ quan quyền lực Nhà nước tối cao, chuyên đảm nhiệm công việc mang tính chuyên môn trong các lĩnh

vực² [Phó Hưng Tô, 2003, tr. 35-36]. Thành phần của Ủy ban chuyên trách phải là đại biểu ĐHĐBNDTQ, trong đó gồm các thành viên chuyên trách, Ủy viên Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ thường đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm của các Ủy ban này. Hội nghị của Ủy ban chuyên trách có hai loại: (i) Hội nghị toàn thể, thông thường mỗi tháng họp một lần; (ii) Hội nghị Chủ nhiệm Ủy ban chuyên trách, thông thường nửa tháng họp một lần.

ĐHĐBNDTQ là chế độ chính trị căn bản của Trung Quốc, cơ quan này đã phát huy tác dụng tương đối tốt, tính quyền uy ngày càng được tăng cường. Tuy nhiên, so với mục tiêu của cải cách thể chế chính trị và nhu cầu dân chủ XHCN thì vẫn cần phải tiếp tục được hoàn thiện hơn nữa. Đây là một nội dung hết sức quan trọng trong cải cách thể chế chính trị và xây dựng dân chủ XHCN, sẽ được tiếp tục hoàn thiện dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc.

(3) *Chủ tịch nước*

Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đều do ĐHĐBNDTQ bầu ra và phải chịu trách nhiệm trước ĐHĐBNDTQ. Bất kỳ công dân nào của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tròn 45 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử đều có thể được bầu làm Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch nước. Mỗi nhiệm kỳ của Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước là 5 năm và không được phép giữ chức vụ đó quá 02 nhiệm kỳ liên tục, nhưng đến năm 2017, sau khi sửa đổi Hiến pháp, quy định về giới hạn thời gian giữ chức vụ này đã bị xóa bỏ.

Chủ tịch nước có những chức năng như sau: (i) Căn cứ vào quyết định của ĐHĐBNDTQ và Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ để công bố đạo luật, bổ nhiệm và miễn nhiệm Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Ủy viên Quốc vụ viện, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban, Thẩm kế trưởng, Tổng thư ký Quốc vụ viện. Tặng thưởng huân chương Nhà nước và phong tặng các danh hiệu, ban bố lệnh ân xá, tuyên bố tình trạng khẩn cấp, chiến tranh và ban hành lệnh tổng động viên; (ii) Đại diện cho nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tiến hành những hoạt động của nguyên thủ quốc gia,

². Bao gồm: Ủy ban Dân tộc; Ủy ban Pháp luật; Ủy ban Kinh tế - Tài chính; Ủy ban Giáo dục - Khoa học - Văn hóa - Y tế; Ủy ban Đối ngoại; Ủy ban Hoa kiều; Ủy ban Tư pháp nội vụ; Ủy ban Bảo vệ tài nguyên và môi trường; Ủy ban Nông nghiệp và nông thôn. Ngoài ra, còn có Ủy ban Điều tra đặc biệt, đây là một loại Ủy ban lâm thời của ĐHĐBNDTQ và sẽ tự giải tán sau khi nhiệm vụ điều tra kết thúc.

tiếp các đại diện ngoại giao của nước ngoài. Căn cứ vào quyết định Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ để cử hay triệu hồi Đại sứ của Trung Quốc ở nước ngoài. Phê chuẩn và hủy bỏ những điều ước và hiệp định quan trọng ký kết với nước ngoài; (iii) Khi Chủ tịch nước từ chức, Phó Chủ tịch nước sẽ lên thay.

(4) Quốc vụ viện

Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tức là chính quyền nhân dân Trung ương, là cơ quan chấp hành quyền lực nhà nước tối cao. Cơ quan này chịu trách nhiệm trước ĐHĐBNDTQ và báo cáo công việc lên ĐHĐBNDTQ, trong thời gian giữa các kỳ họp của ĐHĐBNDTQ sẽ chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ ĐHĐBNDTQ và báo cáo công việc cho Ban Thường vụ ĐHĐBNDTQ.

Thành phần Quốc vụ viện bao gồm: Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Ủy viên Quốc vụ viện, các Bộ trưởng, Thẩm kế trưởng và Tổng thư ký Quốc vụ viện. Thủ tướng do Chủ tịch nước đề cử, ĐHĐBNDTQ quyết định, sau đó Chủ tịch nước bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thủ tướng và Phó Thủ tướng là 05 năm và không được phép giữ chức vụ này quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp. Thủ tướng chịu hoàn toàn trách nhiệm, lãnh đạo công việc của Quốc vụ viện. Các Phó Thủ tướng và Ủy viên Quốc vụ viện giúp đỡ Thủ tướng thi hành công việc. Các phiên họp toàn thể của Quốc vụ viện và phiên họp của Thường vụ Quốc vụ viện đều do Thủ tướng triệu tập và chủ tọa. Các vấn đề quan trọng của Quốc vụ viện phải được bàn bạc quyết định tại phiên họp toàn thể hoặc thường vụ của Quốc vụ viện.

Hiện nay, cơ quan trực thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc bao gồm: 26 bộ và ủy ban, 10 tổng cục, 2 văn phòng, 9 đơn vị sự nghiệp và 16 cục. Các bộ và ủy ban đều là cơ quan chức năng của Quốc vụ viện, lãnh đạo và quản lý công việc hành chính về mặt nào đó của chính phủ, thực hiện quyền lực hành chính quốc gia tương đối độc lập trong lĩnh vực đó. Các bộ và ủy ban đảm nhận chức năng và quản lý những lĩnh vực khác nhau³.

³. Có thể chia làm 5 loại: (i) Bộ phận điều tiết vĩ mô, bao gồm: Ủy ban Kế hoạch phát triển quốc gia, Bộ Tài chính... với nhiệm vụ bảo đảm cân bằng tổng lượng kinh tế, kiểm soát lạm phát, cải thiện kết cấu kinh tế, thực hiện phát triển kinh tế nhanh chóng, liên tục và lành mạnh, kiểm toàn hệ thống điều tiết vĩ mô, hoàn thiện các biện pháp kinh tế, pháp luật, cải thiện cơ chế điều tiết vĩ mô; (ii) Bộ phận quản lý các lĩnh vực kinh tế chuyên nghiệp, bao gồm: Bộ Đường sắt, Bộ Giao thông, Bộ Nông nghiệp, Bộ Thủy lợi..., có nhiệm vụ định ra quy hoạch ngành nghề và chính sách ngành nghề, quản lý ngành nghề, hướng dẫn điều chỉnh ngành nghề,

Văn phòng Quốc vụ viện phụ trách, xử lý các công việc hàng ngày, do Tổng Thư ký Quốc vụ viện lãnh đạo. Tổng Thư ký là trợ thủ hành chính cho Thủ tướng lãnh đạo công việc của Quốc vụ viện, có quyền tham gia Hội nghị thường vụ của Quốc vụ viện. Các cơ quan trực thuộc khác quản lý một nghiệp vụ chuyên môn nào đó, có nghiệp vụ độc lập, hệ thống và chuyên môn.

Cơ quan trực thuộc là cơ quan chủ quản nghiệp vụ hành chính chuyên môn nào đó, nghiệp vụ của nó mang tính độc lập, hệ thống và chuyên môn, không thuộc về bộ, ủy ban nào, mà cần cơ quan chuyên môn quản lý, như: Tổng cục Hải quan, Cục Du lịch quốc gia, Cục Hàng không dân dụng...

Cơ quan Văn phòng là cơ quan được thành lập trong nội bộ Quốc vụ viện để giúp đỡ Thủ tướng làm việc về chuyên môn nào đó, như: Văn phòng Nghiên cứu, Văn phòng Hồng Kông, Ma Cao, Văn phòng Đối ngoại. Việc thiết lập, hủy bỏ, hợp nhất các văn phòng này do Quốc vụ viện quyết định, Thủ tướng quyết định việc bổ nhiệm và bãi nhiệm thủ trưởng hành chính của các Văn phòng đó.

(5) Ủy ban Quân sự Trung ương

Ủy ban Quân sự Trung ương là cơ quan lãnh đạo quân sự tối cao dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc, lãnh đạo toàn bộ lực lượng vũ trang của quốc gia, bao gồm: Quân giải phóng nhân dân, Bộ đội cảnh sát vũ trang và dân binh. Cơ quan làm công tác chính trị của Ủy ban Quân sự Trung ương là Tổng bộ Chính trị Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, Tổng bộ Chính trị phụ trách công tác Đảng và công tác chính trị trong quân đội. Thể chế tổ chức và cơ cấu tổ chức Đảng trong quân đội do Quân Ủy Trung ương quy định.

Thành phần của Ủy ban Quân sự Trung ương bao gồm: Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch và các Ủy viên với nhiệm kỳ 5 năm. Ủy ban Quân sự Trung ương thực hiện chế độ Chủ tịch phụ trách, Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương do ĐHĐBNDTQ bầu ra, căn cứ vào đề cử của Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương, ĐHĐBNDTQ bổ

duy trì sự cạnh tranh bình đẳng giữa các ngành nghề; (iii) Bộ phận bảo đảm xã hội và quản lý tài nguyên, bao gồm: Bộ Bảo đảm xã hội và Tài nguyên nhân lực, Bộ Tài nguyên quốc gia; (iv) Bộ phận chính vụ quốc gia, bao gồm: Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ An ninh quốc gia, Ủy ban dân tộc...; (v) Bộ phận quản lý giáo dục, khoa học, y tế và văn hóa, gồm: Bộ Giáo dục, Bộ Khoa học kỹ thuật, Bộ Văn hóa, Bộ Y tế.

nhệm các thành viên khác của Ủy ban Quân sự Trung ương. Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương chịu trách nhiệm trước ĐHĐBNDTQ và Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ. ĐHĐBNDTQ có quyền bãi miễn Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương và các thành viên khác.

Ủy ban Quân sự Trung ương chịu trách nhiệm và báo cáo trước ĐHĐBNDTQ và Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ, đặt dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc.

Các cơ quan của Ủy ban Quân sự Trung ương gồm có:

(i) Các Bộ Tổng: Tham mưu⁴, Chính trị⁵, Hậu cần⁶, Kỹ thuật⁷;

Những cơ quan bộ tổng vừa là cơ quan làm việc của Ủy ban Quân sự Trung ương, vừa là cơ quan lãnh đạo quản lý công việc quân sự, chính trị, hậu cần quân nhu của toàn quân và có nhiệm vụ chính là: Đảm bảo thực hiện quyết sách chiến lược và các phương châm chính sách của Ủy ban Quân sự Trung ương về tác chiến và xây dựng quân đội.

Bộ Quốc phòng là bộ phận làm việc về quân sự của Quốc vụ viện. Chức năng và quyền hạn của Bộ Quốc phòng bao gồm: Thống nhất quản lý công việc xây dựng lực lượng vũ trang của cả nước, ví dụ như biên chế, trang bị, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, quân hàm... Công việc cụ thể của Bộ quốc phòng do Bộ Tổng tham mưu, Tổng bộ Chính trị, Tổng cục Hậu cần và Tổng cục Kỹ thuật chỉ huy. Bộ Quốc phòng không có trách nhiệm thống lĩnh và chỉ huy lực lượng vũ trang của cả nước, đối với những hoạt động liên quan đến giao lưu đối ngoại quân sự, sẽ lấy danh nghĩa là Bộ Quốc phòng.

(ii) Cơ quan lãnh đạo quân binh chủng, gồm cơ quan lãnh đạo hải quân, không quân và pháo binh 2 (lực lượng tên lửa). Đây là các cơ quan nghiệp vụ chuyên trách của Ủy ban Quân sự Trung ương, đảm trách phần việc trong lĩnh vực hẹp, bên dưới

⁴. Bộ Tổng Tham mưu là cơ quan lãnh đạo quân sự phụ trách lãnh đạo xây dựng quân sự cho lực lượng vũ trang trong cả nước, tổ chức chỉ huy hành động quân sự của lực lượng vũ trang trong cả nước, thiết lập các bộ phận nghiệp vụ như: Tác chiến, tình báo, thông tin, huấn luyện quân sự, cơ yếu.

⁵. Tổng bộ Chính trị là cơ quan lãnh đạo phụ trách công tác Đảng trong quân đội, tổ chức tiến hành công tác chính trị, thiết lập các bộ phận như: Tổ chức, cán bộ, tuyên truyền.

⁶. Tổng cục Hậu cần là cơ quan lãnh đạo phụ trách, tổ chức, lãnh đạo công tác hậu cần, thiết lập các bộ phận như: Tài vụ, quân nhu, y tế, giao thông quân sự.

⁷. Tổng cục Kỹ thuật là cơ quan lãnh đạo phụ trách lãnh đạo công việc trang bị cho toàn quân, có các phòng như: Kế hoạch tổng hợp, hậu cần quân binh chủng, bảo đảm trang bị thông dụng.

lại biên chế tổ chức thành các đơn vị nhỏ, tương đương với các quân chủng của Việt Nam là hải quân, phòng không - không quân.

(iii) Cơ quan lãnh đạo các chiến khu

Đây là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Quân đội Trung Quốc trong các khu vực chiến lược, thường biên chế thành Bộ Tư lệnh, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần... Nhiệm vụ là phụ trách công việc chỉ huy tác chiến của bộ đội hải, lục, không quân trong quân khu trực thuộc và các công việc về quân sự, chính trị, hậu cần của bộ đội trực thuộc mình, đồng thời, lãnh đạo công việc dân binh, động viên và xây dựng trận địa trong các quân khu trực thuộc. Năm 1985, Ủy ban Quân sự Trung ương Trung Quốc quyết định điều chỉnh và hợp nhất các đại quân khu trước kia thành 07 đại quân khu, đó là: Bắc Kinh, Thẩm Dương, Lan Châu, Tế Nam, Nam Kinh, Quảng Châu và Thành Đô. Ngày 01/02/2016, Trung Quốc chính thức quyết định đổi 07 đại quân khu thành 05 đại chiến khu, gồm: Miền Đông, Miền Nam, Miền Tây, Miền Bắc và Miền Trung, bởi các quân khu trước đây không đáp ứng được đòi hỏi của việc phối hợp tác chiến. Theo tổ chức biên chế mới này, các đại chiến khu sẽ phụ trách từng địa bàn cụ thể⁸. Trong mỗi chiến khu sẽ thành lập Bộ Tư lệnh liên hợp, thực hiện quyền chỉ huy tác chiến thống nhất đối với bộ đội hải quân, lục quân, không quân và lực lượng dân quân, cảnh sát vũ trang thuộc địa bàn mình quản lý. Rõ ràng, việc cơ cấu lại thành 05 vùng tác chiến cho thấy mô hình tổ chức theo quân khu trước đây chưa đáp ứng được những đòi hỏi của việc phối hợp tác chiến. Vì thế, sự thay đổi này đã giúp xóa bỏ ranh giới tác chiến chia cắt theo vùng trước đây, hình thành hệ thống tác chiến liên vùng, có khả năng phản ứng, cơ động nhanh; chú trọng phát triển lực lượng hải quân, không quân, tên lửa chiến lược, tác chiến điện tử và không gian mạng, nhằm nâng cao khả năng tác chiến trên biển và tác chiến trong môi trường điện tử của chiến tranh hiện đại.

(6) Tòa án nhân dân

⁸. Đại chiến khu Miền Đông sẽ chịu trách nhiệm chỉ huy chiến dịch tại khu vực Đài Loan và quần đảo Điếu Ngư (Nhật Bản gọi là Senkaku). Đại chiến khu Miền Tây sẽ chịu trách nhiệm trước sự thâm nhập của các phần tử cực đoan và ly khai. Đại chiến khu Miền Bắc sẽ chịu trách nhiệm tại khu vực Nhật Bản, Triều Tiên và Hàn Quốc. Đại chiến khu miền Nam sẽ chịu trách nhiệm tại khu vực biển Nam Trung Hoa (Việt Nam gọi là Biển Đông) và Đông Nam Á. Đại chiến khu còn lại (Miền Bắc) có nhiệm vụ bảo vệ chính quyền Trung ương và là hậu phương vững chắc để chi viện và hỗ trợ 4 vùng tác chiến khác.

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nhà nước, có nhiệm vụ xét xử các vụ án hình sự và dân sự nhằm trừng trị các phần tử phạm tội, giải quyết các vụ tranh chấp giữa các công dân để bảo vệ nền chuyên chính dân chủ nhân dân, duy trì pháp chế XHCN và trật tự xã hội, bảo vệ các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm cho sự nghiệp xây dựng CNXH. Ngoài ra, cơ quan này còn giáo dục công dân lòng yêu Tổ quốc, ý thức tự giác tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Tòa án nhân dân Trung Quốc gồm: Tòa án nhân dân tối cao và các tòa án nhân dân địa phương (tòa án nhân dân cấp cao; tòa án nhân dân cấp trung; tòa án nhân dân cấp dưới). Ngoài ra, còn một số tòa án đặc biệt như: Tòa án quân sự, Tòa án đường sắt...

Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất, giám sát các hoạt động của tòa án nhân dân địa phương và tòa án đặc biệt. Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm trước ĐHĐBNDTQ và Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ. Chánh án và Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do ĐHĐBNDTQ bầu và bãi miễn, các thẩm phán khác do Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là 05 năm và không được giữ chức vụ đó quá hai nhiệm kỳ liên tục. Tòa án nhân dân tối cao được thiết lập trụ sở ở các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tòa án nhân dân cấp cao được thiết lập ở tỉnh, khu tự trị. Tòa án nhân dân cấp trung được thiết lập ở các đặc khu có các cơ quan hành chính cấp bộ, các đặc khu tự trị và các thành phố tương đối lớn trực thuộc tỉnh và khu tự trị. Tòa án nhân dân cấp dưới được thiết lập ở cấp quận, huyện, vùng. Tòa án nhân dân địa phương hoàn toàn chịu trách nhiệm trước ĐHĐBND địa phương tương đương và chịu sự giám sát của tòa án nhân dân cấp cao hơn. Theo quy định của Hiến pháp Trung Quốc, tòa án nhân dân xét xử công khai trừ những vụ án liên quan tới bí mật quốc gia, bí mật cá nhân, vị thành niên. Thẩm phán thực hiện thẩm quyền của mình một cách độc lập, không phụ thuộc vào cơ quan lập pháp, hành pháp hay bất kỳ một tổ chức chính trị - xã hội nào đó.

(7) Viện Kiểm sát nhân dân

Viện Kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là cơ quan giám

sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước và cá nhân, cũng như thực hiện quyền công tố của Nhà nước. Cơ cấu tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân Trung Quốc gồm: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương; Viện Kiểm sát nhân dân cấp quận, huyện, thị trấn và Viện Kiểm sát nhân dân đặc biệt.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm trước ĐHĐBNDTQ và Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ, có chức năng giám sát các Viện Kiểm sát nhân dân địa phương. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao do ĐHĐBNDTQ bầu theo đề cử của Chủ tịch nước, nhiệm kỳ 04 năm và không được giữ chức vụ này qua hai nhiệm kỳ liên tục.

Viện Kiểm sát nhân dân địa phương do ĐHĐBND địa phương cùng cấp bầu ra và ĐHĐBND cấp trên phê chuẩn, nhiệm kỳ là 04 năm và không được giữ chức vụ này trong hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Viện Kiểm sát nhân dân có những chức năng và quyền hạn sau đây: (i) Có quyền kiểm sát những vụ án phản bội Tổ quốc, chia rẽ đất nước và các vụ án đặc biệt khác; (ii) Thẩm tra các vụ án do cơ quan công an quyết định bắt, khởi tố và miễn tố; (iii) Đưa ra công tố và giúp đỡ công tố các vụ án hình sự; (iv) Giám sát các cơ quan công an, tòa án nhân dân, nhà tù và những nơi giam giữ, cải tạo lao động [Dương Xuân Ngọc, Lưu Văn An, 2003, tr. 347-348]. Ngoài ra, cơ quan này cũng có quyền giám sát các cơ quan chính quyền, kiểm tra, giám sát các cơ quan dân sự, bắt giữ bọn tội phạm và phản cách mạng, thẩm tra những lời buộc tội của cơ quan an ninh để đưa ra quyết định có xét xử hay không. Đồng thời, còn có chức năng giáo dục công dân lòng yêu nước, ý thức tự giác tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tích cực đấu tranh chống những hành vi vi phạm pháp luật.

Viện Kiểm sát nhân dân Trung Quốc vừa là cơ quan được ủy nhiệm trước tòa, vừa là cơ quan bảo vệ quyền lợi chung trong quá trình xét xử. Theo quy định của Hiến pháp Trung Quốc, Viện Kiểm sát nhân dân hoạt động một cách độc lập, không chịu sự can thiệp của bất cứ cơ quan, cá nhân và tổ chức chính trị - xã hội nào.

(8) Chính quyền địa phương

Theo quy định của Hiến pháp Trung Quốc, phân chia khu vực hành chính hiện nay của Trung Quốc gồm: (i) Cả nước chia thành các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương; (ii) Tỉnh, khu tự trị chia thành châu tự trị, huyện, huyện tự trị, thành phố; (iii) Huyện, huyện tự trị chia thành xã, xã dân tộc, trấn. Thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố tương đối lớn chia thành khu, huyện. Khu tự trị, châu tự trị, huyện tự trị đều là địa phương tự trị dân tộc. Khi cần thiết, Nhà nước sẽ thiết lập khu hành chính đặc biệt [浦兴祖 (Phó Hưng Tổ), 2003, tr. 44]. Theo phân chia hành chính này, hiện nay Trung Quốc chia thành 23 tỉnh (bao gồm Đài Loan là tỉnh thứ 23), 05 khu tự trị: Nội Mông, Choang (Quảng Tây), Tây Tạng, Ninh Hạ, Duy Ngô Nhĩ (Tân Cương), 05 thành phố trực thuộc Trung ương: Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh và Quảng Đông và 02 khu hành chính đặc biệt: Hồng Kông và Ma Cao [Dương Xuân Ngọc, Lưu Văn An, 2003, tr. 348].

Cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương là ĐHĐBND các cấp địa phương và chính quyền nhân dân địa phương. Ở các khu tự trị dân tộc là cơ quan tự quản, nó được thành lập phù hợp với sự phân chia hành chính của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Đại hội đại biểu nhân dân các cấp địa phương

Đại hội đại biểu nhân dân các cấp địa phương là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ở địa phương. Đại biểu ĐHĐBND cấp tỉnh (tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương) và cấp địa khu (châu tự trị, thành phố có chia quận) được ĐHĐBND cấp dưới bầu lên, tức là cử tri bầu cử gián tiếp. Đại biểu ĐHĐBND cấp huyện (huyện, huyện tự trị, thành phố không chia quận, các quận thành phố) và cấp xã (xã, xã dân tộc, trấn) sẽ do cử tri bầu trực tiếp. Nhiệm kỳ ĐHĐBND các cấp địa phương là 05 năm [浦兴祖 (Phó Hưng Tổ), 2003, tr. 51].

ĐHĐBND địa phương cấp huyện trở lên thiết lập ra ban thường vụ của mình. Đây là một biện pháp quan trọng trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Ban thường vụ của ĐHĐBND địa phương cấp huyện trở lên là cơ quan thường trực của ĐHĐBND địa phương cấp tương đương, trong thời gian giữa kỳ họp của ĐHĐBND địa phương cấp tương đương, sẽ thực hiện quyền hạn và chức năng mà pháp luật cho

phép, chịu trách nhiệm và báo cáo công việc với ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp tương ứng. Chính quyền nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân cấp huyện trở lên phải chịu trách nhiệm và báo cáo công việc cho Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp tương đương trong thời gian giữa các kỳ họp của ĐHĐBND địa phương cấp tương đương. Mỗi nhiệm kỳ của ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp huyện trở lên là 5 năm. Cơ quan này chịu trách nhiệm triển khai thi hành các công việc cụ thể, thường ngày của ĐHĐBND cấp mình.

Chính quyền nhân dân địa phương các cấp

Chính quyền nhân dân địa phương các cấp là cơ quan chấp hành của ĐHĐBND các cấp địa phương, chịu trách nhiệm trước ĐHĐBND địa phương cùng cấp và chịu trách nhiệm trước Chính quyền nhân dân cấp trên. Chính quyền nhân dân địa phương các cấp được chia làm 4 cấp là cấp tỉnh, cấp địa khu, cấp huyện và cấp xã.

Chính quyền nhân dân cấp tỉnh:

Chính quyền nhân dân cấp tỉnh là cơ quan hành chính quốc gia địa phương cấp I, phụ thuộc vào ĐHĐBND địa phương cấp tương đương và Ban thường vụ của cơ quan này. Do lệ thuộc vào Chính quyền nhân dân Trung ương nên phải chịu sự chỉ huy và lãnh đạo thống nhất của Quốc vụ viện. Tuy nhiên, cơ quan này có quyền lãnh đạo thống nhất đối với công việc của chính quyền nhân dân cấp dưới. Chính quyền cấp tỉnh gồm: tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng, chủ tịch và phó chủ tịch khu tự trị, thị trưởng và phó thị trưởng, tổng thư ký, chủ nhiệm văn phòng, cục trưởng, chủ nhiệm các ủy ban. Nhiệm kỳ của chính quyền nhân dân cấp tỉnh là 05 năm.

Theo nguyên tắc lãnh đạo thống nhất của Chính quyền Trung ương và quản lý ngành dọc, chính quyền nhân dân cấp tỉnh tham chiếu việc thành lập các bộ phận chức năng của Quốc vụ viện, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế của mình để thành lập các cơ quan hành chính, về cơ bản là giống như Quốc vụ viện, ngoại trừ cơ quan hành chính chủ quản những công việc quan trọng mang tính toàn quốc như: Ngoại giao, Quốc phòng. Thông thường chính quyền nhân dân cấp tỉnh có khoảng 50 cơ quan hành chính, không kể Văn phòng, thực hiện các nhiệm vụ, chức trách khác nhau.

Chính quyền nhân dân cấp địa khu:

Cấp địa khu là một đơn vị hành chính khá đặc thù ở Trung Quốc. Do đặc trưng lãnh thổ rộng lớn, một tỉnh tại Trung Quốc có diện tích thậm chí gần bằng diện tích đất liền Việt Nam (tỉnh Tứ Xuyên), nếu bên dưới chỉ thiết lập các huyện, số đơn vị đầu mỗi này có thể lên tới 30-40 huyện, rất khó quản lý, vì thế Trung Quốc xác lập đơn vị hành chính cấp địa khu, mỗi địa khu quản lý một số huyện, do vậy có thể hiểu tương đương sang tiếng Việt là cụm huyện.

Thành phần chính quyền cấp địa khu gồm: thị trưởng, phó thị trưởng, tổng thư ký, cục trưởng và chủ nhiệm ủy ban. Nhiệm kỳ của chính quyền nhân dân cấp địa khu là 05 năm. Do phạm vi quản lý cụ thể và nội dung quản lý có sự khác biệt, nên cơ quan hành chính trực thuộc chính quyền nhân dân cấp địa khu của Trung Quốc cũng có sự khác biệt về tên gọi và số lượng, nhưng thông thường đều thiết lập cục, ủy ban và văn phòng, tổng cộng khoảng 40-50 bộ phận chức năng [浦兴祖 (Phó Hưng Tô), 2003, tr. 184].

Chính quyền nhân dân cấp huyện:

Chính quyền nhân dân cấp huyện vừa là cơ quan chấp hành của ĐHĐBND địa phương cấp huyện, vừa là cơ quan hành chính quốc gia địa phương. Chính vì thế, nó phải chịu trách nhiệm và báo cáo công việc cho ĐHĐBND địa phương cấp tương đương, trong thời gian giữa kỳ họp của ĐHĐBND địa phương cấp mình, thì phải chịu trách nhiệm và báo cáo công việc cho Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp mình; chịu trách nhiệm và báo cáo công việc cho chính quyền nhân dân cấp trên, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Quốc vụ viện; chỉ đạo công việc của chính quyền nhân dân cấp dưới. Thành phần của chính quyền nhân dân cấp huyện gồm: huyện trưởng, phó huyện trưởng, thị trưởng, phó thị trưởng, khu trưởng, phó khu trưởng, cục trưởng, nhiệm kỳ hoạt động là 05 năm.

Chính quyền nhân dân cấp xã:

Chính quyền nhân dân cấp xã là cầu nối giữa Nhà nước, chính quyền với đông đảo quần chúng nhân dân ở nông thôn, chính vì thế cơ quan này chiếm một vị trí hết sức quan trọng trong hệ thống tổ chức hành chính của Trung Quốc. Chính quyền nhân dân cấp xã vừa là cơ quan chấp hành của ĐHĐBND địa phương cấp tương đương,

vừa là cơ quan hành chính nhà nước ở cơ sở. Vì vậy, sẽ phải chịu trách nhiệm và báo cáo công việc trước ĐHĐBND địa phương cấp tương đương, và chịu trách nhiệm cũng như báo cáo công việc trước chính quyền nhân dân cấp trên, hoàn thành các công việc hành chính mà chính quyền nhân dân cấp trên giao cho, đồng thời, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Quốc vụ viện, ngoài ra, còn chỉ đạo công việc của Ủy ban thôn dân và Ủy ban cư dân nằm trong khu vực hành chính của mình.

Thành phần của chính quyền nhân dân cấp xã bao gồm: xã trưởng, phó xã trưởng, trấn trưởng, phó trấn trưởng và có nhiệm kỳ hoạt động là 03 năm. Chính quyền nhân dân cấp xã cũng sẽ thiết lập những cơ quan hành chính của mình để quản một công việc nào đó, cụ thể như: Văn phòng công nghiệp, giao thông, tài chính, mậu dịch, y tế - giáo dục; Trạm thú y, thủy lợi, lâm nghiệp, cung ứng vật tư; phòng công thương, thuế vụ, tài chính.

Bên cạnh hệ thống bộ máy nhà nước nói trên, thể chế chính trị Trung Quốc còn bao gồm một số chế độ chính trị mang đặc sắc Trung Quốc sau:

(1) Đảng Cộng sản Trung Quốc

Đảng Cộng sản Trung Quốc là cơ cấu lãnh đạo về chính trị, tổ chức và tư tưởng đối với toàn bộ hệ thống bộ máy chính trị Trung Quốc. Sự lãnh đạo đó là một thể thống nhất hữu cơ. Lãnh đạo về chính trị chính là lãnh đạo nguyên tắc chính trị, phương hướng chính trị, quyết sách to lớn. Cụ thể, lãnh đạo nguyên tắc chính trị là lãnh đạo và đoàn kết các dân tộc trong cả nước, lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên trì 04 nguyên tắc cơ bản, kiên trì cải cách mở cửa, tự lực cánh sinh, gian khổ tạo nghiệp, phấn đấu cho việc xây dựng Trung Quốc thành một nước XHCN hiện đại hóa giàu mạnh, dân chủ, văn minh. Những nguyên tắc này là nguyên tắc kiên trì lâu dài của Trung Quốc. Lãnh đạo về phương hướng là căn cứ vào nguyên tắc chính trị nhất định để đưa ra mục tiêu phấn đấu cụ thể cho từng giai đoạn lịch sử nhất định, ví dụ mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 của Trung Quốc là GDP tăng gấp đôi so với năm 2000, nâng cao mức sống khá giả của nhân dân sung túc hơn, hình thành thể chế kinh tế thị trường XHCN tương đối hoàn thiện. Lãnh đạo, chỉ đạo việc hoạch định những

quyết sách to lớn trên các lĩnh vực như: Kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, pháp luật...nhằm thực hiện mục tiêu đã định.

ĐCS Trung Quốc xác định, lãnh đạo tổ chức là thông qua cán bộ Đảng, tổ chức Đảng các cấp và đông đảo đảng viên để tổ chức và dẫn dắt quần chúng thực hiện những nhiệm vụ và chủ trương của Đảng, phát huy vai trò cốt cán và đầu tàu của cán bộ đảng viên trong mọi lĩnh vực, không ngừng nâng cao uy tín và sức chiến đấu của Đảng. Lãnh đạo về tổ chức là sự bảo đảm cho lãnh đạo về chính trị và tư tưởng.

Lãnh đạo về tư tưởng là giáo dục, vũ trang chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình cho toàn Đảng, toàn dân, để toàn Đảng, toàn dân tự giác cống hiến cho sự nghiệp CNXH mà Đảng lãnh đạo, để nhận thức đúng đắn và giải quyết những vấn đề Trung Quốc gặp phải, tuyên truyền đường lối, phương châm và chính sách cho quần chúng nhân dân, biến chủ trương của Đảng thành hành động tự giác của nhân dân. Chỉ có sự lãnh đạo tư tưởng đúng đắn thì mới có thể định ra và thực hiện đường lối chính trị và tổ chức của Đảng.

Phương thức lãnh đạo chủ yếu của ĐCS Trung Quốc là làm cho chủ trương của Đảng trải qua trình tự luật định trở thành ý chí của Nhà nước, thông qua hoạt động của tổ chức Đảng và vai trò tiên phong của đảng viên để dẫn dắt quần chúng nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong suốt một thời gian tương đối dài, cơ quan lãnh đạo các cấp của ĐCS Trung Quốc và chính quyền tồn tại hiện tượng giữa Đảng và chính quyền phân định chức năng không rõ ràng, Đảng làm thay chính quyền. Chính hiện tượng đó đã gây ra những hậu quả không tốt cho Đảng và Nhà nước. Do vậy, Trung Quốc đã xác định cần phải tách bạch chức năng của Đảng và chính quyền, nhưng điều đó không có nghĩa là không cần sự lãnh đạo của Đảng, ngược lại sẽ càng phát huy tốt hơn vai trò là hạt nhân lãnh đạo của Đảng. Đảng và chính quyền không phân chia rõ ràng, Đảng làm thay chính quyền sẽ làm suy yếu năng lực lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, với một số cơ quan/tổ chức chính trị đặc thù cùng chung chức năng, có bộ máy tổ chức tương đương trong bộ máy đảng và bộ máy chính quyền như Ủy ban Kiểm tra kỷ luật, giám sát các cấp của Đảng và cơ quan thanh tra, giám sát các cấp của chính

quyền, Trung Quốc hiện vẫn áp dụng chế độ “hợp thự biện công”, tức là dùng chung trụ sở làm việc, thực hiện lồng ghép, thống nhất chức năng, dùng chung nhân sự giữa hai cơ quan này. Đây là điểm rất đáng lưu ý, có thể so sánh, đối chiếu để tham khảo, vận dụng trong thực tiễn đổi mới hệ thống chính trị tại Việt Nam hiện nay, trong trường hợp lồng ghép, sáp nhập giữa Ban Tuyên giáo Huyện ủy với Phòng Văn hóa, Thông tin cấp huyện.

** Về hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Trung Quốc*

ĐCS Trung Quốc là một chính thể thống nhất, căn cứ vào Cương lĩnh và Điều lệ của Đảng, theo nguyên tắc tập trung dân chủ để tổ chức nên. Hệ thống tổ chức của ĐCS rất chặt chẽ. gồm 04 bộ phận cấu thành, đó là: tổ chức Trung ương; tổ chức địa phương; tổ chức cơ sở và tổ Đảng.

- Tổ chức Trung ương

Tổ chức Trung ương ĐCS Trung Quốc hiện nay có Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; Ban Chấp hành Trung ương; Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư, Ủy ban Quân sự Trung ương và Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương.

(i) Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Theo quy định hiện nay của Điều lệ Đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng 05 năm họp một lần do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập. Chức năng và quyền hạn của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng bao gồm: Lắng nghe và xem xét báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương và Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương; thảo luận và quyết định những vấn đề to lớn của Đảng; sửa đổi Điều lệ Đảng; bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương; (ii) Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong thời gian giữa các kỳ Đại hội và có nhiệm kỳ 05 năm. Trong thời gian giữa các kỳ Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương thực hiện các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc, lãnh đạo toàn bộ công việc của Đảng; đưa ra những quyết sách cho các vấn đề to lớn như: Nội chính, ngoại giao, kinh tế, quốc phòng; giới thiệu bầu người nắm giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan chính quyền Nhà nước tối cao; thực hiện lãnh đạo chính trị mọi công việc; thay mặt ĐCS

trong quan hệ đối ngoại. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương do Bộ Chính trị triệu tập, mỗi năm họp ít nhất 01 lần; (iii) Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị là do Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương bầu ra, sẽ thực hiện quyền hạn và chức năng của Ban Chấp hành Trung ương trong thời gian giữa các kỳ Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương. Theo quy định của Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong thời gian giữa các nhiệm kỳ Đại hội, còn Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Bộ Chính trị là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng trong thời gian giữa các kỳ Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương; (iv) Ban Bí thư Trung ương là cơ quan văn phòng của Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Bộ Chính trị, các thành viên sẽ do Ban Thường vụ Bộ Chính trị đề cử, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương thông qua. Ban Bí thư Trung ương ĐCS Trung Quốc thường có khoảng 5-7 người; (v) Tổng Bí thư là người phụ trách Trung ương Đảng, do Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương bầu ra từ Ban vụ Bộ Chính trị, phụ trách triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Bộ Chính trị, chủ trì công việc của Ban Bí thư Trung ương; (vi) Ủy ban Quân sự Trung ương là cơ quan lãnh đạo quân sự cao nhất của Đảng. Thành viên do Ban Chấp hành Trung ương quyết định, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và một số ủy viên. Hiến pháp năm 1954 của Trung Quốc quy định: Chủ tịch nước thống lĩnh lực lượng vũ trang cả nước. Cùng năm đó, Trung ương Đảng cũng thiết lập lại Ủy ban Quân sự Trung ương của Đảng, từ đó cơ quan này luôn tồn tại và lãnh đạo tuyệt đối đối với Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc và các lực lượng vũ trang khác. Năm 1982, Hiến pháp chính thức quy định thành lập Ủy ban Quân sự Trung ương quốc gia và do ĐHĐBNDTQ bầu ra. Từ đó, hai Ủy ban Quân sự Trung ương trong Đảng và trong hệ thống Nhà nước cùng tồn tại. Trên thực tế, hai Ủy ban Quân sự Trung ương đó chỉ là một cơ quan, một êkíp, chỉ là cùng một lúc có hai thân phận trong Đảng và trong cơ quan Nhà nước. Điều đó vừa có lợi cho việc kiên trì sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, lại vừa làm rõ địa vị của lực lượng vũ trang nhân dân trong hệ thống chính quyền Nhà nước; (vii) Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương là cơ quan kiểm tra kỷ luật cao nhất của Đảng, do Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng bầu ra, làm việc dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp

hành Trung ương. Nhiệm vụ chủ yếu của cơ quan này là duy trì Điều lệ Đảng và các văn bản pháp quy khác trong nội bộ Đảng, hỗ trợ cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng tăng cường xây dựng tác phong của Đảng, kiểm tra tình hình thực hiện đường lối, phương châm, chính sách và nghị quyết của Đảng. Ngoài ra, Trung ương Đảng còn xây dựng một số cơ quan trực thuộc để thực hiện chức vụ và quyền hạn, cũng như nhiệm vụ một cách có hiệu quả, cụ thể như: Ban Tuyên truyền, Trường Đảng Trung ương, Tiểu tổ lãnh đạo kinh tế - tài chính Trung ương, Tiểu tổ công tác Đài Loan...

- Tổ chức địa phương

Tổ chức địa phương của Đảng bao gồm Đại hội đại biểu các cấp địa phương của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp địa phương, Thường vụ Đảng ủy các cấp địa phương, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật các cấp địa phương. Cụ thể: (i) Đại hội đại biểu các cấp địa phương là cơ quan lãnh đạo các cấp địa phương của Đảng với quyền hạn và chức năng là lắng nghe, xem xét báo cáo của Ban Chấp hành và Ủy ban Kiểm tra kỷ luật cùng cấp; thảo luận những vấn đề lớn trong phạm vi khu vực của mình và ra nghị quyết, bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ cùng cấp. Đại hội đại biểu địa phương của Đảng 5 năm họp một lần; (ii) Ban Chấp hành các cấp địa phương của Đảng là cơ quan lãnh đạo của Đảng cao nhất ở địa phương trong thời gian giữa các kỳ Đại hội đại biểu Đảng cùng cấp, do Đại hội đại biểu Đảng cùng cấp bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành các cấp địa phương của Đảng là 05 năm và mỗi năm họp ít nhất 2 lần; (iii) Thường vụ Đảng ủy các cấp địa phương, Bí thư và Phó Bí thư do Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ cùng cấp bầu ra và phải được Ban Chấp hành Đảng cấp trên phê chuẩn. Thường vụ Đảng ủy các cấp địa phương thực hiện chức năng, quyền hạn của Ban Chấp hành trong thời gian giữa các kỳ Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành; (iv) Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Đảng các cấp địa phương do Đại hội đại biểu Đảng cùng cấp bầu ra, làm việc dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng cùng cấp và Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Đảng cấp trên và có nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm vụ chủ yếu của ủy ban này cũng giống như Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật Trung ương.

- Tổ chức Đảng cơ sở

Tổ chức Đảng cơ sở là tổ chức của Đảng xây dựng ở cơ sở. Ở các đơn vị như doanh nghiệp, cơ quan, trường học..., cứ có 03 đảng viên chính thức trở lên thì đều thành lập tổ chức Đảng cơ sở. Tổ chức Đảng cơ sở căn cứ vào nhu cầu công việc và số lượng đảng viên, được sự phê chuẩn của Tổ chức Đảng cấp trên để xây dựng Ban Chấp hành, Ban Chấp hành tổng chi bộ, Ban Chấp hành chi bộ cơ sở. Ban Chấp hành cơ sở do Đại hội đảng viên hoặc Đại hội đại biểu Đảng bầu ra, Ban Chấp hành tổng chi bộ và chi bộ do Đại hội đảng viên bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cơ sở là 03 hoặc 04 năm, Ban Chấp hành tổng chi bộ và chi bộ là 02 hoặc 03 năm. Tổ chức Đảng cơ sở các cấp và trong cơ quan Nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ người phụ trách hành chính hoàn thành nhiệm vụ, cải tiến công việc, tiến hành giám sát từng đảng viên bao gồm cả người phụ trách hành chính, không lãnh đạo nghiệp vụ của đơn vị. Việc thành lập Ủy ban Kiểm tra kỷ luật hay Ủy viên kiểm tra kỷ luật của Ban Chấp hành cơ sở là do tổ chức Đảng cấp trên căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định, Ban Chấp hành tổng chi bộ và chi bộ có Ủy viên kiểm tra kỷ luật.

- Tổ Đảng

Theo quy định của Điều lệ ĐCS Trung Quốc, có thể thành lập tổ Đảng trong các cơ quan nhà nước, đoàn thể nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức văn hóa, tổ chức ngoài Đảng ở Trung ương và địa phương. Tổ Đảng là cơ cấu được thiết lập nhằm mục đích làm cho đường lối, phương châm, chính sách của ĐCS Trung Quốc được quán triệt thực hiện trong công việc của các tổ chức ngoài Đảng. Nhiệm vụ chủ yếu của tổ Đảng là thực hiện đường lối, phương châm, chính sách của ĐCS Trung Quốc, thảo luận và quyết định những vấn đề lớn của bộ phận đó, đoàn kết cán bộ ngoài Đảng và quần chúng, hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó, chỉ đạo công việc của cơ quan và tổ chức Đảng của đơn vị trực thuộc. Tổ Đảng có Bí thư và Phó Bí thư, phục tùng sự lãnh đạo của Ban Chấp hành đã được phê chuẩn thành lập.

(2) Các đảng phái chính trị dân chủ khác

- Sơ lược về các đảng phái chính trị dân chủ

Chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc chính là sự hợp tác hỗ trợ lẫn nhau giữa ĐCS và các đảng phái chính trị dân chủ khác, giúp cho ĐCS

lắng nghe được nhiều ý kiến quan điểm khác nhau, tiếp thu sự giám sát của các đảng phái khác, để quyết sách khoa học hơn, quy phạm hơn. Hiện nay, Trung Quốc có 08 đảng phái chính trị dân chủ, bao gồm: (i) Ủy ban cách mạng Quốc dân Đảng dân chủ Trung Quốc thành lập ngày 01/01/1948 ở Hồng Kông. Đảng này phần lớn là các đảng viên cũ của Quốc dân Đảng và những người có mối quan hệ với Quốc dân Đảng trong các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và tài chính, số lượng đảng viên tính đến năm 2022 là khoảng 158.000 người; (ii) Đồng minh Dân chủ Trung Quốc (gọi tắt là Dân Minh) thành lập vào tháng 03/1941 tại Trùng Khánh. Hội viên phần lớn là các nhà công nghệ và doanh nghiệp trước kia và một số đại biểu gắn bó với công thương nghiệp, tính đến năm 2022 có khoảng 1.958.800 người; (3) Hội Kiến quốc Dân chủ Trung Quốc (gọi tắt là Dân Kiến) thành lập vào tháng 12/1945 tại Trùng Khánh, thành viên chủ yếu là các nhà công thương nghiệp dân tộc yêu nước và những phần tử trí thức, số lượng thành viên thống kê được đến năm 2018 là 193.000 người. Hiện *Tạp chí Giới kinh tế* - một tạp chí khá uy tín trong lĩnh vực kinh tế Trung Quốc - là do Dân Kiến xuất bản; (iv) Hội Xúc tiến Dân chủ Trung Quốc (gọi tắt là Dân Tiến) thành lập tháng 12/1945 tại Thượng Hải, thành phần chủ yếu là những trí thức trong các ngành giáo dục, văn hóa, khoa học, xuất bản và những công việc khác. Tính đến năm 2016, Đảng này có khoảng 156.808 thành viên; (5) Đảng Dân chủ Công nông Trung Quốc (gọi tắt là Nông Công), tiền thân là Ủy ban Hành động lâm thời Quốc dân Đảng Trung Quốc. Năm 1935 đổi tên thành Ủy ban Hành động giải phóng dân tộc và đến tháng 02/1947 lại đổi tên thành Đảng Dân chủ Công nông Trung Quốc. Thành viên chủ yếu là phần tử trí thức trung, cao cấp trong các giới y học, khoa học kỹ thuật và giáo dục. Tính đến năm 2019, tổ chức Đảng này có hơn 177.940 thành viên; (vi) Đảng Chí công Trung Quốc (gọi tắt là Chí công) thành lập vào tháng 10/1945 tại San Francisco, Mỹ, có thành viên chủ yếu là Hoa kiều về nước, gia đình Hoa kiều và những nhân sĩ tiêu biểu có quan hệ với nước ngoài. Tính đến năm 2016, có khoảng 48.000 thành viên; (vii) Học xã Cửu tam (gọi tắt là Cửu tam) mà tiền thân là Hội nghị Khoa học dân chủ do các nhân sĩ giới học thuật yêu nước thành lập năm 1944 tại Trùng Khánh. Ngày 03/9/1945, nhân kỷ niệm kháng chiến thắng lợi, tổ chức này được đổi

tên thành “Hội nghị khoa học Cửu tam”. Tháng 5/1946, chính thức thành lập Học xã Cửu tam với các thành viên chủ yếu là phần tử trí thức trung, cao cấp trong giới khoa học kỹ thuật. Số lượng thành viên tính đến năm 2019 là 183.700 người. Học xã Cửu tam xuất bản tờ Tạp chí *Dân chủ và Khoa học*; (viii) Đồng minh Dân chủ tự trị Đài Loan (gọi tắt là Đài Minh) thành lập vào tháng 11/1947 tại Hồng Kông với thành viên chủ yếu là đồng bào Đài Loan sống ở Trung Quốc đại lục. Tính đến năm 2018, Đảng phái này có khoảng 3.000 thành viên.

Chế độ hoạt động của tổ chức các Đảng phái chính trị dân chủ là tập trung dân chủ, với những đặc điểm như cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử, ban chấp hành các cấp của Đảng chịu trách nhiệm và báo cáo công việc trước Đại hội đại biểu Đảng cùng cấp và tổ chức cấp trên, ban chấp hành các cấp của Đảng thực hiện chế độ kết hợp giữa lãnh đạo tập thể và trách nhiệm cá nhân, đảng viên phục tùng tổ chức, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, tổ chức địa phương phục tùng tổ chức Trung ương.

Các đảng phái chính trị dân chủ ở Trung Quốc đều ra đời trong thời kỳ Quốc dân Đảng còn nắm quyền tại Trung Quốc. Trong thời kỳ đó, chỉ có ĐCS Trung Quốc và Quốc dân Đảng là hai đảng đối lập, còn các đảng phái chính trị dân chủ khác chỉ là tầng lớp trung gian. Cùng với sự phát triển của lịch sử, các đảng phái chính trị dân chủ cũng trải qua những bước thăng trầm của cách mạng Trung Quốc. Sau khi khôi phục hoạt động đến nay, các đảng phái chính trị dân chủ đã phát triển rất nhanh chóng. Tuy nhiên, các đảng phái chính trị dân chủ không phải là đảng đối lập với ĐCS Trung Quốc, mà là đảng bạn, hợp tác cùng với ĐCS Trung Quốc tập trung sức lực cho sự nghiệp CNXH, hay nói cách khác các đảng phái chính trị dân chủ là đảng tham chính.

- Hệ thống tổ chức của các Đảng phái chính trị dân chủ

Cơ cấu tổ chức của các Đảng phái chính trị dân chủ được chia ra làm 3 cấp: tổ chức Trung ương, tổ chức địa phương và tổ chức cơ sở.

Tổ chức Trung ương: Thông thường gồm có Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương và Thường vụ, Hội nghị Chủ tịch và Cơ quan tham nghị (giám sát). Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của các đảng phái chính

trị dân chủ, thường 05 năm họp một lần, do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập, có nhiệm vụ thảo luận và quyết định phương châm cũng như những vấn đề to lớn của các đảng phái; lắng nghe và xem xét báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương; sửa đổi điều lệ của Đảng mình; bầu ra Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm kỳ là 05 năm, mỗi năm họp một lần hội nghị toàn thể, do Thường vụ Trung ương triệu tập. Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ lắng nghe và xem xét báo cáo của Thường vụ Trung ương; thảo luận và quyết định những vấn đề trọng đại của Đảng mình; bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường vụ. Thường vụ Trung ương thực hiện chức năng của Ban Chấp hành Trung ương trong thời gian giữa các kỳ hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, lãnh đạo công việc của đảng phái mình. Thường vụ Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm. Hội nghị Chủ tịch bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Tổng thư ký, căn cứ vào quyết định của Ban Chấp hành Trung ương và Thường vụ Trung ương để chủ trì các công việc thường ngày của Trung ương hoặc những vấn đề to lớn trong thời gian giữa các kỳ hội nghị của Thường vụ Trung ương. Một số đảng phái còn thiết lập cơ quan giám sát trung ương, các thành viên cơ quan này do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra.

Tổ chức địa phương: Tổ chức địa phương của các đảng phái chính trị dân chủ đa phần phân thành 03 cấp: cấp tỉnh, cấp địa khu và cấp huyện, bao gồm Đại hội đại biểu và Ban Chấp hành Đại hội đại biểu đó bầu ra. Đại hội đại biểu các cấp địa phương 05 năm họp một lần, do Ban Chấp hành cùng cấp triệu tập, thông thường đây là cơ quan lãnh đạo địa phương cao nhất của các đảng phái. Ban Chấp hành các cấp địa phương lãnh đạo công việc của tổ chức địa phương thuộc đảng mình trong thời gian giữa các kỳ Đại hội đại biểu cùng cấp, mỗi nhiệm kỳ 05 năm. Căn cứ vào nhu cầu công việc, tại các tổ chức đảng ở địa phương, các đảng phái tham chính này có thể bầu ra một số ủy viên thường vụ và một tổng thư ký để tạo thành Ban Thường vụ.

Tổ chức cơ sở: Tổ chức cơ sở của các đảng phái chính trị dân chủ phải căn cứ vào số lượng đảng viên, đơn vị sở tại, hệ thống và khu vực để xây dựng. Các đảng phái có quy định khác nhau về số đảng viên ít nhất là bao nhiêu thì có thể thành lập một Chi bộ. Dưới Chi bộ có thể thành lập Tiểu tổ, trên Chi bộ có thể thành lập Tổng

Chi bộ. Ban Chấp hành Chi bộ, Tổng Chi bộ và cơ sở đều do Đại hội đảng viên cấp tương ứng bầu ra, nhiệm kỳ thông thường là 03 năm.

- Các hình thức tham gia hoạt động

Các đảng phái chính trị dân chủ thông qua nhiều hình thức để tham gia hoạt động của chính quyền, đời sống chính trị của đất nước cũng như công cuộc xây dựng CNXH. Tựu trung lại có những phương thức chủ yếu sau đây: (i) Tham gia chính quyền và bình luận chính trị (tham chính, nghị chính), cụ thể là tham gia chính quyền, tham gia hiệp thương những phương châm chính trị lớn của đất nước, cũng như bầu ra lãnh đạo Nhà nước, tham gia quản lý công việc của đất nước, tham gia việc định ra phương châm, chính sách, pháp luật, văn bản pháp quy Nhà nước. Đây là một hình thức chủ yếu trong hoạt động của các đảng phái. Tác dụng của các hình thức này ngày càng nổi bật. Hiệp thương giữa ĐCS Trung Quốc và các đảng phái chính trị dân chủ là một bộ phận cấu thành quan trọng trong việc các đảng phái chính trị tham gia chính quyền và bình luận chính trị, những hoạt động đó ngày càng chế độ hóa, quy phạm hóa. Hình thức hiệp thương chủ yếu là các đảng phái chính trị dân chủ này cùng ĐCS tham gia hội nghị hiệp thương dân chủ; hội nghị bàn bạc cấp cao; các buổi tọa đàm. Ngoài ra, các đảng phái chính trị dân chủ và các nhân sĩ không đảng phái có thể đưa ra ý kiến bằng văn bản cho Trung ương ĐCS về những vấn đề lớn như: Phương châm chính trị lớn của đất nước và xây dựng hiện đại hóa, còn có thể hẹn gặp những người phụ trách của Trung ương ĐCS để trao đổi trực tiếp. Những hoạt động nói trên của các đảng phái chính trị dân chủ là sự phát huy tác dụng cần có của các tổ chức này trong việc xây dựng chính quyền Trung ương và quản lý công việc đất nước; (ii) Giám sát dân chủ, có nghĩa là các đảng phái chính trị dân chủ giám sát ĐCS và cơ quan Nhà nước. Cách giám sát của các đảng phái chính trị dân chủ là đưa ra ý kiến và phê bình trong các buổi tọa đàm dân chủ mà Trung ương ĐCS, Quốc vụ viện, Đảng ủy các cấp của ĐCS và Chính phủ triệu tập; thành viên của các đảng phái chính trị dân chủ trong ĐHĐBNDTQ và Hiệp thương chính trị tham gia vào việc điều tra những vấn đề liên quan; tham gia giám sát Chính phủ, điều tra dự án lớn về kiểm toán, công thương và kiểm tra tài chính, thu thuế. Những hoạt động đó của các đảng

phái chính trị dân chủ đã có tác dụng rất tốt trong việc đảm bảo tính chính xác và quán triệt thực hiện những chính sách lớn của ĐCS và Nhà nước Trung Quốc; (iii) Phục vụ và gắn kết, có nghĩa là các đảng phái chính trị dân chủ triển khai các hoạt động để phục vụ cho công cuộc xây dựng văn minh vật chất, tinh thần XHCN và thống nhất Tổ quốc, thông qua nhiều con đường, cách thức khác nhau để gắn kết mối liên hệ giữa một bộ phận quần chúng nhân dân với ĐCS và cơ quan Nhà nước. Chính vì thế, các đảng phái chính trị dân chủ trở thành cầu nối và con đường để liên hệ và gắn kết giữa ĐCS, cơ quan Nhà nước với quần chúng nhân dân. Kiên trì và hoàn thiện chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS là một trong những nội dung quan trọng trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay.

(3) Cơ chế hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Trong thể chế chính trị của Trung Quốc, ngoài ĐCS cầm quyền còn có những chính đảng khác, hay còn gọi là “các đảng phái chính trị dân chủ khác”. Những đảng phái đó khác hẳn với “chính đảng dân chủ” của phương Tây, vì họ không có khả năng cầm quyền, và cũng không giống với “thế lực đối lập” ở các nước đang phát triển vì họ không muốn tranh giành sự cầm quyền với Đảng cầm quyền, thậm chí họ không có nguyện vọng cầm quyền [吴安家 (Ngô An Gia), 1994, tr. 243]. Nhưng họ lại là đoàn thể chính trị, cùng tồn tại với ĐCS chuyên chính, họ không những không dần mất đi, mà ngược lại có chiều hướng phát triển hơn nữa [吴安家 (Ngô An Gia), 1994, tr. 244].

Nước CHND Trung Hoa là nước XHCN chuyên chính dân chủ nhân dân lấy giai cấp công nhân làm lãnh đạo và liên minh công nông làm cơ sở. Đó là tính chất căn bản của Nhà nước Trung Quốc, chính tính chất đó đã quyết định buộc phải kiên trì địa vị lãnh đạo của ĐCS - đội quân tiên phong của giai cấp công nhân Trung Quốc trong chính quyền Trung ương. Lịch sử và hiện thực đã chứng minh, chỉ có ĐCS Trung Quốc mới có thể lãnh đạo nhân dân Trung Quốc giành được độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân và đem lại thắng lợi cho CNXH, mới có thể mở ra con đường mới xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, thực hiện chấn hưng dân tộc, làm lớn mạnh đất nước, thống nhất Tổ quốc và đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

(4) Chế độ hiệp thương chính trị

(i) Tính chất, nhiệm vụ

Chế độ hiệp thương chính trị là một loại chế độ mà đại biểu của ĐCS, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc thiểu số và các giới trong xã hội coi Hội nghị Hiệp thương chính trị (tức hiệp thương chính trị nhân dân hoặc Chính Hiệp) là hình thức tổ chức để thường xuyên tiến hành hiệp thương chính trị về những phương châm chính trị lớn của đất nước với đặc điểm mấu chốt nhất là: kiên trì sự lãnh đạo của ĐCS là điều kiện tiên đề; chủ thể có tổ chức, tầng nấc, mang tính đại biểu rộng rãi; nội dung mang tính chính trị và toàn cục; hình thức tổ chức là lấy Chính Hiệp làm Mặt trận thống nhất yêu nước; kết quả hiệp thương tuy không có hiệu lực pháp lý, cũng không hình thành ý chí quốc gia, nhưng có ý nghĩa đối với kiến nghị, tư vấn, tham khảo quan trọng cho công việc của Đảng và Nhà nước, có ảnh hưởng nhất định đến những quyết sách của Đảng và Nhà nước.

Hội nghị Hiệp thương chính trị là mặt trận thống nhất có địa vị quan trọng trong đời sống chính trị Trung Quốc. Từ năm 1978, Hội nghị này hoạt động trở lại sau mấy chục năm ngưng trệ. Hàng năm, Trung Quốc đều triệu tập các Hội nghị Hiệp thương chính trị từ Trung ương đến địa phương, và thường được tiến hành cùng thời gian với ĐHĐBNDTQ để cùng bàn bạc những vấn đề to lớn của đất nước. Hội nghị này đưa ra ý kiến, thông qua nghị quyết, có tác dụng quan trọng cho công cuộc xây dựng CNXH và xây dựng cơ quan chính quyền Nhà nước.

Nhiệm vụ tổng quát của Chính Hiệp là phấn đấu góp sức cho việc thực hiện nhiệm vụ chung của ĐCS và Nhà nước Trung Quốc trong các giai đoạn lịch sử. Nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay của Chính Hiệp là toàn tâm toàn ý củng cố và phát triển hơn nữa mặt trận thống nhất, đoàn kết tất cả những ai có thể đoàn kết được, đồng tâm hiệp lực để duy trì và phát triển cục diện chính trị đoàn kết an định, thúc đẩy dân chủ XHCN và xây dựng pháp chế, phấn đấu cho việc mở ra toàn diện cục diện mới của công cuộc xây dựng hiện đại hóa XHCN và thực hiện mục tiêu chung của các dân tộc trong cả nước. Có thể nói, Hiệp thương chính trị là một nét đặc trưng quan trọng trong nền dân chủ XHCN ở Trung Quốc.

(ii) Chức năng chủ yếu

Hiệp thương chính trị: Là tiến hành hiệp thương về những vấn đề quan trọng của Nhà nước và địa phương trên các mặt như phương châm chính trị lớn, chính trị, kinh tế, văn hóa và đời sống xã hội, cũng như những vấn đề như quan hệ nội bộ của Chính Hiệp, cụ thể là: (i) Định kỳ triệu tập Hội nghị toàn thể, Hội nghị thường vụ, Hội nghị Chủ tịch, thường xuyên lắng nghe báo cáo của Trung ương ĐCS, Quốc vụ viện và những cơ quan/tổ chức phụ trách có liên quan, đồng thời tiến hành thảo luận và đưa ra kiến nghị cũng như ý kiến; (ii) Tổ chức và tham gia các Hội nghị Hiệp thương dân chủ. Như vậy có thể thấy rằng, Chính Hiệp tiến hành hiệp thương những vấn đề to lớn của đất nước Trung Quốc, là một thành phần cấu thành quan trọng trong thể chế chính trị dân chủ XHCN.

Giám sát dân chủ: Là giám sát thông qua phương thức kiến nghị và phê bình đối với việc thực thi Hiến pháp, pháp luật và văn bản pháp quy của Nhà nước, quán triệt thực hiện những chính sách lớn, những công việc của cơ quan Nhà nước và nhân viên của các cơ quan này. Thực chất đó là một loại giám sát mang tính quần chúng, phản ánh một cách có tổ chức những ý kiến của Mặt trận thống nhất. Đây là một hình thức quan trọng để phát huy dân chủ XHCN. Phương thức cơ bản để giám sát dân chủ của Chính Hiệp là thông qua đề án, tức là những ý kiến, kiến nghị bằng văn bản mà Ủy ban Chính Hiệp nêu ra về những vấn đề to lớn trên các mặt như: những phương châm chính trị lớn của Nhà nước, những sự việc trọng đại của địa phương, đời sống của quần chúng và trong Mặt trận thống nhất đã được Ủy ban đề án thẩm tra lập dự án. Thông qua phương thức này, các đảng phái chính trị dân chủ giám sát, tham gia chính quyền và bình luận chính trị, cũng như hiến kế cho công cuộc xây dựng “Hai văn minh” (văn minh vật chất và văn minh tinh thần), đồng thời cũng là con đường quan trọng hỗ trợ cho Đảng và Nhà nước Trung Quốc liên hệ với các nhân sĩ trên các mặt, lắng nghe ý kiến, cải tiến công việc, thực hiện quyết sách khoa học hóa, dân chủ hóa. Thông qua hình thức đệ trình đề án, Ủy ban Chính Hiệp đã đưa ra nhiều ý kiến và kiến nghị hay, điều đó có tác dụng tích cực đối với việc củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân, thúc đẩy công cuộc xây dựng hiện đại hóa XHCN, thúc đẩy cải cách mở cửa, duy trì đoàn kết và an ninh.

Tham gia chính quyền và bình luận chính trị: Là sự mở rộng và kéo dài của hiệp thương chính trị và giám sát dân chủ, chủ yếu tập trung vào các đề tài mà quần chúng nhân dân quan tâm, Đảng và Nhà nước coi trọng mà Chính Hiệp có điều kiện triển khai thực hiện, tổ chức điều tra nghiên cứu, tích cực chủ động đưa ra những ý kiến mang tính xây dựng cho cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

(iii) Hệ thống tổ chức

Đại biểu tham dự Hội nghị Hiệp thương chính trị bao gồm: đại biểu của ĐCS; đại biểu của các đảng phái chính trị dân chủ và đại biểu của các đoàn thể nhân dân. Điều lệ của Chính Hiệp quy định, những đơn vị và cá nhân tham gia Ủy ban Chính Hiệp toàn quốc và địa phương đều có nghĩa vụ tuân thủ và thực hiện điều lệ của Chính Hiệp, cũng như nghĩa vụ tuân thủ và thực hiện các nghị quyết của Chính Hiệp. Các đảng phái chính trị dân chủ với danh nghĩa của đảng mình để phát ngôn và đưa ra đề án trong Hội nghị Chính Hiệp. Nhưng tại ĐHĐBNĐTQ, thành viên của các đảng phái chính trị dân chủ chỉ được hoạt động với tư cách của đại biểu nhân dân, chứ không phải tư cách thành viên của đảng phái chính trị dân chủ. Các đơn vị và cá nhân trong Chính Hiệp các cấp đều có thể tự do tuyên bố rút khỏi Chính Hiệp.

+ Ủy ban Chính Hiệp toàn quốc

Bao gồm chủ tịch, một số phó chủ tịch và tổng thư ký, có một số nhiệm vụ sau đây: (i) Tiến hành thảo luận và hiệp thương với các nhà lãnh đạo của các chính đảng, tổ chức và các nhân sĩ yêu nước của các giới trong xã hội về các vấn đề trọng đại của đất nước, cũng như các vấn đề liên quan đến các hoạt động của địa phương; (ii) Động viên các lực lượng xã hội tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước; (iii) Đóng góp ý kiến và nhận xét phê bình đối với các cơ quan Nhà nước và người lãnh đạo của cơ quan đó, hỗ trợ cơ quan Nhà nước cải tiến để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hơn nữa; (iv) Nghiên cứu những vấn đề nảy sinh trong Mặt trận thống nhất và Ủy ban Chính Hiệp toàn quốc; (v) Thảo luận và nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đời sống nhân dân; (vi) Đưa ra những phương hướng chính trị nhằm thống nhất Tổ quốc...

Hội nghị toàn thể Chính Hiệp toàn quốc mỗi năm họp một lần, và có các chức

năng và quyền hạn sau đây: (i) Sửa đổi điều lệ Hội nghị Chính Hiệp, giám sát thực thi điều lệ; (ii) Bầu ra Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và Ủy viên Ban Chấp hành; (iii) Lắng nghe và xem xét báo cáo công tác của Ban Chấp hành; (iv) Thảo luận phương châm, nhiệm vụ công tác trọng đại trong khóa họp đó và đưa ra nghị quyết và (v) Tham dự thảo luận những phương châm chính sách lớn của Nhà nước, đưa ra những kiến nghị và phê bình.

Theo quy định, Hội nghị của Ban Chấp hành Chính Hiệp gồm có: hội nghị toàn thể, hội nghị chủ tịch, hội thảo chuyên đề, trong đó mỗi hội nghị có những nhiệm vụ khác nhau. Chủ tịch Chính Hiệp chủ trì công việc của Ban Chấp hành. Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký hỗ trợ công việc cho Chủ tịch. Căn cứ vào nhu cầu công việc, Chính Hiệp có thể thiết lập một số cơ quan do Ban Chấp hành quyết định, và hiện tại có 14 Ủy ban chuyên trách như: Ủy ban Đề án, Ủy ban Học tập, Ủy ban Tư liệu văn hóa lịch sử, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Khoa giáo, Ủy ban Khoa học kỹ thuật, Ủy ban Pháp chế... Những kiến nghị quan trọng của các ủy ban chuyên trách sẽ được trình lên Hội nghị Ban Chấp hành hoặc Hội nghị Chủ tịch thảo luận.

+ Ủy ban Chính Hiệp địa phương

Là Ủy ban Chính Hiệp được thiết lập ở địa phương các cấp. Theo quy định của Điều lệ Chính Hiệp năm 1982, tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương thiết lập Ủy ban Chính Hiệp của tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương; châu tự trị, thành phố có chia quận, huyện, khu tự trị, thành phố không chia quận, nếu có điều kiện đều có thể thành lập Ủy ban Chính Hiệp địa phương ở những nơi đó. Mỗi nhiệm kỳ của Ủy ban Chính Hiệp địa phương là 5 năm. Ủy ban Chính Hiệp địa phương các cấp bao gồm: chủ tịch, một số phó chủ tịch và tổng thư ký. Ủy ban Chính Hiệp của huyện, huyện tự trị, thành phố không chia quận có thể căn cứ vào tình hình thực tế mà không bắt buộc phải có tổng thư ký.

Ủy ban Chính Hiệp địa phương có nghĩa vụ tuân thủ và thực hiện những nghị quyết mang tính toàn quốc của Ủy ban Chính Hiệp toàn quốc, những nghị quyết mang tính toàn khu vực của Ủy ban Chính Hiệp cấp dưới đối với cấp trên. Quan hệ giữa Ủy ban Chính Hiệp toàn quốc và địa phương, quan hệ giữa Ủy ban Chính Hiệp cấp

trên và cấp dưới là quan hệ chỉ đạo.

Hội nghị của Ủy ban Chính Hiệp địa phương các cấp mỗi năm tiến hành họp một lần. Chức năng và quyền hạn bao gồm: Bầu ra Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và Ủy viên Ban Chấp hành cho Ủy ban Chính Hiệp địa phương; lắng nghe và xem xét báo cáo công tác của Ban Chấp hành; thảo luận và thông qua những nghị quyết liên quan; tham dự thảo luận những vấn đề lớn của đất nước và địa phương để đưa ra những kiến nghị và phê bình [浦兴祖 (Phó Hưng Tổ), 2003, tr. 412].

Chủ tịch của Ban Chấp hành Chính Hiệp địa phương các cấp chủ trì công việc của Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký giúp việc cho Chủ tịch. Hội nghị chủ tịch với thành phần gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký sẽ xử lý những công việc thường ngày quan trọng của Ban Chấp hành. Ủy ban Chính Hiệp địa phương các cấp có thể căn cứ vào tình hình cụ thể của mình để thiết lập những cơ quan làm việc và do Ban Chấp hành quyết định.

(5) Cơ chế bầu cử dân chủ

Cơ chế bầu cử dân chủ của Trung Quốc là tên gọi chung cho các chế độ được pháp luật quy định để bầu ra đại biểu cơ quan đại nghị và nhân viên công chức nhà nước. Đây là khâu then chốt của ĐHĐBNĐTQ. Việc bầu ra đại hội đại biểu nhân dân các cấp đều qua bầu cử, việc hình thành cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan thẩm phán và cơ quan giám sát cũng đều thông qua bầu cử. Căn cứ vào Hiến pháp và quy định pháp luật khác, nguyên tắc cơ bản trong cơ chế bầu cử chủ yếu gồm:

(i) Nguyên tắc phổ thông của quyền bầu cử. Đây là nguyên tắc cơ bản, chủ yếu thích hợp cho việc bầu cử trực tiếp đại biểu đại hội nhân dân. Theo điều 34 của Hiến pháp, có ba điều kiện cơ bản để hưởng quyền lợi bầu cử ở Trung Quốc: (1) Mang quốc tịch Trung Quốc; (2) Đủ 18 tuổi; (3) Chưa bị tước bỏ quyền lợi chính trị theo pháp luật.

(ii) Nguyên tắc bình đẳng trong quyền bầu cử. Tính bình đẳng trong quyền bầu cử là cử tri được hưởng quyền bỏ phiếu trong mỗi lần bầu cử và giá trị cũng như hiệu lực mà cử tri bỏ phiếu là như nhau. Tính bình đẳng của quyền bầu cử được thể hiện ở chỗ mọi người bình đẳng trước pháp luật.

(iii) Nguyên tắc cùng sử dụng bầu cử trực tiếp và gián tiếp. Theo Điều 2 của Luật Bầu cử, đại biểu của ĐHĐBNDTQ, đại biểu của ĐHĐBND của tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố trong đặc khu và châu tự trị do đại hội đại biểu nhân dân cấp dưới bầu cử. Đại biểu của ĐHĐBND cấp huyện và xã do cử tri trực tiếp bầu cử. Bầu cử trực tiếp dân chủ hơn so với bầu cử gián tiếp, tuy nhiên nếu căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa của Trung Quốc hiện nay thì bầu cử trực tiếp là tương đối thích hợp cho việc bầu cử đại biểu đại hội nhân dân cấp huyện và xã. Cùng với sự phát triển của đất nước và các mặt trong đời sống xã hội, phạm vi bầu cử trực tiếp sẽ được mở rộng.

(iv) Nguyên tắc tự do bầu cử. Tự do bầu cử là chỉ cử tri được tự do thực hiện quyền bầu cử theo ý nguyện của bản thân, căn cứ vào pháp luật. Ý nguyện tự do của cử tri trong bầu cử nếu không được đảm bảo thì không thể coi là bầu cử đúng nghĩa. Theo pháp luật, Trung Quốc sẽ bảo đảm tự do bầu cử bằng hai cách, đó là: Bỏ phiếu kín và bỏ phiếu tự do.

(6) Chế độ đặc khu hành chính và phương châm “một nước, hai chế độ”

Đặc khu hành chính (khu hành chính đặc biệt) của Trung Quốc gồm có Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan. Đặc khu hành chính hay khu hành chính đặc biệt là một thiết kế đặc biệt của Trung Quốc nhằm triển khai thực hiện phương châm “một nước, hai chế độ”. Phương châm “một nước, hai chế độ” được Đặng Tiểu Bình chính thức đề cập lần đầu tiên ngày 22/2/1984, trong cuộc hội kiến với đoàn đại biểu Trung tâm nghiên cứu chiến lược và vấn đề quốc tế tại Đại học Georgetown nước Mỹ. Đặng Tiểu Bình khẳng định: “Sau khi thống nhất, Đài Loan vẫn giữ chế độ tư bản chủ nghĩa, Trung Quốc đại lục là chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải là một nước Trung Quốc thống nhất - một nước hai chế độ. Vấn đề Hồng Kông cũng như vậy, một nước hai loại chế độ”. Nội hàm của “một nước, hai chế độ” bao gồm: (i) Vấn đề cốt lõi là “một nước”, tức kiên trì lấy thống nhất tổ quốc - một nước CHND Trung Hoa đại diện trên thế giới. Nhất quyết không tán thành phương án Đài Loan hoàn toàn tự trị, nghĩa là có thể tự trị nhưng là tự trị có giới hạn; (ii) Thực hành “một nước, hai chế độ” và hòa bình thống nhất tổ quốc, thì chính thể của quốc gia vẫn là nước XHCN,

lấy chế độ XHCN làm cơ sở thực hiện. Không có CNXH thì cũng không có “một nước, hai chế độ”; (iii) “Một nước, hai chế độ” có thể bảo đảm sự bất biến về chế độ xã hội ở Đài Loan, Hồng Kông và Ma Cao trong thời gian dài.

Theo phương châm “một nước, hai chế độ”, Trung Quốc xác định trong phạm vi nước CHND Trung Hoa sẽ thiết lập khu hành chính đặc biệt tại Đài Loan, Hồng Kông và Ma Cao. Tại các đặc khu này, không thay đổi chế độ xã hội, kinh tế và phương thức sinh hoạt; thực hiện chế độ xã khác với Trung Quốc đại lục; thực hiện tính độc lập tương đối và quyền tự trị cao độ dưới tiền đề thống nhất tổ quốc.

Để thực thi, ngay từ tháng 4/1990, Trung Quốc đã ban hành “Luật cơ bản của Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông nước CHND Trung Hoa”. Sau ngày 01/7/1997 khi Anh trao trả Hồng Kông cho Trung Quốc, Trung Quốc đã chính thức thành lập Đặc khu hành chính Hồng Kông. Ngày 20/12/1999, Trung Quốc khôi phục chủ quyền với Ma Cao đồng thời lập khu hành chính đặc biệt Ma Cao, thực hiện “một nước, hai chế độ” tại đây. Ngày 31/3/1993, Trung Quốc thông qua “Luật cơ bản khu hành chính đặc biệt Ma Cao nước CHND Trung Hoa”, theo đó trao quyền tự trị cao độ cho Ma Cao. Ma Cao có quyền quản lý hành chính, quyền lập pháp và tư pháp; duy trì chế độ và lối sống vốn có trong 50 năm kể từ ngày 20/12/1999. Riêng đối với Đài Loan, do thực tiễn vấn đề Đài Loan còn nhiều tồn tại, Chính quyền Trung ương Trung Quốc chưa thực sự giành quyền kiểm soát thực tế đối với Đài Loan nên việc triển khai “một nước, hai chế độ” tại đây vẫn chỉ dừng lại ở mức độ ý tưởng.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Bối cảnh chung

2.2.1.1. Bối cảnh nội bộ Trung Quốc

Trong khuôn khổ thời gian nghiên cứu của luận án, Trung Quốc tiếp tục trỗi dậy mạnh mẽ cả về kinh tế⁹ và quân sự, ngày càng bộc lộ tham vọng mở rộng hơn phạm vi lợi ích¹⁰. Thành tựu sau hơn 40 năm cải cách mở cửa đã giúp Trung Quốc

⁹. Tăng trưởng GDP Trung Quốc năm 2018 đạt 6,5%, nâng GDP Trung Quốc lên 13,2 nghìn tỷ USD, vượt tổng GDP của 19 nước Eurozone.

¹⁰. Trung Quốc đã chính thức nâng Biên Đông lên “lợi ích cốt lõi” (bài viết của Ủy viên Quốc vụ Dương Khiết Trì về “Tư tưởng ngoại giao Tập Cận Bình” đăng trên *Tạp chí Cầu thị* tháng 7/2017), mở căn cứ quân sự đầu

gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia đầy ấn tượng.

(1) Về chính trị

Sau Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc, Trung Quốc cơ bản đã chuyển từ “lãnh đạo tập thể” sang “hạt nhân lãnh đạo” với sự tập trung quyền lực cao độ vào Tập Cận Bình¹¹. Về đối ngoại, Trung Quốc đã từ bỏ hoàn toàn phương châm “giấu mình chờ thời”, lần đầu tiên công khai đề ra lộ trình cụ thể để vươn lên thành cường quốc thế giới vào giữa thế kỷ XXI. Đặc biệt, Trung Quốc đẩy mạnh triển khai Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI), coi đây là một “đại chiến lược” phục vụ cả mục tiêu địa-chiến lược và nhu cầu kinh tế, liên tục mở rộng phạm vi BRI từ tuyến châu Á đến châu Âu, Trung Đông, châu Phi sang châu Đại Dương, thậm chí vươn tới tận “sân sau” của Mỹ ở khu vực Mỹ - Latinh.

Một đặc điểm nổi bật của nền chính trị Trung Quốc sau Đại hội XVIII là vai trò của cá nhân lãnh tụ Tập Cận Bình được xác lập và củng cố vững chắc qua việc tái cơ cấu thể chế chính trị Trung Quốc. Thể chế chính trị của Trung Quốc hiện nay gồm hệ thống có tổ chức (theo chiều ngang và chiều dọc) cùng với sự vận hành được mạnh mẽ từ thời kỳ chiến tranh cách mạng, phát triển trong thời kỳ xây dựng CNXH và hoàn thiện trong thời kỳ cải cách mở cửa. Tuy nhiên, đứng trước yêu cầu mới phát triển kinh tế thị trường (coi nhân tố thị trường đóng vai trò quyết định trong phân bổ nguồn lực) và hội nhập quốc tế sâu rộng, khi cải cách đã bước vào “vùng nước sâu” và “giai đoạn công kiên”, nhất là thực hiện mục tiêu phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa, Tập Cận Bình đã có những ý tưởng và biện pháp nhằm thiết kế lại cho phù hợp.

Những ý tưởng mới này được chính Tập Cận Bình và các cộng sự gọi là “thiết kế từ óc” (quyết sách ở tầng cao nhất). Đó là việc thành lập các tổ (tiểu ban) lãnh đạo cải cách trên nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó bao trùm là Tổ lãnh đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương do Tập Cận Bình làm tổ trưởng. Đây thực chất là cơ cấu lãnh đạo quốc gia cao nhất, có tầng nấc cao, diện điều phối rộng và có tính quyền uy.

tiên ở nước ngoài tại Djibouti (8/2017), công bố Sách Trắng về Bắc Cực khẳng định có lợi ích tại đây (tháng 01/2018).

¹¹. Trung Quốc đã sửa đổi Hiến pháp, bỏ giới hạn nhiệm kỳ đối với chức danh Chủ tịch nước để tạo điều kiện cho Tập Cận Bình tiếp tục cầm quyền sau 2 nhiệm kỳ; “Tu tưởng Tập Cận Bình” đã được đưa vào Điều lệ Đảng và Hiến pháp sửa đổi.

Tổ này giống như một Bộ tổng chỉ huy cải cách trong thời kỳ mới, đảm bảo tính hệ thống, tính chỉnh thể và tính hiệp đồng của cải cách, góp phần phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, thống lĩnh toàn cục, điều phối hài hòa các phương diện của ĐCS Trung Quốc. Dưới tổ có các tiểu tổ phụ trách các lĩnh vực cải cách khác nhau như: Cải cách thể chế kinh tế và văn minh sinh thái; cải cách lĩnh vực pháp chế dân chủ; cải cách thể chế văn hóa; cải cách thể chế xã hội; cải cách chế độ xây dựng Đảng và cải cách thể chế kiểm tra kỷ luật... Những tiểu tổ này đã bao trùm các lĩnh vực trọng điểm cần thiết đi sâu cải cách hiện nay của Trung Quốc, đồng thời, coi trọng việc ràng buộc và giám sát đối với quyền lực.

Để đánh giá hiệu quả của việc thiết kế lại với tên gọi “thiết kế từ nóc” có lẽ còn cần thời gian. Tuy nhiên, việc làm này của Tập Cận Bình cũng cho thấy ông đã phát hiện ra những hạn chế hay khuyết tật của các thiết chế cũ - theo đó các “tập đoàn lợi ích” (bao gồm tập đoàn lợi ích bộ, ngành, tập đoàn lợi ích địa phương và tập đoàn lợi ích ngành nghề) đã tác động làm cho tiến trình cải cách mà ông muốn thúc đẩy để thực hiện “Giấc mơ Trung Quốc” bị chậm lại. Những hành động này của ông Tập Cận Bình cho thấy, các thiết chế được hình thành trước đây đã không còn thích ứng được với những biến đổi mới của tình hình quốc tế, đất nước và bản thân ĐCS Trung Quốc. Trong thiết chế cũ, các nguồn lực quốc gia được giao cho cơ quan hành pháp quản lý và phân phối, quyền lực của Thủ tướng Quốc vụ viện, các Bộ trưởng và Tỉnh trưởng rất lớn, tạo nên các tập đoàn lợi ích khác nhau như đã nêu. Đảng muốn thống lĩnh toàn cục, không có cách nào khác là phải thiết kế lại từ tầng nóc cao nhất – “thiết kế từ nóc” và Tổng Bí thư chính là người chịu trách nhiệm. Đây cũng là điều mà dư luận quốc tế cho rằng, ông Tập Cận Bình đang tập trung quyền lực, thậm chí sánh ngang với thời kỳ Mao Trạch Đông.

Cùng với việc thiết kế lại tổ chức bộ máy như đã nêu ở trên, ĐCS Trung Quốc và Tổng Bí thư Tập Cận Bình trong quá trình chuẩn bị Đại hội XIX đã đi bước tiếp theo là xây dựng thiết chế “hạt nhân lãnh đạo”.

Thực tế cho thấy, trong quá trình lãnh đạo cải cách mở cửa, nhằm thích ứng với tình hình mới sau sự kiện Thiên An Môn (1989), khi Giang Trạch Dân được đưa từ Thượng Hải lên làm Tổng Bí thư ĐCS Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đã xác định

Giang Trạch Dân là hạt nhân của thể hệ lãnh đạo thứ ba. Tuy nhiên, sau Đại hội XVI (2002), khi Hồ Cẩm Đào được bầu làm Tổng Bí thư, ĐCS Trung Quốc đã không thiết lập “hạt nhân lãnh đạo” nữa.

Đứng trước những biến đổi mới của tình hình quốc tế, đất nước và Đảng, Hội nghị Trung ương 6 khóa XVIII ĐCS Trung Quốc đã nêu lên một số nhận định quan trọng cho rằng: “Muốn làm tốt công việc của Trung Quốc, then chốt là ở Đảng, then chốt là Đảng phải quản lý Đảng, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện”; “Một quốc gia, một chính đảng, hạt nhân lãnh đạo là hết sức quan trọng” [Công báo Hội nghị nghị toàn thể Trung ương 6 khoá XVIII ĐCS Trung Quốc, 2016]. Từ cách đặt vấn đề như vậy, Hội nghị toàn thể Trung ương 6 khóa XVIII ĐCS Trung Quốc đã chính thức xác nhận hạt nhân của Trung ương Đảng là đồng chí Tập Cận Bình, “phát huy vai trò của hạt nhân”. Văn kiện Hội nghị này còn kêu gọi “toàn Đảng đoàn kết chặt chẽ xung quanh Trung ương Đảng với hạt nhân là đồng chí Tập Cận Bình”. Về vị trí và tầm quan trọng của hạt nhân lãnh đạo, Báo cáo Công tác Chính phủ do Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Khắc Cường trình bày tại Kỳ họp thứ 5 Nhân đại toàn quốc khóa XII của Trung Quốc (03/2017) đã đánh giá: “Hội nghị toàn thể Trung ương 6 khóa XVIII của Đảng chính thức làm rõ địa vị hạt nhân của Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã “thể hiện lợi ích căn bản của Đảng và nhân dân, có ý nghĩa vô cùng trọng đại và sâu xa, đảm bảo Đảng và Nhà nước hưng thịnh, phát đạt, ổn định lâu dài” [Lý Khắc Cường, 2017]. Như vậy, gần 05 năm sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc, Tập Cận Bình đã xác định được vị trí hạt nhân lãnh đạo trong Đảng, tạo điều kiện cho ông có quyền quyết định và chịu trách nhiệm trong việc chuẩn bị nhân sự, nhất là nhân sự cấp cao không chỉ cho Đại hội XIX mà còn cho cả Đại hội XX của ĐCS Trung Quốc.

Kể từ sau Đại hội XVIII, Trung ương ĐCS Trung Quốc với hạt nhân là Tập Cận Bình đã đề ra hàng loạt ý tưởng, tư tưởng và chiến lược mới về quản lý đất nước theo pháp luật, khái quát lại có một số nội dung quan trọng như: (i) Kiên trì tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý đất nước theo pháp luật; (ii) Kiên trì địa vị chủ thể của nhân dân; (iii) Kiên trì con đường pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc; (iv) Kiên trì xây dựng hệ thống pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc; (v) Kiên trì thúc đẩy đồng thời quản lý đất nước theo pháp luật, cầm quyền theo pháp luật, hành chính theo pháp

luật, xây dựng nhất thể hóa nhà nước pháp trị, chính phủ pháp trị, chính quyền pháp trị; (vi) Kiên trì quản lý đất nước theo Hiến pháp, cầm quyền theo Hiến pháp; (vii) Kiên trì thúc đẩy toàn diện lập pháp khoa học, chấp pháp nghiêm minh, tư pháp công bằng, toàn dân tuân thủ pháp luật; (viii) Kiên trì xử lý tốt mối quan hệ biện chứng trong quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật; (ix) Kiên trì xây dựng đội ngũ làm công tác pháp trị có tố chất cao, đức tài song toàn; (x) Kiên trì nắm chắc cán bộ lãnh đạo - thiêu số then chốt.

Về thực hiện thống nhất tổ quốc có một số nội dung như sau: (i) Một nước, hai chế độ là hành động vĩ đại của CNXH đặc sắc Trung Quốc; (ii) Thúc đẩy thực tiễn “một nước, hai chế độ” ổn định, lâu dài ở Hồng Kông, Ma Cao; (iii) Thúc đẩy tiến trình hòa bình, thống nhất đất nước.

Về tư tưởng CNXH đặc sắc Trung Quốc thời đại mới có những nội dung cụ thể như: (i) Tăng thêm phúc lợi dân sinh là mục tiêu căn bản trong phát triển; (ii) Nắm chắc vấn đề lợi ích quan tâm nhất, trực tiếp nhất, thiết thực nhất của nhân dân; (iii) Kiên quyết chiến thắng trong cuộc chiến công kiên thoát nghèo; (iv) Tạo ra cục diện quản trị xã hội cùng xây dựng, cùng quản trị và cùng chia sẻ; (v) Ý tưởng phát triển mới là gậy chỉ huy, đèn đóm; (vi) Kinh tế Trung Quốc chuyển từ tăng trưởng tốc độ cao sang phát triển chất lượng cao; (vii) Đề thị trường phát huy vai trò mang tính quyết định trong phân bổ tài nguyên, càng cần phát huy hơn nữa vai trò của chính phủ; (viii) Nắm chắc, lấy việc thúc đẩy cải cách mang tính kết cấu về nguồn cung làm trục chính; (ix) Xây dựng hệ thống kinh tế hiện đại hóa; (x) Cải cách mở cửa là then chốt quyết định vận mệnh của Trung Quốc đương đại; (xi) Đi sâu cải cách toàn diện phải có phương hướng, lập trường, nguyên tắc; (xii) Thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước; (xiii) Đi sâu cải cách toàn diện phải kiên trì phương pháp chính xác; (xiv) Thúc đẩy đi sâu cải cách toàn diện ăn sâu bám rễ; (xv) Mở cửa của Trung Quốc mức độ ngày càng lớn hơn; (xvi) “Giấc mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa” là giấc mơ vĩ đại nhất của dân tộc Trung Hoa từ thời cận đại đến nay; (xvii) Bản chất của Giấc mơ Trung Quốc là đất nước giàu mạnh, dân tộc chấn hưng, nhân dân hạnh phúc; (xviii) Thực hiện giấc mơ vĩ đại cần có cuộc đấu tranh vĩ đại, xây dựng công trình vĩ đại, thúc đẩy sự nghiệp vĩ đại....

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nổi bật, Trung Quốc còn phải đối mặt với nhiều thách thức cả bên trong và bên ngoài, nhất là các nguy cơ khủng hoảng tài chính do mức nợ quá cao^{12, 13}, bất ổn chính trị và sai lầm chính sách do tệ sùng bái cá nhân và tập trung quyền lực quá mức vào Tập Cận Bình, sự lệ thuộc vào công nghệ nguồn của nước ngoài và sự gia tăng kiểm chế của các đối thủ chiến lược của Trung Quốc, nhất là Mỹ. Khác với các siêu cường và một số cường quốc đi trước, Trung Quốc không có đồng minh, trong khi đó lại có nhiều đối thủ và bị nhiều nước nghi kỵ. Việc triển khai BRI bắt đầu gặp một số khó khăn nhất định do nguy cơ gây bẫy nợ, vấp phải sự phản đối của một bộ phận dân chúng ở nhiều nước tiếp nhận, kể cả các nước “thân” Trung Quốc như: Myanmar, Nepal, Sri Lanka...và gần đây nhất là từ chính Pakistan. Chiến tranh thương mại nổ ra cũng đang gây ra những tác động tiêu cực bước đầu cho nền kinh tế Trung Quốc và khu vực, bộc lộ những yếu kém về thực lực công nghệ của Trung Quốc, đặt ra vấn đề về cách tiếp cận của Trung Quốc trong việc vươn ra bên ngoài quá nhanh, gây phản ứng đối phó của Mỹ. Tình hình nội bộ Trung Quốc xấu đi do vấn đề Hồng Kông trở nên phức tạp hơn trong thời gian gần đây, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng tới kinh tế của Trung Quốc. Trung Quốc không hề muốn hy sinh Hồng Kông, mặc dù nước này đang lúng túng trước việc giải quyết vấn đề Hồng Kông, bởi Hồng Kông vẫn còn vị thế quan trọng, nhất là trong bối cảnh Trung - Mỹ căng thẳng, đóng vai trò là cửa ngõ giao thương với Âu - Mỹ. Đối với vấn đề Hồng Kông, mục tiêu của Trung Quốc vẫn là xây dựng “một nhà nước, hai chế độ”. Bên cạnh đó, vấn đề Đài Loan vẫn tiếp tục trở thành rào cản lớn trong quan hệ Trung - Mỹ, gây khó khăn cho Trung Quốc trong thực thi các chính sách đối nội, đặc biệt là trong khơi dậy và tăng cường lòng tin của người dân vào tính chính danh của chính quyền do ĐCS Trung Quốc lãnh đạo. Đáng chú ý, kể từ sau Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc, Mỹ và phương Tây đã ra sức lên án, tố cáo Trung Quốc vi phạm, đàn áp nhân quyền tại Tân Cương, Tây Tạng, công bố các lệnh trừng phạt, tẩy chay Thế vận hội Olympic Mùa đông tổ chức tại Bắc Kinh năm 2022. Những điều này gây khó khăn, làm suy giảm hình tượng của Trung Quốc trong mắt cộng đồng quốc tế. Đặc biệt, đại

¹². Theo Bloomberg, tổng các khoản nợ của Trung Quốc hiện ở mức 30.000 tỷ USD, tương đương 259% GDP.

¹³. IMF dự báo nếu Trung Quốc rơi vào khủng hoảng tài chính, tăng trưởng GDP Trung Quốc có thể tụt xuống mức 5% vào năm 2021, thậm chí có thể xuống dưới 3%.

dịch Covid-19 đã làm suy giảm mạnh tốc độ phát triển của kinh tế Trung Quốc, đưa tăng trưởng GDP Trung Quốc năm 2019 giảm còn 6,1%, mức giảm trong 03 năm liên tiếp, ở mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 30 năm trở lại đây, sao đó tiếp tục suy giảm ở mức kỷ lục, GDP chỉ tăng trưởng lần lượt 2,3%, 3% vào các năm 2020, 2022. Một số nước phương Tây như Mỹ và số ít các quốc gia châu Âu còn cáo buộc Trung Quốc gây khởi phát và bùng nổ đại dịch Covid-19, yêu cầu quốc gia này phải gánh chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Bên cạnh đó, các tập hợp lực lượng do Trung Quốc dẫn dắt đang trong quá trình hình thành và mở rộng. Tập hợp lực lượng này thể hiện qua các cơ chế đa phương mới, lấy Trung Quốc làm tâm như: Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), các cơ chế trong BRICS, Hội nghị Thượng đỉnh về các biện pháp Tương tác và Xây dựng lòng tin ở châu Á (CICA), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (CSO), Diễn đàn châu Á Bắc Ngao... Các tập hợp lực lượng này hình thành sau khi Trung Quốc áp dụng cách tiếp cận chủ động tại các cơ chế đa phương. Đặc biệt, từ sau khi từ bỏ chủ trương “giấu mình chờ thời”, Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào các cơ chế này, nâng lên thành một dạng “ngoại giao hội nghị thượng đỉnh”, qua đó thúc đẩy vai trò của Trung Quốc với tư cách là nước chủ nhà.

Ở châu Á, Trung Quốc đẩy mạnh nỗ lực lôi kéo các nước vào liên kết khu vực. Việc Mỹ rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là cơ hội cho Trung Quốc thuyết phục các nước tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và Khu vực Tự do thương mại châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP), BRI và AIIB. Đây đều là những sáng kiến được Trung Quốc đầu tư nhiều và kỳ vọng lớn. Bên cạnh đó, Trung Quốc sẽ tiếp tục coi Biển Đông là bàn đạp để phát triển thành một cường quốc đại dương, mở rộng địa bàn chiến lược.

Sau Đại hội XIX, Trung Quốc đẩy mạnh quá trình tập trung quyền lực tuyệt đối của Tập Cận Bình, sửa đổi Hiến pháp (tháng 3/2018) xác lập vị trí chủ đạo của “Tư tưởng Tập Cận Bình” và bỏ giới hạn nhiệm kỳ đối với chức danh Chủ tịch nước, mở đường cho Tập Cận Bình cầm quyền lâu dài. Kinh tế Trung Quốc bộc lộ một số khó khăn do các vấn đề nội tại và chiến tranh thương mại Trung - Mỹ; nội bộ ngầm ngầm bộc lộ những chia rẽ trong cách ứng phó với Mỹ, nhất là về việc thách thức Mỹ quá

sớm khi sức mạnh tổng hợp chưa đủ. Việc triển khai BRI tiếp tục được đẩy mạnh, song cũng đối mặt với nhiều khó khăn, trở ngại. Để hóa giải các thách thức trên, Trung Quốc đẩy mạnh đối ngoại theo ba hướng: Ưu tiên xử lý quan hệ với Mỹ, tìm cách tháo gỡ căng thẳng thương mại; cải thiện quan hệ với các nước láng giềng, kể cả với Nhật Bản và Ấn Độ; đẩy mạnh tập hợp lực lượng với các nước, nhất là các nước Trung Đông, châu Phi, châu Âu, Mỹ - Latinh thông qua BRI để tạo thế trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ.

(2) Về kinh tế, thương mại, tài chính

Sự tăng trưởng của nền kinh tế (sức sản xuất, thương mại, đầu tư, tài chính tiền tệ...) là những nhân tố cứng giúp Trung Quốc có cơ sở hiện thực hóa Giác mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa, giành được vị trí “cường quốc trung tâm” trong hệ thống kinh tế, chính trị thế giới. Sự chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường đã làm thay đổi diện mạo của đất nước Trung Quốc trên mọi mặt, đặc biệt là sự phát triển thần kỳ về kinh tế, đã trở thành hiện tượng của thế giới. Trung Quốc luôn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến 2016, GDP duy trì bình quân 7,2%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng của thế giới trong cùng kỳ (3,3%). Tỷ lệ đóng góp bình quân cho tăng trưởng kinh tế thế giới là khoảng 30%, vượt qua tất cả các nước Mỹ, EU và Nhật Bản cộng lại, đứng đầu thế giới [胡鞍钢 (Hồ An Cương), 2015]. Về tổng lượng kinh tế, năm 1990, Trung Quốc đứng thứ 11, nhưng tới năm 2000 đã vươn lên xếp thứ 6, năm 2002 đứng thứ 5, năm 2006 đứng thứ 4, năm 2007 đứng thứ 3 và năm 2010 đã vượt qua Nhật Bản vươn lên đứng thứ 2 chỉ đứng sau Mỹ [门洪华 (Môn Hồng Hoa), 2016]. Quy mô kinh tế Trung Quốc năm 2000 bằng 11% của Mỹ, năm 2017 đã lên tới 65% của Mỹ [“Mỹ đẩy mạnh xây dựng mạng lưới quân sự bao vây Trung Quốc”, <http://news.haiwai.net.cn/n/2021/1218/c3541093-32297942.html>]. Tốc độ trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc gần như là chưa từng có tiền lệ trong lịch sử kinh tế thế giới.

Năm 2010 là dấu mốc quan trọng đối với nền kinh tế Trung Quốc khi nước này đã vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới với GDP đạt 5.880 tỷ

USD, tương đương 40% GDP của Mỹ. Những năm sau đó, mặc dù kinh tế của Trung Quốc có giảm tốc nhưng vẫn giữ vững vị trí là nền kinh tế thứ hai thế giới¹⁴. Trung Quốc đang đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu. Có thể nói, sự trỗi dậy thần kỳ về kinh tế là nền tảng cơ bản để Trung Quốc có thể thực hiện mục tiêu vươn lên vị trí cường quốc hàng đầu thế giới.

Về kim ngạch thương mại, đây là lĩnh vực có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong những năm qua, đồng thời góp phần tạo kết nối cộng sinh và thực chất giữa Trung Quốc và các nước trên quy mô toàn cầu [Brantly Womack, 2018]¹⁵. Từ năm 2008, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc đã vượt Mỹ và từ đó đến nay, Trung Quốc luôn được coi là động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế khu vực CA - TBD, có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của thế giới¹⁶. Từ năm 2014 trở lại đây, tuy xuất khẩu có xu hướng giảm nhưng Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn của 128 nước và vùng lãnh thổ, bao gồm cả các đồng minh thân cận của Mỹ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia..., duy trì tỷ trọng lớn trong nền kinh tế toàn cầu.

Về đầu tư FDI, kể từ sau cải cách mở cửa, đặc biệt là sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc luôn là nơi thu hút FDI hàng đầu thế giới. Trong giai đoạn 2000-2010, hàng năm nước này thu hút FDI bình quân 60-70 tỷ USD. Sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ toàn cầu, nguồn vốn FDI đổ vào Trung Quốc đặc biệt tăng mạnh. Năm 2013, Trung Quốc đứng đầu thế giới với 123,9 tỷ USD (tăng 2,3% so với năm 2012), chiếm 1/15 tổng số FDI thế giới. Bên cạnh đó, đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc cũng tăng từ vị trí thứ 8 lên vị trí thứ 3 thế giới, đạt 101 tỷ USD (tăng 15% so với

¹⁴. GDP năm 2016 của Trung Quốc tăng trưởng 6,5% đạt khoảng 11.392 tỷ USD, tương đương khoảng 60% GDP của Mỹ (Tuy nhiên, nếu tính theo sức mua ngang giá (PPP), quy mô kinh tế Trung Quốc năm 2016 là 21.269 tỷ USD, lớn nhất thế giới). GDP của nước này năm 2017 tăng 6,9% - cao hơn mục tiêu mà Chính phủ Trung Quốc đề ra. Năm 2018, GDP của Trung Quốc đạt 13.285,75 tỷ USD, tăng trưởng 6,6% so với năm 2017.

¹⁵. GS. Brantly Womack đánh giá từ năm 2008, Trung Quốc đang lấy lại được vị trí “cường quốc trung tâm” (centrality), nhưng lần này không phải trong quy mô Đông Á mà đã mở rộng ra sự “kết nối chặt chẽ và toàn diện” ở quy mô toàn cầu (China’s centrality in a global context of inclusiveness based on thick connectivity), Tọa đàm lần thứ 11 về Trung Quốc, Hà Nội, ngày 11/12/2018.

¹⁶. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc từ đứng thứ 29 của thế giới trong năm 1978 đã vươn lên thứ 3 năm 2008 (2.561,6 tỷ USD), xuất siêu 300 tỷ USD, chỉ sau Mỹ và Đức, từ chiếm tỷ trọng 0,8% tổng kim ngạch thương mại thế giới tăng lên tới 7,9%. Năm 2013, tổng kim ngạch thương mại Trung Quốc đã vượt Mỹ (4.200 tỷ USD), trở thành cường quốc thương mại đứng đầu thế giới.

năm 2012). Hiện nay, thu hút FDI của Trung Quốc đạt 131 tỷ USD, đứng thứ 2 thế giới sau Mỹ.

Về tài chính tiền tệ, hiện Trung Quốc có nguồn dự trữ ngoại tệ khổng lồ và luôn đứng ở mức cao nhất thế giới. 10 năm trở lại đây, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc luôn ở mức hơn 3.000 tỷ USD [Cục Niên giám nước CHND Trung Hoa, 2010, tr. 182]. Tính đến thời điểm cuối tháng 3/2018, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc tiếp tục đứng đầu thế giới, đạt 3.142 tỷ USD [<https://data.eastmoney.com/cjsj/hjwh.html>]. Hiện nay, Trung Quốc là chủ nợ lớn thứ hai thế giới và chủ nợ lớn nhất của Mỹ (chủ yếu thông qua kênh thu mua, nắm giữ trái phiếu chính phủ Mỹ). Từ năm 2008 đến 2014, Trung Quốc đã ký thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương với 27 nước và khu vực. Sau khi IMF quyết định đưa đồng Nhân dân tệ (NDT) vào rổ tiền tệ thế giới¹⁷, đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc đã trở thành 1 trong 8 đồng tiền mạnh nhất thế giới. Giao dịch bằng đồng Nhân dân tệ đã chiếm đến 15% tổng thương mại toàn cầu. Mặc dù trình độ quốc tế hóa tiền tệ của NDT và USD còn có khoảng cách tương đối lớn¹⁸ nhưng tỷ trọng NDT trong dự trữ ngoại hối toàn cầu bắt đầu từng bước tăng lên, hiện đạt 10,92%. Tài chính tiền tệ của Trung Quốc đã có những bước tiến mạnh mẽ [<https://data.eastmoney.com/cjsj/hjwh.html>].

(3) *Về sức mạnh quốc phòng*

Sức mạnh quốc phòng của Trung Quốc trong những năm qua đã không ngừng tăng lên [Global Firepower, Military Strength Ranking, 2017]¹⁹. Năm 2012, sức mạnh quốc phòng Trung Quốc chiếm 9,13% tỷ trọng thế giới, đến năm 2016 tăng lên 10,65%. Trung Quốc được đánh giá là một trong 3 cường quốc quân sự hàng đầu thế

¹⁷. Năm 2016, NDT đã được đưa vào rổ tiền tệ (SDR), tỷ trọng đạt 10,92%, còn USD là 41,7%, theo data.eastmoney.com/cjsj/hjwh.html.

¹⁸. Quy mô thị trường vốn của Trung Quốc chỉ bằng 1/3 của Mỹ, trình độ mở cửa thị trường của Trung Quốc còn kém xa Mỹ, chỉ số quốc tế hóa của USD luôn là khoảng 55%, còn NDT dưới 3%, data.eastmoney.com/cjsj/hjwh.html.

¹⁹. Trung Quốc ngày càng chú trọng tới việc tăng ngân sách quốc phòng, trong đó tập trung vào đầu tư phát triển hải quân, không quân, lực lượng tên lửa và hàng không vũ trụ. Ngân sách quốc phòng của Trung Quốc năm 2016 là 146,7 tỷ USD, tăng 7,6% so với năm 2015. Năm 2017, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc đạt 161 tỷ USD, tăng 7% so với năm trước và đứng thứ hai thế giới, nhưng chỉ bằng khoảng 25% của Mỹ. Trong bản Báo cáo công tác Chính phủ Trung Quốc năm 2018 cũng như những tuyên bố của Trung Quốc, nước này sẽ tăng ngân sách quốc phòng lên 174,5 tỷ USD, đánh dấu mức tăng cao nhất trong 3 năm liên, tăng 8,1% so với năm 2017.

giới, chỉ đứng sau Mỹ và Nga [胡鞍钢 (Hồ An Cương), 2013]. Theo thống kê của Global Power trên cơ sở sử dụng hơn 50 chỉ số để xác định điểm số Power Index, chỉ số sức mạnh của Trung Quốc năm 2021 là 0,0854. Lực lượng vũ trang thường trực là 2.185.000 quân, dự bị động viên là 510.000 người. Tổng số chiến đấu cơ là 1.200 chiếc, xe tăng chiến đấu là 3.200 chiếc, số tàu chiến là 777 chiếc [<https://vtc.vn/bang-xep-hang-suc-manh-quan-su-global-firepower-2021-viet-nam-xep-thu-24-ar622851.html>]. Tuy nhiên, so với Mỹ, khoảng cách về sức mạnh quân sự giữa hai nước vẫn là lớn nhất trong so sánh sức mạnh tổng hợp quốc gia²⁰. Đáng lưu ý, xét về trang bị và kỹ thuật, hiện nay Trung Quốc chỉ đứng sau Mỹ, Anh và Pháp, cơ bản đạt trình độ gần tương đương với Nga [<http://1937wwgc.com/d/587>].

Bảng 1. So sánh sức mạnh quân sự Mỹ - Nga - Trung Quốc năm 2017²¹

Tên nước	Mỹ	Nga	Trung Quốc
Nhân lực (nghìn người)	145	70	750
Xe tăng (chiếc)	5.884	20.216	6.457
Máy bay quân sự (chiếc)	13.762	3.794	2.955
Tàu sân bay (chiếc)	19	1	1
Tàu ngầm (chiếc)	70	63	68
Đầu đạn hạt nhân	6.800	7.000	270
Ngân sách quốc phòng (tỷ USD)	587	44,6	161

Trung Quốc phấn đấu hướng tới xây dựng thành công lực lượng vũ trang hiện đại hóa vào năm 2035, quân đội hùng mạnh hàng đầu thế giới vào năm 2050. Theo SBPRI, chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc năm 2016, đã tăng gần 5 lần trong thập

²⁰. Chi tiêu quân sự trong năm 2017 lại chỉ bằng 1/3 của Mỹ, hàng không mẫu hạm bằng 1/7 của Mỹ, số lượng vũ khí hạt nhân chỉ bằng 1/25 của Mỹ, số lượng căn cứ quân sự chỉ bằng 1/600 của Mỹ, trích trong “Sự thực trong so sánh sức mạnh Trung - Mỹ: Cơ sở hạ tầng của Trung Quốc thực sự áp đảo Mỹ”, xem tại: http://www.sohu.com/a/243619709_236505.

²¹. Số liệu trong Bảng do NCS tự tổng hợp qua nghiên cứu, thống kê tài liệu.

kỷ qua và hiện chỉ đứng sau Mỹ, nhiều hơn tổng chi tiêu quốc phòng của Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines và Việt Nam cộng lại²².

Từ sau Đại hội XVIII, nhất là từ năm 2015 trở lại đây, Trung Quốc đã có nhiều bước đi quan trọng, cải cách triệt để quân đội để xây dựng “cường quốc quân sự”, nhằm đáp ứng khả năng tác chiến của chiến tranh hiện đại, chuyển từ phòng thủ tích cực sang chủ động tấn công, mở rộng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ lợi ích của Trung Quốc trên toàn cầu nhằm hiện thực hóa mục đích cuối cùng là Giác mơ Trung Quốc²³.

(4) Về sức mạnh khoa học công nghệ

Trung Quốc đã bước vào giai đoạn mới trở thành nước lớn khoa học kỹ thuật có ảnh hưởng quan trọng. Sức mạnh khoa học kỹ thuật đã đứng vào hàng dẫn đầu thế giới, trình độ khoa học kỹ thuật đứng thứ hai thế giới, tạo nền móng vững chắc cho việc triển khai thực hiện quốc gia theo loại hình sáng tạo mới thế giới vào năm 2020. Năm 2012, sức mạnh khoa học kỹ thuật của Trung Quốc chiếm 19% tỷ trọng thế giới, đến năm 2016 chiếm 24,81% tỷ trọng thế giới, trong đó đầu tư cho nghiên cứu đã gần bằng Mỹ, tỷ lệ cư dân Trung Quốc có bằng phát minh sáng chế bằng 1,87 lần của Mỹ, các bài viết khoa học kỹ thuật quốc tế bằng 1,23 lần của Mỹ, số lượng các bài viết khoa học kỹ thuật quốc tế được trích dẫn đứng ở vị trí thứ 4 thế giới [胡鞍钢 (Hồ An Cương), 2013]. Trong một số lĩnh vực, Trung Quốc đã bắt kịp trình độ của các cường quốc khoa học công nghệ như Đức, Pháp, Nhật Bản... và hướng tới mục tiêu cạnh tranh vị trí số 1 của Mỹ. Theo báo cáo khoa học công nghệ và công nghiệp (STI) của Tổ chức Hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) năm 2015, trong tương lai gần, Trung Quốc có khả năng sẽ vượt Mỹ trong 8 lĩnh vực quan trọng, trong đó có khoa học vật liệu, toán học, hóa học, khoa học máy tính. Riêng năm 2014, số bằng sáng chế được công nhận của Trung Quốc đã lên tới 928.000, vượt tổng số bằng cấp cho Mỹ (578.000) và Nhật Bản (325.000) [<https://www.oecd-ilibrary.org/science-and->

²². Xếp hạng chi tiêu quốc phòng của 5 nước đứng đầu thế giới năm 2016 bao gồm: Mỹ (611 tỷ USD), Trung Quốc (215 tỷ USD), Nga (69,2 tỷ USD), Ả-rập Xê-út (63,7 tỷ USD) và Ấn Độ (55,9 tỷ USD).

²³. Thời gian tới Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách quân đội, chú trọng xây dựng hải quân, không quân và tên lửa chiến lược, nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng năng lực tác chiến vượt ra ngoài phạm vi eo biển Đài Loan, biển Đông, vươn ra Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

[technology/oecd-science-technology-nd-industry-coreboard-2015stis_coreboard-2015-en:isessionid=34fte2ulkisbs.x-oecd-live-02](https://www.oecd-ilibrary.org/science-and-technology/technology/oecd-science-technology-nd-industry-coreboard-2015stis-coreboard-2015-en:isessionid=34fte2ulkisbs.x-oecd-live-02)]. Nhiều chỉ số công nghệ của Trung Quốc chỉ đứng sau Mỹ. Tuy nhiên, Mức độ chân thực trong các thống kê thành tựu khoa học kỹ thuật của Trung Quốc vẫn là một dấu hỏi, nhất là trong môi trường thiếu tính minh bạch và đầu tư chủ yếu vẫn thực hiện theo hình thức “từ trên xuống”. Một ví dụ điển hình là Trí tuệ nhân tạo (AI). Với tham vọng tiến tới dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực này, Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư hơn 1 tỷ USD vào các công ty AI khởi nghiệp. Dự luận Trung Quốc xuất hiện ý kiến cho rằng “Năng lực AI của Trung Quốc đã vượt Mỹ”. Tuy nhiên, tháng 3/2018, Đại học Oxford công bố một báo cáo nghiên cứu cho thấy, năng lực AI (AI capabilities) của Trung Quốc chỉ bằng khoảng một nửa của Mỹ [<https://www.fhi.ox.ac.uk/wp-content/uploads/Decijphermg-Chinas-AI-Dream.pdf>]. Trung Quốc đã trở thành nước đầu tiên trên thế giới thành lập và hoàn thiện thư viện gen lúa, nắm giữ công nghệ then chốt để biến đổi gen ở cây bông, có thể thực hiện nhân bản vô tính và cấy gen chống chịu sâu bệnh. Hiện Trung Quốc có nhiều trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ nano nhằm phục vụ mục đích dân sự và quốc phòng, đạt được những thành quả khoa học kỹ thuật mang tính đột phá, cụ thể như: thông tin lượng tử, đường sắt cao tốc, đưa người lên vũ trụ, công trình thăm dò mặt trăng, kính viễn vọng radio, máy bay cỡ lớn, tên lửa siêu thanh, máy tính siêu cấp [宁格格 (Ninh Cát Cát), <https://finance.china.com/domestic/11173294/20171010/31554893all.html#page2>]. Đặc biệt, sau Đại hội XX ĐCS Trung Quốc, lãnh đạo Trung Quốc đã xác định đầu tư mạnh hơn nữa cho các ngành công nghiệp hiện đại, sử dụng khoa học công nghệ cao bao gồm công nghệ sản xuất chip bán dẫn, công nghiệp điện tử, lấy đó làm chỗ dựa để tạo ra cực tăng trưởng mới cho nền kinh tế, cạnh tranh mạnh mẽ với Mỹ và phương Tây... Đây là nền tảng thuận lợi để Trung Quốc tiếp tục phát triển khoa học kỹ thuật trong tương lai.

Bảng 2: Tác động của “Made in China 2025”



Chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc 2025” (Made in China 2025) đề ra ba giai đoạn phát triển khoa học công nghệ của Trung Quốc với những mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn²⁴. Trung Quốc không giấu tham vọng trở thành nước dẫn đầu toàn cầu trong các lĩnh vực sản xuất công nghệ, kỹ thuật cao này vào năm 2025²⁵. Nếu thành công, chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc 2025” sẽ tạo bước nhảy vọt, làm thay đổi vị trí của Trung Quốc trong chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu, đồng thời, làm thay đổi phương thức sản xuất và tác động không nhỏ đến phân công lao động toàn cầu. Về lâu dài, cùng với BRI, chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc 2025” sẽ góp phần hình thành hệ thống kinh tế độc lập và một trật tự kinh tế thế giới mới với Trung Quốc ở vị trí trung tâm (khác với hệ thống WTO hiện nay).

(5) Về văn hóa - xã hội

Sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc tuy đã được nâng cao, nhưng về tổng thể vẫn còn khoảng cách tương đối lớn so với các nước phương Tây. Hiện nay, cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng gay gắt, ác liệt, theo đó văn hóa cũng ngày càng trở thành nội dung then chốt và chiến trường quan trọng trong cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia [“Logic của Trung Quốc trong việc xây dựng cường quốc văn hóa”,

²⁴. Giai đoạn 1 (đến năm 2025): vào nhóm các cường quốc công nghiệp chế tạo, Giai đoạn 2 (2035): ở vị trí tầm trung trong bảng xếp hạng (ngang với Nhật Bản, Đức); Giai đoạn 3 (2049): vào nhóm nước dẫn đầu về khoa học công nghệ.

²⁵. Chương trình tập trung vào 10 ngành chiến lược, gồm: công nghệ thông tin mới, công cụ điều khiển số...

2016]. Các quốc gia phát triển chủ yếu trên thế giới cũng đang liên tiếp đưa ra những chiến lược tương ứng để tận dụng và phát huy sức mạnh văn hóa của bản thân.

Đại hội XVIII, XIX, XX của ĐCS Trung Quốc vẫn tiếp tục nhấn mạnh việc xây dựng cường quốc văn hóa, đặc biệt là sức mạnh mềm văn hóa nhằm: (i) Tăng cường rõ rệt sức mạnh mềm văn hóa quốc gia, làm sâu rộng hơn tầm ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa; (ii) Quảng bá hình ảnh quốc gia và gia tăng sức thuyết phục của các giá trị quan Trung Quốc; (iii) Tăng cường sức hấp dẫn văn hóa, mở ra cửa ngõ đưa văn hóa Trung Quốc lan tỏa ra thế giới. Tập Cận Bình chỉ ra rằng: “Nâng cao sức mạnh mềm văn hóa quốc gia không chỉ liên quan đến địa vị của Trung Quốc trong cục diện văn hóa thế giới, mà còn quan hệ đến địa vị quốc tế và sức ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc, liên quan đến việc thực hiện hai mục tiêu *Một trăm năm* và *Giấc mơ Trung Quốc* phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa” [“Logic của Trung Quốc trong việc xây dựng cường quốc văn hóa”, 2016]. Nâng cao sức mạnh mềm văn hóa nội hàm chính là nhấn mạnh việc xây dựng quan niệm giá trị và văn hóa Trung Hoa. Tập Cận Bình cũng đã chỉ ra rằng: “Sức mạnh mềm văn hóa của một quốc gia về căn bản được quyết định bởi sức sống, sức ngưng tụ, sức hiệu triệu đến từ quan niệm giá trị cốt lõi của nó” [Thục Cương, 2014]. Mới đây nhất, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XX, “Tập Cận Bình kêu gọi thúc đẩy sự tự tin, tự cường văn hoá của Trung Quốc, phát huy nền văn hoá cách mạng, không ngừng nâng cao sức mạnh mềm văn hoá quốc gia và ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa; tăng cường sự truyền bá và ảnh hưởng của nền văn hoá Trung Hoa, “kể tốt câu chuyện về Trung Quốc”, về ĐCS Trung Quốc và thực tiễn của CNXH đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” [Đinh Thị Hiền Lương, 2022, tr. 482].

Để thực hiện các mục tiêu này, Trung Quốc đã triển khai một số biện pháp như: (i) Tăng cường quan hệ ngoại giao kết hợp mô hình viện trợ, hợp tác kinh tế; (ii) Thúc đẩy giao lưu, hợp tác, truyền bá văn hóa, giáo dục; (iii) Tăng cường vai trò của cộng đồng người Hoa trên thế giới. Trung Quốc đã đầu tư một lượng tiền lớn để mở rộng dấu ấn văn hóa trên thế giới, tuyên truyền ra bên ngoài và thúc đẩy ngoại giao nhân dân. Cụ thể, Trung Quốc đã tiến hành viện trợ kinh tế đối với châu Phi, châu Á. Châu Phi được Trung Quốc đổ vào các khoản viện trợ kinh tế lớn. Đổi lại, Trung Quốc

được hưởng quyền tiếp cận thị trường, các nguồn tài nguyên, tăng ảnh hưởng chính trị, phát triển thị trường cho người lao động Trung Quốc. Tại Đông Nam Á, Trung Quốc xây dựng hình ảnh “nước lớn có trách nhiệm” thông qua chính sách ngoại giao láng giềng kết hợp viện trợ kinh tế. Campuchia, Lào là hai nước chính được Trung Quốc cung cấp các khoản viện trợ. Năm 2009, Trung Quốc đưa ra kế hoạch chi tiêu hàng tỷ USD để phát triển tập đoàn truyền thông khổng lồ nhằm cạnh tranh với Bloomberg, Time Warner. Đầu tư 8,9 tỷ USD vào ngoại giao nhân dân, trong đó có kênh truyền hình cáp Xinhua phát sóng 24/24 giờ. Về giáo dục, Trung Quốc phát triển hàng trăm Học viện Khổng Tử trên khắp thế giới để truyền bá văn hóa, ngôn ngữ. Tính đến cuối năm 2018, Trung Quốc thành lập được 525 học viện Khổng Tử và 1.113 lớp học Khổng Tử tại 146 quốc gia và vùng lãnh thổ. Chỉ tính riêng tại Mỹ, Trung Quốc đã thành lập được 110 Học viện Khổng Tử và 501 lớp học Khổng Tử, và tại Nga có 17 học viện và 5 lớp học Khổng Tử. Theo quy hoạch, số lượng Học viện Khổng Tử sẽ còn tiếp tục tăng lên trong tương lai, nhằm truyền bá văn hóa Trung Hoa, tiếng Hán ra bên ngoài thế giới.

(6) Công cuộc chống tham nhũng, chỉnh đốn nội bộ Đảng

Đáng chú ý, song song với hàng loạt sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, Trung Quốc cũng đang đẩy mạnh công cuộc chỉnh đốn nội bộ đảng, đặc biệt là chống tham nhũng và “chỉnh phong”, tức chấn chỉnh, đổi mới tác phong. Tại Hội nghị BCH Trung ương của ĐCS Trung Quốc tổng kết công tác trong sạch hóa bộ máy Đảng, Nhà nước và công tác phòng chống tham nhũng (tháng 12/2018), Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã yêu cầu các địa phương, ban ngành cần phải làm tốt công tác ổn định xã hội, an toàn sản xuất, bảo đảm dân sinh, tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng tại các địa phương. Tập Cận Bình nhấn mạnh Trung Quốc luôn kiên trì tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng, tích cực ứng phó với các thách thức rủi ro mà đảng phải đối mặt trong điều kiện cầm quyền và cải cách mở cửa trong thời gian dài; kiên trì Đảng phải quản lý Đảng, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, làm trong sạch môi trường chính trị nội bộ Đảng, duy trì kỷ luật chính trị và kỷ luật tổ chức, ra sức điều chỉnh và xử lý chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa

hưởng lạc và chủ nghĩa xa hoa, lấy thái độ không chấp nhận, không dung thứ để trừng phạt nghiêm khắc tham nhũng, đấu tranh chống tham nhũng giành được thắng lợi mang tính áp đảo. ĐCS Trung Quốc kiên định tiến vào hàng ngũ của thời đại khi tăng cường rèn luyện mang tính cách mạng, luôn là lực lượng nòng cốt chủ yếu của nhân dân Trung Quốc và dân tộc Trung Hoa. Quyết tâm chính trị đổi mới Đảng, đổi mới đội ngũ chính quyền tại Trung Quốc hiện nay tới từ tầng nấc trên cùng, tức là từ Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình. Công cuộc đổi mới, chỉnh huấn này có thể coi là đợt cải cách mạnh mẽ, sâu rộng nhất kể từ sau khi nước Trung Quốc mới thành lập.

2.2.1.2. Bối cảnh quốc tế

Thế giới đang trải qua những biến động to lớn cả về địa-kinh tế, địa-chính trị và địa-chiến lược. Những thay đổi trong nội bộ các nước, hợp tác và cạnh tranh giữa các nước lớn và tính phức tạp trong xử lý các “điểm nóng” thế giới đã và đang tạo ra cục diện hoàn toàn mới tại các khu vực và trên toàn thế giới.

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 đã đánh dấu sự suy yếu cả về sức mạnh cứng lẫn sức mạnh mềm của khu vực trung tâm (Mỹ, EU, Nhật Bản) trong trật tự thế giới hiện hành. Hệ lụy dễ nhận thấy nhất là sự suy giảm khả năng chi phối cục diện thế giới của khu vực trung tâm và sự giảm tốc của quá trình toàn cầu hóa ở khu vực này. Toàn cầu hóa tuy khó có thể bị đảo ngược, nhưng bước vào giai đoạn đình trệ. Mười năm sau khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008), kinh tế thế giới đã phục hồi và bước vào giai đoạn tăng trưởng với tốc độ cao hơn, nhưng vẫn tiềm ẩn bất ổn. Lần đầu tiên sau 10 năm khủng hoảng kinh tế thế giới, cả 45 nền kinh tế lớn nhất thế giới đều tăng trưởng dương, trung bình 3,6%, trong đó tất cả các trung tâm kinh tế như: Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản đều tăng trưởng khá hơn các năm trước. Thương mại toàn cầu tăng 4,6%, cao nhất kể từ năm 2011, lần đầu tiên chấm dứt giai đoạn tăng trưởng thương mại thấp hơn tăng trưởng kinh tế kéo dài trong suốt gần 6 năm.

Gánh nặng nợ công và chiến tranh thương mại đang là thách thức lớn nhất đe dọa triển vọng phục hồi bền vững của kinh tế thế giới. Tình trạng gia tăng nợ toàn cầu tiếp tục đặt kinh tế thế giới trước nguy cơ khủng hoảng tài chính. Theo IMF, tổng nợ

công toàn cầu năm 2016 lên mốc kỷ lục 164.000 tỷ USD, tương đương 225% GDP thế giới. Còn theo Viện Tài chính quốc tế (IIF), tổng nợ của kinh tế thế giới năm 2017 lên tới 217.000 tỷ USD, tương đương 327% GDP toàn cầu. Tổng nợ toàn cầu tăng 3,9% trong quý 3/2018 so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,7% so với quý 2/2018, ở mức 244,2 nghìn tỷ USD; 06 tháng đầu năm 2019, nợ toàn cầu tăng 7,5 nghìn tỷ USD và vượt mức 256.000 nghìn tỷ USD vào cuối năm 2019. Năm 2022, con số này là 92.000 tỷ USD khi các chính phủ vay nợ để đối phó với vấn đề kinh tế đang phát triển. Trong bối cảnh đa số các nước đều áp dụng chính sách kích cầu để thúc đẩy tăng trưởng, nguy cơ khủng hoảng tài chính toàn cầu mới vẫn chưa thể loại trừ. Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và một số đối tác thương mại lớn như Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Canada... bên ngoài khuôn khổ WTO đang đe dọa sự ổn định và phục hồi của kinh tế thế giới. Điều này cũng làm bộc lộ yếu điểm của Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới do phụ thuộc nhiều vào thị trường và công nghệ Mỹ.

Bên cạnh những nguy cơ về kinh tế, các nhân tố an ninh truyền thống và phi truyền thống làm gia tăng nguy cơ bất ổn ở nhiều khu vực, kể cả những khu vực trước đây vốn tương đối ổn định. Cán cân so sánh lực lượng giữa các nước lớn thay đổi khiến cạnh tranh địa-chiến lược giữa các cường quốc thời gian qua tăng nhanh, nhất là ở Đông Á, Trung Đông và Đông Âu. Thách thức an ninh phi truyền thống như: khủng bố, phổ biến vũ khí hạt nhân, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, di cư... nổi lên ngày càng gay gắt. Các thách thức mới có đặc điểm đa dạng, phức tạp hơn và lan tỏa nhanh hơn trong thế giới toàn cầu hóa.

Quan hệ giữa các nước lớn tiếp tục diễn biến phức tạp, đan xen giữa cạnh tranh và hợp tác; cạnh tranh chiến lược quyết liệt, gay gắt, nhất là giữa Mỹ và Nga ở Đông Âu, Mỹ và Trung Quốc ở châu Á - Thái Bình Dương (CA – TBD), tuy chưa dẫn đến xung đột trực tiếp nhưng cũng khơi mào cho các xung đột khu vực. Đáng lưu ý, cạnh tranh giữa một bên là liên minh quân sự giữa Mỹ với các nước phương Tây do Mỹ dẫn đầu (khỏi NATO) với Nga đạt tới đỉnh điểm, thể hiện ở bùng nổ xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine (từ tháng 02/2022), diễn biến ngày càng khốc liệt, khó lường và tới nay vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. Đi kèm với đó, các động thái cạnh tranh địa-chính trị giữa các siêu cường cũng trở nên ngày càng gay gắt hơn, hàng loạt điểm

nóng xung đột trên thế giới cũng nổ ra, như cuộc chiến giữa phe nổi dậy Hamas của người Palestine với Israel, sau đó là đối đầu, xung đột quân sự Israel - Iran... Những cuộc xung đột, đối đầu quân sự này đe dọa nghiêm trọng tới tình hình an ninh, chính trị quốc tế, có nguy cơ làm thay đổi cục diện trật tự thế giới hiện tại, tái phân chia quyền lực, ảnh hưởng của các siêu cường trên trường quốc tế. Trung Quốc không phải là bên tham gia trực tiếp vào các xung đột này, tuy nhiên do mối quan hệ đặc thù với Nga và vị thế vô cùng to lớn về mặt kinh tế, vai trò, tiếng nói và định vị của Trung Quốc đối với các cuộc xung đột trên cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng tới giải quyết các xung đột nói trên. Các nước lớn hợp tác có chọn lọc theo từng vấn đề; xu hướng dàn xếp trong các vấn đề có chung lợi ích như: ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, chống khủng bố, biến đổi khí hậu... tăng lên giữa Mỹ và Nga ở Trung Đông, Mỹ và Trung Quốc ở Triều Tiên. Tập hợp lực lượng giữa các nước lớn rất linh hoạt và thực dụng, nhiều hình thái tập hợp theo lợi ích, vấn đề và thời điểm cụ thể đã xuất hiện. Các mối quan hệ ở CA - TBD chủ yếu xoay quanh trục Trung - Mỹ: Trung Quốc tiếp tục triển khai các biện pháp nhằm khẳng định vị thế cường quốc, thiết lập, thúc đẩy, định hình các cơ chế hợp tác khu vực mà trong đó Trung Quốc muốn đóng vai trò chủ đạo (Mê Kông - Lan Thương, CICA, AIIB, BRI...); Mỹ đẩy mạnh tái cân bằng, tăng cường can dự toàn diện với khu vực trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, thúc đẩy hợp tác song phương cũng như hợp tác ba bên, bốn bên với các đồng minh, đối tác quan trọng.

Sự chuyển dịch cán cân quyền lực thế giới từ châu Âu - Đại Tây Dương về phía CA - TBD tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Với sự trỗi dậy của hàng loạt cường quốc mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, châu Á đã trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế của thế giới. Tăng trưởng kinh tế dẫn đến gia tăng chi tiêu quốc phòng. Theo dự báo của Hội đồng Tình báo Mỹ (NIC), đến năm 2030 sức mạnh tổng hợp (dựa trên các tiêu chí về quy mô GDP, dân số, chi phí quân sự và đầu tư công nghệ) của châu Á sẽ vượt Bắc Mỹ và châu Âu gộp lại. Viện Nghiên cứu Hòa bình quốc tế Stockholm, Thụy Điển (SIPRI) cũng cho rằng, trong thời gian 10 năm từ 2010 đến 2020, CA - TBD là khu vực dẫn đầu thế giới về tăng trưởng chi tiêu quốc phòng

(165%), vượt xa các khu vực khác như Trung Đông - Bắc Phi (94%), Mỹ Latinh (49%), Bắc Mỹ (30%) và châu Âu (28%) [SIPRI, *Yearbook 2012*, 2012].

Châu Á - Thái Bình Dương trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm của thế giới không chỉ vì sự phát triển kinh tế năng động, vai trò “đầu tàu” dẫn dắt quá trình phục hồi tăng trưởng của kinh tế thế giới, mà còn do đây là địa bàn cạnh tranh chiến lược của các nước lớn, nhất là Mỹ, Trung Quốc. Quy mô kinh tế của khu vực CA - TBD chiếm 57% tổng GDP thế giới; tỷ lệ đóng góp của các nền kinh tế mới nổi trong khu vực đối với sự tăng trưởng của kinh tế thế giới vượt hơn 60%. Khu vực CA - TBD đã vượt Mỹ, EU về tăng trưởng GDP và đạt những thành tựu đầy ấn tượng.

Những thành công của châu Á về tăng trưởng kinh tế cùng với những thế mạnh về dự trữ ngoại tệ, tính năng động, và đặc biệt là sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, Ấn Độ đã nâng cao vị thế của CA - TBD so với các khu vực khác, cụ thể: (i) Thương mại và đầu tư nội khối châu Á ngày càng phát triển. Nếu như trước đây, Mỹ là đối tác chính trong quan hệ thương mại của châu Á thì hiện nay kim ngạch thương mại nội khối chiếm tới 60%, FDI từ châu Á chiếm 14%; (ii) Trung Quốc là quốc gia có vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế châu Á. Các nước châu Á hiện có quan hệ thương mại với Trung Quốc 1 của một số nước trong khu vực; (iii) Liên kết kinh tế giữa các nước phát triển mạnh thông qua các cơ chế ASEAN + 3, ASEAN + 1, APEC, các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương.

Tuy bị suy giảm tăng trưởng do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới, song khu vực CA - TBD vẫn có nhiều tiềm năng phát triển do: (i) Đây là khu vực tương đối hòa bình, ổn định hơn các khu vực khác; (ii) Các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ đều coi CA - TBD là khu vực tập hợp các cơ hội hợp tác và cạnh tranh quốc tế trong tương lai; (iii) Liên kết kinh tế giữa các nước trong và ngoài khu vực ngày càng sâu rộng, làm tăng tính phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, thúc đẩy các nước trong khu vực hợp tác cùng phát triển.

Tuy nhiên, khu vực CA - TBD hiện nay cũng đang đứng trước một số thách thức địa-chính trị, nhất là các điểm nóng về tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo: Giữa Trung Quốc với Ấn Độ tại biên giới Trung - Ấn, giữa Trung Quốc với Nhật Bản tại biển Hoa Đông, giữa Trung Quốc với một số nước ASEAN ở Biển Đông, giữa Nhật

Bản và Hàn Quốc về chủ quyền đối với quần đảo Takeshima/Dokdo, vấn đề Bán đảo Triều Tiên... Bên cạnh đó, các nước trong khu vực cũng đang đứng trước một loạt những thách thức an ninh phi truyền thống có xu hướng gia tăng như: khủng bố, ô nhiễm môi trường, nạn cướp biển, buôn người, tội phạm xuyên quốc gia, ly khai, xung đột sắc tộc..., vấn đề biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, nước biển dâng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, các hiện tượng thời tiết cực đoan... Tất cả các yếu tố này đều đã và đang trở thành những thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển bền vững của khu vực.

Tình hình Đông Bắc Á gia tăng nguy cơ bất ổn, nguy cơ “hạt nhân hóa” bán đảo Triều Tiên gia tăng sau khi Triều Tiên tiến hành thử hạt nhân, phóng vệ tinh và tên lửa đạn đạo, kiên trì chương trình phát triển hạt nhân. Tình hình eo biển Đài Loan tiềm ẩn nguy cơ căng thẳng mới; việc bà Thái Anh Văn, một người có quan điểm ủng hộ “Đài Loan độc lập” mạnh mẽ lên nhậm chức càng làm gia tăng những yếu tố không chắc chắn trong quan hệ hai bờ. Tranh chấp tại biển Hoa Đông có một số động thái nóng trở lại, Trung Quốc thường xuyên duy trì lượng lớn tàu chấp pháp, đưa tàu khu trục tên lửa và các giàn khoan vào khu vực.

Cấu trúc an ninh, chính trị khu vực tiếp tục vận động. ASEAN hoàn thành mục tiêu trở thành Cộng đồng, kiên trì nỗ lực giữ vai trò trung tâm tại các cơ chế đa phương, điều hòa quan hệ giữa các nước lớn. Tuy nhiên, ASEAN và một số cơ chế hợp tác chính trị - an ninh do ASEAN dẫn dắt có nguy cơ suy giảm vai trò do đứng trước nhiều thách thức phức tạp hơn tới từ nội bộ một số nước thành viên, giữa các nước lớn và từ sự cạnh tranh giữa các nước lớn. Điều này khiến cho việc duy trì sự đồng thuận trong ASEAN gặp nhiều khó khăn, hoặc nếu có cũng chỉ thể hiện chung chung, mang nặng tính hình thức. Đặc biệt, vấn đề Biển Đông không chỉ là tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ đơn thuần nữa mà đã trở thành tâm điểm cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn. Với sự kiện Tòa Trọng tài quốc tế ra phán quyết đối với vụ kiện Trung Quốc của Philippines đã khiến vấn đề Biển Đông có bước ngoặt lớn về mặt pháp lý và ngoại giao. Tuy nhiên, trên thực địa, tình hình vẫn không có nhiều thay đổi. Trung Quốc vẫn tiếp tục các hành động cải tạo, quân sự hóa các đảo, đá và củng

cổ sự hiện diện của mình ở Biển Đông. Sau khi Tòa ra phán quyết, Trung Quốc còn âm thầm tiến hành “cuộc chiến” nhằm vô hiệu hóa phán quyết nói trên.

Gần đây, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nhiều mặt đến kinh tế thế giới và khu vực CA - TBD, là nguyên nhân trực tiếp khiến thương mại thế giới năm 2018 tăng trưởng chậm lại ở mức 3,7% (so với 5,1% năm 2017). Cho tới gần đây, cuộc chiến tranh thương mại giữa hai bên vẫn tiếp diễn và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, đồng thời còn lan sang một số lĩnh vực khác như đầu tư, hợp tác phát triển khoa học công nghệ, điển hình là các lệnh cấm của Chính phủ Mỹ đối với các công ty công nghệ Trung Quốc. Cùng với đó, hệ thống thương mại đa phương, đặc biệt là Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đứng trước sức ép lớn phải điều chỉnh, cải cách.

Trong bối cảnh trào lưu bảo hộ thương mại đang nổi lên ở nhiều khu vực, liên kết kinh tế ở khu vực CA - TBD một mặt vẫn được thúc đẩy với việc Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được ký và phê chuẩn. Tuy nhiên, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung cũng gây khó khăn cho liên kết kinh tế khu vực, thể hiện rõ qua sự thất bại của Hội nghị cấp cao APEC 2018 tại Papua New Ghinea (lần đầu tiên trong lịch sử Hội nghị cấp cao APEC không ra được Tuyên bố chung).

Đáng chú ý, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục trở thành một trong những động lực quan trọng nhất thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo lợi thế rất lớn cho các nền kinh tế phát triển có hàm lượng tri thức lớn và nền tảng khoa học kỹ thuật cao, nhất là Mỹ. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng mở ra cơ hội cho các nước đang phát triển cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu nếu có biện pháp tranh thủ, song cũng gây nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa nếu không chuẩn bị và thích ứng tốt.

Mỹ tiếp tục duy trì vị trí siêu cường số 1 trên phạm vi toàn cầu, song khoảng cách giữa Mỹ và Trung Quốc tiếp tục bị thu hẹp với tốc độ nhanh hơn những năm trước. Sau khi vượt Mỹ về GDP tính theo ngang giá sức mua (PPP) năm 2014, Trung Quốc đang vươn lên trở thành cường quốc quân sự mạnh thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ; chi tiêu quân sự của Trung Quốc đã lớn hơn tất cả các quốc gia Đông Nam Á cộng lại, tuy nhiên vẫn ở khoảng cách khá xa sau Mỹ (lần lượt là 228 tỷ USD và 610 tỷ USD).

Xét về sức mạnh tổng hợp, Mỹ và Trung Quốc vẫn là hai cường quốc có sức mạnh tổng hợp vượt trội so với các cường quốc kế tiếp. Theo đánh giá của Viện Lowy (Australia) qua tiêu chí chỉ số quyền lực châu Á (API), chỉ có Mỹ và Trung Quốc hiện có ảnh hưởng mang tính áp đảo thuộc tầm “siêu cường” với mức điểm lần lượt là 85 và 75,5 (thang điểm 100); Nhật Bản xếp thứ 3 với 42,1 điểm, Ấn Độ 41,5 điểm, Nga 30 điểm...

So với Mỹ và Trung Quốc, các nước lớn khác là Nga, Nhật, Bản, Ấn Độ vẫn còn khoảng cách tương đối xa về sức mạnh tổng hợp. Nhật Bản từ chỗ vẫn là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới trước năm 2010, nay GDP chỉ còn bằng dưới 50% GDP của Trung Quốc. Nga đã rơi từ vị trí nền kinh tế lớn thứ 8 thế giới trước năm 2014 xuống vị trí 12 hiện nay do kinh tế tiếp tục khó khăn, bị Mỹ và phương Tây cấm vận. Ấn Độ đang trỗi dậy tương đối nhanh, nhưng quy mô GDP hiện nay chỉ bằng 20% GDP của Trung Quốc. EU phải tập trung xử lý nhiều vấn đề nội bộ như: tiến trình Brexit, khủng bố, di cư, tăng trưởng kinh tế bấp bênh, xu hướng hoài nghi châu Âu... do đó, chưa thể mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài các khu vực ảnh hưởng truyền thống.

Cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn đặt các nước trong khu vực, nhất là các nước vừa và nhỏ, trước sức ép lớn, buộc phải điều chỉnh chính sách phù hợp. Nhiều nước đứng trước thách thức cả về đối nội và đối ngoại. Cạnh tranh giữa các nước lớn cũng phần nào ảnh hưởng tới những kết quả hợp tác, đối thoại, sự đoàn kết trong ASEAN. Bên cạnh đó, một số nước thành viên ASEAN gặp những phức tạp trong nội bộ, như mâu thuẫn, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, biến động chính trị hoặc dần trở nên hướng nội hơn. Vai trò trung tâm của ASEAN cũng đứng trước nhiều thách thức, đặc biệt là trong dẫn dắt các diễn đàn khu vực và xử lý các vấn đề của khu vực.

Nhìn chung, cục diện trên đang tạo những lợi thế quan trọng cho Trung Quốc. Trung Quốc đang ngày càng thu hẹp khoảng cách với Mỹ về sức mạnh tổng thể. Trong số các nước lớn hiện hay, chỉ duy nhất Trung Quốc có đủ cả khả năng và ý chí thách thức ngôi vị siêu cường số 1 của Mỹ.

2.2.2. Nhu cầu cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ 2012 đến nay

Ngay từ khi bắt đầu khởi động công cuộc cải cách mở cửa, Trung Quốc đã vấp phải rất nhiều rào cản chính trị. Cuộc đấu tranh về đường lối trong Đảng đã diễn ra rất quyết liệt và được đẩy lên đỉnh cao sau khi Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai qua đời. Tại thời điểm đó, chưa có ai dám nghĩ đến “cải cách chính trị”, tuy nhiên, trong nội bộ Trung Quốc đã xuất hiện những đòi hỏi phải giải quyết các vấn đề gay gắt của xã hội. Chính các lãnh đạo cấp cao hàng đầu Trung Quốc lúc đó như Tổng Bí thư ĐCS Trung Quốc Hồ Diệu Bang (1980-1986) và Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Đặng Tiểu Bình đã nắm được thực trạng đó, nên đã đưa ra những chủ trương phù hợp với ý dân như: Sửa sai các vụ án trong “Đại cách mạng văn hóa”, phục hồi danh dự cho những người bị kết án oan, sai... Trong khi đó, Chủ tịch ĐCS Trung Quốc, Thủ tướng Trung Quốc lúc này là Hoa Quốc Phong vẫn xơ cứng, duy ý chí, chủ trương tiếp tục giương cao ngọn cờ “Lấy đấu tranh giai cấp làm chính”, theo đuổi “Hai phạm là”²⁶ trong xây dựng kinh tế, dẫn đến kết quả Hoa Quốc Phong bị hạ bệ. Thực tiễn này dẫn tới Trung Quốc phải đối mặt với hàng loạt những bức xúc, khó khăn về lý luận sau khi Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách mở cửa. Theo đánh giá của nguyên Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào, xã hội Trung Quốc (sau khi không còn đấu tranh giai cấp) sẽ nảy sinh 4 mâu thuẫn mới trong cải cách, đó là: (i) Mâu thuẫn giữa Nhà nước bảo thủ và thị trường ngày càng tự do; (ii) Mâu thuẫn giữa nhà nước và xã hội. Các tổ chức xã hội mọc lên ngày càng nhiều và càng đòi hỏi mở rộng dân chủ. “Nhà nước mạnh lên, nhưng xã hội yếu đi”; (iii) Chức năng Đảng và Nhà nước chồng chéo, chưa phân định rõ quyền lực, sinh nhiều mâu thuẫn trong điều hành của chính phủ với các chỉ thị và nghị quyết của Đảng; (iv) Mâu thuẫn trong các cơ quan nhà nước, và giữa các địa phương với nhau. Có thể nói, những bức xúc do cải cách kinh tế đem lại, đã trở thành nguyên nhân cơ bản thúc đẩy cải cách thể chế chính trị.

Từ đó có thể thấy, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc vừa mang tính lịch sử tất yếu, vừa mang tính bức thiết. Trung Quốc buộc phải tiến hành cải cách thể chế chính trị của mình là vì những lý do sau đây:

²⁶ “Hai phạm là”: Phạm là những quyết định của Chủ tịch Mao Trạch Đông, chúng ta đều kiên quyết ủng hộ; Phạm là những chỉ thị của Chủ tịch Mao Trạch Đông, chúng ta đều sẽ luôn tuân thủ.

Thứ nhất, thể chế chính trị của Trung Quốc trước đây còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể là: (i) Quyền lực quá tập trung đã nảy sinh nhiều vấn đề như chủ nghĩa quan liêu, cơ cấu chồng chéo, chức năng của Đảng và Chính phủ không tách bạch, làm suy yếu chức năng và quyền hạn của Chính phủ, tình trạng chuyên quyền độc đoán cá nhân tồn tại phổ biến, cổ xúy cho tư tưởng đặc quyền [吴安家(Ngô An Gia), 2012, tr. 55-61]; (ii) Lấy nhân trị thay cho pháp trị, các chính sách đưa ra thường thiếu tính khoa học, không ổn định và mắc nhiều sai lầm; (iii) Thiếu dân chủ, quyền dân chủ của quần chúng chưa có sự bảo đảm của chế độ và pháp luật, từ đó làm tổn hại nghiêm trọng đến tính tích cực của nhân dân [Nguyễn Thế Tăng, 2000, tr. 117].

Thứ hai, cần phát huy đầy đủ tính tích cực của quần chúng nhân dân. Chỉ có phát huy đầy đủ tính tích cực của nhân dân mới có thể thúc đẩy sức sản xuất phát triển. Trong khi đó, giải phóng sức sản xuất và phát triển sức sản xuất chính là bản chất của CHXH. Ngoài ra, phát triển xã hội cũng là động lực cơ sở cho cải cách thể chế chính trị, bởi cải cách thể chế chính trị là nhu cầu của các thành viên xã hội. Sau khi cải cách mở cửa, quan hệ lợi ích xã hội đã có những thay đổi, trật tự đời sống xã hội đang có sự chuyển biến sâu sắc, trật tự vốn có đang từng bước tan rã, nhưng trật tự mới lại chưa được xây dựng hoàn toàn, vì thế, đời sống xã hội có lúc đã ở vào trạng thái mất trật tự. Để thay đổi tình trạng đó, cần phải cải cách thể chế chính trị.

Thứ ba, nhằm hướng tới mục tiêu chính trị dân chủ. Trong những năm qua, dân chủ trong nội bộ ĐCS Trung Quốc đã có những bước phát triển nhanh chóng, cụ thể như quy định về nhiệm kỳ chức vụ lãnh đạo trong đảng, kiện toàn cơ chế quyết sách dân chủ, không ngừng hoàn thiện cơ chế tập trung dân chủ..., hình thức dân chủ trong nội bộ đảng trên thực tế cũng là một loại hình thái dân chủ trong đời sống chính trị của đất nước. Những mục tiêu hướng tới dân chủ này sẽ thúc đẩy, dẫn dắt cải cách thể chế chính trị.

Thứ tư, do những đòi hỏi của cải cách thể chế kinh tế. Công cuộc cải cách thể chế kinh tế càng được thúc đẩy phát triển theo chiều sâu, càng đòi hỏi sự đổi mới của thể chế chính trị, cụ thể như: (i) Chính phủ phải thay đổi chức năng, bộ máy và cải cách chế độ nhân sự cán bộ để phù hợp với kinh tế thị trường; (ii) Để giữ được những thành quả của cải cách thể chế kinh tế, cần phải cải cách thể chế chính trị; (iii) Muốn phát triển kinh tế thị trường, chính trị phải dân chủ hóa. Cải cách thể chế chính trị

phải phối hợp với cách thể chế kinh tế, không được tách rời nhau, nếu chỉ cải cách thể chế kinh tế mà không cải cách thể chế chính trị thì cải cách thể chế kinh tế không đạt được hiệu quả cao. Mỗi bước đi trong cải cách thể chế kinh tế đều cho thấy sự cần thiết phải cải cách thể chế chính trị, không cải cách thể chế chính trị sẽ rất khó đảm bảo được những thành quả của cải cách thể chế kinh tế, cũng không thúc đẩy được cải cách thể chế kinh tế, gây trở ngại cho sự phát triển sức sản xuất, cản trở thực hiện “bốn hiện đại hóa”. Hiện nay, cải cách thể chế kinh tế đã giành được những bước phát triển đột phá, bước đầu xây dựng được thể chế kinh tế thị trường XHCN, sức mạnh tổng hợp quốc gia tăng lên mạnh mẽ, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn, quan trọng của thế giới, đó chính là cơ sở vững chắc cho việc cải cách thể chế chính trị.

Sau hơn 4 thập kỷ cải cách mở cửa, XHCN và kinh tế thị trường đã cùng tồn tại song song ở Trung Quốc. Nói cách khác, kinh tế thị trường đã phát triển trên nền tảng XHCN. Thể chế kinh tế này đã không ngừng điều chỉnh cả về vĩ mô lẫn vi mô, bước đầu đưa Trung Quốc đến thành công. Tuy nhiên, xét chiều hướng phát triển kinh tế ở Trung Quốc trong những năm qua cho thấy, tính chất kinh tế thị trường ngày càng nổi trội, mang đậm màu sắc Trung Quốc, còn tính chất XHCN đang dần dần mờ nhạt, hoặc bị loại bỏ dần. Hơn nữa, mô hình kinh tế kinh tế thị trường XHCN chưa ổn định và đang phải tiếp tục thay đổi. Vì vậy, xét về ngắn hạn, nền chính trị Trung Quốc được coi là tương đối ổn định, nhưng nhìn xa hơn về trung và dài hạn thì vẫn tồn tại một số yếu tố bất ổn nhất định. Đó là chưa nói đến “quy luật chu kỳ” và nhiều yếu tố tự nhiên, đột biến khác, đe dọa đến sự ổn định và phát triển. Nếu tiếp tục theo chiều hướng phát triển kinh tế như hiện nay, vấn đề làm thế nào duy trì đường lối chính trị - xã hội hiện tại sẽ tiếp tục trở thành những thách thức mới, đè nặng lên hai vai của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, buộc họ phải lựa chọn, tiến lên hoặc chậm lại, để duy trì quyền lực của Đảng cầm quyền.

Thực tế, mô hình phát triển của Trung Quốc hiện nay là “mô hình kép” tức lấy thể chế XHCN làm chủ đạo cộng với mở cửa thị trường hàng hóa và ở mức độ nhất định chủ yếu vẫn phải dựa vào kinh tế nhà nước (thông qua công cụ là khối doanh nghiệp nhà nước do nhà nước chủ đạo). Mô hình này vẫn chỉ dừng lại là một “mô

hình để thu hút sức mạnh từ chủ nghĩa dân tộc”, vấn đề nổi cộm vẫn là quyền sở hữu tài sản, trong khi đó kinh tế tư nhân ngày một chiếm tỷ trọng lớn hơn trong đóng góp cho GDP, thực tế đã vươn lên vị trí chủ đạo, chiếm 2/3 GDP. Điều đó cho thấy, kinh tế Trung Quốc đã hướng về “tư nhân hóa”, còn kinh tế quốc doanh có khả năng ngày càng trở thành gánh nặng, cản trở con đường phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều này có nghĩa là tính “XHCH” trong “kinh tế thị trường” của Trung Quốc thực sự đang mất dần ý nghĩa. Tuy nhiên, mô hình kinh tế Trung Quốc hiện nay trên lý thuyết vẫn dựa vào “Bốn nguyên tắc cơ bản”; lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, mục tiêu bốn hiện đại hóa; lấy thực tế làm cơ sở lý luận xác định phương hướng phát triển. Chính vì thế, phương Tây vẫn chưa công nhận Trung Quốc là nền kinh tế thị trường. Nghĩa là xét về dài hạn, Trung Quốc sẽ phải có sự điều chỉnh tương đối lớn về chiến lược. Muốn điều chỉnh chiến lược buộc nước này phải có bước đột phá về lý luận để phù hợp với bước đi của cải cách. Hơn nữa, ngay cả mô hình phát triển kinh tế hiện tại của Trung Quốc đã và đang bộc lộ một số điểm yếu nhất định, biểu hiện rõ nhất là tình trạng thất nghiệp khá nghiêm trọng trong lực lượng thanh niên hiện nay. Điều này tiềm ẩn những nguy cơ xã hội, có thể âm ỉ thúc đẩy thế hệ trẻ Trung Quốc phản kháng, quay sang giấc mơ “dân chủ kiểu phương Tây”. Nói đúng hơn, muốn giữ được tốc độ phát triển kinh tế song song với ổn định chính trị, Trung Quốc còn nhiều việc phải làm, mà trước hết là thực hiện tiến trình cải cách thể chế chính trị.

Điều cần chỉ ra là vấn đề kinh tế tư nhân đã không những tạo ra bước ngoặt về phát triển lý luận trong hệ thống chính trị, mà còn là tiền đề của các bước cải cách chính trị tiếp theo của Trung Quốc. Qua đó cho thấy, một sự thật là cải cách của Trung Quốc cần phải có những đột phá mới về cả lý luận lẫn thực tiễn, nếu không sẽ phải dừng lại và đổ vỡ. Hơn nữa, cục diện những năm đầu thế kỷ XXI đang biến đổi từng ngày, những xung đột giữa cải cách và phi cải cách ở Trung Quốc cũng đang dần lên đến đỉnh điểm. Có thể nói, hàng loạt vụ án kinh tế liên tiếp xảy ra và liên quan đến nhiều cán bộ cấp cao của Đảng và Chính phủ Trung Quốc trong những năm qua đã chứng tỏ tính nghiêm trọng của sự giao thoa giữa quyền lực với thị trường và tài nguyên. Điều đó cũng biểu hiện sự tích tụ trong cách biệt, khoảng cách về thu nhập ngày càng tăng giữa các tầng lớp xã hội - điều đã và đang làm gay gắt thêm các loại mâu thuẫn mà vốn

đi không liên quan đến nhau. Tất cả những vấn đề nói trên không những gây mất ổn định xã hội, mà có khả năng làm lung lay đường lối của ĐCS Trung Quốc. Đó cũng là lý do đòi hỏi cải cách thể chế chính trị Trung Quốc ngày càng dâng cao hơn.

Thứ năm, nhằm nâng cao trình độ quản lý của toàn bộ đất nước, đặc biệt là các cơ quan của Đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Để nâng cao trình độ quản lý toàn bộ đất nước, nhất thiết phải xây dựng thể chế lãnh đạo hiện đại, cụ thể là hệ thống quyết sách, giám sát, tư vấn... Lãnh đạo đảng và nhà nước là động lực chủ đạo cải cách thể chế chính trị. Cải cách thể chế chính trị thực chất là phân phối lại quyền lực chính trị và điều chỉnh lại lợi ích chính trị, là sự thay đổi mang tính cách mạng liên quan đến chính quyền nhà nước và đảng, vì vậy, phải có sự ủng hộ của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là sự ủng hộ mạnh mẽ của người lãnh đạo mới có thể thúc đẩy cải cách thể chế chính trị. Đó chính là động lực to lớn cho những bước cải cách thể chế chính trị tiếp sau này.

Thứ sáu, nhu cầu hội nhập quốc tế. Muốn hội nhập quốc tế nhanh, đòi hỏi Trung Quốc phải thay đổi nhiều mặt về cả nhận thức và hành động, đặc biệt là chức năng của chính quyền, cần giảm bớt sự can thiệp vào thị trường, chuyển sang quản lý gián tiếp và điều tiết vĩ mô đối với nền kinh tế. Toàn cầu hóa là nguồn lực bên ngoài thúc đẩy cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Toàn cầu hóa là một quá trình lịch sử phức tạp, bao gồm các lĩnh vực như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Toàn cầu hóa càng đi vào chiều sâu càng có ảnh hưởng nhiều đến cục diện chính trị, văn hóa, kinh tế thế giới, đồng thời có những ảnh hưởng đối với thể chế chính trị của các nước, cụ thể được biểu hiện ở chỗ: (i) Thúc đẩy hành vi chính phủ quy phạm hóa, một chính phủ gọn nhẹ, hiệu quả, liêm khiết, dân chủ trở thành mục tiêu cải cách chính phủ của nhiều nước trên thế giới hiện nay; (ii) Thực tiễn dân chủ có hiệu ứng thị phạm.

Thứ bảy, sự biến đổi cơ cấu xã hội. Chính sự phát triển vượt bậc về kinh tế đang làm thay đổi toàn bộ cơ cấu và đời sống chính trị - xã hội. Từ nền kinh tế tập trung bao cấp “nồi cơm to”, chuyển sang chủ trương “cho một bộ phận giàu lên trước”, Trung Quốc đã cho “ra lò” hàng loạt “ông chủ” mới. Họ đang từng bước can dự nhiều hơn vào đời sống chính trị - xã hội và đang làm nảy sinh các cuộc tranh luận mới về đường lối chính trị của Đảng cầm quyền. Theo báo cáo của Viện Khoa học xã hội

Trung Quốc, xã hội Trung Quốc hiện đã phân chia thành 11 tầng lớp khác nhau. Nguyên nhân sự phân chia này là do thực hiện thể chế kinh tế thị trường, nên địa vị “ông chủ” của công nhân đã tách xa đời thường. Việc cho phép chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng được cho là ĐCS Trung Quốc đang “Trung Quốc hóa” chủ nghĩa Mác, chứ không phải “kiên trì chủ nghĩa Mác”.

Ngoài ra, cải cách thể chế chính trị là biện pháp hữu hiệu nhất để kiềm chế tham nhũng, đồng thời là yêu cầu khách quan để hoàn thiện hơn nữa thể chế kinh tế thị trường thời đại mới. Chống tham nhũng vừa giúp chống lại tác động trái chiều của kinh tế thị trường, đồng thời là một trong những nội dung cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Để chống tham nhũng hiệu quả, đòi hỏi phải thông qua cải cách thể chế chính trị, dùng pháp luật và chế độ để quản lý quyền lực, công việc và con người. Trọng điểm là tăng cường quản lý và giám sát đối với cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, kiện toàn chế độ trách nhiệm, thẩm tra trách nhiệm kinh tế, bãi miễn nhiệm.

Trong những năm gần đây, do cải cách thể chế chính trị chưa thích ứng với sự phát triển của cải cách thể chế kinh tế, đặc biệt là chưa đáp ứng tốt những yêu cầu mới trong phát triển kinh tế thị trường XHCN đã dẫn đến một số vấn đề nghiêm trọng như: (i) Nhà nước can dự quá sâu vào kinh tế, khiến quy luật thị trường không phát huy được tác dụng; (ii) Điều chỉnh phương thức tăng trưởng kinh tế khó khăn, sự phân bổ của quy luật thị trường đối với yếu tố kinh tế bị yếu đi; (iii) Quyền lực của chính phủ quá lớn, mức độ lệ thuộc vào chính phủ của chủ thể thị trường ngày càng lớn, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của ĐCS chưa có bước đột phá lớn; (iv) Hiện tượng tham nhũng tràn lan và ngày càng nguy hại hơn; (v) Sự phát triển về mặt xã hội chậm chạp, không theo kịp thời đại; (vi) Công bằng tư pháp khó có thể hình thành; (vii) Thiếu hụt cơ chế giám sát và kiểm soát của xã hội; (viii) Hiện tượng lãng phí nghiêm trọng, vi phạm của chính quyền cơ sở ngày càng gia tăng... Tình trạng này bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, định vị của tầng nấc Trung ương đối với cải cách thể chế chính trị. Đặng Tiểu Bình cho rằng, cải cách thể chế chính trị phải phù hợp với sự phát triển của cải cách thể chế kinh tế, khiến nó trở thành nền tảng để bảo đảm cho cải cách thể chế kinh tế, điều đó cũng có nghĩa là cải cách thể chế chính trị buộc phải phục vụ và phục

tùng nhu cầu khách quan của phát triển kinh tế, phải có lợi cho nâng cao trình độ sức sản xuất và ổn định xã hội, không được làm tổn hại đến ổn định và phát triển kinh tế. Trên cơ sở nhận định đó, Trung Quốc thực tế áp dụng phương thức cải cách theo kiểu tiệm tiến do chưa có tiền lệ cải cách thể chế chính trị nên chưa có lý luận dẫn dắt. Bên cạnh đó, do sự sụp đổ của Liên Xô cũ, sự biến đổi Đông Âu, và cả sự kiện Thiên An Môn, nên đã xuất hiện những áp lực nhất định đối với Trung Quốc trong cải cách thể chế chính trị. Chính vì vậy, ổn định đã trở thành vấn đề hàng đầu, và Trung Quốc buộc phải lựa chọn đi từng bước trong cải cách. Ngoài ra, do tình hình trong nước và quốc tế diễn biến phức tạp, dẫn đến việc cải cách cũng bị phân tán nên chỉ có thể áp dụng phương thức kiểu tiệm tiến, hay nói cách khác là cải cách thể chế chính trị luôn trì trệ hơn so với bước đi cải cách thể chế kinh tế và sự phát triển của xã hội.

Hai là, sai lầm về mặt nhận thức khi cho rằng cải cách thể chế chính trị làm suy yếu sự lãnh đạo của ĐCS (tổn hại lợi ích), và sẽ phá hoại sự ổn định. Chính vì thế, các quan chức chính phủ thiếu đi động lực cải cách thể chế chính trị. Trên thực tế, cải cách thể chế chính trị không làm suy yếu và loại bỏ sự lãnh đạo của ĐCS, mà chỉ làm thay đổi phương thức lãnh đạo. Lãnh đạo của ĐCS nên là sự lãnh đạo, chỉ đạo về phương châm, chính sách, quy phạm, giám sát và bảo đảm. Vấn đề mà cải cách thể chế chính trị phải giải quyết là cơ chế quyết sách vốn do một số ít người quyết định, chuyển sang thực hiện dân chủ hóa, khoa học hóa và pháp trị hóa quyết sách và quản lý. Thậm chí một số người cho rằng, cải cách thể chế chính trị sẽ làm quyền lực tuột khỏi tay ĐCS (giảm đi), lo ngại sự giải phóng quyền lực sẽ dẫn đến việc hạ thấp quyền uy của ĐCS, nên họ có những biện pháp tẩy chay kín đáo, đợi chờ kéo dài thời gian, dẫn đến sự trì trệ của cải cách thể chế chính trị. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo thậm chí còn tồn tại suy nghĩ cải cách thể chế chính trị dẫn đến biến động xã hội, gây ra nhiều nhân tố bất ổn mới. Thực tế, nhân tố bất ổn định nghiêm trọng nhất là vấn đề tham nhũng, nếu chậm cải cách thể chế chính trị sẽ làm trầm trọng thêm vấn đề tham nhũng, gây nguy hại đến quan hệ giữa ĐCS và quần chúng, hạ thấp uy tín của ĐCS. Tham nhũng sẽ tạo ra một tập đoàn đặc quyền, làm tăng thêm phân hóa hai cực, làm xấu hình ảnh chính phủ. Vì thế, muốn loại bỏ nhân tố bất ổn định đó, thực hiện công bằng xã hội, con đường căn bản nhất là phải tiến hành cải cách thể chế chính trị.

Ba là, lực cản của các nhóm lợi ích hiện có. Qua những năm cải cách mở cửa, kinh tế Trung Quốc đã giành được những thành quả nhất định, và đã tạo ra những nhóm lợi ích khác nhau. Những nhóm lợi ích này gắn chặt với quyền lực chính trị, hình thành những nhóm lợi ích đặc biệt độc lập với nhau, nhưng giữa chúng lại có những mối quan hệ khăng khít. Trong nhóm lợi ích đó, có chủ thể lợi ích nằm trong vòng quyền lực hiện nay, có chủ thể lợi ích ở vòng ngoài quyền lực, nhưng phần nhiều là chủ thể lợi ích nằm trong vòng quyền lực. Trên thực tế, đội ngũ giai cấp tư sản quan liêu của Trung Quốc đang ở vào giai đoạn lớn mạnh, do cải cách thể chế chính trị trì trệ, nên quyền lực từ trên xuống dưới đã mất đi sự kiểm soát, quan chức không được giám sát một cách hiệu quả, khiến cho kẻ cầm quyền ngang nhiên biển thủ tài sản của công, chiếm đoạt tài nguyên công cộng. Đối với những nhóm lợi ích đó, họ không muốn cải cách thể chế chính trị, ngược lại còn tìm mọi cách ngăn cản cải cách thể chế chính trị nhằm bảo vệ lợi ích hiện có. Mặt khác, nhóm lợi ích ở ngoài vòng quyền lực cũng không muốn mất đi mối quan hệ phụ thuộc với giá cao nên họ cũng ủng hộ sự trì trệ đó để bảo vệ những lợi ích đã giành được và nuôi dưỡng những lợi ích khác to lớn hơn trong tương lai, đó là những lực cản rất lớn đối với cải cách thể chế chính trị Trung Quốc.

Nhóm lợi ích là một trong những nhân tố gây trở ngại nghiêm trọng cho đi sâu cải cách toàn diện và để loại bỏ trở ngại này là điều không hề dễ dàng, hết sức khó khăn, phức tạp. Nhóm lợi ích hiện nay của Trung Quốc có thể phân chia thành 7 loại: (i) Bộ phận chính phủ quyền lực và quan chức tương đương; (ii) Chính quyền địa phương và các quan chức liên quan; (iii) Doanh nghiệp nhà nước lũng đoạn cả ở trung ương lẫn địa phương; (iv) Vốn xuyên quốc gia và đại lý của nó trong nước; (v) Buôn bán bất động sản; (vi) Doanh nghiệp tư nhân lớn; (vii) Một số chuyên học giả, chuyên gia. Những nhóm lợi ích đó có tác động tiêu cực đối với Trung Quốc, đặc biệt cản trở công cuộc đi sâu cải cách toàn diện, cụ thể như: (i) Cản trở những biện pháp cải cách hoặc bóp méo biện pháp cải cách biến nó trở thành công cụ bảo vệ lợi ích hiện có của bản thân; (ii) Gặm nhấm quyền lực công, cản trở mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân, làm tổn hại nghiêm trọng đến cơ sở cầm quyền của ĐCS; (iii) Tác động không nhỏ đến tính hiệu quả hoàn chỉnh của thể chế kinh tế, dẫn đến phát triển kinh tế không

liên tục; (iv) Nhóm lợi ích nắm chắc quá trình hoạch định và thực thi chính sách công, loại bỏ nhóm người yếu thế tham dự vào chính sách công.

Nhóm lợi ích của Trung Quốc ngày càng lớn mạnh, theo đó là những ảnh hưởng không nhỏ đối với sự phát triển và đi sâu cải cách toàn diện của Trung Quốc. Đây là thách thức không nhỏ đối với việc đi sâu cải cách toàn diện nói chung và cải cách thể chế chính trị nói riêng.

Để loại bỏ trở ngại này, Trung Quốc cần cải cách thể chế chính trị, xây dựng chính trị dân chủ, mở rộng quyền lực đối với xã hội, công khai, minh bạch quyết sách và vận hành của Đảng và Nhà nước, đặt quyền lực dưới sự giám sát của đông đảo quần chúng nhân dân, cụ thể là: (i) Về chế độ, cắt đứt mối liên hệ giữa quan chức chính phủ và hoạt động thương mại. Cần xác định rõ ranh giới giữa chính phủ và doanh nghiệp; (ii) Đi sâu cải cách doanh nghiệp nhà nước, phá bỏ sự lũng đoạn của doanh nghiệp nhà nước; (iii) Xây dựng cơ chế quyết sách trong đó quần chúng có thể tham dự; (iv) Tăng cường xây dựng pháp trị. Ngoài ra, công khai biện luận việc hoạch định các chính sách công, quy phạm hành vi các tập đoàn lợi ích có ảnh hưởng tương đối lớn, xây dựng lại luật chơi thương mại, chia để trị các nhóm lợi ích, thay đổi phương thức theo đuổi lợi ích. Nhìn chung, phải coi trọng thiết kế hoàn chỉnh của cải cách, định ra quy hoạch cụ thể cho cải cách toàn phương vị.

Bốn là, cải cách thể chế chính trị chưa tìm được đột phá khâu. So với cải cách thể chế kinh tế, cải cách thể chế chính trị khó khăn và rủi ro nhiều hơn, bởi vấn đề này liên quan đến phạm vi lớn hơn, đụng chạm đến lợi ích thiết thân của từng cá nhân, là công trình đồ sộ, liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội. Chính vì thế, để tìm được đột phá khâu cho công trình đó là hết sức khó khăn. Hơn nữa, hiện nay cải cách thể chế chính trị Trung Quốc còn đang ở vào giai đoạn mơ hồ, chưa rõ ràng. Vì vậy, con đường cải cách thể chế chính trị nên là phát triển dân chủ XHCN. Mở rộng dân chủ XHCN là con đường cơ bản của cải cách thể chế chính trị, trong đó phải phân tách chính quyền và doanh nghiệp, giao bớt quyền lực cho phía dưới, quản lý đất nước theo pháp luật, tăng cường giám sát. Cải cách thể chế chính trị thành công chỉ có thể là kết quả liên kết lại của những hạng mục cải cách đó, bất cứ một khâu nào đó không đạt kết quả thì không thể nói đến hiệu quả của cải cách thể chế chính trị.

Nhìn chung, công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa XHCN hiện nay tại Trung Quốc đòi hỏi phải tiếp tục tiến hành cải cách thể chế chính trị. Đây là quyết sách chiến lược lớn của ĐCS Trung Quốc, có liên quan đến toàn bộ công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa XHCN, thậm chí là vận mệnh của Trung Quốc.

Tiểu kết chương 2

Trong hơn 40 năm thực hiện cải cách mở cửa, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn, cụ thể như: Kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, vị thế quốc tế ngày một nâng cao v.v.. Đạt được những thành tựu to lớn đó là do Trung Quốc đã tiến hành thành công công cuộc cải cách mở cửa toàn diện, trong đó cải cách thể chế kinh tế và phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời cũng nhờ từng bước tiến hành cải cách thể chế chính trị và các lĩnh vực tương ứng khác.

Khái niệm “thể chế chính trị” được Trung Quốc chính thức sử dụng trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XII ĐCS Trung Quốc năm 1982. Theo đó, thể chế chính trị của Trung Quốc hoàn toàn khác so với chế độ tam quyền phân lập, chế độ nghị viện của các nước phương Tây và cũng không giống thể chế chính trị của Liên Xô cũ, mà hoàn toàn mang nét đặc thù của Trung Quốc.

Thể chế chính trị của Trung Quốc được đề cập ở trong luận án này bao gồm các thành tố: (i) Hiến pháp: Chủ yếu là bản Hiến pháp năm 1982 đã trải qua 5 lần sửa đổi; (ii) Thể chế nhà nước bao gồm: Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Chủ tịch nước, Quốc vụ viện, Ủy ban Quân sự Trung ương, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương; (iii) Một số chế độ chính trị: Chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS, chế độ hiệp thương chính trị và cơ chế bầu cử.

Sau khi thực hiện cải cách mở cửa (1978), thực tế chỉ ra, mỗi bước đi của cải cách thể chế kinh tế tại Trung Quốc đều cho thấy rõ một cách sâu sắc sự cần thiết phải cải cách thể chế chính trị. Nếu không cải cách thể chế chính trị, sẽ không những không bảo đảm được thành quả của công cuộc cải cách thể chế kinh tế, không thúc đẩy công cuộc cải cách thể chế kinh tế tiến lên, mà còn cản trở sự phát triển của sức sản xuất, cản trở thực hiện “bốn hiện đại hóa”.

Xét từ tầng nấc sâu xa hơn, Trung Quốc cần phải cải cách thể chế chính trị do cả nguyên nhân cả bên trong lẫn bên ngoài, trong đó nguyên nhân bên trong mang tính quyết định. Mục tiêu chung trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc bao gồm: (i)

Củng cố chế độ CNXH; (ii) Phát triển sức sản xuất xã hội CNXH; (iii) Phát huy dân chủ XHCN, điều động tích cực của quảng đại quần chúng nhân dân. Nhiệm vụ cải cách thể chế chính trị Trung Quốc được thể hiện rõ nét qua các kỳ đại hội của ĐCS Trung Quốc, mỗi kỳ đại hội đều căn cứ vào tình hình cụ thể trong và ngoài nước để đề ra nhiệm vụ cụ thể cho cải cách thể chế chính trị trong giai đoạn đó hoặc giai đoạn tiếp theo.

Trong bối cảnh môi trường quốc tế có nhiều xáo trộn, cạnh tranh giữa các nước lớn ngày một phức tạp, gay gắt hơn hiện nay, Trung Quốc vẫn xác định lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, đồng thời tiến hành các cải cách thể chế chính trị cần thiết. Điều kiện về môi trường bên trong và bên ngoài đều tương đối thuận lợi cho cải cách thể chế chính trị, tuy nhiên, cải cách diễn ra theo chiều hướng, nhịp độ, mức độ ra sao còn phụ thuộc vào quyết tâm của lãnh đạo cấp cao Trung Quốc, đứng đầu là Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC TỪ 2012 ĐẾN NAY

3.1. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1.1. Cải cách, tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc

Cải cách nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc đến từ 3 phương diện: (i) Sửa đổi điều lệ, quy tắc; (ii) Tăng cường quản lý Đảng toàn diện; (iii) Củng cố khả năng lãnh đạo. (iv) Cải cách chế độ nhân sự, cán bộ.

3.1.1.1. Sửa đổi quy tắc, Điều lệ Đảng

Kể từ khi lên cầm quyền, Tập Cận Bình đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện một chương trình có hệ thống nhằm “viết lại” các quy tắc của ĐCS Trung Quốc. Những thay đổi được thiết kế nhằm tăng cường thẩm quyền cá nhân của Tập Cận Bình, tập trung hóa quyền ra quyết định, thắt chặt kỷ luật và thủ tục tổ chức của Đảng, mở rộng sự kiểm soát của ĐCS Trung Quốc đối với nhà nước và xã hội, tăng cường truyền bá ý thức hệ. Một thành tố trung tâm trong tầm nhìn chính trị của Tập Cận Bình là tăng cường cam kết ý thức hệ, kỷ luật tổ chức và cải tổ cấu trúc quyền lực của ĐCS Trung Quốc. Việc chấn hưng Đảng theo chủ nghĩa Mác là ưu tiên hàng đầu của Tập Cận Bình kể từ khi ông đảm nhiệm vị trí Tổng Bí thư ĐCS Trung Quốc vào tháng 11/2012. Rất nhiều quy tắc chi phối việc truyền bá ý thức hệ, kỷ luật tổ chức, thủ tục hoạt động và phân quyền đã được ban hành hoặc sửa đổi trong nhiệm kỳ 05 năm đầu tiên của ông. Tốc độ “viết lại” các quy tắc của ĐCS Trung Quốc đã tăng lên đáng kể từ khi Tập Cận Bình bắt đầu nhiệm kỳ thứ 2 vào tháng 10/2017.

Kể từ khi nhậm chức, Tập Cận Bình không chỉ sửa đổi và ban hành nhiều điều lệ hơn mà còn thay đổi một số điều lệ mà ngay cả những người tiền nhiệm của ông cũng chưa từng đề cập, chẳng hạn như: Văn kiện mang tính bước ngoặt do Đặng Tiểu Bình và những người sống sót sau “Đại Cách mạng văn hóa” năm 1980 đưa ra có tên “Những nguyên tắc về đời sống chính trị trong Đảng”. Kể từ Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc, Tập Cận Bình đã thành công trong việc ban hành một số điều lệ mới, đặc biệt là “Một số quy định của Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc về tăng cường và duy trì sự

lãnh đạo tập trung và thống nhất của Trung ương Đảng” và “Điều lệ báo cáo xin chỉ thị về các vấn đề quan trọng”. Các điều lệ này không chỉ giúp tập trung quyền lực mà còn chính thức hóa việc cá nhân hóa quyền lực thông qua bộ máy cầm quyền trung thành với Tập Cận Bình, coi đó như một trong những nguyên tắc chính trị quan trọng nhất, định hướng hành động của các nhà cầm quyền trong Đảng, Nhà nước.

Những quy tắc mới được sửa đổi hoặc ban hành dưới thời Tập Cận Bình có thể nhóm thành 04 loại theo mức độ quan trọng của chúng, cụ thể: (i) Tăng cường thẩm quyền và quyền lực của Tập Cận Bình; (ii) Kiểm soát tổ chức tập trung và thi hành kỷ luật; (iii) Mở rộng kiểm soát của Đảng đối với xã hội cũng như các tổ chức xã hội; (iv) Tăng cường truyền bá tư tưởng.

Một trong những thay đổi nổi bật là loại bỏ toàn bộ phần thứ hai của văn kiện năm 1980 “Kiên trì sự lãnh đạo tập thể và phản đối sự chuyên quyền cá nhân”. Trong văn kiện được sửa đổi năm 2016, “lãnh đạo tập thể” vẫn được nhắc đến, nhưng không có trong tiêu đề của một phần. Thay vào đó, nó nằm trong một phần mới có tựa đề “Kiên trì nguyên tắc tập trung dân chủ” - bản chất là sự tuân thủ các quyết định của ban lãnh đạo cao nhất. Thay vì coi lãnh đạo tập thể là một trong những nguyên tắc cốt lõi của Đảng, phần này bắt đầu bằng tuyên bố “Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng” và hạ thấp “lãnh đạo tập thể” thành một phần của “tập trung dân chủ”.

Trong văn kiện năm 2016, có một phần mới với tựa đề “Kiên quyết bảo vệ quyền uy của Trung ương Đảng” - tức là phần thứ 3 của văn kiện mới, chuyên đề cập việc bảo vệ uy quyền của Đảng. Thông điệp chính trị quan trọng nhất được truyền tải trong phần này là: Quyền uy của Tập Cận Bình cũng giống với quyền uy của Trung ương Đảng. Trong phần đầu định nghĩa “cốt lõi” là Đại hội Đảng toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tuy nhiên, trong đoạn thứ hai, “cốt lõi” có mối liên hệ với “hạt nhân lãnh đạo”. Do Tập Cận Bình được phong là “hạt nhân” của ban lãnh đạo, nên dường như có sự đánh đồng “cốt lõi” với sự lãnh đạo của Tập Cận Bình chứ không phải với Đại hội Đảng toàn quốc hoặc Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đây là một điểm rất đáng lưu ý trong cải cách thể chế nắm quyền của ĐCS Trung Quốc hiện nay, theo đó, cơ chế tập thể lãnh đạo đang có xu hướng bị “nhạt hóa”, vai trò của cá nhân lãnh tụ dần được tăng cường, khẳng định rõ hơn.

Một mục tiêu then chốt khác của việc Tập Cận Bình viết lại các quy tắc của ĐCS Trung Quốc là để tập trung quyền lực, trong đó có điều lệ xin chỉ thị và báo cáo về các vấn đề quan trọng. Các quy tắc này hạn chế đáng kể hiện tượng các quan chức và các tổ chức đảng cấp dưới tự do ra quyết định và những quyết định then chốt là do cơ quan đảng cấp trên, và cuối cùng là đến Trung ương Đảng dưới quyền Tập Cận Bình đưa ra. Những thay đổi quy tắc kể từ khi Tập Cận Bình trở thành nhà lãnh đạo “hạt nhân” của ĐCS Trung Quốc nhằm đảm bảo một phép thử có hệ thống đối với thẩm quyền cá nhân của Tập Cận Bình cũng như sự ủng hộ và trung thành với chính quyền của Tập Cận Bình, thông qua đó để xác định những vụ vi phạm kỷ luật, kiểm nghiệm hiệu suất công việc.

Nhận định về nhóm biện pháp cải cách thắt chặt kỷ luật tổ chức, quy tắc hoạt động và tăng cường các hoạt động truyền bá của ĐCS Trung Quốc, dư luận cho rằng, nếu những điều này được thực thi đầy đủ và hiệu quả, sẽ đem đến kết quả lâu dài và sâu sắc, bản chất của chế độ Trung Quốc sẽ có sự thay đổi theo hướng khác biệt về chất. Tuy nhiên, với những diễn biến thời gian gần đây, đặc biệt với sự xuất hiện, lan rộng của các phong trào phản kháng giai đoạn cuối năm 2022 khi Trung Quốc kiên trì tới cùng chiến lược “Zero-covid” và hiện tượng tham nhũng chưa có dấu hiệu được ngăn chặn hiệu quả, không có gì chắc chắn rằng việc sửa đổi một cách có hệ thống các quy tắc của Đảng - Nhà nước Trung Quốc sẽ đạt được những kết quả mà nhà lãnh đạo đầy quyền lực mới của Trung Quốc mong muốn, cụ thể là sự thống trị chính trị mang tính cá nhân hóa và năng lực thể chế mạnh mẽ hơn [Minxin Pei, 2019].

3.1.1.2. Tăng cường quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện

ĐCS Trung Quốc tập trung kiên định quản lý Đảng một cách toàn diện, không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền và trình độ lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Đảng là nội dung quan trọng hàng đầu của Đại hội XIX, vấn đề được đặt ra là “Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc đã bước vào thời đại mới, do vậy ĐCS Trung Quốc cũng phải có khí thế mới, hành động mới. Đảng muốn đoàn kết dẫn dắt nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh vĩ đại, thúc đẩy sự nghiệp vĩ đại, thực hiện giấc mơ vĩ đại, thì nhất định phải kiên trì và hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng, nhất định phải xây dựng Đảng kiên cường, mạnh mẽ hơn. Toàn Đảng phải tỉnh táo nhận thức được rằng, Đảng đang đứng trước

môi trường cầm quyền phức tạp, những nhân tố ảnh hưởng tới tính tiên phong của Đảng, làm suy giảm tính trong sạch của Đảng cũng rất phức tạp, những vấn đề bức xúc tồn tại trong Đảng, như tư tưởng lệch lạc, tổ chức lệch lạc, tác phong lệch lạc... tới nay vẫn chưa được giải quyết cơ bản. Phải nhận thức sâu sắc tính chất lâu dài và phức tạp của những thử thách đối với sự cầm quyền mà Đảng đang phải vượt qua...; nhận thức sâu sắc tính gay gắt và cam go của những nguy cơ mà Đảng đang phải đối mặt, như nguy cơ tinh thần buông xuôi, năng lực yếu kém, xa rời quần chúng, nguy cơ tham nhũng, tiêu cực...”. Trước tình hình, nhiệm vụ mới trong thời đại mới, ĐCS Trung Quốc chủ trương: Kiên trì và tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, quản lý Đảng chặt chẽ toàn diện, thúc đẩy toàn diện công tác xây dựng Đảng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức, tác phong, kỷ luật..., thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tham nhũng đi vào chiều sâu, không ngừng nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng; xây dựng ĐCS Trung Quốc thành một chính đảng Mácxít cầm quyền đầy sức sống, luôn đứng trên tuyến đầu của thời đại, được nhân dân hết lòng ủng hộ, dũng cảm tự cải cách, vượt qua mọi thử thách.

Những giải pháp lớn được thực thi trong công tác xây dựng Đảng nhằm đạt được mục tiêu trên, bao gồm: Một là, đặt công tác xây dựng chính trị lên vị trí hàng đầu; Hai là, trang bị tư tưởng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới cho toàn Đảng; Ba là, xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp hóa, chất lượng cao; Bốn là, tăng cường xây dựng tổ chức cơ sở đảng; Năm là, chỉnh đốn tác phong và thực hiện nghiêm túc kỷ luật của Đảng; Sáu là, “giành thắng lợi áp đảo trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng”; Bảy là, kiện toàn hệ thống giám sát của Đảng và Chính quyền; Tám là, tăng cường toàn diện bản lĩnh cầm quyền của một chính đảng lớn tại một quốc gia rộng lớn với hơn 1,4 tỷ dân.

ĐCS Trung Quốc cũng xác định, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện đòi hỏi giải quyết nhiều vấn đề khác nhau, nhưng quan trọng nhất là cải cách và hoàn thiện thể chế. Từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XVIII đến nay, ĐCS Trung Quốc đã sửa đổi, ban hành và thực thi một loạt quy định về tăng cường giám sát trong

Đảng. “Điều lệ giám sát trong Đảng” thông qua tại Hội nghị toàn thể Trung ương 6 khóa XVIII đã có những quy định cụ thể nhằm tăng cường việc giám sát. Song song với đó, Ban Chấp hành Trung ương ĐCS Trung Quốc cũng đã ban hành và triển khai rộng rãi, mạnh mẽ các quy định liên quan xây dựng liêm khiết, chỉnh đốn tác phong như Nghị quyết 8 điểm quy định về lề lối làm việc của Đảng, 6 điều cấm, chỉnh đốn “tứ phong”..., tạo ra “làn gió mới” trong sinh hoạt chính trị tại Trung Quốc.

3.1.1.3. Củng cố khả năng lãnh đạo

ĐCS Trung Quốc còn thực hiện nhiều biện pháp cải cách nhằm tăng cường củng cố khả năng lãnh đạo. Sức lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc được thể hiện ở: (i) Xây dựng hệ thống niềm tin lý tưởng, xây dựng viễn cảnh, xác lập sứ mệnh, xây dựng quan niệm giá trị; (ii) Thiết lập hệ thống xây dựng tinh thần hoàn chỉnh; tạo dựng niềm tin lý tưởng trong nội bộ tổ chức; xây dựng đồng minh rộng rãi với các tổ chức ngoài đảng; (iii) Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ vừa đức vừa tài; (iv) Xây dựng kỷ luật thép.

ĐCS Trung Quốc xác định, trong quá trình cải cách, cần phải kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, cải tiến phương thức cầm quyền và lãnh đạo của Đảng để nâng cao năng lực cầm quyền và trình độ lãnh đạo, lãnh đạo quần chúng tốt hơn trong công cuộc thúc đẩy hiện đại hóa quản trị quốc gia. Sau Đại hội XIX, những cải cách thể chế này càng làm nổi bật địa vị lãnh đạo của Đảng trong đời sống quốc gia và xã hội, điều đó được thể hiện qua việc sửa đổi Hiến pháp năm 2018, trong đó ghi rõ sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc là đặc trưng bản chất nhất của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Kiên trì cầm quyền theo pháp luật. Đảng thông qua chính quyền để lãnh đạo nhà nước và xã hội.

Một số xu hướng thể hiện rõ cải cách thể chế chính trị liên quan cơ chế nắm quyền của ĐCS Trung Quốc bao gồm:

Thứ nhất, xác định ĐCS Trung Quốc là hạt nhân lãnh đạo Trung Quốc đương đại, đại diện cho lợi ích căn bản của đông đảo quần chúng nhân dân Trung Quốc. Sự lãnh đạo của ĐCS là bảo đảm căn bản để thúc đẩy hệ thống quản trị đất nước và hiện đại hóa năng lực quản lý đất nước.

Thứ hai, nhấn mạnh sự lãnh đạo của ĐCS là toàn diện, hệ thống và hoàn chỉnh. Những văn kiện sửa đổi gần đây nhất của ĐCS Trung Quốc và Hiến pháp Trung Quốc đều chỉ rõ, đối với một đất nước, một Đảng cầm quyền, hạt nhân lãnh đạo là hết sức quan trọng. Xác lập và bảo vệ địa vị hạt nhân của toàn Đảng, hạt nhân của Trung ương Đảng - Tổng Bí thư Tập Cận Bình là nguyện vọng chung của toàn Đảng và nhân dân các dân tộc Trung Quốc. Xác lập và duy trì hạt nhân lãnh đạo của Đảng cầm quyền giai cấp vô sản luôn là quan điểm cơ bản trong học thuyết xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác. Địa vị hạt nhân của Đảng và hạt nhân Trung ương Đảng của Tổng Bí thư Tập Cận Bình được hình thành trong thực tiễn đấu tranh vĩ đại mới.

Thứ ba, phục tùng hạt nhân, bảo vệ hạt nhân chính là phục tùng đại cục, bảo vệ đại cục, chính là chính trị lớn nhất. Kiên quyết bảo vệ quyền uy và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Trung ương Đảng.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế thể chế lãnh đạo của ĐCS. Đảng lãnh đạo tất cả mọi công việc. Tăng cường toàn diện bản lĩnh cầm quyền của Đảng.

Biện pháp chủ chốt nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII chính là tái cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại các Tiểu tổ/Ban Chỉ đạo Trung ương nhằm đẩy mạnh tập trung quyền lực vào Trung ương Đảng mà cốt lõi nhất chính là Tổng Bí thư. Sau Đại hội XVIII, Trung Quốc đã cho thành lập ra nhiều ban chỉ đạo và ủy ban có cấp bậc cao nhất từ trước đến nay để thống nhất các quyết sách, phục vụ cho công cuộc đi sâu cải cách mở cửa. Tiêu biểu là Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện của Trung ương ĐCS Trung Quốc, Ban chỉ đạo thông tin hóa và an ninh mạng của Trung ương ĐCS Trung Quốc, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện quân đội và quốc phòng của Quân Ủy Trung ương, Ủy ban An ninh quốc gia, Ban chỉ đạo tài chính của Trung ương ĐCS Trung Quốc. Việc thành lập ra các ban chỉ đạo Trung ương nói trên có vai trò quan trọng chỉ đạo, điều phối quá trình đi sâu cải cách mở cửa ở Trung Quốc, là một bộ phận cấu thành quan trọng trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc sau Đại hội XVIII.

Đáng chú ý nhất là việc thành lập Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương. Đây là kết quả của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XVIII ĐCS Trung

Quốc. Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương chuyên phụ trách về thiết kế quy hoạch, điều phối toàn cục công cuộc cải cách... Ban chỉ đạo này gồm sáu tiểu ban chuyên môn: Tiểu ban cải cách thể chế kinh tế và thể chế văn minh sinh thái; Tiểu ban cải cách trong lĩnh vực pháp chế dân chủ; Tiểu ban cải cách thể chế văn hóa; Tiểu ban cải cách thể chế xã hội; Tiểu ban cải cách chế độ xây dựng Đảng; Tiểu ban cải cách thể chế kiểm tra kỷ luật. Từng tiểu ban có nhiệm vụ riêng góp phần làm cho Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện của Trung ương có thể đề cập nhiều vấn đề trong công cuộc cải cách. Trong 6 tiểu ban chuyên môn nêu trên, có đến 3 tiểu ban liên quan đến cải cách thể chế chính trị.

Kể từ khi thành lập đến tháng 02/2017, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương đã tổ chức rất nhiều hội nghị. Qua mỗi lần hội nghị, Ban chỉ đạo đều thông qua hàng loạt các văn bản, trong đó thể hiện biện pháp và con đường cải cách cho từng lĩnh vực, đồng thời, cũng đề ra phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo. Tính đến nay, đã có hơn 100 văn kiện được thông qua. Thành viên các Ban chỉ đạo này đều thuộc tầng nấc cao nhất - Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương ĐCS Trung Quốc và do Tập Cận Bình làm Chủ nhiệm. Trọng điểm của Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương gồm có: Quản lý nhà nước theo pháp luật; phòng chống tham nhũng và cải cách kinh tế. Ngoài ra, các vấn đề khác như: xóa đói giảm nghèo; xây dựng văn minh sinh thái; cải cách giáo dục... cũng được thúc đẩy ở các mức độ khác nhau. Trong đó, quản lý đất nước theo pháp luật tiếp tục là vấn đề trọng điểm nhất của công cuộc cải cách. Cụ thể, Hội nghị lần thứ 20 của Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn Trung ương ngày 11/01/2016 đã thông qua “Ý kiến liên quan đến hoàn thiện chế độ học tập pháp luật và sử dụng pháp luật của cán bộ công chức nhà nước”. Sau đó đến đầu tháng 4/2016, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên truyền Trung ương, Bộ Tư pháp, Bộ Nhân lực và An sinh xã hội Trung Quốc đã phát hành văn bản này. Đến Hội nghị lần thứ 22, Ban chỉ đạo đã thông qua “Ý kiến về việc thúc đẩy chế độ cố vấn pháp luật và chế độ pháp luật liên quan đến công ty, luật sư, công chức”, “Ý kiến về việc xây dựng chế độ tuyển chọn từng bước quan tòa, công tố viên”. Hội nghị thứ 23 lại tiếp tục thông qua văn bản “Quy định bảo vệ nhân viên tư pháp thực

thi chức trách theo quy định của pháp luật”, chỉ rõ cần phải trừng phạt nghiêm khắc theo pháp luật những hành vi cản trở hoạt động tư pháp hoặc làm tổn hại đến nhân viên tư pháp. Tiếp theo đến các Hội nghị thứ 25, 26 và 29 đều ra những văn bản liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước theo pháp luật và đã được thông qua.

Từ khi thành lập đến nay, các Ban chỉ đạo này đã có ảnh hưởng rất lớn đối với thúc đẩy công cuộc cải cách nói chung và thúc đẩy cải cách thể chế chính trị nói riêng ở Trung Quốc. Một số đặc trưng cơ bản của các Ban chỉ đạo gồm:

Thứ nhất, Ban chỉ đạo đã làm thay đổi trạng thái phân tán quyền lực như thời kỳ trước Đại hội XVIII của ĐCS Trung Quốc. Trước đây, cũng có rất nhiều ban chỉ đạo, nhưng ai là chủ nhiệm, ai là phó chủ nhiệm và cơ chế hoạt động ra sao đều không công khai hoặc không được phép công khai. Hiện nay, các ban chỉ đạo này đều công khai thành viên cũng như cách thức hoạt động. Truyền thông Trung Quốc thi thoảng vẫn đưa tin công khai về kỳ họp của các Ban chỉ đạo. Điều đó chứng tỏ các Ban chỉ đạo đã ngày càng được chế độ hóa. Đồng thời, cách thức hoạt động của các Ban chỉ đạo này đã bãi bỏ hình thức hoạt động theo kiểu mỗi người quản lý một lĩnh vực cụ thể như trước đây. Hiện nay, Tập Cận Bình làm Chủ nhiệm 04 Ban chỉ đạo cao nhất, Thủ tướng Quốc Vụ viện làm Phó Chủ nhiệm, còn các Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương ĐCS Trung Quốc khác được phân bổ vào các Ban chỉ đạo. Điều này làm tăng khả năng kết hợp của các Ban chỉ đạo trong xử lý sự việc một cách hợp lý và nhịp nhàng. Theo phân tích của Phó Giáo sư Phan Húc Đào thuộc Học viện Quản lý nhà nước - Đại học Nam Kinh Trung Quốc, các Ban chỉ đạo này có cơ cấu quyền lực và tổ chức đặc biệt. Chính điều này đã làm tăng hiệu quả thực thi các quyết sách chính trị của Trung Quốc, từ đó giúp củng cố địa vị của các Ban chỉ đạo này.

Thứ hai, các Ban chỉ đạo trên vượt khỏi ranh giới của các bộ ngành, xóa bỏ lợi ích cá thể của từng bộ ngành, thúc đẩy công tác hiện đại hóa quản lý nhà nước được thực hiện một cách đồng bộ và có thể thúc đẩy cải cách một cách hiệu quả nhất. Theo ý kiến của học giả Trung Quốc Từ Hiểu Toàn, mỗi bộ ngành luôn luôn vì bảo vệ lợi ích của mình mà cản trở công cuộc cải cách. Từ bảo vệ lợi ích của bộ ngành mình dẫn tới các cơ quan này không chịu điều chỉnh chức năng. Lấy ví dụ về việc sáp nhập một số bộ

ngành ở Trung Quốc, các cơ quan này dùng đủ mọi cách để thuyết minh tầm quan trọng của bản thân để không bị sáp nhập hoặc giải thể, khiến bộ máy hành chính trở nên cồng kềnh. Ngoài ra, hiện tượng tồn tại khá phổ biến trong các cơ quan, bộ ngành tại Trung Quốc là phục vụ cho bảo vệ lợi ích của mình, tìm mọi cách để né tránh, từ đó gây ra trở ngại đối với lập pháp. Bởi vì, những quy định pháp luật hành chính hầu như đều do các bộ ngành trình bàn thảo. Họ đã lợi dụng việc tham gia vào quá trình lập pháp này để soạn thảo ra những quy định bảo vệ lợi ích, đồng thời, giảm trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan mình. Những việc làm này đã gây trở ngại rất lớn cho công cuộc đi sâu cải cách toàn diện. Vì thế, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương từ khi ra đời đã có chức năng thiết kế kế hoạch tổng thể cho công cuộc cải cách, thực hiện đồng bộ, thúc đẩy toàn cục, đôn đốc giám sát. Rõ ràng Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương đã tiêu trừ hoặc giảm trừ lợi ích cá nhân của các bộ ngành mà thay vào đó là sự bao quát toàn cục [徐晓全 (Từ Hiểu Toàn), 2020].

Thứ ba, các Ban chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho Trung Quốc bằng cách phát huy vai trò chỉ đạo tổng thể ở tầm vĩ mô đối với công cuộc cải cách ở nước này. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc trên mọi lĩnh vực từ kinh tế đến chính trị đều dựa trên phương thức “dò đá qua sông”, thí điểm trước mở rộng sau. Có nghĩa là cho phép chính quyền địa phương dựa vào tình hình thực tế của địa phương để đưa ra cách thức giải quyết vấn đề một cách phù hợp. Từ đó, những kinh nghiệm xử lý thành công sẽ được nâng cấp lên thành thể chế quốc gia. Ví dụ như chế độ tự trị trong quản lý địa phương tại Trung Quốc được bắt nguồn từ việc người dân ở thôn Hợp Trại - Bình Nam - Thành phố Nghi Châu - Quảng Tây thành lập ra ủy ban thôn đầu tiên trên toàn quốc. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có không ít địa phương trong một số lĩnh vực chỉ thực hiện công cuộc cải cách mang tính khẩu hiệu. Tuy nói là cải cách cần phải trải qua thử nghiệm nhưng nếu thiếu đi sự chỉ đạo và quản lý ở tầm vĩ mô, cũng như sự thúc đẩy thực hiện của các nhà quản lý thì công cuộc cải cách rất có thể đi không đúng đường. Một số học giả Trung Quốc chỉ ra rằng, rất nhiều sáng tạo trong cải cách chế độ ở chính quyền địa phương đều gặp vướng mắc về mặt thể chế. Thậm chí, đó chính là những dự án đã được nhận giải thưởng sáng tạo của chính

quyền địa phương. Có đến 1/3 những dự án này chỉ tồn tại trên giấy mà không được thực hiện. Chính vì thế, tầm quan trọng của sự chỉ đạo và quản lý vĩ mô là rất lớn, đặc biệt là đối với công cuộc đi sâu cải cách toàn diện. Việc Trung Quốc cho thành lập các ban chỉ đạo và đi vào hoạt động là một biểu hiện cho thấy sự tập trung ý thức về công cuộc cải cách đang ở mức độ cao, hình thành nên sức mạnh tổng hợp cho công cuộc cải cách. Tình hình quản lý nhà nước của Trung Quốc gặp phải những vấn đề ngày càng phức tạp. Vì thế, thông qua sự chỉ đạo và quản lý tổng thể của Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương sẽ dễ dàng xử lý hơn.

Thứ tư, các Ban chỉ đạo có vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật. Tính pháp trị là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá một hệ thống quản lý đất nước có hiện đại hay không. Ngay từ sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc, Tập Cận Bình đã xác định đây là phương hướng chiến lược trong việc quản lý đất nước. Hơn hai năm kể từ khi thành lập, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương đã thẩm định và thông qua hơn 20 văn kiện quan trọng liên quan đến vấn đề cải cách tư pháp, một loạt những biện pháp nhằm thúc đẩy cải cách thể chế tư pháp đã được ban hành, góp phần hoàn thiện hơn thể chế tư pháp, thể hiện quyền uy tư pháp, sức mạnh của pháp trị. Có thể nói, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương đã làm cho tính pháp trị trở thành tiêu chí và là phương hướng chung cho hiện đại hóa quản lý nhà nước ở Trung Quốc.

Nhìn chung, các ban chỉ đạo, đặc biệt là Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương từ khi thành lập đã có vai trò quan trọng trong thúc đẩy cải cách, ảnh hưởng lớn đến thể chế chính trị Trung Quốc kể từ sau Đại hội XVIII. Cụ thể:

Một là, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương là vũ khí có sức mạnh lớn nhất mà ĐCS Trung Quốc dùng để thúc đẩy công cuộc cải cách một cách hiệu quả nhất. Theo học giả Yên Kế Vinh, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương có thể phá vỡ những nhóm lợi ích cản trở cải cách. Những nhóm lợi ích này có đặc điểm là mang tính chủ nghĩa bộ, ngành cá thể, chủ nghĩa ngành nghề, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa đặc quyền... [燕继荣 (Yên Kế Vinh), 2020]. Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương có quyền lực rất cao, những

phán đoán và quyết sách của Ban chỉ đạo này có thể vượt qua khỏi ranh giới các bộ ngành, ngành nghề, địa phương và các nhóm đặc biệt để thúc đẩy công cuộc cải cách. Đồng thời, các văn bản được thông qua là định hướng công tác cho các bộ, ngành. Các bộ, ngành sẽ căn cứ vào các nhiệm vụ cải cách do Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương đưa ra để xác định những nhiệm vụ cải cách cho bộ, ngành mình sao cho phù hợp với tinh thần của Ban chỉ đạo.

Hai là, đem kết hợp giữa “thiết kế từ nóc” và việc “dò đá qua sông”. Theo GS. Hứa Diệu Đồng, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương có vai trò kết nối, điều phối cải cách. Các bộ, ngành quốc gia đều có rất nhiều nhiệm vụ cải cách, Ủy ban Cải cách và Phát triển quốc gia là cơ quan quan trọng trong cải cách thể chế kinh tế. Ngân hàng Nhân dân và Ủy ban quản lý giám sát ngành ngân hàng Trung Quốc sẽ đảm nhận nhiệm vụ cải cách tiền tệ, Bộ Tài chính đảm nhận nhiệm vụ cải cách tài chính, “làm thế nào để có thể thống nhất nhịp nhàng, phân công rõ ràng, đó là vấn đề mà cơ quan “thiết kế từ nóc” cần phải giải quyết” [许耀桐 (Hứa Diệu Đồng), 2018].

Ba là, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương còn có vai trò kết hợp nhịp nhàng, hiệu quả công cuộc cải cách “ngũ vị nhất thể” của Trung Quốc. Cao Thượng Toàn - Hội trưởng danh dự Hội Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Trung Quốc đã cho biết, công cuộc cải cách mới lần này không giống những cuộc cải cách trước đây, mà là sự kết hợp của cải cách chính trị, cải cách kinh tế, cải cách xã hội, cải cách văn hóa và cải cách văn minh sinh thái. Do đó Ban chỉ đạo cải cách lần này phải có năng lực kết hợp giữa các nhiệm vụ cải cách nói trên một cách mạnh mẽ và có hiệu quả.

Bốn là, so với Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia trước đây, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và hoạch định các chính sách cho công cuộc cải cách. Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia trước đây là cơ quan chức năng của Quốc vụ viện, có vai trò trong việc hoạch định chiến lược phát triển, tiến hành quản lý vĩ mô trong hệ thống chính quyền. Nhưng do công cuộc cải cách lần này rất phức tạp và mang tính cấp bách, phạm vi rộng lớn, đồng thời các nhiệm vụ cải cách ở các lĩnh vực cũng rất cần sự kết hợp nhịp nhàng,

Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia cũng bị hạn chế trong một số lĩnh vực, nhất là trong việc hoạch định chính sách, do đó, bắt buộc phải thành lập cơ cấu chỉ đạo cải cách mới với uy quyền, phạm vi chỉ đạo rộng lớn hơn. Có thể thấy, Ban chỉ đạo đi sâu cải cách toàn diện Trung ương có quyền uy cao hơn, có thể bảo đảm cho việc thiết kế cho công cuộc cải cách, có thể thúc đẩy và giám sát từng mắt xích trong công cuộc cải cách, khiến công cuộc cải cách lần này được hệ thống hơn, hoàn chỉnh hơn và đồng bộ hơn.

Tuy nhiên, cũng có không ít những ý kiến lo ngại rằng, việc cho thành lập và đi vào hoạt động các ban chỉ đạo mà phần lớn đều do ông Tập Cận Bình nắm quyền như vậy sẽ gây ra hiện tượng tập quyền cá nhân như thời Mao Trạch Đông. Công cuộc cải cách thể chế chính trị rất cuộc lại quay trở về con số không. Đứng trước luận điểm này, các học giả Trung Quốc lý giải rằng, đó chỉ là biểu hiện tập quyền ở mặt chế độ chứ không phải tập quyền vào một cá nhân cụ thể. Cá nhân ông Tập Cận Bình chỉ là người đứng ra nhận trách nhiệm. Điều đó chứng tỏ ông Tập Cận Bình là một người có trách nhiệm cao, dám đương đầu với sự việc, các Ban chỉ đạo này là cách làm việc hiệu quả nhất được hình thành chính trong thực tiễn cải cách của Trung Quốc.

Gần đây nhất, tại kỳ họp Luỡng hội năm 2023, với việc thông qua “Phương án cải cách cơ cấu Đảng và Nhà nước” [《党和国家机构改革方案》(Phương án cải cách cơ cấu Đảng và Nhà nước), 2023], ĐCS Trung Quốc tiếp tục đợt cải cách thể chế chính trị lớn thứ hai sau năm 2012. Theo phương án này, cơ chế ban hành quyết sách của Trung ương ĐCS Trung Quốc vốn chủ yếu dựa vào các Ban chỉ đạo nay tiếp tục được tăng cường. Các điều chỉnh bao gồm thành lập 03 ủy ban, 01 bộ và 01 văn phòng, cụ thể: (1) Thành lập Ủy ban Tài chính Trung ương với cơ quan thường trực là Văn phòng Ủy ban Tài chính Trung ương, xóa bỏ Ủy ban Ổn định và Phát triển tài chính Quốc vụ viện và cơ quan giúp việc của Ủy ban này. Chuyển giao chức năng của Văn phòng Ủy ban Ổn định và Phát triển tài chính Quốc vụ viện cho Văn phòng Ủy ban Tài chính Trung ương; (2) Thành lập Ủy ban Công tác tài chính Trung ương nhằm thực hiện sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đối với hệ thống tài chính; (3) Thành lập Ủy ban Khoa học - Công nghệ Trung ương, tuy nhiên vẫn giữ lại Ủy ban Tư vấn

khoa học - công nghệ quốc gia, phục vụ cho các quyết sách về khoa học - công nghệ quan trọng của Trung ương Đảng, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Ủy ban Khoa học - Công nghệ Trung ương. Đồng thời với việc lập mới ủy ban này, ĐCS Trung Quốc còn xóa bỏ các tiểu tổ lãnh đạo gồm: Tiểu tổ lãnh đạo xây dựng phòng thí nghiệm quốc gia Trung ương, Tiểu tổ lãnh đạo khoa học - công nghệ quốc gia, Tiểu tổ lãnh đạo cải cách thể chế và xây dựng hệ thống đổi mới về khoa học - công nghệ quốc gia, Tiểu tổ lãnh đạo công tác phát triển và quy hoạch khoa học - công nghệ trung và dài hạn cấp quốc gia. Đây là động thái nhằm tái cơ cấu, thu gọn đầu mối quản lý, qua đó tăng cường sự chỉ đạo sâu sắc, trực tiếp hơn nữa của Trung ương ĐCS Trung Quốc đối với công tác tài chính. Nó cũng phản ánh nhận thức rõ hơn của ĐCS Trung Quốc về vai trò của khoa học - công nghệ đối với phát triển đất nước; (4) Thành lập Ban Công tác xã hội Trung ương Đảng, phụ trách trù tính chỉ đạo công tác khiếu nại của nhân dân, chỉ đạo công tác trung cầu ý kiến của nhân dân, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng để dẫn dắt quản trị cơ sở và chính quyền cơ sở, lãnh đạo thống nhất công tác Đảng của các hiệp hội ngành nghề và hội thương mại mang tính toàn quốc, thúc đẩy hài hòa các hiệp hội ngành nghề và hội thương mại đi sâu cải cách và chuyển đổi phát triển; chỉ đạo công tác xây dựng đảng đối với doanh nghiệp sở hữu hỗn hợp, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tổ chức kinh tế mới, tổ chức xã hội mới và đoàn thể việc làm mới; chỉ đạo xây dựng đội ngũ nhân tài làm công tác xã hội; (5) Thành lập Văn phòng Công tác Hồng Kông - Ma Cao của Trung ương Đảng. Văn phòng này được thành lập trên cơ sở xóa bỏ Văn phòng Các vấn đề Hồng Kông - Ma Cao thuộc Quốc vụ viện, chuyển trực tiếp chức năng lãnh đạo công tác này sang cho Trung ương Đảng.

Các động thái cải cách gần đây nhất cho thấy, cơ chế quyết sách của ĐCS Trung Quốc tiếp tục được củng cố theo hướng tập trung quyền lực trực tiếp hơn nữa vào Trung ương Đảng. Cơ cấu đảm nhiệm nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị là các Văn phòng, Ủy ban trực thuộc Trung ương Đảng. Những cơ quan có chức năng tương đương thuộc Quốc vụ viện nay có xu hướng được tinh giản hoặc chuyển giao sang bên Đảng quản lý.

Với những cải cách sau Đại hội XVIII, vị thế vai trò và năng lực lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc đã được củng cố vững chắc. Đây chính là đảm bảo cho ĐCS Trung Quốc lãnh đạo công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đi theo phương hướng đã định.

3.1.1.4. Cải cách chế độ nhân sự, cán bộ

Từ sau Đại hội XVIII đến nay, ĐCS Trung Quốc, đứng đầu là Tập Cận Bình đã hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, trong đó “then chốt là con người”. Công tác xây dựng Đảng bao gồm: Quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, giáo dục tư tưởng, tối ưu hóa tổ chức, thay đổi tác phong, chống tham nhũng và xây dựng chế độ. Qua đó, thực hiện tốt hơn chiến lược cường quốc nhân tài, thiết lập cơ chế thu hút cán bộ, hoàn thiện nguyên tắc Đảng quản lý cán bộ, tạo môi trường tốt đẹp để cán bộ phát huy hết năng lực, xây dựng đội ngũ cán bộ tổ chất cao, hùng hậu, nhằm ứng phó với tình hình thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc và nhiệm vụ cải cách trong nước ngày càng khó khăn, hoàn thành tốt những mục tiêu Đại hội XVIII đề ra.

Xuyên suốt các nhiệm kỳ Đại hội XVIII, XIX, XX, Tổng Bí thư Tập Cận Bình luôn nhấn mạnh yếu tố “then chốt là ở Đảng, ở con người”. Đảng phải luôn là hạt nhân lãnh đạo kiên cường, then chốt ở con người là cần xây dựng đội ngũ cán bộ tổ chất cao, làm cán bộ tốt lên và sử dụng cán bộ như thế nào. Tập Cận Bình đã nêu rõ “lựa chọn người như thế nào, sẽ có tác phong của cán bộ như thế, thậm chí là tác phong của Đảng như thế” [<http://www.gov.cn/ldhd/2013-06/29/content2437094.htm>]. Muốn thúc đẩy cải cách, cần phải tuyển chọn và sử dụng cán bộ có thể thúc đẩy cải cách mở cửa. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt của một địa phương, một ban ngành nếu có năng lực tốt thì địa phương đó, ban ngành đó sẽ có tác phong làm việc lành mạnh, hiệu quả và ngược lại. ĐCS Trung Quốc xác định tiêu chuẩn chung của cán bộ tốt là tài đức kiêm toàn, lấy đức làm đầu. Trong thời kỳ mới, tiêu chuẩn cán bộ tốt được khái quát thành 20 chữ: Niềm tin lý tưởng, vì dân phục vụ, làm việc hiệu quả, dám gánh trách nhiệm (dám tìm tòi, dám thực hiện, dám chịu trách nhiệm), trong sạch liêm khiết. Trong đó, niềm tin lý tưởng là chỗ dựa giá trị, vì dân phục vụ là sứ mệnh,

làm việc hiệu quả là tác phong nhất quán, dám gánh trách nhiệm là phẩm chất đáng quý, trong sạch liêm khiết là giới hạn của cán bộ tốt.

Từ Đại hội XVIII đến nay, Tập Cận Bình đã nêu lên một loạt yêu cầu nhằm cụ thể hóa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở các ban ngành, địa phương khác nhau. Ví dụ: “Ba điều cần phải” đối với cán bộ chính pháp (cần phải đưa giáo dục lý tưởng lên vị trí hàng đầu trong xây dựng đội ngũ cán bộ chính pháp, cần phải kiên quyết đấu tranh chống lại cái xấu, cần phải đi đầu gánh vác những nhiệm vụ khó khăn) [<http://cpc.people.com.cn/n/2014/0109/c64094-24065903.html>]; “Năm kiên trì” đối với cán bộ văn phòng đảng ủy (kiên trì phẩm cách chính trị tuyệt đối trung thành, kiên trì ý thức đại cục tự giác cao độ, kiên trì tác phong làm việc chịu trách nhiệm đến cùng, kiên trì tinh thần cống hiến vô tư) [http://www.qstheory.cn/zhuangu/2021-06/27/c_1127603276.htm]; “Ba đặc biệt” đối với cán bộ khu vực dân tộc (đặc biệt tinh táo khi phân biệt lập trường đúng sai, đặc biệt kiên định trong hành động bảo vệ đoàn kết dân tộc, đặc biệt yêu mến tình cảm của quần chúng các dân tộc) [<http://www.mzb.com.cn/html/report/15Q225677-1.htm>]; “Năm chắc” (chính trị chắc, nghiệp vụ chắc, trách nhiệm chắc, kỷ luật chắc, tác phong chắc), “Bốn trung thành” (trung thành với Đảng, trung thành với CNXH, trung thành với Tổ quốc, trung thành với nhân dân) đối với cán bộ lập pháp, chấp pháp, tư pháp [<http://news.xinhuanet.com/2016-04/27/c1118749027.htm>]; “Bốn có” (trong lòng có Đảng, trong lòng có dân, trong lòng có trách nhiệm, trong lòng có giới hạn), “Bốn loại người” (người hiểu rõ chính trị, người mở đường phát triển, người sát sao với quần chúng, người dẫn đầu đội ngũ) đối với bí thư huyện [<http://cpc.people.com.cn/xuexi/n/2015/0701/c385474-27237107.html>]; “Ba nghiêm ba thực” (Cán bộ lãnh đạo các cấp vừa phải nghiêm túc tu thân, nghiêm túc sử dụng quyền lực, nghiêm túc tự mình giữ kỷ luật, vừa phải làm việc thực, lập nghiệp thực, làm người trung thực), “trung thành, trong sạch, trách nhiệm”, “Bốn cương quyết” đối với cán bộ lãnh đạo các cấp... Trong các tiêu chuẩn trên, Tập Cận Bình đặc biệt nhấn mạnh đến chữ “đức”, “lấy đức tu thân, lấy đức lập uy, lấy đức thu phục quần chúng, là nhân tố quan trọng để cán bộ trưởng thành” [<http://cpc.people.com.cn/n1/2016/1211/c64094-28940092.html>].

Từ những quan điểm và tiêu chuẩn cán bộ được Tập Cận Bình đề ra và coi như chuẩn mực đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên ĐCS Trung Quốc nêu trên, các học giả Trung Quốc đã khái quát thành: Một lý tưởng; Hai chữ “nghiêm” và “thực”; Ba câu nói; Bốn loại người; và Năm tiêu chuẩn. Nói một cách ngắn gọn đó là tiêu chuẩn 12345, cụ thể như sau:

- Một lý tưởng: Đó là lý tưởng chủ nghĩa Mác, “đảng viên, cán bộ phải kiên định lý tưởng của chủ nghĩa Mác, CNXH, vững vàng trong thực tiễn, nỗ lực thực hiện cương lĩnh cơ bản của Đảng trong giai đoạn hiện nay, thiết thực làm tốt mọi công tác” [<http://news.xinhuanet.com/2013-08/20/c1170214643.htm>].

- Hai chữ “nghiêm” và “thực”: Cán bộ lãnh đạo các cấp phải nghiêm túc tu thân, nghiêm túc sử dụng quyền lực, nghiêm túc tự mình giữ kỷ luật; vừa phải lập kế hoạch làm việc phải xuất phát từ thực tế, làm việc phải chắc chắn, bám sát thực tế, làm người trung thực, trung thành với Đảng, nói sự thật, làm việc thật [<http://www.xiliuanet.com/politics/2014-Q3/09/c119680052.htm>].

- Ba câu nói: “Trung thành với Đảng” (thống nhất cao độ với Trung ương Đảng về tư tưởng), “làm người trong sạch” (minh bạch trong sạch về kinh tế, quang minh lỗi lạc về tác phong), và “dám chịu trách nhiệm” (làm việc có trách nhiệm, sáng tạo trên cương vị của mình) [<http://dangjian.people.com.cn/n/2015/0209/c117092-26533004.html>].

- Bốn loại người: “Trong lòng có Đảng, làm người hiểu rõ về chính trị; trong lòng có dân, làm người sát sao với quần chúng; trong lòng có trách nhiệm, làm người mở đường cho phát triển; trong lòng có giới hạn, làm người dẫn đầu cho ban lãnh đạo” [<http://opinion.people.com.cn/n/2015/0703/c1003-27250136.html>].

- Năm tiêu chuẩn: Niềm tin lý tưởng, vì dân phục vụ, làm việc hiệu quả, dám gánh trách nhiệm (dám tìm tòi, dám thực hiện trong thực tiễn, dám chịu trách nhiệm), trong sạch liêm khiết [http://www.gov.cn/ldhd/2013-06/29/content_2437094.htm].

Điểm quan trọng nhất trong quá trình rèn luyện và bồi dưỡng cán bộ chính là công tác giáo dục, xây dựng tư tưởng chính trị. Cán bộ tốt cần “nghiêm túc học tập lý luận chủ nghĩa Mác, đặc biệt là hệ thống lý luận CNXH đặc sắc Trung Quốc, nắm

vững lập trường, quan điểm, phương pháp xuyên suốt trong đó” [Đỗ Tiến Sâm, 2019], làm phong phú nền tảng kiến thức của bản thân. Đảng viên ĐCS phải lấy niềm tin lý tưởng làm gốc, niềm tin đối với chủ nghĩa Mác, đối với CNXH là trụ cột tinh thần để vượt qua mọi thách thức. Tập Cận Bình đã chỉ ra rằng “Niềm tin lý tưởng là “canxi” của tinh thần, nếu tinh thần thiếu “canxi” sẽ dẫn đến bệnh “loãng xương”, sẽ dẫn đến biến chất về chính trị, tham ô về kinh tế, hủ bại về đạo đức, tha hóa về lối sống”. Tháng 02/2016, Trung ương ĐCS Trung Quốc triển khai chương trình giáo dục học tập “học tập quy định, Điều lệ Đảng, học tập các bài phát biểu, làm một đảng viên đủ tư cách”.

Bồi dưỡng, tuyển chọn cán bộ trẻ là một nội dung được Trung ương ĐCS Trung Quốc coi trọng trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên. Tập Cận Bình cho rằng, việc bồi dưỡng cán bộ trẻ cần phải có giai đoạn, cần phải mở rộng nguồn cán bộ, ưu hóa kết cấu, cải tiến hình thức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng. Bên cạnh việc ưu hóa kết cấu độ tuổi cũng cần phải chú ý đến chất lượng, tiêu chuẩn cán bộ, không thể vì đạt được yêu cầu kết cấu độ tuổi của ban lãnh đạo mà coi nhẹ tiêu chuẩn chất lượng cán bộ.

Về phương hướng tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ, Tập Cận Bình nêu ra “05 kiên trì”, “05 sử dụng”. Đó là: Kiên trì phẩm chất làm gốc, sử dụng cán bộ có thể tin cậy được; kiên trì trách nhiệm làm trọng, sử dụng cán bộ dám chịu trách nhiệm; kiên trì làm việc thực tế, sử dụng cán bộ dám đi sâu đi sát vào thực tiễn; kiên trì ý dân trên hết, sử dụng cán bộ có uy tín tốt, được lòng dân; kiên trì lấy liêm khiết làm quý, sử dụng cán bộ biết tự giữ vững kỷ luật [http://theory.people.com.cn/n/2014/0801/c_168825-25385445.html?rsv_upd=1]. Trong quá trình sử dụng cán bộ phải kiên trì nguyên tắc Đảng quản lý cán bộ. Đây là đặc sắc chính trị trong công tác nhân sự cán bộ của ĐCS Trung Quốc. Đảng quản lý cán bộ là con đường thực thi quan trọng và đảm bảo địa vị cầm quyền và sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, tổ chức Đảng có vai trò lãnh đạo và then chốt trong công tác tuyển chọn bổ nhiệm cán bộ.

Về công tác quản lý, trước hết Đảng phải quản lý Đảng, quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện. Để làm được điều này, cần quản lý tốt cán bộ, muốn quản lý Đảng

ng nghiêm minh thì điều quan trọng là quản lý nghiêm đối với cán bộ của Đảng. Do đó, phải lấy tiêu chuẩn nghiêm ngặt để tuyển chọn cán bộ, nghiêm túc quản lý cán bộ và kỷ luật nghiêm minh để ràng buộc cán bộ.

Ngoài ra, chất lượng cán bộ đảng viên thể hiện hình tượng của Đảng, quyết định sức chiến đấu của Đảng. Nếu chất lượng đảng viên kém sẽ không thể phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, tổ chức Đảng cơ sở cũng không thể phát huy vai trò thành lũy chiến đấu của mình. Đội ngũ đảng viên kém sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cán bộ lãnh đạo, từ đó ảnh hưởng đến tính đúng đắn, khoa học của của quyết sách. Do đó, phải nhận thức đúng đắn về số lượng và chất lượng cán bộ đảng viên. Sức mạnh của Đảng không ở số lượng đảng viên, mà ở chất lượng cán bộ, đảng viên. Chất lượng cán bộ đảng viên mới là căn bản, là nhân tố có tính quyết định. Trung ương ĐCS Trung Quốc đã chỉ ra một số vấn đề nổi cộm trong xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên như: Một số tổ chức đảng không thực hiện nghiêm túc vấn đề phát triển đảng viên, cần phải nâng cao chất lượng phát triển đảng viên; Kết cấu đội ngũ cán bộ đảng viên không hợp lý, phương thức và biện pháp quản lý đảng viên đơn nhất, cơ chế quản lý đảng viên lưu động chưa kiện toàn. Một số ít đảng viên dao động niềm tin lý tưởng, ý thức tôn chỉ mờ nhạt, tổ chức kỷ luật lỏng lẻo, thậm chí thoái hóa về tư tưởng, tham nhũng, tiêu cực...

Tại kỳ họp Lưỡng hội năm 2023, Trung Quốc tiếp tục cải cách quy định liên quan công tác nhân sự, cán bộ theo hướng *tinh giản biên chế nhân viên của các cơ quan Trung ương và Nhà nước*. Cụ thể, theo quy định trong “Phương án cải cách cơ cấu Đảng và Nhà nước” do Trung ương Đảng, Quốc vụ viện Trung Quốc công bố năm 2023, sẽ tiến hành tinh giản 5% biên chế của đội ngũ nhân viên các cơ quan Trung ương và Nhà nước, số biên chế tinh giản chủ yếu được sử dụng để tăng cường cho các lĩnh vực trọng điểm và công tác quan trọng.

3.1.2. Cải cách hệ thống quản trị nhà nước

Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII của ĐCS Trung Quốc chỉ rõ “mục tiêu tổng thể của công cuộc đi sâu cải cách toàn diện chính là hoàn thiện và phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc, thúc đẩy hiện đại hóa quản lý đất nước”. Hiện

đại hóa xã hội chủ nghĩa vừa bao gồm hiện đại hóa về phương diện vật chất và phát triển con người, vừa bao gồm hiện đại hóa về phương diện thể chế và quản trị. Theo đó, cải cách hệ thống quản trị nhà nước theo hướng hiện đại hóa, có sự phân quyền rõ ràng, giảm tập trung quyền lực, trao quyền mạnh hơn cho địa phương được xác định là những nội dung chính.

Chủ trương thúc đẩy hiện đại hóa quản trị là sự kế thừa và phát triển tư tưởng chiến lược về hiện đại hóa của Trung Quốc, từ “bốn hiện đại hóa” đến hiện đại hóa quản trị. Trong lịch sử, Mao Trạch Đông đã sớm đưa ra tư tưởng về “bốn hiện đại hóa” ở Trung Quốc. Bốn hiện đại hóa gồm: Hiện đại hóa công nghiệp; hiện đại hóa nông nghiệp; hiện đại hóa quốc phòng và hiện đại hóa khoa học kỹ thuật. Ngay từ Đại hội XV đã đề ra mục tiêu “khi ĐCS Trung Quốc kỷ niệm 100 năm thành lập, thì kinh tế quốc dân càng phát triển hơn, hệ thống thể chế trở nên hoàn thiện hơn. Đến giữa thế kỷ XXI, kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước CHND Trung Hoa, về cơ bản thực hiện xong hiện đại hóa, xây dựng thành công nhà nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, văn minh” [Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XV, 1997]. Ngoài ra, cải cách cơ chế quản trị cơ sở là yêu cầu mang tính bắt buộc bắt nguồn từ thực tiễn, đòi hỏi khách quan cần giải quyết những vấn đề và mâu thuẫn chủ yếu của Trung Quốc hiện nay. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được trong tiến trình cải cách mở cửa, Trung Quốc còn phải đối mặt với nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường, đòi hỏi cần đổi mới và nâng cao năng lực quản trị.

Quản trị nhà nước ở Trung Quốc bao gồm ba thành tố: Hệ thống nhà nước lấy đội ngũ cán bộ, công chức làm đại diện và lấy tổ chức Đảng và Nhà nước làm cơ sở; hệ thống thị trường (doanh nghiệp) lấy đội ngũ doanh nhân làm đại diện và lấy tổ chức doanh nghiệp làm cơ sở; và hệ thống xã hội (các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội) lấy công dân làm đại diện và lấy các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp làm cơ sở.

Nội dung cơ bản và cốt lõi của cải cách hệ thống quản trị nhà nước ở Trung Quốc chính là đổi mới, điều chỉnh mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường và xã hội nhằm phát huy sức mạnh và nguồn lực tổng hợp của Nhà nước, thị trường và xã hội,

qua đó giải quyết có hiệu quả các vấn đề công, cung ứng dịch vụ công và thực hiện tốt lợi ích công. Đó chính là quá trình thông qua cải cách và hoàn thiện thể chế để phát huy tốt hơn sức mạnh pháp trị của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực và năng lực tự quản của xã hội cũng như sự tham gia của công dân để thúc đẩy sự phát triển toàn diện và hài hòa cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và sinh thái. Từ góc độ này có thể thấy dân chủ hóa, pháp trị hóa là những nội dung cốt lõi của hiện đại hóa quản trị ở Trung Quốc hiện nay.

Có thể thấy rằng, hiện đại hóa hệ thống quản trị ở Trung Quốc có hai đặc điểm chủ yếu: Một là, bảo đảm tính hài hòa và đồng bộ trong sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường sinh thái. Hai là, từ xây dựng xã hội khá giả sang xây dựng toàn diện xã hội khá giả, xây dựng một xã hội giàu có, công bằng. Điều đó có nghĩa là mọi tầng lớp, mọi người dân đều khá giả, đều được hưởng thụ thành quả của phát triển, từ cải cách theo chiều sâu sang cải cách theo chiều sâu một cách toàn diện, từ quản lý đất nước theo pháp luật sang quản lý đất nước theo pháp luật toàn diện, từ quản lý Đảng nghiêm minh sang quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện. Đây chính là những nội hàm cốt lõi của cải cách cơ chế quản trị cơ sở được đề cập sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc.

Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XVIII của ĐCS Trung Quốc chỉ rõ “mục tiêu tổng thể của công cuộc cải cách toàn diện và theo chiều sâu chính là hoàn thiện và phát triển chế độ XHCN đặc sắc Trung Quốc, thúc đẩy hiện đại hóa quản trị quốc gia”. Để thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản trị quốc gia, ĐCS Trung Quốc đã đề ra phương hướng chiến lược cụ thể, trong đó nổi bật là chiến lược “Bốn toàn diện”, bao gồm: Xây dựng toàn diện xã hội khá giả, đi sâu cải cách toàn diện, quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật và quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện.

Để xây dựng toàn diện xã hội khá giả, vấn đề then chốt chính là thực hiện “dân giàu”. Hội nghị toàn thể Trung ương 5 khóa XVIII ĐCS Trung Quốc khẳng định “5 năm tới, nói chung, các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước chính là giành thắng lợi mang tính quyết định trong công cuộc xây dựng thành công toàn diện xã hội khá giả, thực hiện mục tiêu phấn đấu 100 năm thứ nhất” [Văn kiện Hội nghị toàn thể lần thứ

5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XVIII, 2015]. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của Trung Quốc cũng đề ra mục tiêu đến năm 2020 xây dựng thành công toàn diện xã hội khá giả, trong đó trọng điểm là “phát triển”, then chốt là “dân giàu”, cốt lõi là “toàn diện”.

Vấn đề quan trọng để triển khai quản lý đất nước theo pháp luật là quán triệt tinh thần pháp trị hiện đại, thực thi có hiệu quả Hiến pháp. Năm 1997, Đại hội XV của ĐCS Trung Quốc lần đầu tiên đề ra mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp trị XHCN, sau đó vấn đề này được đưa vào Hiến pháp Trung Quốc. Để tăng cường cải cách trên mặt này, Hội nghị toàn thể Trung ương 4 khóa XVIII ĐCS Trung Quốc chỉ ra: “Một số văn bản pháp luật chưa phản ánh đầy đủ quy luật khách quan và ý nguyện của nhân dân, tính khả thi chưa cao; hiện tượng cục bộ, “tranh lợi, thoái thác trách nhiệm” trong công tác lập pháp còn tồn tại; hiện tượng có luật nhưng không theo, chấp pháp không nghiêm, vi phạm pháp luật không bị truy cứu còn tương đối nghiêm trọng; hiện tượng tách rời giữa quyền và trách nhiệm trong thực thi pháp luật vẫn còn tồn tại; tồn tại hiện tượng chấp pháp và tư pháp không quy phạm, không nghiêm khắc, không minh bạch, không văn minh; ý thức thực thi công vụ theo pháp luật của một số cán bộ nhân viên nhà nước, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo còn chưa cao; hiện tượng hiểu biết pháp luật nhưng vẫn phạm pháp, dùng lời nói thay cho pháp luật, dùng quyền lực để áp chế pháp luật vẫn còn tồn tại. Những vấn đề này đi ngược lại với nguyên tắc pháp trị xã hội chủ nghĩa, làm tổn hại lợi ích của quần chúng nhân dân, cản trở sự nghiệp của Đảng và Nhà nước” [Văn kiện Hội nghị toàn thể Trung ương 4 khóa XVIII về một số vấn đề quan trọng thúc đẩy quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật, 2014].

Hội nghị đã thông qua “Quyết định một số vấn đề quan trọng nhằm thúc đẩy quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật” và đề ra nhiều nội dung quan trọng để thực hiện, trong đó chủ yếu bao gồm: Hoàn thiện hệ thống pháp luật XHCN đặc sắc Trung Quốc lấy Hiến pháp làm hạt nhân, tăng cường thực thi Hiến pháp; đẩy mạnh thực hiện quản lý hành chính nhà nước theo pháp luật, tăng cường xây dựng nền hành chính pháp trị; đẩy mạnh cải cách tư pháp để hệ thống tư pháp thực hiện tốt vai trò bảo vệ công lý

và quyền con người; tăng cường tư duy pháp quyền trong toàn dân, thúc đẩy xây dựng xã hội pháp trị; coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật; tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với quá trình thực hiện quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật”. Với vai trò là phương hướng chiến lược thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản trị, vấn đề then chốt của việc đẩy mạnh quản lý đất nước theo pháp luật chính là đội ngũ cán bộ, công chức phải thành tâm, thành ý, bảo đảm đầy đủ các quyền của công dân. Trong đó, tư tưởng và tôn chỉ cơ bản đó là: “Cầm quyền vì dân, trước sau như một đều đại diện, bảo vệ và thực hiện lợi ích của nhân dân”; bảo đảm việc thực thi Hiến pháp, dùng Hiến pháp và pháp luật để chế ước đối với quyền lực công, từ đó bảo đảm tốt hơn các quyền của công dân.

Động thái mới nhất trong cải cách hệ thống quản trị nhà nước tại Trung Quốc chính là cải cách cơ chế bộ máy Quốc vụ viện. Văn bản “Phương án cải cách cơ cấu Đảng và Nhà nước” thông qua tại kỳ họp Thường hội năm 2023 chỉ rõ: cải cách cơ cấu Quốc vụ viện theo hướng tối ưu hóa và điều chỉnh chức năng của một số cơ quan phụ trách các lĩnh vực trọng điểm như khoa học - công nghệ (KH&CN), giám sát và quản lý tài chính, quản lý dữ liệu, chấn hưng nông thôn, quyền sở hữu trí tuệ, công tác người cao tuổi; chuyên đổi chức năng của Chính phủ, đẩy nhanh xây dựng Chính phủ pháp trị. Các biện pháp cụ thể gồm: (i) Tái cơ cấu Bộ Khoa học và Công nghệ, tăng cường chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thúc đẩy và hoàn thiện “thể chế đổi mới và phát triển đất nước kiểu mới”, tối ưu hóa việc quản lý toàn bộ chuỗi đổi mới KH&CN, thúc đẩy chuyển đổi các thành quả KH&CN, thúc đẩy sự kết hợp giữa KH&CN với phát triển kinh tế - xã hội; củng cố chức năng quản lý vĩ mô trong quy hoạch chiến lược, cải cách thể chế, trù tính nguồn tài nguyên, cân đối tổng thể, quy phạm chính sách, kiểm tra giám sát; (ii) Thành lập Tổng cục Giám sát và Quản lý tài chính quốc gia, dựa trên cơ cấu của Ủy ban Giám sát và Quản lý ngân hàng - bảo hiểm Trung Quốc, đi kèm với đó là cải cách thể chế giám sát và quản lý tài chính địa phương, hoàn thiện thể chế quản lý vốn tài chính nhà nước, tăng cường thống nhất quy phạm quản lý đội ngũ nhân viên các cơ quan quản lý tài chính; (iii) Đưa Ủy

ban Giám sát và Quản lý chứng khoán Trung Quốc và Cục Thư tín và Điện tín quốc gia thành cơ quan trực thuộc Quốc vụ viện; (iv) Trù tính thúc đẩy cải cách các chi nhánh của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc; (v) Thành lập Cục Dữ liệu quốc gia do Ủy ban Phát triển và Cải cách quốc gia quản lý; (vi) Tối ưu hóa chức năng Bộ Nông nghiệp và Nông thôn; (vii) Hoàn thiện thể chế quản lý liên quan công tác người cao tuổi; (viii) Hoàn thiện thể chế quản lý quyền sở hữu trí tuệ.

Xét về tổng thể, sau cải cách, ngoài Văn phòng Quốc vụ viện, cơ cấu của Quốc vụ viện vẫn bao gồm tổng cộng 26 Bộ và Ủy ban như trước đây, tuy nhiên, vai trò, vị trí và chức năng của một số cơ quan đã có sự chuyển đổi quan trọng. Các động thái cải cách này cho thấy rõ, ĐCS Trung Quốc đã coi trọng hơn rất nhiều tầm quan trọng và vai trò của công tác liên quan các lĩnh vực tài chính, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường và một số công tác xã hội nổi bật như người cao tuổi, công tác đối với Hồng Kông, Ma Cao. Những nội dung cải cách này thể hiện nhận thức mới của Đảng, đồng thời cũng đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi thực tiễn, giúp tăng cường hiện đại hóa năng lực cũng như bộ máy quản trị đất nước tại Trung Quốc.

3.1.3. Cải cách quốc phòng

Kể từ sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc đến nay, do sự thay đổi của tình hình quốc tế, khu vực và cả trong nội bộ Trung Quốc đã khiến Trung Quốc ngày càng chú trọng hơn tới lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Trong đó, Trung Quốc đặc biệt chú trọng và triển khai mạnh mẽ công cuộc cải cách quân đội nhằm hướng quân đội Trung Quốc (PLA) trở thành một lực lượng chuyên nghiệp hơn theo mô hình quân đội phương Tây, trong khi vẫn duy trì và củng cố quyền kiểm soát chính trị của Trung ương ĐCS. Đẩy mạnh cải cách quốc phòng được xác định là một mặt quan trọng trong cải cách cơ cấu, hệ thống bộ máy chính quyền tại Trung Quốc.

Nhìn vào những gì đã và đang diễn ra tại Trung Quốc kể từ sau Đại hội XVIII của ĐCS Trung Quốc cho đến nay có thể thấy, Trung Quốc đang ngày càng đẩy mạnh công cuộc cải cách quân đội, đặc biệt là từ năm 2015 cho đến nay. Tại Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XVIII diễn ra vào tháng 11/2013, Chủ tịch nước Tập Cận Bình đã công bố kế hoạch cải cách quân đội và nhấn mạnh sẽ tối ưu hóa quy mô và

cơ cấu của quân đội. Tháng 5/2015, Sách trắng quốc phòng mới - *Chiến lược quân sự Trung Quốc* đã đề cập việc Trung Quốc chính thức điều chỉnh chiến lược quân sự. Tại Hội nghị Công tác cải cách của Quân Ủy Trung ương tổ chức tại Bắc Kinh ngày 24-26/11/2015, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân Ủy Trung ương, đồng thời là Trưởng Tiểu ban chỉ đạo đi sâu cải cách quân đội và quốc phòng Quân Ủy Trung ương Tập Cận Bình đã xác định cải cách quốc phòng và quân đội là yêu cầu thời đại để Trung Quốc thực hiện “Giấc mơ Trung Quốc”, là con đường duy nhất để quân đội lớn mạnh, phát triển, đồng thời là sách lược then chốt quyết định tương lai của PLA [习近平 (Tập Cận Bình), 2015].

Trung Quốc tiến hành cải tổ quân đội tập trung vào 3 ưu tiên: (i) Sáp nhập 07 đại quân khu thành 05 đại chiến khu; (ii) Lập các đơn vị mới có khả năng phối hợp giữa các binh chủng hải, lục, không quân tại các trung tâm đầu não của quân đội cũng như mỗi vùng tác chiến để đảm bảo có một quân đội đủ sức cạnh tranh với Mỹ trong tương lai; (iii) Củng cố các binh chủng tên lửa, vũ trụ và chiến tranh mạng, những lực lượng đang ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong các cuộc xung đột quân sự ngày nay. Báo cáo tại Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XVIII cũng nêu rõ một số nguyên nhân cơ bản khiến Trung Quốc phải tiến hành cải cách quân đội, bao gồm: (i) Nhiệm vụ của Quân đội Trung Quốc cần phải thay đổi cho phù hợp với lợi ích quốc gia và sự thay đổi của tình hình quốc tế; (ii) Nhiệm vụ của Quân đội Trung Quốc phải gánh vác đã nặng hơn trước do hợp tác quốc tế của Trung Quốc ngày càng mở rộng, vì thế, quân đội không chỉ có nhiệm vụ đơn thuần là bảo vệ chủ quyền trên biển và trên đất liền mà còn phải duy trì được hòa bình ở khu vực và trên thế giới; (iii) Bảo vệ lợi ích quốc gia và (iv) Tăng sức ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế.

Cải cách quân đội của Trung Quốc nhằm thực hiện các mục tiêu sau: Một là, xây dựng một đội quân hùng cường của ĐCS Trung Quốc trong tình hình mới, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quân đội; Hai là tạo ra các thể chế mới cho phép PLA có thể theo đuổi việc hiện đại hóa, cũng như xóa bỏ nạn tham nhũng đang gây cản trở cho việc phát triển quân đội của Trung Quốc. Hơn nữa, việc cải tổ quân

đội Trung Quốc, trong đó có hiện đại hóa Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, còn cho phép bảo vệ những mục tiêu của Trung Quốc tại nước ngoài, mà không chỉ là bảo vệ lãnh thổ ở khu vực có tranh chấp. Ngoài ra, hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc còn nhằm chống lại chiến lược “tái cân bằng” của Mỹ ở châu Á, nhất là trong bối cảnh Mỹ đang thúc đẩy mạnh mẽ chiến lược “tái cân bằng” tại khu vực này.

Từ sau Đại hội XVIII, Trung Quốc đã có nhiều bước đi quan trọng tiến tới cải cách triệt để quân đội nước này với mục đích xây dựng quân đội nhằm đáp ứng khả năng tác chiến của chiến tranh hiện đại, chuyển từ phòng thủ tích cực sang chủ động tấn công, mở rộng nhiệm vụ ra bảo vệ lợi ích của Trung Quốc trên toàn cầu. Trong đó, những bước đi đáng chú ý là:

3.1.2.1. Thành lập tiểu tổ cải cách quân đội

Để phục vụ cho mục tiêu cải cách quân đội, năm 2013, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã tiến hành thành lập 05 Tiểu tổ cải cách quân đội gồm: (i) Tiểu tổ lãnh đạo đi sâu cải cách công tác quân đội và quốc phòng thuộc Quân Ủy Trung ương; (ii) Tiểu tổ lãnh đạo hoạt động thực thi giáo dục đường lối quần chúng trong Đảng ủy toàn quân; (iii) Tiểu tổ lãnh đạo giám sát công tác huấn luyện quân sự toàn quân; (iv) Tiểu tổ lãnh đạo công tác tổng điều tra các dự án xây dựng cơ bản và tài nguyên bất động sản toàn quân và (v) Tiểu tổ lãnh đạo tuần tra, thị sát Quân Ủy Trung ương. Những tiểu tổ này có vai trò không nhỏ trong việc cải tổ quân đội Trung Quốc.

3.1.2.2. Cải tổ triệt để cơ cấu, tổ chức của Quân Ủy Trung ương

Thông tin về việc sẽ thành lập vùng tác chiến thay cho quân khu bắt đầu xuất hiện từ năm 2012. Tuy nhiên, chỉ đến khi Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đưa ra những phát biểu quan trọng tại cuộc họp của Quân Ủy Trung ương về cải cách quân đội được tổ chức vào tháng 11/2015 thì mục tiêu và đích đến của cải cách mới được tiết lộ, tới đầu năm 2016 công cuộc tái cơ cấu chính thức được triển khai. Theo đó, Quân Ủy Trung ương Trung Quốc đã tiến hành cải tổ 4 tổng cục là Bộ Tổng tham mưu (Tổng bộ Tham mưu), Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần và Tổng cục Kỹ thuật, chuyển đổi các đơn vị trên thành 15 cơ quan, trong đó có 07 tổng cục (Văn phòng Quân Ủy Trung ương; Tổng bộ Tham mưu, Tổng cục Công tác Chính trị, Tổng

cục Hậu cần, Tổng cục Phát triển trang bị, Tổng cục Quản lý huấn luyện, Tổng cục Động viên quốc phòng), 03 ủy ban (Ủy ban Kiểm tra kỷ luật, Ủy ban Chính pháp (Chính trị và Pháp luật), Ủy ban Khoa học - Công nghệ) và 05 cơ quan trực thuộc (Văn phòng Quy hoạch chiến lược, Văn phòng Cải cách và Biên chế, Văn phòng Hợp tác quân sự quốc tế, Văn phòng Kiểm toán, Văn phòng Quản lý hành chính). Các đơn vị này về cơ bản vẫn tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của 04 tổng cục và một số đơn vị của Bộ Quốc phòng trước đây, nhưng được nâng cấp thành các cơ quan độc lập trực thuộc Quân Ủy Trung ương, có quyền hạn lớn hơn. Trong đó, Bộ Tổng tham mưu là quan trọng nhất, có chức năng hoạch định, kiểm soát và bảo đảm chỉ huy tác chiến; tổ chức chỉ đạo huấn luyện chung, sẵn sàng chiến đấu. Ủy ban Kiểm tra kỷ luật quân đội Trung Quốc được tách ra từ Tổng cục Chính trị, đưa về dưới sự chỉ huy trực tiếp của Quân Ủy Trung ương, có quyền tổ chức cơ quan giám sát thường trú tại các cơ quan quân ủy và chiến khu, phát huy vai trò và quyền lực lớn hơn trong việc kiểm tra, giám sát và chống tham nhũng trong Quân đội. Những thay đổi trên đây là nhằm siết chặt quyền kiểm soát của Đảng đối với lực lượng quân đội mà cụ thể là tăng cường nắm chắc quân đội của Tập Cận Bình, bởi 15 đơn vị này đều được đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Quân Ủy Trung ương mà đứng đầu là Tập Cận Bình, đồng thời, cũng sẽ ngăn chặn việc các tư lệnh quân khu lập phe phái trong quân đội và lạm dụng quyền lực.

Liên quan đến việc điều chỉnh các cơ quan của Quân Ủy Trung ương, Người phát ngôn Bộ Quốc phòng Trung Quốc Ngô Khiêm cho rằng, nhiệm vụ điều chỉnh sắp xếp lại các cơ quan của Quân Ủy Trung ương đã cơ bản hoàn thành, đây là tiến triển mang tính đột phá trong cải cách thể chế lãnh đạo và chỉ huy của Quân đội Trung Quốc, là thành quả mang tính dấu mốc trong thực thi toàn diện chiến lược xây dựng quân đội hùng mạnh, là bước đi then chốt trên con đường xây dựng quân đội hùng mạnh đặc sắc Trung Quốc [<http://news.takungpao.com/mainland/focus/2016-01/3266754.html>].

3.1.2.3. Cắt giảm mạnh quân số

Việc tuyên bố kế hoạch cắt giảm 300.000 quân của Chủ tịch nước Tập Cận Bình trong lễ duyệt binh nhân kỷ niệm 70 năm chiến thắng Chiến tranh thế giới thứ hai tổ

chức vào ngày 03/9/2015, nhằm tinh gọn lực quân, tăng cường vai trò của hải quân và không quân đã đánh dấu bước đi tiếp theo của Tập Cận Bình trong tham vọng biến PLA thành một lực lượng quân sự hiện đại. Nhà phân tích Lý Kiệt của PLAN mô tả, nó như là một phần trong “kế hoạch đầy tham vọng về cách chuyển đổi PLA thành một quân đội hiện đại thực sự có khả năng chiến thắng trong những cuộc chiến” của Tập Cận Bình [Dreaming Big, Acting Big, 2015]. Tính từ năm 1980 đến nay, đây là đợt cắt giảm quân số lần thứ tư sau 3 lần trước đó vào các năm 1985, 1997 và 2003. So với các nước CA - TBD, con số cắt giảm này là rất lớn, tuy nhiên, đối với Trung Quốc nó chỉ chiếm khoảng 1/10 tổng quân số trong các lực lượng vũ trang của nước này. Động thái này của Bắc Kinh chắc chắn có liên quan chặt chẽ đến vấn đề ngân sách quốc phòng. Trung Quốc muốn sử dụng ngân sách quốc phòng dùng để chi trả lương cho 300.000 quân nhân đầu tư vào thực hiện các dự án, phát triển và mua sắm các loại vũ khí tối tân, hiệu quả phục vụ cho kế hoạch hiện đại hóa toàn bộ PLA. Theo số liệu thống kê của Trung Quốc, lực lượng lục quân hiện chỉ còn chiếm chưa đến một nửa tổng số quân, trong khi đó lực lượng hải quân, không quân và đơn vị tác chiến điện tử được chú trọng đáng kể. Đây là một phần của sự thay đổi chiến lược, được thiết kế để biến Quân đội Trung Quốc thành một lực lượng quân sự hiện đại toàn diện. Việc cắt giảm số lượng quân nhân, không đơn giản là cắt giảm số lượng binh lính, mà là thay đổi thể chế, biên chế của toàn quân, làm cho quân đội càng tinh giản càng hiệu quả cao giống như chiến lược của các nước Âu - Mỹ và theo sau sẽ là chuyển hướng tập trung mạnh vào hai lực lượng hải quân và không quân để phù hợp với tình hình mới nhất là trong bối cảnh Trung Quốc đã sở hữu ngày càng nhiều các loại vũ khí hạt nhân, vũ khí chiến lược có khả năng răn đe lớn.

3.1.2.4. Điều chỉnh nhân sự ở quân chủng mới thành lập

Ngày 31/12/2015, Trung Quốc thành lập cơ quan lãnh đạo Lục quân, Tên lửa, Bộ đội Chi viện chiến lược. Theo đó, Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh nhân sự ở 03 quân binh chủng mới thành lập. Trung Quốc giữ nguyên hai quân chủng là Hải quân, giữ nguyên 03 hạm đội Bắc Hải, Đông Hải, Nam Hải và 01 sư đoàn thủy quân lục chiến và không quân (do bộ đội không quân và bộ đội vũ trụ hợp thành) và cơ cấu lại

lực lượng lục quân thành Quân chủng Lục quân (Lục quân được cơ cấu rút gọn từ 18 tập đoàn quân xuống còn 13 tập đoàn quân và được tổ chức thành 05 phân bộ lục quân, hoạt động độc lập với 05 chiến khu; bỏ biên chế quân đoàn, lấy tiểu đoàn làm đơn vị tác chiến chủ lực), đổi tên lực lượng Pháo binh số 2 thành quân chủng Tên lửa (quân chủng Tên lửa được cơ cấu lại, trên cơ sở lực lượng Pháo binh số 2, biên chế chủ yếu là lực lượng tên lửa chiến lược tầm trung và tầm xa) và thành lập mới lực lượng Chi viện chiến lược. Bộ đội Chi viện chiến lược được thành lập trên cơ sở sáp nhập lực lượng thông tin và tác chiến điện tử, đảm bảo giành ưu thế tác chiến về không gian, vũ trụ, không gian mạng và không gian tác chiến điện tử trên chiến trường; xây dựng hệ thống thông tin và đảm bảo thông tin trong chỉ huy tác chiến; thực hiện chi viện chiến lược; đảm bảo vận chuyển chi viện chiến lược. Đây là lực lượng chiến đấu mới để bảo đảm an ninh quốc gia và là một bước tiến quan trọng trong xây dựng năng lực tác chiến của Quân đội Trung Quốc.

3.1.2.5. Cơ cấu 07 đại quân khu thành 05 đại chiến khu

Ngày 01/02/2016, Trung Quốc chính thức quyết định chuyển đổi 07 đại quân khu thành 05 đại chiến khu. Các Quân khu Bắc Kinh, Thẩm Dương, Tế Nam, Nam Kinh, Quảng Châu, Lan Châu, và Thành Đô được đổi thành 05 đại chiến khu, gồm: Miền Đông, Miền Nam, Miền Tây, Miền Bắc, và Miền Trung. Nguyên nhân là do tổ chức quân khu trước đây không đủ đáp ứng yêu cầu phối hợp tác chiến.

Tại các chiến khu sẽ thành lập Bộ Tư lệnh chung, thực hiện quyền chỉ huy tác chiến thống nhất đối với bộ đội hải quân, lục quân, không quân và lực lượng dân quân, cảnh sát vũ trang thuộc địa bàn mình quản lý. Theo đánh giá của phía Trung Quốc, đây là đợt cải cách quân đội quy mô lớn nhất kể từ những năm 1950 đến nay và cũng là sách lược nhằm thực hiện “Giấc mơ Trung Quốc”, “Giấc mơ Quân đội hùng cường” mà Trung ương Đảng và Quân Ủy Trung ương đưa ra, là biện pháp đánh dấu việc thực hiện toàn diện chiến lược cải cách cường quân, là tiền triển mang tính lịch sử cấu thành hệ thống liên quân tác chiến. Việc cơ cấu lại 07 đại quân khu thành 05 đại chiến khu nhằm xóa bỏ ranh giới tác chiến chia cắt theo vùng trước đây, hình thành hệ thống tác chiến liên vùng, có khả năng phản ứng, cơ động nhanh; chú

trọng phát triển lực lượng hải quân, không quân, tên lửa chiến lược, tác chiến điện tử và không gian mạng nhằm nâng cao khả năng tác chiến trên biển và tác chiến trong môi trường điện tử của chiến tranh hiện đại.

Kể từ sau năm 2015 khi tiến hành cải cách bộ máy quân sự theo hướng thành lập các chiến khu tới nay, Quân đội Trung Quốc đã thể hiện rõ ưu thế của hình thức bố trí tác chiến mới theo hướng phụ trách khu vực này, đặc biệt là trong xử lý các vấn đề quốc phòng, an ninh với các quốc gia láng giềng như xử lý các vụ va chạm nổ ra tại khu vực biên giới có tranh chấp với Ấn Độ, xử lý khủng hoảng tại eo biển Đài Loan...

3.1.2.6. Đẩy mạnh chống tham nhũng trong Quân đội Trung Quốc

Chiến dịch chống tham nhũng là một trong những vấn đề được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình đặc biệt quan tâm sau khi lên nắm quyền. Những năm gần đây, vấn nạn tham nhũng trong quân đội Trung Quốc diễn ra ngày càng mạnh mẽ và mang một số đặc điểm chính sau: (i) Số lượng tham nhũng ngày càng lớn; (ii) Cấp tham nhũng ngày càng cao. Cụ thể, Cựu Phó Chủ tịch Quân Ủy Trung ương, Thượng tướng Từ Tài Hậu đã bị bắt điều tra tham nhũng vào tháng 3/2014, Nguyên Phó Chủ tịch Quân Ủy Trung ương Quách Bá Hùng bị bắt điều tra tham nhũng vào tháng 4/2015; (iii) Số người bị lôi kéo vào ngày càng nhiều. Có thể nói, tham nhũng trong Quân đội Trung Quốc đã tới mức nguy hiểm chưa từng thấy, hậu quả của nó sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới sự ổn định và phát triển của đất nước, thậm chí sẽ là mất Đảng nếu không xử lý triệt để. Vì thế sau Đại hội XVIII, Trung Quốc đẩy mạnh chống tham nhũng trong quân đội cũng là điều dễ hiểu.

Tháng 10/2018, sau khi Quân Ủy Trung ương nghiên cứu, báo cáo Trung ương Đảng thông qua, đã quyết định khai trừ ra khỏi Đảng đối với Thượng tướng Phòng Phong Huy, nguyên Ủy viên Quân Ủy Trung ương và nguyên Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Quân Ủy Trung ương. Theo thông báo, Phòng Phong Huy “không trung thành và không trung thực với Đảng, là kẻ hai mặt, thoái hóa về chính trị và tham lam về kinh tế, làm tổn hại nghiêm trọng đến chính nghĩa của Đảng và hình ảnh của quân đội”. Trước đó, Quân Ủy Trung ương đã quyết định tước bỏ quân tịch và hủy bỏ quân hàm thượng tướng đối với ông này. Ngày 20/02/2019, Tòa án quân sự đã tuyên phạt

Phòng Phong Huy mức án chung thân trong vụ án nhận hối lộ, đưa hối lộ và có tài sản không rõ nguồn gốc.

Cùng tháng 10/2017, Quân Ủy Trung ương Trung Quốc đã nghiên cứu, báo cáo Trung ương Đảng phê duyệt, quyết định khai trừ ra khỏi Đảng đối với Thượng tướng Trương Dương, Ủy viên Quân Ủy Trung ương, nguyên Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị của Quân Ủy Trung ương, thu hồi tài sản liên quan đến vụ án theo kỷ luật và pháp luật. Trước đó, Quân Ủy Trung ương đã quyết định tước quân tịch, xóa bỏ chức danh với Thượng tướng Trương Dương sau khi điều tra, xác minh Trương Dương đã vi phạm nghiêm trọng kỷ luật, pháp luật, bị nghi nhận hối lộ và chiếm đoạt số lượng lớn tài sản không rõ nguồn gốc. Sáng 23/11/2017, Trương Dương đã treo cổ tự tử tại nhà riêng.

Trong động thái gần đây nhất, tháng 07/2023, 02 quan chức cấp cao hàng đầu của Quân chủng tên lửa là tư lệnh và chính ủy quân chủng đã bị cách chức điều tra do liên quan tới tham nhũng. Cuối tháng 7/2023, Quân ủy Trung ương Trung Quốc cũng lập án điều tra liên quan mua sắm trang bị kể từ 10/2017 trở lại đây. Dư luận quốc tế đồn đoán rằng, các động thái này có thể nhằm vào chính Bộ trưởng Quốc phòng lúc đó là Thượng tướng Lý Thượng Phúc, người đã đột nhiên “không xuất hiện” kể từ cuối tháng 8/2023 do thời điểm điều tra trùng hợp với khi ông Lý Thượng Phúc giữ chức Cục trưởng Cục Phát triển trang bị của Quân Ủy Trung ương (2017-2022) trước khi lên làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ngày 24/10/2023, Trung Quốc chính thức thông báo miễn nhiệm chức Ủy viên Quốc vụ viện và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng của ông Lý Thượng Phúc.

Kể từ khi tiến hành phong trào chống tham nhũng đến nay, trong Quân đội Trung Quốc đã có hàng chục quan chức quân đội cấp cao bị bắt, thêm vào đó là rất nhiều quan chức cấp thấp cũng bị “sờ gáy”. Để đối phó lại vấn nạn tham nhũng, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã đưa ra một số biện pháp, bao gồm: (i) Thành lập “Tiểu tổ chỉ đạo đi sâu cải cách quốc phòng và quân đội thuộc Quân Ủy Trung ương” do đích thân Tập Cận Bình đứng đầu; (ii) Thành lập Ủy ban Kiểm tra kỷ luật của Quân Ủy Trung ương với nhiệm vụ là “xử lý các lãnh đạo cao nhất trong quân đội”

và “thanh trừng” lực lượng này. Trong thời gian tới, vai trò của Ủy ban này tiếp tục được nâng cao; (iii) Thành lập đội thanh tra đặc biệt (2016), đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Quân Ủy Trung ương với nhiệm vụ điều tra trong 15 cơ quan chuyên môn và 05 bộ tư lệnh quân khu của Quân đội Trung Quốc. Những động thái này đánh giá là “một mũi tên bắn trúng nhiều đích”, bên cạnh mục đích nhằm xây dựng “cường quân”, chống tham nhũng trong quân đội còn giúp Tập Cận Bình tăng cường quyền lực, kiểm soát chặt hơn quân đội, củng cố xây dựng êkíp lãnh đạo Quân ủy trung ương khóa mới với những nhân vật thân cận, tuyệt đối trung thành với mình [Yuen Yuen Ang, 2021, tr. 216].

Có thể nói, những cải cách của Quân đội Trung Quốc trong thời gian gần đây đã giúp củng cố đáng kể vị thế và vai trò của Quân đội Trung Quốc, tăng cường tiếng nói trong hoạch định quyết sách, nhất là đối với các vấn đề có liên quan đến an ninh quốc gia, chủ quyền lãnh thổ. Đồng thời, cơ cấu tổ chức mới trong quân đội cũng phân quyền nhiều hơn cho các chiến khu trong xử lý các vấn đề nảy sinh đột xuất trên từng khu vực, địa bàn phụ trách. Điều này sẽ khiến Trung Quốc có chính sách cứng rắn hơn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra va chạm, xung đột cục bộ giữa Trung Quốc với các nước láng giềng, đặc biệt là trong tranh chấp chủ quyền.

Công cuộc cải cách quân đội Trung Quốc nhằm thực hiện mục tiêu cuối cùng “Giấc mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”. Hiện còn tương đối sớm để đánh giá mức độ ảnh hưởng của chiến dịch cải cách này, tuy nhiên, có thể khẳng định, nếu như chiến dịch cải cách quân đội của Trung Quốc thành công, chắc chắn sẽ có những tác động không nhỏ tới hòa bình và ổn định ở khu vực, đặc biệt sẽ tác động trực tiếp đến môi trường an ninh của các nước có tranh chấp biên giới lãnh thổ với Trung Quốc.

3.2. Cải cách mối quan hệ Đảng - Chính quyền, Trung ương - địa phương

3.2.1. Cải cách mối quan hệ Đảng - Chính quyền

Kết cấu Đảng - Chính quyền trong quản trị Trung Quốc đương đại là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc tập trung thống nhất. Cải cách bộ máy của Đảng và Chính quyền nhằm hiện đại hóa hệ thống và năng lực quản lý đất nước là một nhiệm vụ rất

quan trọng nhưng cũng vô cùng khó khăn, phức tạp của Trung Quốc trong quá trình hiện đại hóa. Kể từ khi tiến hành cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc đã tiến hành cải cách bộ máy nhà nước quy mô lớn vào các năm: 1982, 1988, 1993, 1998, 2008, 2013, qua đó, nhiều khiếm khuyết trong hệ thống chức năng, cơ cấu nhà nước đã dần từng bước được khắc phục, từ đó đi đến nâng cao hiệu quả công tác. Tuy nhiên, cũng còn nhiều điểm hạn chế như vẫn tồn tại hiện tượng chồng lấn về chức năng, cơ cấu và phân công nhiệm vụ giữa các cơ quan đảng và cơ quan chính quyền. Để giải quyết tình trạng này, Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XIX của ĐCS Trung Quốc đã ra “Nghị quyết của Trung ương của ĐCS Trung Quốc về cải cách bộ máy Đảng và Chính quyền theo chiều sâu” [<http://news.sina.com.cn/2018-02-28/doc-ifwnpencs3855407.shtml>]. Nghị quyết đã khẳng định những kết quả cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII tới nay, đồng thời chỉ ra những khiếm khuyết, bất cập trong việc thực hiện hiện đại hóa hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước, chủ yếu là trong một số lĩnh vực, việc sắp xếp bộ máy và xác định chức năng của các cơ quan đảng chưa hoàn toàn phù hợp, chưa đủ mạnh, cần phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, hoàn thiện thể chế quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện. Nghị quyết chỉ rõ, trong một số lĩnh vực, tình trạng bộ máy của Đảng và Chính quyền trùng lặp, chức năng chồng chéo, quyền hạn và trách nhiệm không gắn chặt với nhau còn tương đối nổi cộm. Nghị quyết Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XIX về cải cách bộ máy của Đảng và Chính quyền theo chiều sâu đã nêu rõ tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu và nguyên tắc cần quán triệt trong quá trình cải cách. Theo đó, tư tưởng chỉ đạo cho công cuộc cải cách này chủ yếu là “tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới”. Mục tiêu chung là đáp ứng yêu cầu phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới và mục tiêu cụ thể là “xây dựng một hệ thống chức năng bộ máy của Đảng và Chính quyền có hệ thống hoàn chỉnh, quy cách khoa học, vận hành hiệu quả cao, hình thành một hệ thống lãnh đạo của Đảng có thể quán xuyên toàn cục, điều hòa các mặt, một hệ thống quản lý chính quyền với chức trách rõ ràng, phối hợp hiệu quả, một hệ thống lực lượng vũ trang đặc sắc Trung Quốc hàng đầu thế giới, một hệ thống công tác đoàn thể quần chúng liên hệ rộng rãi,

phục vụ quần chúng, thúc đẩy Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận, cơ quan giám sát, cơ quan thẩm phán, cơ quan kiểm sát, đoàn thể nhân dân, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội... dưới sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp hành động, tăng cường sức mạnh tổng hợp, nâng cao toàn diện năng lực quản lý và trình độ quản lý nhà nước” [Nguyễn Huy Quý, 2018].

ĐCS Trung Quốc xác định, muốn cải cách thể chế quan hệ Đảng - chính quyền, cốt lõi nằm ở cải cách, kiện toàn bộ máy của Đảng. Những biện pháp cải cách này mục tiêu hướng tới tăng cường năng lực lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc. Nội dung biện pháp cụ thể trình bày ở mục 3.1.1. phía trên.

Biện pháp quan trọng đáng chú ý khác trong cải cách mối quan hệ Đảng - chính quyền là tiến hành chuyển đổi chức năng, sáp nhập các cơ quan Đảng - chính quyền có chức năng tương đương. Trung Quốc tập trung cải cách cơ quan Trung ương Đảng cũng như Quốc vụ viện với phương châm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực. Cuộc cải cách liên quan đến 20 cơ quan Trung ương Đảng; 09 cơ quan không còn tồn tại hoặc bị sáp nhập, đổi tên 04 cơ quan, thành lập mới 03 cơ quan. Đối với Quốc vụ viện: Hiện còn 26 bộ, giảm 12 cơ quan cấp bộ, thành lập 16 cục và ủy ban (cơ quan thuộc Chính phủ).

Các nội dung trên cho thấy, trong cải cách mối quan hệ giữa Đảng - chính quyền, Trung Quốc tập trung kiện toàn vai trò của Đảng đối với các công tác quan trọng như: Thành lập một loạt các ủy ban lãnh đạo của Trung ương Đảng, hòa nhập hệ thống Chính phủ (đặt trụ sở làm việc tại các cơ quan chính phủ), cụ thể: Ủy ban Quản lý đất nước theo pháp luật của Trung ương (hệ thống Đảng) có văn phòng đặt tại Bộ Tư pháp; Ủy ban Kiểm toán Trung ương (thuộc Trung ương Đảng) có văn phòng đặt tại Bộ Thảm kế (Cơ quan cấp bộ có vai trò kiểm soát tài chính); Ủy ban Lãnh đạo Giáo dục Trung ương có văn phòng đặt tại Bộ Giáo dục. Có thể nói đây là bước chuyển về hệ thống lãnh đạo. Việc đặt văn phòng các cơ quan Đảng tại trụ sở của bộ liên quan thuộc Chính phủ sẽ tạo thuận lợi cho việc điều phối, kết nối, liên thông và chỉ đạo công tác kịp thời. Cải cách được triển khai theo hướng Chính phủ ngày càng giống cơ quan thực thi các nghị quyết quan trọng (các nghị quyết quan trọng liên quan đến

an sinh xã hội đều do Trung ương Đảng quyết định). Các chính sách, quyết sách trong các lĩnh vực quan trọng phải do Đảng nắm. Đồng thời, tăng cường khâu tổ chức thực hiện, các cơ quan có chức năng tương đồng phải sáp nhập để tăng cường năng lực thực thi của hệ thống chính phủ, chính quyền.

Với định hướng cải cách như trên, Trung Quốc đã thực hiện sáp nhập hoặc dùng chung trụ sở làm việc nhiều cơ quan/đơn vị, như: Hợp nhất Trường Đảng với Học viện Hành chính ở các tỉnh, một cơ quan hai hệ thống, hai chuyên môn nhưng chung một trụ sở. Ở Trung ương, sáp nhập Trường Đảng Trung ương và Học viện Hành chính Quốc gia. Thành lập Viện Nghiên cứu lịch sử Trung Quốc trên cơ sở sáp nhập 03 cơ quan: Nghiên cứu về lịch sử Trung ương Đảng, Biên dịch (tư tưởng Mác - Lênin) và Nghiên cứu về Văn kiện Đảng. Sáp nhập Cục Công chức - cơ quan thuộc Quốc vụ viện vào Ban Tổ chức Trung ương. Tổng cục Báo chí - Xuất bản quốc gia (cơ quan cấp bộ) sáp nhập với Cục Phát thanh, Điện ảnh và Truyền hình Trung Quốc thành Tổng cục Báo chí và Xuất bản, Phát thanh, Điện ảnh và Truyền hình Trung Quốc thuộc Quốc vụ viện, đến tháng 3/2018 thì điều chỉnh thành cơ quan trực thuộc Ban Tuyên truyền Trung ương ĐCS Trung Quốc.

Trong lần cải cách này, Trung Quốc còn đi sâu vào cải cách toàn diện Quốc vụ viện theo hướng sáp nhập các cơ quan có chức năng giống nhau và thành lập những cơ quan mới để xử lý các chức năng, nhiệm vụ mới, cụ thể như: Thành lập Bộ Tài nguyên thiên nhiên từ việc sáp nhập Bộ Tài nguyên và Đất đai, Cục Hải dương quốc gia và Cục Thông tin đo đạc, bản đồ; Thành lập Bộ Văn hóa và Du lịch từ việc sáp nhập Bộ Văn hóa và Tổng cục Du lịch quốc gia; Thành lập 2 bộ mới là: Bộ Quân nhân xuất ngũ (cựu quân nhân) và Bộ Quản lý khẩn cấp. Đi đôi với sáp nhập, giảm biên chế, Quốc vụ viện Trung Quốc còn tập trung điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các bộ, ban, ngành cho phù hợp. Cụ thể: đưa tất cả các chức năng, nhiệm vụ từ các bộ, cơ quan liên quan đến nông nghiệp về Bộ Nông nghiệp.

Trọng điểm thứ hai trong đợt cải cách bộ máy chính quyền là tập trung vào vấn đề xây dựng xã hội. ĐHĐBNĐTQ Trung Quốc đã thành lập ủy ban xây dựng xã hội. Chính Hiệp thành lập Ủy ban Nông nghiệp và Nông thôn. Ngoài ra, trong đợt cải

cách lần này còn tăng cường chức năng quản lý theo pháp luật, kiện toàn Bộ Tư pháp. Trước kia có Văn phòng Chế độ pháp luật thuộc Quốc vụ viện (cấp bộ), nay đưa chức năng và nhân sự về Bộ Tư pháp. Quy phạm hóa công tác lập pháp của ĐHĐBNDTQ bằng cách đổi tên của Ủy ban Pháp luật của ĐHĐBNDTQ thành Ủy ban Hiến pháp và Pháp luật, nhằm tăng cường công tác lập pháp.

Tập trung xây dựng xã hội tin học hóa và chính phủ điện tử gắn với cơ cấu tổ chức, bộ máy phục vụ nhiệm vụ nói trên. Chính phủ Trung Quốc đã và đang xây dựng các nền tảng cung cấp dịch vụ công, các cơ quan cung cấp dịch vụ trên mạng. Mục tiêu ban đầu là đến năm 2020, tất cả dịch vụ công phải được triển khai theo hình thức trực tuyến. Trung Quốc coi không gian mạng là chiều không gian thứ tư và hết sức coi trọng việc áp dụng công nghệ, kỹ thuật, đồng thời, chú trọng đến an ninh mạng. Năm 2015, Hội nghị toàn thể Trung ương 5 khóa XVIII đề ra mục tiêu đưa “Dữ liệu lớn” thành chiến lược quốc gia để nắm bắt thông tin, phân tích, hoạch định chính sách kịp thời, chính xác, thúc đẩy phát triển kinh tế. Tư duy xây dựng chính phủ điện tử của Trung Quốc rất rõ ràng, cụ thể như: (i) Quy hoạch tầm vĩ mô, qua đó làm tốt “thiết kế từ óc”. Từ Trung ương đến địa phương, các bộ, ủy ban đều có quy hoạch, cấp dưới phục tùng cấp trên; (ii) Tự chủ về vi mô, theo đó mỗi cơ quan, địa phương thực hiện chiến lược phát triển, có cách làm cụ thể để phát huy tính chủ động, sáng tạo của bản thân; (iii) Với cơ sở hạ tầng, sẽ làm theo thứ tự ưu tiên, phân loại thúc đẩy thành một dây chuyền; (iv) Đặt hiệu quả lên trên hết, có nghĩa là hệ thống phải phát huy tối đa hiệu năng, số lượng, giá thành, tính thuận tiện trong phục vụ. Có báo cáo về công tác xây dựng chính phủ điện tử hàng năm để có biện pháp thúc đẩy các cơ quan, chính quyền triển khai cụ thể; (v) Từng bước sáp nhập các trang mạng, phục vụ theo cơ chế một cửa liên thông. Ví dụ năm 2016, hơn 80 tỉnh, thành phố đã thí điểm mô hình “Một mã số” (sử dụng duy nhất mã số chứng minh thư nhân dân để đăng ký vào trang mạng chính quyền); “Một cửa sổ” (xử lý theo cơ chế một cửa để chia sẻ, trao đổi thông tin và giải quyết dịch vụ hành chính); “Một mạng lưới” (làm thủ tục chỉ trên một trang mạng duy nhất). Từ việc ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính phủ điện tử, sẽ dẫn đến thay đổi về cơ cấu tổ chức, phương pháp làm

việc và cơ chế phối kết hợp công tác trong nội bộ cơ quan nhà nước cũng như trong phong cách, hiệu quả phục vụ công dân.

Thành lập hệ thống Ủy ban Giám sát. Đây là quyết sách quan trọng để quyền giám sát trở thành hệ thống độc lập nhằm tăng cường quản lý, giám sát công chức. Ủy ban Giám sát (cấp trung ương do ủy viên Bộ Chính trị đứng đầu), được thành lập từ Trung ương đến địa phương để kiểm soát việc thực thi công vụ của công chức, các nhân viên đơn vị sự nghiệp, những người quản lý trong doanh nghiệp quốc doanh và những người thực thi công vụ khác. Ở cấp Trung ương là Ủy ban Giám sát Nhà nước trực thuộc ĐHĐBNDTQ, có thể giám sát toàn bộ cán bộ, công chức thực hiện công vụ. Bộ phận thanh tra thuộc Quốc vụ viện thực hiện chức năng tương tự không còn nữa, nhân sự của bộ phận này được chuyển sang Ủy ban Giám sát Nhà nước. Đáng lưu ý, Ủy ban Giám sát Nhà nước cùng chung trụ sở với Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương theo mô hình “hợp thự biện công”. Như vậy, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương tập trung vào mặt kỷ luật Đảng đối với tất cả đảng viên, Ủy ban Giám sát Nhà nước tập trung vào mặt pháp luật của công chức lãnh đạo (bao gồm cả cán bộ không phải là đảng viên). Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương lãnh đạo về mặt chính trị đối với Ủy ban Giám sát Nhà nước.

3.2.2. Cải cách mối quan hệ Trung ương - địa phương

Quan hệ giữa chính quyền Trung ương và địa phương ở Trung Quốc được vận hành quản lý theo chiều ngang và theo chiều dọc. Theo chiều dọc gồm 05 cấp hành chính: (i) cấp Trung ương; (ii) Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu tự trị; (iii) Quận (ở thành phố trực thuộc Trung ương), thành phố trực thuộc tỉnh, châu (thuộc khu tự trị); (iv) Huyện, thành phố cấp huyện, văn phòng làm việc của quận (thành phố trực thuộc Trung ương) tại các tuyến đường, khu phố; (v) Xã, thị trấn (hội đồng nhân dân ở thôn làng, cộng đồng dân cư không phải là cấp hành chính). Về quản lý theo chiều ngang, có 04 hệ thống: (i) Hệ thống Đảng; (ii) Đại hội đại biểu nhân dân (có 5 cấp); (iii) Cơ cấu hành chính (Quốc vụ viện - Chính phủ và các cấp chính quyền); (iv) Hội nghị Hiệp thương chính trị.

Từ khi thành lập nước đến nay, Trung Quốc đã tiến hành nhiều cuộc cải cách, trong đó tập trung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức. Những thay đổi qua từng thời kỳ đều nhằm đáp ứng yêu cầu chính trị và phát triển của thời kỳ tương ứng.

Thực trạng hiện nay là, trong một số lĩnh vực, tình trạng bộ máy của Đảng và Nhà nước trùng lặp, chức năng chồng chéo, quyền hạn và trách nhiệm không gắn kết chặt chẽ còn tương đối nổi cộm. Vấn đề nổi lên là việc sắp xếp bộ máy và phân rõ chức trách trong một số cơ quan chính quyền chưa thật khoa học, chức trách không rõ và hiệu năng không cao, việc chuyển đổi chức năng của Chính phủ chưa được thực hiện đầy đủ. Trong một số lĩnh vực, chức năng bộ máy Trung ương và địa phương chưa được xác định rõ, phân chia quyền hạn và trách nhiệm chưa thật hợp lý. Cần phải hoàn thiện việc sắp xếp bộ máy và xác định quyền lực cho cấp cơ sở, cải tiến hơn nữa năng lực tổ chức quản chúng, phục vụ quản chúng, cần nâng cao mức độ hòa nhập giữa phát triển quân sự và dân sự, tăng cường tính chính trị, tính tiên tiến, tính quản chúng của các tổ chức đoàn thể quản chúng. Tại các đơn vị sự nghiệp, tình trạng xác định vị trí chưa chuẩn, chức năng chưa rõ, hiệu quả chưa cao vẫn còn nhiều. Trong một số lĩnh vực, cơ chế, chế tài quyền lực và giám sát chưa thật hoàn thiện, tình trạng lạm dụng chức quyền, dùng quyền lực để tư lợi vẫn tồn tại. Việc khoa học hóa, quy phạm hóa, pháp định hóa biên chế bộ máy còn tương đối trì trệ, phương thức quản lý biên chế bộ máy cần được cải tiến. Đó là những vấn đề tồn tại và phương hướng khắc phục trong cải cách theo chiều sâu bộ máy của Đảng và Nhà nước ở Trung Quốc hiện nay.

Yêu cầu đề ra cho đợt cải cách này là tối ưu hóa việc sắp xếp bộ máy và xác định chức năng của địa phương một cách đồng bộ, hình thành mối quan hệ làm việc từ Trung ương đến địa phương thật thông suốt, đầy sức sống, có lệnh thì thi hành, điều gì cấm thì không thực hiện. Các giải pháp lớn là bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, tăng thêm quyền tự chủ cho các bộ máy từ cấp tỉnh trở xuống, xây dựng một thể chế quản lý cơ sở tinh giản, hiệu suất cao; chấn chỉnh thể chế quản lý theo ngành dọc và thể chế quản lý phân cấp địa phương. Cải cách tập trung chủ yếu là trong một

số lĩnh vực nơi việc sắp xếp bộ máy và xác định chức năng của các cơ quan Đảng chưa hoàn toàn phù hợp, chưa đủ mạnh, cần phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, hoàn thiện thể chế cơ chế quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện.

Tính tới thời điểm hiện tại, Trung Quốc đã chuyển đổi khá thành công chức năng của Chính phủ theo định hướng chính phủ phục vụ, tinh gọn bộ máy, tự chủ quản lý, phân cấp phân quyền, tăng cường quyền lực và ràng buộc trách nhiệm. Trung Quốc đã thành lập đơn vị chuyên trách về đơn giản hóa thủ tục hành chính để thống kê, rà soát các danh mục, quy trình thủ tục hành chính của các cơ quan. Theo đó, những thủ tục nào không cần Trung ương phê duyệt thì phân quyền cho cấp tỉnh. Hầu hết các tỉnh đều có Trung tâm phục vụ công dân (Trung tâm hành chính công), xử lý theo cơ chế một cửa, có quy định rõ thời hạn hoàn thành đối với từng loại thủ tục và sử dụng hệ thống mạng internet hiện đại trong giải quyết công việc.

3.3. Cải cách cơ chế giám sát quyền lực

ĐCS Trung Quốc nhấn mạnh, để làm trong sạch Đảng cần phải phát huy, nâng cao năng lực tự kiểm soát trong nội bộ của Đảng, sự giám sát chặt chẽ của quần chúng nhân dân, thiết lập mạng lưới, tăng cường “kiểm soát quyền lực” và việc “thực thi quyền lực” của Đảng từ trên xuống dưới, thực hiện chủ trương “nhốt quyền lực vào trong lồng chế độ” để kiểm soát. Bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thiết lập cơ chế dân chủ, trong đó nhân dân thực hiện giám sát quyền lực. Cán bộ lãnh đạo, đảng viên trong các tổ chức cơ sở đảng cùng cấp, cấp trên và cấp dưới có trách nhiệm tự quản lý, tự giám sát lẫn nhau trong thực thi công vụ, trong sinh hoạt hàng ngày. Đảng chỉ đạo chính phủ xây dựng và thực hiện Luật Giám sát, kiểm tra theo quy định pháp luật. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng tiến hành cải cách cơ chế quản lý, hoạt động của cơ quan kiểm toán nhà nước và hệ thống các đơn vị thống kê từ Trung ương đến địa phương. Nâng cao thẩm quyền, trách nhiệm và hiệu quả công tác giám sát kiểm tra, kết hợp giám sát nội bộ trong các tổ chức Đảng, chính quyền các cấp với giám sát của Trung ương Đảng và Chính phủ. Tuân thủ thực hiện hiệu quả việc tự giám sát, giám sát dân chủ, giám sát tư pháp, giám sát của quần chúng nhân dân, dư luận xã hội.

Ở Trung Quốc, từ lâu tham nhũng đã trở thành “quốc nạn”, được coi là nguy cơ lớn đe dọa đến sự tồn vong của Đảng, của chế độ và của đất nước. Các thế hệ lãnh đạo của Trung Quốc qua từng thời kỳ đều rất coi trọng vấn đề chống tham nhũng, nhưng kết quả rất hạn chế, nạn tham nhũng có xu hướng ngày càng phát triển mạnh.

Kể từ khi lên nắm quyền lãnh đạo sau Đại hội XVIII, Tập Cận Bình với tư cách là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đã quyết tâm tập trung lực lượng tuyên chiến với nạn tham nhũng, đánh đổ các tập đoàn lợi ích, tạo “đột phá khẩu” mở đường cho quá trình đi sâu cải cách một cách toàn diện. Chiến dịch chống tham nhũng do Tập Cận Bình tổ chức và lãnh đạo không những nhằm “đánh hổ”, “diệt ruồi”, mà còn “săn cáo” (“cáo” chỉ những kẻ tham nhũng mang tiền chạy trốn ra nước ngoài), được bài binh bố trận rất toàn diện, tiến hành rất quyết liệt và được quần chúng ủng hộ. Chống tham nhũng không thể chỉ giải quyết từ ngọn, mà Tập Cận Bình chủ trương còn phải giải quyết từ gốc bằng cách đi sâu cải cách thể chế, quản lý đất nước bằng pháp luật.

Từ sau Đại hội XVIII, Trung ương Đảng và Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương khóa mới đã có những tìm tòi nhất định về việc giám sát và ràng buộc quyền lực, đã làm rõ một số tư tưởng, sử dụng một số biện pháp mới. Về giải pháp tổng thể, Báo cáo chính trị Đại hội XVIII khi nhắc đến vấn đề kiện toàn cơ chế giám sát và ràng buộc quyền lực đã chỉ ra ba giải pháp chung: Một là, hoàn thiện hơn nữa cơ chế quyết sách, không ngừng nâng cao trình độ “quyết sách khoa học, quyết sách dân chủ, quyết sách theo pháp luật”; Hai là, thúc đẩy vận hành quyền lực được công khai hóa, quy phạm hóa; Ba là, kiện toàn hệ thống giám sát với 04 hình thức chính là “giám sát trong Đảng, giám sát dân chủ, giám sát pháp luật, giám sát dư luận”, “kiên trì không dao động đi theo con đường XHCN đặc sắc Trung Quốc, phấn đấu xây dựng toàn diện xã hội khá giả” [http://news.china.com.cn/politics/2012-11/20/content_271658563.htm].

Chống tham nhũng là một trong những vấn đề được Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đặc biệt quan tâm sau khi lên nắm quyền. Trong vòng hơn một thập kỷ qua, Tập Cận Bình đã tiến hành một chiến dịch chống tham nhũng với quy mô, phạm vi và mức độ được đánh giá là chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc với một số đặc

điểm chính sau: (i) Công tác chống tham nhũng tiến sâu vào mọi cơ quan ban ngành, bao gồm cả doanh nghiệp và quân đội; (ii) Cải cách thể chế giám sát quốc gia; (iii) Nhiều quan chức bị “ngã ngựa” khi đang tại nhiệm; (iv) Đưa ra nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy toàn diện công tác chống tham nhũng như: “Chuẩn tắc về liêm khiết trong Đảng”, “Điều lệ xử lý kỷ luật trong Đảng”... Cuộc chiến chống tham nhũng đã được mở rộng ra cả các bộ, ngành quan trọng như: Ngoại giao, Công an, Quân đội, thậm chí đã ra khỏi phạm vi biên giới Trung Quốc. Từ *Thời báo Hoàn Cầu (Global Times)* dẫn thông tin do Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc cung cấp cho biết, từ năm 2018 đến 2022, khoảng 119.000 vụ phạm tội liên quan đến công vụ bao gồm tham nhũng và hối lộ đã được kết luận, liên quan đến 139.000 cán bộ. Trong số đó, 92 vụ liên quan đến các cựu quan chức cấp cao từ thứ trưởng trở lên, bao gồm Tôn Chính Tài (Sun Zhengcai) - cựu Bộ trưởng Nông nghiệp, nguyên Bí thư Thành ủy Trùng Khánh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc khóa XVIII; Triệu Chính Vĩnh (Zhao Zhengyong) - nguyên Ủy viên Trung ương khóa XVIII, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Nội vụ của ĐHĐBNDTQ, cựu Bí thư Tỉnh ủy Thiểm Tây; và Tôn Lập Quân (Sun Lijun) - cựu Thứ trưởng Công an Trung Quốc [Ngọc Anh, 2023].

Đối với Trung Quốc, trấn áp nạn tham nhũng là vấn đề hết sức khó khăn và phức tạp. Trong chống tham nhũng, mục tiêu cuối cùng cần đạt được là xây dựng một chính phủ trong sạch không có tham nhũng, chống tham nhũng chỉ là biện pháp. Trong thời gian qua, Trung Quốc đã sử dụng nhiều biện pháp để ngăn chặn và xử lý tình hình tham nhũng, được quy tụ trong 04 nhóm biện pháp chính sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ chế chống tham nhũng. Từ sau Đại hội XVIII của ĐCS Trung Quốc đến nay, cuộc chiến chống tham nhũng được đẩy sâu, đẩy mạnh, quyền lực từng bước được tập trung vào trong tay của Ủy ban Kiểm tra kỷ luật các cấp, đặc biệt là ở cấp Trung ương. Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương là cơ quan quan trọng nhất trong công tác chống tham nhũng của Trung Quốc hiện nay. Tháng 5/2013, Trung Quốc triệu tập họp Tiểu ban Công tác lãnh đạo tuần thị Trung ương. Tiểu ban này được thành lập năm 2009, lúc đầu do Hà Quốc Cường làm Tổ trưởng, sau đó là Vương Kỳ Sơn, Triệu Lạc Tế và hiện nay là Lý Hy, lập ra 4 tiêu tổ để giám sát công tác chống tham nhũng, tập trung vào 4 nhóm hành vi như: lạm dụng quyền lực vì lợi

ích riêng; vi phạm Nghị quyết 8 điểm của Bộ Chính trị, vi phạm các quy định, quy chế... Tháng 9/2013, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương lập ra một trang mạng chung nhằm phản ánh kết quả công tác chống tham nhũng và cũng thu được một số kết quả nhất định. Trong hai năm 2014 và 2015, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương đã lập các văn phòng chống tham nhũng tại các cơ quan của Đảng, Chính phủ và cả các doanh nghiệp trên cả nước. Tính đến nay, Trung Quốc đã tiến hành bắt giữ và điều tra 04 ủy viên Bộ Chính trị (Chu Vĩnh Khang, Quách Bá Hùng, Từ Tài Hậu và Tôn Chính Tài), 40 ủy viên Trung ương và dự khuyết, 172 cán bộ lãnh đạo từ cấp Thứ trưởng trở lên, 64 người thuộc quân giải phóng và bộ đội vũ cảnh mang quân hàm từ Thiếu tướng trở lên. Bên cạnh việc xây dựng cơ chế chống tham nhũng, Trung Quốc cũng từng bước tăng cường nền tảng pháp lý của cơ chế này. Điều này chủ yếu được thể hiện qua việc thành lập Ủy ban Giám sát Nhà nước. Trước khi thành lập Ủy ban Giám sát Nhà nước, Trung Quốc đã thiết lập các ủy ban giám sát ở địa phương với 3 cấp độ là cấp tỉnh, cấp thành phố và cấp huyện, nhằm tạo thành một cơ chế giám sát tích hợp “mang tính hợp nhất, hữu hiệu và có thẩm quyền”. Mô hình này trước tiên được thí điểm ở Bắc Kinh, Sơn Tây và Chiết Giang. Đến cuối tháng 02/2018, Trung Quốc đã hoàn thành việc thiết lập ủy ban giám sát ở các tỉnh, thành phố và huyện trên cả nước. Theo quy định, Ủy ban Giám sát Nhà nước sẽ được đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của ĐCS Trung Quốc với mục tiêu chính là hợp nhất tất cả cơ chế chống tham nhũng thuộc Đảng và Chính phủ với quyền năng truy tố không chỉ đảng viên mà còn tất cả cán bộ nhà nước, nhằm mục đích tạo ra một mạng lưới giám sát “hiệu quả, thống nhất, tập trung, dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Tuy nhiên, do cơ quan này được quy định là một cơ quan chính trị, độc lập với chính phủ, tòa án và viện kiểm sát nên cũng có những lo ngại về nguy cơ lạm quyền của nó. Sâu xa hơn, việc thành lập Ủy ban Giám sát Nhà nước nằm trong khuôn khổ kế hoạch tổ chức lại chính phủ, nhằm tăng cường quyền lực của ĐCS Trung Quốc, mà đứng đầu là Tổng Bí thư Tập Cận Bình - người có tham vọng trở thành nhà lãnh đạo mạnh nhất kể từ thời Mao Trạch Đông đến nay. Đi sâu cải cách hệ thống giám sát quốc gia và mở rộng công tác thí điểm trên quy mô toàn quốc là sự bố trí chiến lược quan trọng

đã được đề ra tại Đại hội XIX của ĐCS Trung Quốc. Xét về mặt số lượng, có thể nói Trung Quốc có rất nhiều cơ chế chống tham nhũng, bao gồm từ Trung ương đến địa phương. Bên Đảng có Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương, bên Chính phủ cũng có hệ thống chống tham nhũng, hay bên Quân đội, Nhân đại, Chính Hiệp cũng đều có tổ chức chống tham nhũng. Hiện Trung Quốc đã thành lập Ủy ban Giám sát ở 31 địa phương, do Bí thư Ủy ban Kiểm tra kỷ luật kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Giám sát.

Thứ hai, thực hiện cơ chế thanh tra. Trong mối quan hệ giữa Trung ương và địa phương, cơ chế thanh tra là một bộ phận quan trọng của nền chính trị Trung Quốc và đã phát huy được vai trò tích cực trong công tác chống tham nhũng. Từ năm 2012 đến nay, Trung Quốc đã tích cực triển khai công tác thanh tra, thị sát và đã đạt được hiệu quả rõ rệt, tạo được cơ sở quan trọng cho việc quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện. Theo thống kê, tính đến tháng 8/2014, Trung Quốc tổng cộng đã cử 208 đoàn đến thị sát 1.214 điểm bao phủ khắp 31 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong cả nước. Trong năm 2016, Tiểu ban Công tác lãnh đạo tuần thị Trung ương đã triệu tập họp 77 lần và nhóm công tác này được phân thành 3 vòng, thị sát 91 các tổ chức, cơ quan Trung ương, các bộ, ngành trong đó có Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Nhân đại, Chính Hiệp, Bộ Tài chính, Văn phòng Kiểm toán quốc gia cùng các cơ quan chính phủ phụ trách những vấn đề lập pháp và vấn đề liên quan đến Hồng Kông, Ma Cao và người Trung Quốc ở nước ngoài [<http://fanfu.people.com.cn/n1/2016/0224/c64371-28146316.html>, truy cập ngày 12/02/2022]. Một số cơ quan Đảng như: Ủy ban Mặt trận Thống nhất Trung ương, Ban Liên lạc Đối ngoại Trung ương cũng bị kiểm tra. Đến Đại hội XIX, Trung Quốc đặt ra mục tiêu thiết lập chế độ thanh tra ở Đảng ủy các thành phố, huyện. Thông qua biện pháp này, thiết lập mạng lưới thanh tra, giám sát thống nhất từ trên xuống dưới trong quá trình thanh tra, với mục đích “trị cả gốc lẫn ngọn” và làm cho cuộc chiến chống tham nhũng không có “vùng trống”. Số liệu thống kê mới nhất được công bố tại Đại hội XX ĐCS Trung Quốc cho thấy, Trung ương ĐCS Trung Quốc, đặc biệt là Tổng Bí thư Tập Cận Bình quan tâm vô cùng sâu sắc mảng công tác này, thể hiện không chỉ ở việc lên kế hoạch sắp xếp tổng thể việc thành lập Ủy ban Giám sát Nhà nước, 22 lần trực tiếp nghe báo

cáo công tác và đưa ra chỉ thị, phát biểu chỉ đạo quan trọng mà còn ở những công việc thực tế Ủy ban này thực hiện được sau khi thành lập. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIX, Tiểu ban Công tác lãnh đạo tuần thị Trung ương đã tổ chức tới 79 hội nghị của Tiểu ban, 9 hội nghị Trung ương về chuyên đề giám sát, 4 hội nghị toàn quốc, tổ chức 9 đợt giám sát chuyên ngành với các địa phương, bộ, ban, ngành, đẩy mạnh giám sát về mặt chính trị. Đặc biệt, trong triển khai công tác, Ủy ban Giám sát Nhà nước đã kết hợp chặt chẽ giữa tự giám sát của cán bộ, cơ quan với giám sát của quần chúng nhân dân. Nhiệm kỳ Đại hội XIX, tổng cộng Ủy ban đã tiếp nhận xử lý lên tới 4.246.000 đơn thư tố giác của quần chúng nhân dân, tổ chức 58.000 lượt gặp mặt, nắm bắt tình hình với cán bộ quần chúng, qua đó phát hiện 16.000 vấn đề. Ủy ban Giám sát Nhà nước tiến hành giám sát 282 tổ chức đảng của các cơ quan, bộ, ban, ngành và địa phương, với tổng cộng 7.836 tổ chức đảng bị giám sát. Đảng ủy các tỉnh, thành phố tổng cộng đã hoàn thành 8.194 đợt giám sát tổ chức đảng trực thuộc, đảm bảo bao phủ toàn diện công tác giám sát với các ban ngành địa phương, 882.000 tổ chức đảng ở địa phương được giám sát. Riêng trong khối cơ quan trung ương, đã có 178 cơ quan triển khai tự giám sát nội bộ. Ở các địa phương đang thực hiện các hình thức giám sát như đơn vị cấp dưới tự đề nghị, báo cáo cấp trên giám sát, giám sát chéo lẫn nhau và triển khai các tổ giám sát cơ động [Báo cáo công tác của Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương khóa XIX trình bày tại Đại hội XX ĐCS Trung Quốc, 10/2022].

Thứ ba, xây dựng các quy định, quy tắc. Ngay từ những ngày đầu trong chiến dịch chống tham nhũng của Chủ tịch nước Tập Cận Bình, Trung Quốc đã đề ra một số quy định phòng, chống tham nhũng. Cụ thể: tháng 12/2012, Bộ Chính trị Trung ương ĐCS Trung Quốc đã họp và đưa ra Nghị quyết 8 điểm về lề lối làm việc của Đảng. Bộ quy tắc 8 điểm về chống tham nhũng, lãng phí đã được áp dụng khắp Trung Quốc. Bộ quy tắc này áp đặt những hạn chế và các điều cấm như: cấm trải thảm đỏ đón tiếp, cấm sử dụng xe công cho việc riêng, cắt giảm các cuộc họp mang tính hình thức, tránh gây rối loạn, ách tắc giao thông với các lý do như: cấm đường chào đón các quan chức và ra lệnh thắt lưng buộc bụng trong chi tiêu các khoản ăn uống, du

lich, nhà ở... Có những quy chế về việc sử dụng công quỹ cho các hoạt động du lịch của cá nhân trong nước và nước ngoài; quy chế về việc sử dụng các phương tiện có sẵn và được cung cấp; quy chế về xây dựng các tòa nhà trái phép; quy chế về các khoản thanh toán không hợp lệ hoặc cho các lợi ích bất hợp pháp, quy chế về việc tặng những món quà đắt tiền; chi phí quá lớn dành cho việc hiếu hỷ, đồng thời, có những quy chế mang tính chế tài, trừng phạt liên quan vi phạm kỷ luật và các quy tắc trong công việc. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng đưa ra 6 điều cấm bao gồm: cấm công chức nhận quà và nhận hối lộ, dự tiệc tại các nhà hàng, khách sạn hoặc câu lạc bộ tư nhân đắt tiền, chơi golf, sử dụng công quỹ để du lịch cá nhân, sử dụng phương tiện của chính phủ cho mục đích cá nhân... Để cụ thể hóa quy định này, tháng 10/2017, Bộ Chính trị Trung ương ĐCS Trung Quốc đã xem xét và thông qua Quy tắc chi tiết để thực hiện 8 điều quy định của Ban Chấp hành Trung ương về chống tham nhũng. Đồng thời, cũng tiết lộ các số liệu liên quan: Kể từ sau Đại hội XIX đến tháng 7/2022, toàn quốc có 552.700 trường hợp vi phạm 8 điều quy định của Trung ương; 800.700 đảng viên, cán bộ bị phê bình, giáo dục, giúp đỡ; đã xử lý kỷ luật đảng và chính quyền 522.500 người, trong đó có 23 cán bộ cấp tỉnh, bộ. “Đại sự ký” còn nêu tên 3 “hổ lớn” là Tôn Chính Tài, Phòng Phong Huy và Trương Dương [《党的十九大以来大事记》(Đại sự ký từ Đại hội lần thứ XIX đến nay), 2022]. Bên cạnh đó, cuối năm 2017, Trung Quốc đã công bố “Sách trắng về chống tham nhũng”, thể hiện quyết tâm không khoan nhượng đối với vấn nạn này. Sau Đại hội XIX của ĐCS Trung Quốc, Trung ương ĐCS Trung Quốc lại đưa ra quy định chi tiết quán triệt, thực hiện quy định 8 điểm và sau đó không lâu, Tập Cận Bình lại đưa ra chỉ thị quan trọng về việc tiếp tục sửa đổi “tứ phong”. Tất cả những quy định này đều hướng tới mục tiêu là nhằm hạn chế tình trạng tham nhũng.

Thứ tư, phối hợp với cộng đồng quốc tế. Chiến dịch chống tham nhũng của Trung Quốc không chỉ nhằm vào các phần tử ở trong nước, mà ngay cả những phần tử đang ở nước ngoài cũng bị “sờ gáy”. Từ năm 2014, Trung Quốc tích cực xây dựng các kênh hợp tác chống tham nhũng quốc tế trên nhiều cấp độ, mở rộng hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng, chẳng hạn như: “Tuyên bố Bắc Kinh về chống tham

những” được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 2014, “Chương trình hành động chống tham nhũng của G20 từ năm 2015-2016” đã được Hội nghị Thượng đỉnh G20 phê chuẩn ủng hộ, Mạng lưới các cơ quan thực thi pháp luật chống tham nhũng APEC đi vào hoạt động tại Bắc Kinh. “Tuyên bố chung Trung Quốc - ASEAN về tăng cường toàn diện và có hiệu quả hợp tác chống tham nhũng” được thông qua tại Hội nghị cấp cao Trung Quốc - ASEAN lần thứ 20 được tổ chức năm 2017. Đây là lần đầu tiên Hội nghị cấp cao Trung Quốc - ASEAN đưa ra tuyên bố chung trong lĩnh vực chống tham nhũng, đã mở ra chương mới trong hợp tác chống tham nhũng ở khu vực này. Trung Quốc phát động chiến dịch “săn cáo” và “lưới trời”, ra sức truy bắt các phần tử tội phạm tham nhũng trốn ra nước ngoài, thu được nhiều kết quả quan trọng. Thời gian tới, Trung Quốc chắc chắn sẽ tiếp tục đẩy mạnh mức độ truy bắt tội phạm ở nước ngoài và mở rộng chiến dịch chống tham nhũng ra phạm vi toàn cầu.

Kể từ sau Đại hội XVIII đến nay, Trung Quốc đẩy mạnh chiến dịch chống tham nhũng và đã đạt được những kết quả nổi bật, nhận được sự đánh giá cao của cộng đồng quốc tế cũng như của người dân trong nước. Trong một báo cáo của Tổng Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc được công bố ngày 09/01/2017 cho thấy, gần 93% người dân Trung Quốc cảm thấy hài lòng đối với thành quả trong công tác xây dựng tác phong liêm chính của ĐCS Trung Quốc và chiến dịch chống tham nhũng của nước này, tăng 17,9% so với năm 2012. Theo số liệu thống kê, kể từ Đại hội XVIII (tháng 11/2012) đến nay, các cơ quan kiểm tra và giám sát kỷ luật trong cả nước Trung Quốc đã lập hơn 4,648 triệu hồ sơ vụ án; trong đó lập hồ sơ điều tra 553 cán bộ thuộc diện trung ương quản lý, xử lý hơn 25.000 cán bộ cấp cục, 182.000 cán bộ cấp huyện [Thạch Bình, 2023]. Những số liệu này cho thấy hành động kiên quyết của ĐCS Trung Quốc trong cuộc chiến chống tham nhũng, đồng thời đã giành được kết quả trên các mặt phạm vi, mức độ, và độ sâu. Về phạm vi, cuộc chiến chống tham nhũng của Chủ tịch nước Tập Cận Bình đã mở rộng trên toàn quốc và thậm chí còn vượt ra khỏi phạm vi biên giới. Hiện nay, 31 tỉnh, thành phố, khu tự trị Trung Quốc đều triển khai thực hiện chiến dịch này. Giáo sư Hồ Tinh Đầu, Học viện Bách Khoa Trung Quốc

cho rằng, mức độ và phạm vi trong cuộc chiến chống tham nhũng của Tập Cận Bình là chưa từng có, đã điều tra một loạt “con hổ” lớn, đây là sự việc hiếm hoi trong lịch sử ĐCS Trung Quốc và điều này thể hiện quyết tâm lớn lao của Chính phủ Tập Cận Bình trong cuộc chiến chống tham nhũng [https://www.bbc.com/zhongwen/simp/china/2015/06/150629_cr_xi_jinping_anti-corruption]. Cuộc chiến này nhằm vào không chỉ những quan chức cấp thấp mà cả các quan chức cấp cao, thậm chí đã phá vỡ mọi “vùng cấm” và được đánh giá là “trị cả gốc lẫn ngọn”. Về độ sâu, cuộc chiến chống tham nhũng lần này đã bao trùm lên các lĩnh vực như: kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa. Thậm chí, một số lĩnh vực được coi là nhạy cảm như: quân đội, công an đều bị đưa vào tầm ngắm của chiến dịch này. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIX của ĐCS Trung Quốc nhấn mạnh, tham nhũng vẫn là một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với nền tảng cầm quyền của ĐCS Trung Quốc. Vì vậy, ĐCS Trung Quốc sẽ tiếp tục kiên trì chủ trương chống tham nhũng không có vùng cấm, bao phủ toàn diện, không khoan nhượng, kiên định “đả hổ”, “diệt ruồi”, “săn cáo”, thực hiện khẩu hiệu “ba không” gồm: không dám tham nhũng, không thể tham nhũng và không muốn tham nhũng, quyết tâm truy bắt và trừng trị mọi phần tử tham nhũng. Tại Đại hội XX ĐCS Trung Quốc, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật Trung ương đã công bố số liệu cho thấy, trong 10 năm kể từ khi Tập Cận Bình trở thành Tổng Bí thư, Trung Quốc đã lập hồ sơ điều tra 4.388 vụ với 4.709 triệu người; hơn 400 quan chức cấp bộ và tỉnh bị mất chức; 11,34 triệu lượt người bị phê bình giáo dục; xử lý 644.000 người và 723.000 vụ liên quan đến vấn đề “tứ phong” (chủ nghĩa hình thức, quan liêu, hưởng lạc và hủ bại). Đáng lưu ý, trong thời gian nhiệm kỳ Đại hội XIX (2017-2022), có tới 74.000 người vi phạm tham nhũng, thoái hóa, biến chất chủ động ra đầu thú [Báo Thanh niên Bắc Kinh, 2023].

Đặc biệt, trong thời đại toàn cầu hóa kinh tế, tham nhũng xuyên quốc gia cũng là một vấn nạn của các nước trên thế giới, trong đó có Trung Quốc. Chính vì vậy, hợp tác chống tham nhũng xuyên quốc gia cũng trở nên quan trọng. Trong thời gian qua, Trung Quốc đã triển khai và mở rộng chiến dịch “săn cáo” - tăng cường truy bắt quan tham bỏ trốn ra nước ngoài và chiến dịch “lưới trời” - tăng cường hợp tác quốc tế về

chống tham nhũng. Trung Quốc đã thiết lập quan hệ hợp tác chống tham nhũng với 89 nước và vùng lãnh thổ, ký kết 44 hiệp ước dẫn độ và 57 hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, tham gia “Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng”, và “Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia”. Kết quả triển khai các chiến dịch này bước đầu được thống kê là, từ năm 2014 đến tháng 6/2020, gần 9.200 nghi phạm đã bị dẫn độ từ 120 nước và khu vực trên thế giới về Trung Quốc, thu hồi được 20 tỷ NDT (tương đương 2,9 tỷ USD) lợi nhuận phi pháp [Quốc Đạt, 2022]. Bên cạnh đó, nhằm tìm kiếm sự hợp tác quốc tế mạnh mẽ hơn trong cuộc chiến chống tham nhũng, Trung Quốc đã đề nghị các nhà ngoại giao nước ngoài tại Bắc Kinh hỗ trợ “thành lập một mạng lưới hợp tác chống tham nhũng”.

Tính tới cuối năm 2022, Trung Quốc đã liên tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế liên quan phòng chống tham nhũng, đưa ra “04 chủ trương” gồm: (1) Kiên trì công bằng chính nghĩa, trừng phạt cái ác, đề cao cái thiện; (2) Kiên trì tôn trọng sự khác biệt, bình đẳng học hỏi lẫn nhau; (3) Kiên trì hợp tác cùng thắng, cùng thương lượng, cùng xây dựng; (4) Kiên trì giữ chữ tín, ưu tiên hành động. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn chính thức khởi động mạng lưới hợp tác chấp pháp chống tham nhũng quốc tế, thúc đẩy xây dựng liên kết trong khuôn khổ sáng kiến “Vành đai và Con đường”, cùng xây dựng cơ chế phòng chống, truy bắt tội phạm, truy thu tài sản tham nhũng. Trong hành động “Lưới trời 2021”, Trung Quốc đã truy bắt đưa về nước xét xử 1.273 tội phạm tham nhũng, trong đó có 22 người thuộc diện “Truy nã đỏ” của Interpol, 318 đối tượng thuộc diện giám sát, truy thu 16,74 tỷ NDT tiền tham nhũng.

Nhìn chung, chống tham nhũng đã trở thành một trụ cột quan trọng của cải cách cơ chế giám sát và vận hành quyền lực tại Trung Quốc, cũng là một nội hàm cấu thành cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII.

3.4. Cải cách cơ chế bầu cử dân chủ

Liên quan cải cách cơ chế bầu cử dân chủ, từ sau khi Tập Cận Bình lên nắm quyền, Trung Quốc đã thực hiện được một số thay đổi sau:

3.4.1. Bầu trực tiếp một số chức danh

Một trong những điểm sáng của tiến trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc chính là gia tăng tiến trình dân chủ hóa trong ĐCS, bao gồm 2 nội dung, đó là quy chế chọn cán bộ lãnh đạo và mở rộng ngôn luận trong Đảng. Tại Hội nghị toàn thể Trung ương 4 khóa XVII ĐCS Trung Quốc, nội dung thảo luận trọng tâm là cải cách cơ chế bầu cử trong Đảng, nghiên cứu mô hình phát triển dân chủ đặc sắc Trung Quốc. Sau kỳ họp này, Trung ương ĐCS Trung Quốc đã áp dụng hình thức “công khai ứng cử và trực tiếp chọn” đối với một số chức danh, trong đó tiêu biểu có thể nhắc đến là việc bầu trực tiếp, công khai một số chức danh, chức vụ trong Đảng như bí thư, phó bí thư tổ chức Đảng các cấp, trước mắt đã triển khai thí điểm tại các huyện, thị. Chẳng hạn như, tỉnh Tứ Xuyên đã thông qua phương thức cạnh tranh bầu cử để chọn Bí thư Đảng ủy huyện. Tương tự, thành phố Nam Kinh cũng bầu chọn bí thư và phó bí thư Đảng ủy cho một số cơ quan. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử ĐCS Trung Quốc áp dụng hình thức bầu cử này. “Công khai ứng cử và trực tiếp bầu chọn” chính là thông qua những phương thức tự giới thiệu, đề cử, giới thiệu... để đưa ra những ứng viên, rồi lại căn cứ vào số phiếu bầu tín nhiệm của quần chúng ngoài Đảng và phiếu bầu chọn của đảng viên để đưa ra quyết định cuối cùng. Tuy cách thức này không hoàn toàn giống với phương thức bầu quan chức dân cử ở các nước phương Tây, nhưng dù sao cũng khác với mô hình truyền thống là cấp trên trực tiếp giao nhiệm vụ cho cấp dưới trước đây tại Trung Quốc. Hiện ĐCS Trung Quốc vẫn tiếp tục thí điểm thử nghiệm cơ chế cạnh tranh trong bầu chọn cán bộ ở một số đơn vị cơ sở.

3.4.2. Mở rộng ngôn luận trong Đảng

Việc mở rộng ngôn luận trong Đảng cũng được Trung ương ĐCS Trung Quốc quy định rõ, đồng thời xác định lịch trình thực hiện. Ngay từ Hội nghị toàn thể Trung ương 4 khóa XVI ĐCS Trung Quốc, phần “Quyết định” đã ghi rõ: “Tạo môi trường thảo luận bình đẳng nhiều luồng ý kiến, khích lệ và bảo vệ các đảng viên nói thẳng, nói thật”. Điều này rõ ràng khác biệt rất lớn so với cách thức và cách dùng ngôn từ thông thường vẫn áp dụng trước đây là “cho phép đảng viên phát biểu những ý kiến khác nhau”. Sau Hội nghị này, xuất hiện bầu không khí tương đối cởi mở, dân chủ

liên quan ngôn luận trong nội bộ ĐCS Trung Quốc. Đã có một số bài viết tiêu biểu như “Dân chủ là thứ tốt” của ông Dục Khả Bình - Phó Cục trưởng Cục Biên dịch Trung ương; “Những sai lầm trong tư tưởng dân chủ của Mao Trạch Đông” của Quách Đức Hồng - Chủ nhiệm Bộ môn nghiên cứu Lịch sử Đảng của Trường Đảng Trung ương Trung Quốc; “Hy vọng ĐCS hình thành 2 phái, hy vọng quân đội quốc gia hóa” của ông Hạ Vệ Phương - Giáo sư khoa Luật của Đại học Bắc Kinh; “Giải phóng những suy nghĩ mà Đảng cấm” của học giả Tứ Ninh. Thậm chí đã xuất hiện một tiêu chí dân chủ khác trong Đảng là “trong Đảng có thể có nhiều phái” - điều từng bị coi là cấm kỵ trước đây. Chính cố Chủ tịch Trung Quốc Mao Trạch Đông từng nêu: “Trong Đảng không có phe phái là chuyện kỳ quái”. Trên thực tế, điều này đã khẳng định rằng sự tồn tại nhiều phái trong Đảng là chuyện khách quan. Tuy nhiên, thực tế hiện nay trong ĐCS Trung Quốc tồn tại hai trường phái tư tưởng khác nhau là “phái tả” và “phái tả mới”. Sau khi Tập Cận Bình xác lập rõ ràng địa vị là trung tâm, hạt nhân của thế hệ lãnh đạo thứ 5, các xu hướng tư tưởng trong nội bộ Đảng không bộc lộ rõ, nhiều nhất cũng chỉ thể hiện ở quan điểm một vài cá nhân lãnh đạo cụ thể liên quan vấn đề chính sách cụ thể.

Theo các chuyên gia, thử thách lớn nhất của dân chủ hóa trong ĐCS Trung Quốc thực ra đến từ thể chế lãnh đạo trung ương. Với tình hình trước mắt, trụ cột của thể chế lãnh đạo trung ương gồm: Cơ chế trao quyền và cơ chế báo cáo. Mặt trái của cơ chế trao quyền này là quyền lực đến từ cấp trên (tức cơ chế mệnh lệnh) và quyền lực không có tính ổn định, độ giám sát, thừa nhận của quần chúng không cao. Cơ chế báo cáo cũng thường xuất hiện sai sót do cấp dưới có thể lảng tránh thực tế, làm sai lệch thông tin nhằm chỉ để làm vừa ý cấp trên. Đây là mâu thuẫn thực tại của thể chế chính trị Trung Quốc, đòi hỏi cần phải được sớm giải quyết. Khi xuất hiện tình hình mới, ví dụ đại dịch Covid-19, cách thức vận hành quyền lực và xử lý tình huống của hệ thống chính trị Trung Quốc đã bộc lộ rõ những điểm yếu, xuất hiện hiện tượng phản kháng của người dân. Hệ thống chính trị tập quyền cao độ hiện tại tại Trung Quốc nếu không bổ sung thêm một số thành tố dân chủ, sẽ ngày càng thiếu tính thuyết phục đối với người dân, do đó đánh mất sức hiệu triệu quần chúng. Một số xu hướng đòi

mới, thí điểm mô hình xây dựng Đảng ở các đơn vị cơ sở tại Trung Quốc hứa hẹn xuất hiện nhiều cải tiến mới, góp phần quan trọng trong cải cách thể chế chính trị. Đây đồng thời cũng là một hướng quan trọng cần tiếp tục theo dõi nghiên cứu, đánh giá liên quan cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII.

Tiểu kết Chương 3

Cải cách thể chế chính trị luôn là vấn đề nóng hổi kể từ khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa cho đến nay, đặc biệt là trong thập niên vừa qua hay nói cách khác là trong thời kỳ Tập Cận Bình nắm quyền.

Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ sau Đại hội XVIII được tiến hành trên các lĩnh vực cụ thể như: Cải cách tổ chức bộ máy; cải cách mối quan hệ Đảng - Chính quyền, Trung ương - địa phương; cải cách chế độ, chính sách; cải cách cơ chế bầu cử. Trong quá trình cải cách thể chế chính trị hiện nay, đặc điểm nổi bật chính là ĐCS Trung Quốc không ngừng thông qua các biện pháp cải cách để tăng cường củng cố vai trò lãnh đạo và vị trí trung tâm của hệ thống chính trị, tập trung quyền lực về Trung ương, tăng cường năng lực lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc, đi đôi với đó là cải thiện hệ thống quản trị nhà nước theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Các biện pháp cải cách được phát động từ người lãnh đạo cao nhất của Đảng, phục được tổ chức triển khai khá bài bản với các “thiết kế từ óc”. Tuy nhiên, do sự chi phối từ điều kiện thực tế cũng như lịch sử, một số biện pháp cải cách của ĐCS Trung Quốc hiện nay đang gặp phải trở ngại lớn, xuất hiện các mâu thuẫn quan trọng, ví dụ cải cách cơ chế bầu cử dân chủ cũng như mở rộng ngôn luận trong Đảng nếu không kiểm soát tốt, tiến hành có chừng mực sẽ dẫn tới mâu thuẫn với xu hướng đề cao vai trò lãnh tụ Đảng, xác lập uy quyền cá nhân của Tập Cận Bình.

Tựu trung lại, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện đã đi vào “vùng nước sâu”, tuy gặt hái được những thành công nhất định, nhưng gặp phải không ít thách thức từ cả bên trong lẫn bên ngoài. Nói cách khác, công cuộc cải cách thể chế chính trị hiện nay của Trung Quốc vẫn là một quá trình lâu dài và đầy chông gai.

CHƯƠNG 4

NHẬN XÉT, DỰ BÁO VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC THỜI GIAN TỚI VÀ GỢI MỞ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

4.1. Một số nhận xét

4.1.1. Thành tựu và hạn chế

4.1.1.1. Thành tựu

Những thành tựu bước đầu mà công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã đạt được bao gồm các khía cạnh sau:

(i) *Cải cách thể chế lãnh đạo của Đảng.* Từng bước xóa bỏ hiện tượng Đảng thay thế chính quyền, bước đầu phát huy dân chủ trong Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng chủ yếu là lãnh đạo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, dần dần nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng. Hoàn thiện sự lãnh đạo của ĐCS, xử lý tốt mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền, bao gồm: (1) Giới hạn nội hàm sự lãnh đạo của ĐCS; (2) Chế độ lãnh đạo của ĐCS được quy phạm hóa, chế độ hóa, pháp chế hóa; (3) Quan hệ giữa Đảng và Chính quyền đã bắt đầu được xử lý thỏa đáng.

(ii) *Kiên trì và hoàn thiện ĐHĐBNDTQ, định ra và sửa đổi Luật Bầu cử,* khiến cho quy trình bầu cử ngày càng quy phạm hóa, mức độ dân chủ và hiệu quả trong bầu cử ngày càng được nâng cao; chức năng và quyền hạn của Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ được mở rộng, việc xây dựng tổ chức, bộ máy của ĐHĐBNDTQ được tăng cường; ĐHĐBND các cấp từ cấp huyện trở lên đã thiết lập Ban thường vụ, các ủy viên thực hiện chuyên trách hóa; xây dựng và hoàn thiện thể chế lập pháp mới, công tác lập pháp ngày càng phát triển, mức độ giám sát việc thực hiện pháp luật cũng không ngừng được đẩy mạnh; từng bước thực hiện trình tự hóa, chế độ hóa công việc của ĐHĐBNDTQ; vai trò, tính tích cực và năng lực tham chính và bình luận chính trị của đại biểu Nhân đại được phát huy đầy đủ, tăng cường rõ rệt.

(iii) *Kiên trì và hoàn thiện chế độ đa đảng hợp tác dưới sự lãnh đạo của ĐCS và chế độ hiệp thương chính trị;* đưa các chế độ này vào Hiến pháp. Chế độ hiệp thương chính trị ngày càng quy phạm, có những quy định rõ ràng hơn về nội dung hiệp

thương chính trị và giám sát dân chủ, kênh tham dự chính quyền và bình luận chính trị của các đảng phái chính trị dân chủ cũng được mở rộng, nhiều cán bộ ngoài Đảng được cất nhắc và sử dụng. Chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS và chế độ hiệp thương chính trị được pháp chế hóa, sơ bộ định hình sự hợp tác và hiệp thương giữa ĐCS với các đảng phái chính trị dân chủ khác, các tầng lớp xã hội và tầng lớp trí thức, quy định rõ nội dung hiệp thương chính trị và giám sát dân chủ, từ đó góp phần tăng cường chế độ dân chủ trong nền chính trị Trung Quốc.

(iv) *Cải cách thể chế Trung ương tập quyền cao độ.* Trong quá trình tiến hành cải cách thể chế chính trị, các đơn vị cấp Trung ương đã chia sẻ quyền lực cho địa phương và cơ sở, phát huy được tính tích cực, sáng tạo của địa phương, cơ sở và quần chúng nhân dân, làm cho công việc địa phương có sức sống mạnh mẽ, nhưng trong quá trình đó vẫn đảm bảo và tăng cường được quyền uy của Trung ương.

(v) *Cải cách bộ máy chính phủ.* Qua nhiều lần cải cách hành chính với quy mô lớn, Trung Quốc đã giảm được một phần những bộ phận công kênh, kém hiệu quả, nhưng quan trọng hơn là đã nhận thức được một cách đầy đủ rằng đây là một công cuộc cải cách lâu dài, phức tạp và khó khăn, qua đó có thể nắm được quy luật và đặc điểm của công việc, dần đặt nền móng quan trọng cho công cuộc cải cách hành chính. Quan hệ giữa chính phủ và doanh nghiệp được điều chỉnh theo hướng có lợi cho phát triển kinh tế, từng bước được hợp lý hóa.

(vi) *Cải cách cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm nhân sự cán bộ.* Kiên trì phương châm cán bộ “bốn hóa” và nguyên tắc tài - đức song toàn. Cùng với tiến trình cải cách thể chế chính trị được thúc đẩy đi vào chiều sâu, bộ máy chính quyền tại Trung Quốc đã tăng cường sử dụng những người được quần chúng công nhận, kiên trì với cải cách mở cửa và có thành tích tốt. Tăng cường xây dựng đội ngũ lãnh đạo ở các cấp. Xóa bỏ chế độ giữ chức vụ suốt đời, xây dựng chế độ nghỉ hưu cho cán bộ, thay đổi tình trạng quản lý tập trung thống nhất, xây dựng thể chế quản lý khoa học. Đẩy nhanh cải cách khâu tuyển chọn và sử dụng cán bộ của Đảng và Nhà nước cũng như những người lãnh đạo doanh nghiệp.

(vii) *Kiện toàn chế độ tập trung dân chủ.* Lấy dân chủ trong Đảng để thúc đẩy

phát triển dân chủ trong nhân dân, không ngừng thực hiện bình thường hóa, dân chủ hóa và chế độ hóa đời sống trong Đảng. Chế độ lãnh đạo tập thể của Đảng được thực hiện tương đối tốt. Coi trọng việc xây dựng pháp quy của Đảng, sửa đổi và hoàn thiện Điều lệ Đảng, đồng thời, định ra hàng loạt pháp quy trong Đảng, khiến cho đời sống trong Đảng từng bước có chỗ dựa. Xây dựng và kiện toàn cơ chế giám sát trong Đảng, tìm tòi giải quyết vấn đề giám sát trong nội bộ Đảng cầm quyền.

(viii) *Xây dựng pháp chế XHCN*. Trung Quốc hiện đã định ra nhiều bộ luật và những quy định liên quan đến hệ thống luật pháp. Tăng cường và hoàn thiện tư pháp, lập pháp và hành pháp, bảo vệ tính thống nhất và nghiêm túc của pháp chế. Xây dựng pháp chế giành được thành tựu đáng kể, cụ thể: Công tác lập pháp có thành tựu rõ rệt; phổ biến luật pháp có tiến triển; xây dựng dân chủ cơ sở có những bước tiến triển mang tính đột phá.

(ix) *Từng bước thử nghiệm và nhân rộng mô hình tự trị ở cơ sở*, bước đầu là xây dựng thôn tự trị. Đây là mô hình sáng tạo của quần chúng nông dân Trung Quốc, được Đảng và Chính phủ Trung Quốc ủng hộ và khẳng định, hơn nữa còn được bảo đảm bằng pháp luật. Theo mô hình này, người dân các thôn tự trị, người dân được thực hiện dân chủ bầu cử, dân chủ quyết sách, dân chủ quản lý, dân chủ giám sát, nhờ đó, vai trò làm chủ của nông dân được nâng lên rất nhiều. Khởi nguồn ở cải cách từ một vài đơn vị cơ sở, tới nay mô hình này đã được nhân rộng tới hầu như rộng khắp tại mọi huyện, thị Trung Quốc. Chính cơ chế này sẽ tạo ra nền tảng vững chắc cho cải cách thể chế chính trị.

Trên đây là những thành tựu bước đầu mà công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đạt được, những thành tựu trên có được củng cố và phát triển hơn nữa được hay không, sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc Trung Quốc có khắc phục được những khó khăn và thách thức nảy sinh trong quá trình cải cách thể chế chính trị hay không.

4.1.1.2. *Hạn chế*

Thực tiễn cho thấy, trong công cuộc cải cách thể chế chính trị từ sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc tới nay, bên cạnh những thành tựu đạt được, Trung Quốc

còn có những mặt hạn chế như: còn một số hạng mục cải cách còn tiến triển chậm, chưa theo kịp yêu cầu cuộc sống, dẫn tới xuất hiện một số tâm lý phản kháng, có lúc mất kiểm soát, dẫn tới bạo loạn xã hội. Cụ thể là:

Thứ nhất, quyền lực quá tập trung. Trong phân bổ quyền lực giữa Đảng và Chính quyền Trung Quốc hiện nay, cơ chế hiệp thương chính trị chưa thực sự phát huy hết tác dụng. Hiện tại, kênh chủ yếu của Chính Hiệp trong tham gia các quyết sách của Đảng, chính quyền chính là thông qua các tham vấn chính trị cũng như đối thoại dân chủ. Nhưng do chưa có quy định cụ thể mang tính ràng buộc pháp lý nào liên quan đến tham chính, tham gia quá trình quyết sách của Đảng và Chính quyền, nên vị thế và vai trò của Chính Hiệp chỉ mang tính hình thức, không rõ ràng, quy trình tham gia quyết sách cũng không có quy chuẩn cụ thể. Trong việc phân bổ quyền lực giữa chính quyền và người dân, chính quyền luôn chiếm ưu thế. Thực tế chứng minh, việc tham gia quản lý nhà nước của người dân chính là xu thế, đồng thời cũng là nội dung quan trọng của dân chủ hóa. Nhưng hiện có rất ít các kênh để người dân có thể tham gia công việc của chính quyền, hậu quả tất yếu đó là mối quan hệ giữa người dân với các cơ quan chính quyền ngày càng căng thẳng, tâm lý bất mãn, đối lập với chính quyền trong nhân dân ngày càng tăng, thậm chí có lúc có nơi bùng phát thành xung đột nghiêm trọng, ví dụ các sự kiện “biểu tình giấy trắng”²⁷ vào cuối năm 2022, “phong trào tóc bạc”²⁸ hay biểu tình trước trụ sở ngân hàng tại thành phố Ôn Châu, Chiết Giang đầu năm 2023. Trong mối quan hệ phân chia quyền lực giữa chính quyền và thị trường còn tồn tại hiện tượng quyền lực chính quyền quá lớn, lấn át quyền tự quyết, cơ chế tự vận hành của thị trường, quy luật “bàn tay vô hình” của thị trường bị kiểm soát, can thiệp bởi tác động từ mệnh lệnh hành chính của chính quyền. Vấn đề nổi cộm nhất hiện nay là quá trình thực thi quyền lực còn nhiều khâu chưa hoàn thiện, xuất hiện “khoảng trống” liên quan đến cơ chế truy cứu trách nhiệm của cơ quan công quyền, chính quyền có quá nhiều đặc quyền, lợi ích trong mối quan hệ với

²⁷. Chỉ sự kiện hàng loạt người dân ở nhiều thành phố Trung Quốc xuống đường biểu tình với những tờ giấy trắng A4 nhằm mục đích kêu gọi chấm dứt chính sách zero-Covid.

²⁸. Chỉ sự kiện những người về hưu (nên mới có tên gọi là “phong trào tóc bạc”) ở thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc không hài lòng với chính sách giảm trợ cấp cá nhân hàng tháng trong cải cách bảo hiểm y tế của chính quyền thành phố, đã phát động các cuộc biểu tình.

thị trường, với doanh nghiệp, có lúc cản trở nghiêm trọng tới sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Việc Trung Quốc ra sức kiểm soát một số doanh nghiệp tư nhân có tầm ảnh hưởng mạnh tới nền kinh tế trong vòng 02 năm trở lại đây là một ví dụ điển hình về sự can thiệp của bộ máy hành chính đối với thị trường.

Một sự kiện đáng lưu ý hơn từ sau Đại hội XVIII đó là việc Trung Quốc sửa đổi Điều lệ Đảng, chỉnh sửa Hiến pháp theo hướng loại bỏ quy định về nhiệm kỳ lãnh đạo, mở đường cho xu thế “nắm quyền trọn đời” của Tập Cận Bình. Bất kể xu thế này có được giải thích ra sao từ chính giới cũng như thực tiễn chính trị Trung Quốc, thì điều không thể phủ nhận là đây là biểu hiện của tình trạng tập quyền - quyền lực quá tập trung trong tay một lãnh đạo. Ý chí, xu hướng và quyết tâm của vị lãnh đạo này sẽ chi phối mạnh mẽ tới cải cách thể chế chính trị, không chỉ ảnh hưởng đến quá trình, mục tiêu mà còn ảnh hưởng đến cả định hướng của cải cách thể chế chính trị.

Bên cạnh vấn đề quyền lực quá tập trung, còn cần đề cập việc phân bổ quyền lực trong bộ máy còn chưa hợp lý, dẫn tới chưa giải quyết ổn thỏa mối quan hệ giữa quyền lực nhà nước với chức năng thị trường. Nói cách khác, Trung Quốc chưa thay đổi được mô hình vận hành quyền lực, chưa phân chia rõ ràng phạm vi ảnh hưởng, tác động của quyền lực, dẫn tới chưa chia tách được quyền lực với vận hành thị trường và phát triển kinh tế. Thực tế cho thấy, những bước cải cách của Trung Quốc trong thời gian qua đều được thúc đẩy theo kiểu ép từ trên xuống, vì thế, quyền lực là mấu chốt cho thành công của cải cách, đặc điểm dùng quyền lực thúc đẩy cải cách rất rõ ràng. Do tác dụng của quyền lực tối thượng nên hầu như những trở lực đối với cải cách đều được hóa giải. Xuất phát từ đặc điểm trong một thời gian dài, tất cả cải cách đều bắt nguồn, phụ thuộc vào quyền quyết định tối thượng của tầng lớp lãnh đạo tinh hoa, lại chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa gia trưởng, nhân trị, do đó nền chính trị Trung Quốc ít nhiều đã đánh mất sự kiểm soát đối với quyền lực, bản thân quyền lực đã can dự ngày càng sâu và chi phối các hoạt động kinh tế, khiến cho quyền lực công trở thành yếu tố quyết định trong mọi giao dịch. Nếu không thay đổi mô thức dùng quyền lực thúc đẩy cải cách sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng hơn, cụ thể như: (i) Sự

bất hợp lý và lãng phí trong phân phối tài nguyên sẽ dẫn đến xuất hiện những tín hiệu thị trường lệch lạc về giá cả, giá thành và nhu cầu, từ đó gây ra những đổ vỡ trên thị trường, qua đó tác động ngược trở lại đối với chính trị; (ii) Không thể xây dựng được một nền kinh tế thị trường đích thực; (iii) Thói chuyên quyền độc đoán hoành hành; (iv) Bộ máy chính quyền ngày càng công kênh gây tổn kém lãng phí; (v) Tác động tiêu cực đến việc ban hành quyết sách khoa học.

Thứ hai, bộ máy, cơ cấu vẫn quá công kênh, hiện tượng quan liêu chưa có dấu hiệu được ngăn chặn. Hiện trạng bộ máy công kênh, phình to, quan liêu, cửa quyền hiện đang tồn tại tại nhiều địa phương ở Trung Quốc. Những ví dụ minh chứng điển hình có thể kể tới như: thành phố Thiết Lĩnh tỉnh Liêu Ninh có tới 9 phó thị trưởng, 20 phó bí thư; thành phố Tân Hương tỉnh Hà Nam có tới 16 phó bí thư, huyện Bình Giang của tỉnh này cũng có tới 10 phó huyện trưởng, dù đây là một huyện nghèo. Riêng huyện trưởng huyện Bình Giang tỉnh Hà Nam cũng đã có tới 4 trợ lý... Đáng lưu ý, thực tế này khá phổ biến tại Trung Quốc, điển hình cho một bộ máy hành chính nặng nề, hoạt động thiếu hiệu quả, làm tăng gánh nặng đối với ngân sách nhà nước.

Thứ ba, thiếu sự ràng buộc và kiểm soát đối với quyền lực. Với đặc trưng của một quốc gia thành lập và phát triển từ nền sản xuất nông nghiệp, tư duy trọng tình lẫn át tư duy lý tính, Trung Quốc từ lâu đã hình thành “thói quen” tôn sùng, phục tùng quyền lực có phần mù quáng, thiếu sự ràng buộc, giám sát. Đây là căn nguyên dẫn tới hiện tượng tham nhũng tràn lan trên chốn quan trường, dù sau Đại hội XVIII, Tập Cận Bình đẩy mạnh chống tham nhũng nhưng cho tới nay vẫn tiếp tục xuất hiện các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, hàng loạt “hồ lớn” tiếp tục “ngã ngựa”. Bên cạnh thực trạng quyền lực quá tập trung trong tay một lãnh đạo, việc thiếu đi các cơ chế ràng buộc, giám sát cần thiết đối với quyền lực đã trở thành “cố tật” khó khắc phục của nền chính trị Trung Quốc, cũng là rào cản, trở lực chính đối với cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay. Hiến pháp Trung Quốc quy định ĐCS Trung Quốc hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, tuy nhiên lại không có cơ chế, quy định, luật cụ thể để hiện thực hóa điều này. Chế độ Đại hội đại biểu nhân

dân được coi là kênh chủ yếu để người dân tham chính, thực hiện quyền dân chủ, tuy nhiên, hiện chưa có cơ chế nào quy định giám sát của Đại hội Đại biểu nhân dân với hoạt động của Đảng cầm quyền. Đây cũng là nguyên nhân dẫn tới các hiện tượng cực đoan như cực quyền, lạm quyền, tham ô, tham nhũng...

Bản thân Nhân đại được xác định là cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước, vậy ai sẽ giám sát nó, nếu không chịu sự giám sát thì sẽ nảy sinh “vấn đề”, về mặt pháp lý, nhân dân là người được trao quyền hoặc ủy thác quyền lực của Nhân đại, đồng thời cũng là người giám sát quyền lực của Nhân đại, nhưng thiếu đi các cơ chế, quy định cụ thể, nhân dân làm sao có thể giám sát một cách có hiệu quả đối với Nhân đại. Đây là các vấn đề thực tiễn lớn đặt ra cho công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay.

Thứ tư, phân công, phân chia ranh giới quyền lực, phạm vi phụ trách giữa Đảng và chính quyền còn chồng chéo. Xử lý mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền và chính quyền cũng là bài toán khó trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc. Thực tế muốn phân định rạch ròi, tách biệt hoàn toàn hai cơ cấu, bộ máy này là rất khó, mà chỉ có thể xây dựng một mối quan hệ hợp lý hơn. Hiện mô hình kết cấu tổ chức của ĐCS và Chính phủ Trung Quốc còn nhiều chỗ chồng chéo, từ đó dẫn đến chức năng và quyền hạn bị đan cài, trùng lặp, kèm theo đó là chức năng quyền hạn không rõ ràng, hiệu quả thấp, quan liêu. Để khắc phục tình trạng đó, đòi hỏi phải thay đổi kết cấu trong tổ chức ĐCS, cũng có nghĩa là hàng loạt cán bộ lãnh đạo của ĐCS phải từ bỏ nhiều quyền lực hiện có, tạo ra những xung đột về lợi ích. Trong mối quan hệ này, xuất hiện trở lực của cải cách thể chế chính trị, thậm chí tạo ra thách thức cho thể chế chính trị truyền thống. Đây chính là nguyên nhân mang tính kết cấu khiến cho việc tách bạch chức năng giữa Đảng và chính quyền vẫn chưa được thực hiện một cách thực sự hiệu quả. Nền kinh tế thị trường XHCN ở Trung Quốc đã bước đầu được xác lập, cải cách kinh tế đi vào chiều sâu. Chính vì vậy, nó càng đòi hỏi phải nhanh chóng cải cách thể chế chính trị, trong đó tách bạch chức năng của Đảng và chính quyền là một khâu rất quan trọng. Trung Quốc xác định đây là một vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn, nhưng không thể không cải cách.

Ví dụ, để tinh giản bộ máy hành chính, Trung Quốc đã thử nghiệm và đưa vào nhân rộng mô hình “hợp thử biện công”, tức dùng chung trụ sở, bộ máy nhân sự tại một số cơ quan như bộ máy an ninh và công an, cơ quan kiểm tra kỷ luật đảng với cơ quan giám sát, thanh tra của nhà nước ở các cấp từ cấp huyện thị cho tới tỉnh/thành phố. Việc hợp nhất bộ máy, nhân sự này tuy giải quyết được vấn đề tinh giản cơ cấu, nhân sự nhưng lại làm xuất hiện vấn đề mới đó là phân công, phân nhiệm chưa rõ ràng, chồng lấn chức năng giữa cơ quan đảng với cơ quan chính quyền.

Thứ năm, đổi mới lý luận, định vị vai trò giai cấp của ĐCS Trung Quốc chưa theo kịp thay đổi của tình hình. ĐCS Trung Quốc vẫn xác định mình là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là chính đảng Mác-xít, phát triển theo lý luận chủ nghĩa Mác. Tuy nhiên, với sự phát triển thời đại, nội hàm của giai cấp công nhân cũng đã xuất hiện nhiều thay đổi. Giai cấp công nhân tại Trung Quốc chủ yếu là những người nông dân rời bỏ quê hương, nông thôn lên thành thị tìm việc làm, ý thức giác ngộ giai cấp, tính tổ chức, kỷ luật còn rất nhiều vấn đề, khó có thể đảm đương vai trò là đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Song song với đó, lực lượng đang phát triển mạnh mẽ, chiếm vai trò ngày càng quan trọng trong xã hội Trung Quốc lại là tầng lớp trung lưu. Lực lượng này ít quan tâm tới chính trị, không nhiều người trong số họ tham gia ĐCS. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu đổi mới lý luận cho phù hợp thay đổi của thời đại. Tuy nhiên, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay chưa đi sâu giải quyết các vấn đề này, dẫn tới nền tảng chính trị, học thuyết giai cấp chưa đủ sức thuyết phục, ảnh hưởng tính chính danh của Đảng cầm quyền.

Thực tế, đội ngũ đảng viên ĐCS làm chủ các doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể có xu hướng tăng lên. Tuy rằng chiếm tỷ lệ không quá lớn, nhưng với thực lực kinh tế của mình, mức ảnh hưởng của họ trong Đảng rõ ràng là không thể coi thường, những đảng viên đó sẽ tạo thành một lực lượng khác về chất với giai cấp vô sản theo định nghĩa truyền thống.

Sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng còn yếu, không theo kịp thực tiễn đổi mới cũng là một hạn chế của hệ thống chính trị Trung Quốc hiện nay. Tại các tổ chức

đảng ở cơ sở, đã có một số nơi chi bộ, đảng ủy bị chi phối, ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các mối quan hệ gia đình và dòng họ, thậm chí mang màu sắc tôn giáo, nhưng lại núp dưới danh nghĩa “chuyên chính vô sản”. Việc kết nạp đảng viên và tổ chức ban lãnh đạo tại nhiều cơ sở mang tính bè phái, lôi kéo người nhà, người thân vào để củng cố địa vị cá nhân mà không chú ý đến tầng lớp trí thức, hay phần tử tiến bộ. Những vấn đề đó tồn tại một cách khách quan, mặc dù điều này chưa thể thay đổi một cách căn bản thực chất giai cấp của chính quyền, nhưng ít nhiều cũng tạo thành thách thức đối với mô hình chế độ và lý luận hiện nay của Trung Quốc.

Có thời điểm, sức hiệu triệu của ĐCS bị thách thức, do chính sách, đường lối lãnh đạo của Đảng còn chưa thuyết phục với người dân, điển hình như trong xử lý tình hình dịch bệnh Covid-19. Thêm vào đó, cải cách kinh tế thị trường ngày càng đi vào chiều sâu làm bùng nổ tư tưởng tự do, yêu cầu dân chủ hóa, tự do hóa về kinh tế dần lan sang lĩnh vực chính trị, điều này có phần xung đột với xu thế tập quyền cao về chính trị, trở thành vấn đề nội tại trong cải cách thể chế chính trị. Cải cách thể chế chính trị nếu không tìm ra điểm cân bằng hay phương án giải quyết cho vấn đề này, sẽ rất dễ đi vào ngõ cụt. Mâu thuẫn thực tế này có thể thấy rõ trong một số sự kiện khủng hoảng xã hội nổi cộm, ví dụ như sự kiện người dân ở Hồng Kông biểu tình chống lại “Luật An ninh quốc gia” sửa đổi.

Thứ sáu, dân chủ trong Đảng vẫn còn những khiếm khuyết, tồn tại. Xây dựng dân chủ trong nội bộ ĐCS có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi điều này sẽ thúc đẩy dân chủ trong nước và cải cách thể chế chính trị, thậm chí quyết định căn bản đến tiến trình cải cách thể chế chính trị và chính trị dân chủ của Trung Quốc. Tuy nhiên trên thực tế, việc xây dựng dân chủ trong ĐCS Trung Quốc vẫn còn tồn tại một số vấn đề, cụ thể như: (i) Bầu cử trong Đảng vẫn chỉ là hình thức, chủ yếu là đưa ra số lượng ứng viên bao nhiêu thì bầu bấy nhiêu, tuy sau này có bầu theo số dư nhưng vẫn là “hữu danh vô thực”; (ii) Quyền lực của Đại hội Đảng toàn quốc bị giảm sút. Theo quy định của Điều lệ Đảng, Đại hội Đảng toàn quốc là cơ cấu có quyền lực tối cao, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương bầu ra Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Bộ Chính trị và Tổng Bí thư. Tuy nhiên, trên thực tế lại ngược lại,

thường là Tổng Bí thư và Ban Thường vụ Bộ Chính trị lãnh đạo công việc của Bộ Chính trị, Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Bộ Chính trị lại lãnh đạo công việc của Ban Chấp hành Trung ương, vai trò/tác dụng thực tế của Ban Chấp hành Trung ương lại vượt quá vai trò/tác dụng của Đại hội Đảng toàn quốc; (iii) Chế độ gia trưởng vẫn chưa thay đổi căn bản, điều đó đã làm suy yếu mối liên hệ chính trị giữa Đảng và đảng viên, hạ thấp sức ảnh hưởng và kêu gọi của Đảng đối với quần chúng nhân dân; (iv) Cơ chế giám sát trong Đảng chưa kiện toàn. Theo quy định của Điều lệ Đảng, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật của Đảng do Đại hội Đảng bầu ra, nhưng không chịu trách nhiệm với Đại hội đại biểu đã bầu ra, mà chịu trách nhiệm trước Đảng ủy cùng cấp, bởi tất cả biên chế, kinh phí, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ đều do Đảng ủy cùng cấp quản lý, do đó, trên thực tế, Ủy ban Kiểm tra kỷ luật giám sát Đảng ủy cùng cấp cũng chỉ là sự giám sát của cấp dưới đối với cấp trên, rất khó có thể thực hiện giám sát thực sự đối với Đảng ủy cùng cấp, đặc biệt là đối với những nhân vật lãnh đạo trong Đảng nắm quyền lớn trong tay. Mặc dù theo quy định, Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật cấp trên có quyền giám sát những người phụ trách Đảng ủy cấp dưới, nhưng trong thực tế cũng chỉ là giám sát mang tính hình thức.

Thứ bảy, hạn chế trong cải cách thể chế nhà nước, chủ yếu thể hiện ở cải cách thể chế quản lý hành chính, có nghĩa là làm thế nào để xây dựng một thể chế quản lý hành chính có quy phạm hành vi, vận hành nhịp nhàng, công bằng minh bạch và liêm khiết hiệu quả cao. Từ khi tiến hành cải cách mở cửa cho đến nay, Trung Quốc đã 05 lần tiến hành cải cách bộ máy chính quyền vào các năm: 1982, 1988, 1993, 1998 và 2003. Tuy nhiên, cải cách bộ máy chính quyền đã tạo thành một vòng tuần hoàn ác tính: Tinh giản - phình ra - lại tinh giản - lại cải cách. Chính do nguyên nhân đó mà tuy đã nhiều lần cải cách bộ máy chính quyền, nhưng chưa thể nâng cao được hiệu suất chính trị, tổ chức và chức năng của chính quyền. Vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay là cải cách thể chế chính quyền phải đi kèm với xây dựng chính quyền theo mô hình phục vụ hiện đại. Muốn làm được điều này, tất phải tăng cường áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, tinh giản mạnh bộ máy hành chính, trao quyền mạnh hơn cho cấp dưới, những dịch vụ nào xã hội, thị trường có thể đảm nhiệm được thì phải mạnh dạn giao cho thị trường đảm nhiệm. Hệ quả tất yếu của những cải cách này chính là động

chạm mạnh mẽ tới các nhóm lợi ích hiện có, những công chức đang được hưởng lợi từ thể chế hiện hành, do đó, sức ì và lực cản của hạng mục cải cách này là không nhỏ, không thể hy vọng thay đổi được trong một sớm một chiều. Tiếp tục cải cách bộ máy chính quyền để đạt được mục tiêu tối đa hóa hiệu suất chính trị, tổ chức và chức năng của Chính phủ.

Thứ tám, từ góc độ xã hội, dù trải qua nhiều giai đoạn, tiến hành nhiều hạng mục cải cách thể chế chính trị nhưng Trung Quốc chưa thay đổi được nhận thức của đại đa số người dân liên quan đến vấn đề này. Một thực tế hiện tại tại Trung Quốc là người dân phụ thuộc, ỷ lại quá nhiều vào chính quyền, họ không cho rằng cải cách chính trị là liên quan đến họ và luôn hy vọng lãnh đạo cao nhất làm hộ họ tất cả. Sự phụ thuộc đó khiến cho cả 03 lực lượng mang tính điểm tựa cho cải cách thể chế chính trị là Đảng cầm quyền, quốc gia và xã hội, thị trường thực tế chỉ còn một chỗ dựa duy nhất, đó là Đảng cầm quyền. Chỉ khi xuất hiện những vấn đề xung đột, mâu thuẫn xã hội cực lớn, người dân không thể kìm nén được, muốn “giải phóng” tiếng nói của mình, mới xuất hiện hiện tượng biểu tình tự phát, ví dụ như sự kiện “biểu tình giấy trắng” cuối năm 2022, “phong trào tóc bạc” vào đầu năm 2023 như phần trước đã đề cập hay hiện tượng người dân gửi tiền tại ngân hàng biểu tình kháng nghị khi không thể rút tiền gửi tại Ôn Châu, Chiết Giang vào đầu năm 2023. Thực tế này dẫn tới tại Trung Quốc chưa thể hình thành hợp lực mạnh mẽ để thúc đẩy cải cách thể chế chính trị, chi phối tiến trình cũng như hiệu quả của cải cách thể chế chính trị.

Thực tiễn đời sống chính trị cho thấy, một mặt nhà cầm quyền thường lo ngại mất quyền chủ đạo đối với cải cách, lo sợ tình hình như Bắc Phi, Trung Đông sẽ diễn ra ở Trung Quốc. Chính vì thế, họ hết sức cảnh giác đối với những khả năng có thể dẫn đến rủi ro. Trong phát biểu gần đây (06/2023), Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình vẫn nhắc nhở Trung Quốc cần đề cao cảnh giác trước nguy cơ xuất hiện cuộc “cách mạng màu”. Ngược lại với mong muốn của giới cầm quyền, nhiều nhân sĩ trí thức lại muốn thách thức chính quyền hiện tại, họ coi thách thức chính quyền là biện pháp để thúc đẩy cải cách thể chế chính trị, thậm chí có những người còn coi đó là mục tiêu cuối cùng và dùng cải cách chính trị, dân chủ, nhân quyền làm

vỏ bọc. Thực tiễn lịch sử liên quan xu hướng chính trị của đội ngũ tri thức Trung Quốc này là một rào cản tương đối lớn đối với cải cách thể chế chính trị. Xét từ góc độ huy động nguồn lực của toàn dân tham gia cải cách thể chế chính trị, dù ít dù nhiều, ngay từ lúc khởi động, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã mất đi điều kiện, động lực, khó thu hút được sự tham gia của đội ngũ tri thức.

Hiện tại, muốn thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nhà nước pháp trị XHCN, phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa, hoàn thành mục tiêu “hai *Một trăm năm*”, Trung Quốc phải tiếp tục giải quyết những vấn đề nảy sinh trong cải cách thể chế chính trị cả về lý luận lẫn thực tiễn. Đây sẽ là thách thức căn bản nhất đối với ĐCS Trung Quốc hiện nay.

4.1.2. Một số nhận định về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

Nhìn chung, quá trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc diễn ra không hề đơn giản và có một số đặc điểm chính như sau:

Một là, cải cách thể chế chính trị thường là bị động, khi gặp khủng hoảng mới tiến hành cải cách, vì thế cải cách diễn ra hết sức khó khăn và chậm chạp. Trong những năm gần đây, động cơ để thực hiện cải cách thể chế chính trị có nhiều, ví dụ, sự bất cân đối giữa quyền lực chính trị của lực lượng sở hữu nhiều tài sản, tài nguyên xã hội với những nhà lãnh đạo chính trị đơn thuần, khoảng cách thu nhập xã hội ngày càng giãn rộng, những vấn đề dân sinh nổi bật ngày càng trở nên cấp bách hơn nhưng không được giải quyết..., nhưng rốt cuộc cải cách như thế nào thì lại chưa rõ ràng.

Hai là, do cải cách thể chế chính trị đụng chạm đến nhiều vấn đề, đa lĩnh vực, nên chưa phân biệt được một cách rõ ràng cái nào là then chốt, quan trọng, thể chế hành chính hay thể chế xã hội, hay quan hệ đảng và chính quyền. Nhìn chung, yêu cầu đặt ra cho cải cách thể chế chính trị kể từ khi Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách thể chế chính trị là quá nhiều, nhưng kết quả thu được lại hết sức khiêm tốn, nếu không muốn nói là rất ít. Về cơ bản, cải cách mới chủ yếu ở mức khởi động và cải thiện công năng của thể chế chính trị vốn có, chưa có thiết kế tổng thể về thể chế chính trị cần hướng tới, càng chưa thể đề cập đột phá. Chính vì thế, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc vẫn chỉ mang tính “bên lề”, chưa đụng chạm đến vấn đề then

chốt hay cốt lõi.

Ba là, con đường cải cách thể chế chính trị là con đường cải cách theo kiểu tiệm tiến, quá trình cải cách thể chế chính trị được tiến hành thông qua việc sửa sai, tích lũy kinh nghiệm, tuân tự tiệm tiến.

Bốn là, mức độ cải cách thể chế chính trị vẫn chưa đủ mạnh, thể chế chính trị vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa giải quyết được, cụ thể như: Quyền lực tập trung, chủ nghĩa quan liêu, cơ cấu công kênh, chế độ gia trưởng vẫn còn tồn tại. Ngoài ra, xuất hiện thêm một số vấn đề mới cụ thể như: Tham nhũng, mua quan, bán chức, cấu kết quyền lực và tiền bạc, cấu kết giữa cán bộ và doanh nghiệp...

Năm là, hiện nay cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã bước vào giai đoạn then chốt, đòi hỏi coi trọng hơn đến “thiết kế từ nóc” và quy hoạch tổng thể của cải cách, thúc đẩy cải cách thể chế chính trị đồng thời với cải cách thể chế kinh tế, bảo đảm sự hài hòa giữa cải cách thể chế chính trị với các cải cách về thể chế kinh tế, văn hóa và xã hội.

4.1.3. Những tác động của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc

Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã có những tác động nhất định đến Trung Quốc trên một số lĩnh vực, cụ thể là:

Thứ nhất, đối với ĐCS Trung Quốc. Kể từ cuối năm 2002, ĐCS Trung Quốc bắt đầu có sự thay đổi về đường lối. Từ một đảng chuyên chính vô sản, đại diện của giai cấp “công - nông - binh” trước đây, đã từng bước chuyển tính chất thành đại diện cho bốn thành phần “sĩ - nông - công - thương” trong xã hội. Như vậy, sau nhiều năm “cải cách mở cửa”, với các bước đột phá về lý luận, ĐCS Trung Quốc đã từng bước chuyển hóa trên con đường “dân tộc hóa”. Điều này đang gây một tác động sâu sắc đến đời sống xã hội Trung Quốc. Tuyên bố “cho phép đại diện doanh nghiệp tư nhân tham gia ĐCS” của nguyên Tổng Bí thư Giang Trạch Dân (nhân dịp 80 năm thành lập Đảng) đã khơi dậy sự chú ý của quốc tế và các cuộc tranh luận mới. Một ví dụ rõ nét hơn là trong số đại biểu mời về dự Đại hội XVI của ĐCS Trung Quốc (2002) đã có 40 người thuộc thành phần “Ông chủ”. Theo xu thế này, ngày càng có nhiều “ông chủ tư nhân” được đứng chân trong hàng ngũ ĐCS Trung Quốc, ít nhiều đe dọa tính

chất “là đội tiên phong của giai cấp công - nông - binh” của Đảng. Đây được coi là một bước tiến mới về cải cách thể chế chính trị, nhưng dù sao cũng chỉ mới thể hiện sự “cởi mở” nhất định.

Trên thực tế, việc kết nạp đảng viên trong khu vực tư nhân đã gặp không ít trở ngại về ý thức hệ. Theo kết quả thăm dò của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, trong 3.256 chủ doanh nghiệp tư nhân, có 11,1% muốn gia nhập ĐCS, trong đó có 22% muốn trở thành ủy viên các cấp Hội đồng nhân dân, hoặc đại biểu Quốc hội, số còn lại vào Đảng nhằm mục đích được “ưu ái” trong kinh doanh. Sở dĩ đa số đại diện doanh nghiệp tư nhân không muốn vào Đảng là vì họ cho rằng, sinh hoạt Đảng không còn thích hợp với môi trường kinh tế thị trường và cản trở hoạt động kinh doanh. Qua những con số điều tra cho thấy, khoảng 75,6% chủ doanh nghiệp tư nhân đều mong muốn Trung Quốc đi theo luật chơi của tư bản; 46,6% chủ doanh nghiệp tư nhân mong muốn chính quyền hoàn chỉnh về luật lệ để bảo vệ công việc làm ăn của họ; 89% chủ doanh nghiệp tư nhân quan tâm đến việc đẩy nhanh cải cách chính trị, để xích lại gần các cường quốc tư bản; 87,4% thì cho rằng, Trung Quốc cần phải cải tổ bộ máy hành chính địa phương; 54,5% cho rằng, cán bộ Đảng không theo kịp đà tiến của xã hội, vẫn còn mang phong cách cũ; 75% chủ doanh nghiệp cho rằng, Trung Quốc đang trong tiến trình tư bản hóa; trong đó có 93,6% cho là thời kỳ chuyên chính vô sản đã qua rồi.

Thực tế ở Trung Quốc cho thấy, nếu cải cách thể chế chính trị nhằm thuận theo yêu cầu phát triển của kinh tế - xã hội, nguy cơ đe dọa địa vị lãnh đạo của Đảng sẽ càng lớn. Ví dụ: Một trong hai chủ trương của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XV đưa ra là cải cách thể chế bầu cử dân chủ cấp thôn (xã) đã được thí điểm ở một số tỉnh như: Quảng Đông, Phúc Kiến, Liêu Ninh... Song kết quả lại là, hầu hết những người được bầu vào Hội đồng nhân dân đều ngoài dự kiến cơ cấu và ngoài Đảng. Sau khi xảy ra hiện tượng này, những cải cách, thí điểm theo hướng dân chủ từ dưới lên tại khu vực nông thôn Trung Quốc đều không được nhân rộng.

Thứ hai, cải cách thể chế chính trị tác động mạnh mẽ đến tầng lớp trung lưu. Hiện tầng lớp “trung lưu” ở Trung Quốc đã hình thành và ngày càng hùng hậu. Đi

đôi với sự tăng trưởng về thực lực và quyền lợi kinh tế, họ đòi được hưởng lợi ích chính trị tương ứng. Theo số liệu thăm dò được Trung Quốc công bố năm 2002, có 73% đến 100% chủ doanh nghiệp tư nhân có nguyện vọng vào ĐCS. Hiện tượng đó đã từng khiến phái “bảo thủ” hoảng hốt lo sợ. Họ cho rằng, sự hình thành giai cấp tư sản mới sẽ tiềm ẩn mối đe dọa đối với nền chuyên chính vô sản. Chính vì thế, chủ trương kết nạp tầng lớp tư sản mới vào Đảng cầm quyền đã vấp phải những phản ứng quyết liệt. Trước đây, chính Giang Trạch Dân (tại Hội nghị công tác ngày 21/8/1989) cũng đã từng nói: “Chủ doanh nghiệp tư nhân không được phép vào Đảng, vì Đảng là đội quân tiên phong của giai cấp công nhân, nếu để cho những người không muốn từ bỏ ý thức bóc lột, dựa vào bóc lột để sinh sống vào Đảng, thì ĐCS Trung Quốc sẽ trở thành một Đảng như thế nào?”. Một số nhà lý luận cũng cho rằng, phải coi quan hệ giữa các ông chủ với quần chúng nhân dân là một mâu thuẫn trong nội bộ cho nên, họ không thể vào Đảng, bởi ĐCS không thể trở thành đảng của toàn dân. Vì vậy ở một góc độ nào đó, kết nạp các nhà tư bản vào ĐCS cũng có nghĩa là Đảng thừa nhận bóc lột là hợp pháp. Nếu giai cấp nào cũng vào Đảng được, thì ĐCS không phải là của giai cấp công nhân nữa, sự tồn tại của nó cũng không cần thiết nữa. Nếu ĐCS tự động từ bỏ trận địa của mình cho các nhà tư bản tham gia, thì khác nào “dẫn sói vào nhà” và thực hiện đa nguyên hóa chính trị, kết cục dẫn đến ĐCS phải đối mặt nguy cơ tan rã. Một số sự kiện gần đây như ĐCS Trung Quốc ra sức chinh đốn các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, giành quyền kiểm soát về tay chính phủ dẫn tới sự ra đi của một số lãnh đạo kinh tế tư nhân Trung Quốc như Jack Ma đã gây ra xáo trộn tương đối lớn trong tâm lý của tầng lớp tinh anh, đe dọa mối quan hệ vốn tiềm ẩn nhiều nguy cơ giữa ĐCS với tầng lớp này.

Thứ ba, đối với xã hội. Xã hội Trung Quốc sau nhiều năm cải cách và phát triển đang trên đà phân hóa thành nhiều tầng lớp khác nhau theo dòng chảy của nền kinh tế thị trường. Sự ra đời của các tập đoàn kinh tế lớn với khả năng chi phối hệ thống thể chế chính trị ngày một lớn hơn là biểu hiện rõ nét của xu hướng chủ nghĩa tư bản. Điều đó, một mặt đã phản ánh mức độ tác động của đường lối “cải cách kinh tế” đối với xu hướng chính trị - xã hội Trung Quốc hiện nay, mặt khác, đang trở

thành thách thức và áp lực đối với tổ chức Đảng và cải cách thể chế chính trị Trung Quốc.

Sự lớn mạnh vượt trội của các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn có thể sẽ gây ra biến động mạnh tại xã hội Trung Quốc trong 10-15 năm tới. Nếu xu thế này tiếp diễn, hơn nữa lại nhận được sự cổ xúy của ban lãnh đạo Trung Quốc, nó sẽ cho thấy lãnh đạo Trung Quốc đang từng bước chủ động biến đổi tính chất xã hội bằng lực lượng tư sản tư nhân. Đáng lưu ý, mặc dù hiện nay ĐCS vẫn chi phối hoạt động của nền kinh tế thông qua nắm quyền kiểm soát đối với các tập đoàn nhà nước chủ chốt, nhưng đã từng bước hợp lý hóa sân chơi kinh tế thị trường. Tới một thời điểm nhất định, khi lực lượng tư bản tư nhân lớn mạnh và tạo ảnh hưởng lớn trong xã hội, nhất là nắm được số đông lao động cũng như của cải xã hội, thì chắc chắn quyền lực của ĐCS sẽ đứng trước nguy cơ bị các tập đoàn nắm quyền lực kinh tế chia sẻ. Công cuộc “chinh đốn” các tập đoàn tư nhân lớn tại Trung Quốc như Alibaba, Bất động sản Heng-da (Ever-Grande) tiến hành vào giữa và cuối năm 2021, năm 2022 là minh chứng cho việc ĐCS Trung Quốc đã nhận thức rõ tính nghiêm trọng của vấn đề và quyết tâm hóa giải.

Nhìn từ một góc độ khác, những động thái mới gần đây trong “cư xử” giữa nhà nước Trung Quốc với các tập đoàn kinh tế tư nhân cũng phần nào thể hiện lối tư duy mới trong điều hành kinh tế của Trung Quốc. Ngày 7/8/2021, khi chủ trì Hội nghị lần thứ 10 của Ủy ban Kinh tế - Tài chính Trung ương, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân Ủy Trung ương Trung Quốc, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Tài chính Trung ương Tập Cận Bình đã nhấn mạnh: “Thịnh vượng chung” là yêu cầu bản chất của chủ nghĩa xã hội, cần thúc đẩy sự thịnh vượng chung trong phát triển chất lượng cao; tính toán tổng thể làm tốt công tác phòng ngừa và hóa giải rủi ro tài chính nghiêm trọng. Tiếp theo sau động thái này, chính quyền Trung Quốc đã có động thái mạnh tay với một số doanh nghiệp tư nhân như Alibaba, Bất động sản Heng-da... Tất cả các động thái này đã gửi lời cảnh báo đến giới siêu giàu Trung Quốc rằng đã đến lúc họ phải chia sẻ của cải, sự thịnh vượng có được với các tầng lớp khác. Nhìn chung, tác động của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc ở một mức độ nhất định sẽ gây ra những

biến động đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống người dân.

Tuy nhiên, nền chính trị Trung Quốc hiện nay đang giữ được xu thế tương đối ổn định, đặc biệt không xuất hiện tình hình gay gắt như các cuộc chuyển giao quyền lực trước đây. Mặt khác, thành tựu kinh tế nổi bật trong những năm gần đây đã tăng thêm quyền lực và uy tín cho các nhà chính trị. Hơn nữa, lực lượng “công thần bảo thủ” đã dần đi vào dĩ vãng, phái quân đội cũng không còn “sức mạnh” sau nhiều lần cải tổ trong những năm qua. Chiều hướng đấu tranh về đường lối và lý luận dường như đã được an bài, ít khả năng xuất hiện những đột biến, cách mạng về tư tưởng, lý luận.

Mặc dù dư luận quốc tế đồn đoán khả năng sẽ xuất hiện những đột phá mới về lý luận trong tiến trình cải cách thể chế chính trị. Tuy nhiên, những diễn biến trên chính trường Trung Quốc gần đây, đặc biệt là việc Trung Quốc sửa đổi Điều lệ Đảng, sửa đổi Hiến pháp để không bị hạn chế bởi quy định liên quan đến nhiệm kỳ lãnh đạo và xu hướng quay lại xác nhận, đề cao vai trò cá nhân lãnh tụ, “hạt nhân” của thể hệ lãnh đạo cho thấy, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc khó có thể có nhiều đột biến, Trung Quốc sẽ duy trì cải cách theo tư duy tiệm tiến, “dò đá qua sông”, gắn chặt cải cách thể chế chính trị với những bước đi cải cách kinh tế cụ thể, tiến hành sau cải cách kinh tế, coi “ổn định” là tiền đề của “cải cách và điều chỉnh”.

4.2. Dự báo về cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thời gian tới

Để bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh chóng lâu dài, Trung Quốc cần phải đi sâu cải cách thể chế chính trị một cách thực chất, cụ thể hơn. Nhưng các bước đi tiếp theo của cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong thời gian tới như thế nào hiện vẫn chưa được làm rõ. Nhìn từ thực tiễn, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong thời gian tới vừa có động lực, lại vừa vấp phải không ít trở ngại, hai điều này tồn tại song hành với nhau. Nhưng đã đến lúc Trung Quốc buộc phải đi sâu cải cách thể chế chính trị của mình. Vậy trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ đi sâu cải cách thể chế chính trị như thế nào?

Hiện nay, Trung Quốc đang ở vào thời kỳ then chốt chuyển đổi xã hội, kết cấu xã hội và cục diện lợi ích đang có những điều chỉnh với quy mô lớn, nếu thay đổi nhanh chóng thể chế chính trị rất dễ dẫn đến đánh mất vị trí của Đảng cầm quyền, có

nguy cơ làm thay đổi chế độ, suy yếu năng lực chính phủ, từ đó, không thể đối phó được với những thay đổi và điều chỉnh của kết cấu xã hội và cục diện lợi ích. Do đó, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc tất sẽ vẫn diễn ra theo hình thức tiệm tiến, vững chắc, lấy ổn định làm đầu.

Thực tiễn ở Trung Quốc đã chỉ rõ, cùng với tiến trình cải cách mở cửa, đặc biệt là việc thiết lập thể chế kinh tế thị trường XHCN, cần phải đi sâu cải cách thể chế chính trị. Cải cách thể chế chính trị và thể chế kinh tế khác nhau ở chỗ: Cải cách thể chế kinh tế là dùng thể chế kinh tế thị trường XHCN thay thế thể chế kinh tế kế hoạch, còn cải cách thể chế chính trị không phải là dùng chế độ khác để thay thế các chế độ chính trị như: Chuyên chính dân chủ nhân dân, hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS, chế độ hiệp thương chính trị, chế độ đại hội đại biểu nhân dân, mà cần căn cứ vào yêu cầu bản chất của dân chủ nhân dân để hoàn thiện và phát triển những chế độ đó. Do đó trong thời gian tới hoặc thời gian dài trong tương lai, Trung Quốc vẫn phải tiếp tục cải cách thể chế chính trị, cụ thể sẽ đi sâu điều chỉnh cơ cấu và tập trung chủ yếu vào một số mặt như sau:

Thứ nhất, cải cách và hoàn thiện thể chế cầm quyền và phương thức cầm quyền của ĐCS, đảm bảo những hoạt động của ĐCS phải phù hợp với quy định của Hiến pháp và pháp luật, chính sách và chủ trương của ĐCS cần phải thông qua con đường hợp pháp để nâng lên thành ý chí quốc gia. Hòa hợp mối quan hệ giữa ĐCS và quyền lực công, nỗ lực thực hiện cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ và cầm quyền theo pháp luật. Phát triển dân chủ trong Đảng, trọng điểm là hoàn thiện cơ chế bầu cử có số dư trong nội bộ ĐCS.

Thứ hai, hình thành cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực, coi tự do và quyền lợi cá nhân của công dân là trọng điểm để thúc đẩy tiến trình pháp chế hóa, thực hiện giám sát và kiểm soát hiệu quả đối với quyền lực, tăng cường giám sát trong nội bộ thể chế, hoàn thiện chế độ trách nhiệm, công khai thu nhập của quan chức, tăng cường sự giám sát của nhân dân... Tăng cường củng cố, kéo dài chức năng giám sát đến cơ sở, thúc đẩy mạnh mẽ sự dung hòa toàn diện giữa cơ quan, chức năng và con người, thực hiện sự gắn kết hiệu quả giữa cải cách thể chế giám sát nhà nước và cải cách tư pháp. Thực hiện toàn diện hai chức năng giám sát nhà nước và

trong nội bộ đảng, phát huy đầy đủ hiệu quả và năng lực quản trị giám sát và ưu thế của chế độ XHCN. Xây dựng cơ chế hiệu quả lâu dài không nghĩ đến tham nhũng, không muốn tham nhũng, củng cố và phát triển những thắng lợi mang tính áp đảo trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Triển khai thực hiện thí điểm cải cách đồng bộ tổng hợp trách nhiệm tư pháp. Kết hợp đi sâu cải cách giám sát và ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại. Thực hiện quyền giám sát đặc định theo pháp luật. Đi sâu cải cách chế độ giám sát viên nhân dân. Hoàn thiện biện pháp giám sát pháp luật.

Thứ ba, tích cực thúc đẩy cải cách hành chính với việc chuyển đổi chức năng của chính phủ là cốt lõi, xác định rõ ràng chức năng của chính phủ, ưu việt hóa sự sắp xếp của bộ máy chính phủ, xây dựng mô hình chính phủ dịch vụ, xây dựng cơ chế quyết sách hành chính dân chủ hóa, khoa học hóa, phân chia rõ ràng trách nhiệm, quyền lợi và lợi ích của Trung ương và địa phương.

Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, đi sâu cải cách thể chế hành chính. Tập trung đi sâu chuyển đổi chức năng chính phủ, lấy việc hợp nhất chức năng chính phủ làm cơ sở, ưu hóa xây dựng cơ quan chính phủ và phân bổ chức năng, xây dựng hợp lý cơ quan địa phương, xây dựng thể chế quản lý cơ sở đơn giản, hiệu quả, thống nhất thúc đẩy giữa trung ương và địa phương, nhấn mạnh tính hệ thống trong cải cách bộ máy, hoàn thiện chế độ pháp luật liên quan, thúc đẩy pháp định hóa cải cách cơ quan của Đảng và Nhà nước.

Cải cách bộ máy chính phủ là một quá trình, đòi hỏi luôn phải điều chỉnh. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của thời đại mới và đòi hỏi của việc quản lý đất nước, việc cải cách bộ máy sẽ nhấn mạnh đến việc chuyển đổi chức năng của chính phủ, ưu hóa cơ cấu và phân bổ chức năng, mục tiêu là xây dựng một hệ thống quản trị nhà nước có chức trách rõ ràng, hành chính theo pháp luật, đẩy nhanh việc xây dựng mô hình chính phủ dịch vụ theo nguyện vọng của nhân dân. Quá trình này sẽ được triển khai trên các mặt cụ thể như: (i) Làm nổi bật việc chuyển đổi chức năng của chính phủ. Thông qua cải cách bộ máy để tạo cơ hội chuyển đổi chức năng của chính phủ. Kết hợp cải cách bộ máy chính phủ với cải cách “nhượng quyền, quản lý và dịch vụ”. Đẩy nhanh việc tách bạch giữa chính quyền và xã hội; (ii) Xây dựng hệ thống bộ máy

nhà nước với chức trách rõ ràng, vận hành hiệu quả cao. Xử lý thỏa đáng mối quan hệ của các bộ phận cùng cấp; cải thiện quan hệ bộ phận tầng nấc. Nhấn mạnh nhất thể hóa trong nội bộ các bộ phận. Nhất thể hóa đội ngũ chấp pháp hành chính. Phân bổ tổng thể biên chế bộ máy; (iii) Bố trí tổng thể bộ máy của Đảng và Nhà nước. Với các cơ quan của Đảng và Nhà nước có chức năng gần giống nhau, quan hệ khăng khít có thể hợp nhất hoặc hợp lại cùng làm việc, cùng trụ sở. Cơ quan làm việc trong bộ máy điều phối nghị sự quyết sách của Đảng có thể thiết lập bộ phận trong chính phủ. Bộ máy nhà nước có mối liên hệ công việc mật thiết với bộ phận chức năng của Đảng thì có thể áp dụng lãnh đạo hệ thống; (iv) Đẩy nhanh cải cách phân loại đơn vị sự nghiệp; (v) Thực hiện pháp định hóa biên chế bộ máy.

Thứ tư, đẩy nhanh xây dựng pháp trị, thông qua lập pháp đầy đủ và chấp pháp nghiêm minh để thực hiện sự công bằng giữa các chủ thể lợi ích, quy phạm hành vi của chính phủ, bảo đảm quyền lợi cơ bản của công dân không bị xâm phạm.

Thứ năm, cải cách khung quyền lực. Trước hết là cải cách chế độ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sau đó là sửa đổi Hiến pháp, phân quyền trong nội bộ Đảng, tách bạch Đảng và Chính quyền, Đảng và doanh nghiệp, trao lại quyền cho công chức, cải cách tình trạng quyền lực quá tập trung. Cải cách thể chế chính trị buộc phải nắm đúng điểm yếu mấu chốt hiện nay là quyền lực quá tập trung, cần phải dân chủ hóa tập trung, đi sâu dân chủ. Trung Quốc cải cách thể chế chính trị vấp phải một vấn đề then chốt là lựa chọn chế độ tập quyền hay phân quyền, là chế độ dân chủ hay chế độ chuyên quyền.

Thứ sáu, Trung Quốc sẽ cải cách thể chế chính trị một cách thực dụng lý tính, áp dụng sách lược cải cách về chính trị tập trung, tập quyền ở mức thích hợp, về kinh tế tiếp tục đi theo thể chế thị trường. Trong thời gian dài sau này, để kinh tế phát triển nhanh chóng, lành mạnh trong môi trường chính trị tương đối ổn định, Trung Quốc sẽ áp dụng mô thức phát triển được phối hợp giữa thể chế chính trị tập trung vừa phải (thích hợp) với thể chế quản lý kinh tế tương đối phân tán. Trong đó, thể chế chính trị tương đối tập trung sẽ là: (i) Sự bảo đảm cho việc giải quyết những vấn đề xã hội, kinh tế phức tạp trong thời kỳ chuyển đổi kết cấu nhị nguyên (khoảng cách giàu nghèo

nới rộng, chuyển dịch lao động nông thôn dư thừa, xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, bảo vệ và quản lý môi trường sinh thái); (ii) Điều kiện chế độ để bảo đảm đất nước phát triển cân bằng và tăng cường sức mạnh dân tộc; (iii) Môi trường chính trị và xã hội tương đối tập trung, có kiểm soát nhưng ổn định, có lợi cho kinh tế phát triển bình ổn; (iv) Xây dựng thể chế chính trị sẽ đụng chạm đến tình hình cơ bản của đất nước và văn minh - văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thứ bảy, kiên trì kết hợp cải cách thể chế kinh tế và cải cách thể chế chính trị, kết hợp phát triển dân chủ và kiện toàn pháp chế, nhân mạnh chế độ hóa, pháp luật hóa dân chủ, kiên trì quản lý đất nước theo pháp luật.

Thứ tám, tìm ra đột phá khâu. Trong giai đoạn mới, cần tìm ra đột phá khâu cho cải cách thể chế chính trị. Từ tình hình hiện tại, có thể thấy đột phá khâu thích hợp nhất là cải cách thể chế chính trị cấp huyện. Trong cải cách thể chế chính trị mới này nên coi cấp huyện là đột phá khâu, khu vực huyện là một chỉnh thể cải cách và đưa nội dung này vào chương trình nghị sự, bởi (i) Cải cách thể chế chính trị cấp huyện là thể hiện tính tổng hợp, có thể đồng thời bao hàm 10 hạng mục cải cách lớn cần có; (ii) Thể hiện tính đơn cực, bởi đây là đơn vị hành chính cấp một cơ bản nhất và ổn định nhất của Trung Quốc, làm tốt ở cấp huyện thì sẽ tốt ở cấp khác; (iii) Mang tính ở tầng nấc thấp và có thể triển khai thực hiện rất sâu.

Thứ chín, những biện pháp cải cách thể chế chính trị cụ thể: (i) Cải cách và hoàn thiện chế độ ĐHĐBNDTQ, đây là vấn đề hạt nhân trong xây dựng thể chế. Hiện nay, chế độ ĐHĐBNDTQ là chế độ chính trị căn bản của Trung Quốc, nhưng vẫn chưa kiện toàn, cụ thể như: Bản thân chế độ này vẫn còn tồn tại khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn; thiếu cơ sở dân chủ... Vấn đề then chốt của chính trị dân chủ là nhân dân liệu có quyền lựa chọn chính quyền đại diện cho mình hay không? Do vậy, trọng điểm trong việc cải cách chế độ Nhân đại là phải xây dựng đồng bộ một trình tự, cơ chế và chế độ trao quyền, ủy thác cho nhân dân giám sát quyền lực, nhằm thực sự đảm bảo nhân dân có thể kiểm soát được tầng lớp quản lý nhà nước, đảm bảo trong quá trình thực thi quyền lực, họ buộc phải đại diện cho lợi ích của nhân dân, cũng như phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân; (ii) Chế độ hóa quan hệ giữa Đảng và chính quyền. Đó là yêu cầu thay đổi phương thức cầm quyền của ĐCS, và cũng là

yêu cầu tất yếu của việc quản lý đất nước bằng pháp luật. Quy phạm hóa và chế độ hóa chức năng và quyền hạn của Đảng. Làm được như vậy hoàn toàn có lợi cho việc tăng cường và hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết cơ sở hợp pháp về quyền lực của Đảng cầm quyền; (iii) Phân phối khoa học và kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước. Đây là mấu chốt để giải quyết vấn đề quyền lực quá tập trung trong thể chế chính trị truyền thống, đồng thời cũng là vấn đề hết sức quan trọng để Trung Quốc tiến tới dân chủ hóa, pháp trị hóa. Một khi quyền lực không được giám sát, tất sẽ bị lợi dụng và nảy sinh vấn đề. Muốn phân phối khoa học và kiểm soát hiệu quả quyền lực, Trung Quốc cần phải hợp nhất và tạo ra hệ thống kết cấu quyền lực quốc gia và hệ thống giám sát quyền lực mới. Đây chính là trọng điểm của cải cách thể chế chính trị; (iv) Hợp nhất tập quyền hóa hệ thống hành chính. Đây là tiền đề để tăng cường quyền uy của Chính phủ và nâng cao hiệu quả hành chính của Chính phủ, đồng thời cũng là cơ sở để dân chủ hóa chính trị. Quy tắc cơ bản trong vận hành chính trị hiện đại là nhân dân theo nguyên tắc bình đẳng và thiểu số phục tùng đa số để quản lý công việc của đất nước. Điều này chủ yếu thể hiện trong việc quyết sách đối với những công việc to lớn của đất nước, khi quyết sách được đưa ra trên nguyên tắc bình đẳng và thiểu số phục tùng đa số. Cơ sở vận hành của chính trị dân chủ hiện đại là lấy tập quyền của hệ thống hành chính làm tiền đề, đó cũng chính là dân chủ hóa quyết sách, tập trung hóa chấp hành, hay còn gọi là chế độ tập trung dân chủ.

Trong lịch sử Trung Quốc, chính trị luôn luôn là điều kiện tiên quyết, là nhân tố quyết định sự trỗi dậy hay sụp đổ của đất nước này. Nếu chính trị bị thách thức thì kinh tế sẽ không còn ổn định nữa. Chính vì thế, bất cứ thể hệ lãnh đạo nào của Trung Quốc cũng luôn nhấn mạnh cụm từ “ổn định”, gồm ổn định xã hội, ổn định đường lối. Vì vậy, Trung Quốc sẽ tiếp tục có các bước điều chỉnh chính sách nhằm nói lỏng từng phần trong quản lý kinh tế vi mô và chính trị xã hội ở địa phương, xem đó như là bước tiến mới trong quá trình “dân chủ hóa xã hội”, nhằm giảm sức ép bên ngoài, giữ vững quyền lực và đảm bảo sự ổn định xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế.

Hơn 40 năm cải cách mở cửa, tuy Trung Quốc đã gặt hái được nhiều thành tựu bước đầu, nhưng do sự thay đổi về môi trường chính trị trong nước và quốc tế, so với những yêu cầu đặt ra ban đầu, cải cách vẫn cách mục tiêu đặt ra một khoảng cách tương đối lớn. Trung Quốc gia nhập WTO để hội nhập với tiến trình toàn cầu hóa kinh tế. Trong thời đại toàn cầu hóa, sự thâm nhập và ảnh hưởng lẫn nhau trên các mặt như ý thức hệ, xu hướng giá trị, phương thức sống, văn hóa đại chúng... ngày càng mạnh mẽ. Hay nói cách khác, trong thời đại toàn cầu hóa, những nhân tố tác động bên ngoài liên quan đến chính trị nội bộ của Trung Quốc cũng tăng lên. Bối cảnh đó đòi hỏi Trung Quốc phải điều chỉnh thích hợp phương thức phân phối tài nguyên chính trị, phương thức vận hành chính trị... Để thích ứng với những thay đổi trong và ngoài nước, Trung Quốc buộc phải đẩy nhanh bước đi của cải cách thể chế chính trị vì nếu không sẽ chỉ làm tăng thêm sự mạo hiểm cho cải cách. Như vậy, muốn đi sâu, đẩy nhanh công cuộc cải cách thể chế chính trị trong thời gian tới, Trung Quốc cần tập trung vào những vấn đề đã nêu ở trên, ngoài ra cũng cần có những bước đột phá hơn về lý luận. Chỉ có như vậy, mới phục vụ tốt cho kinh tế phát triển và đi sâu thúc đẩy công cuộc cải cách thể chế chính trị.

4.3. Gợi mở đối với Việt Nam

4.3.1. *Đổi mới thể chế chính trị tại Việt Nam*

Tại Việt Nam, công cuộc đổi mới do ĐCS Việt Nam phát động, triển khai thực hiện từ năm 1986 là đổi mới toàn diện, trên cả lĩnh vực kinh tế lẫn chính trị. Tới nay, công cuộc đổi mới của Việt Nam đã trải qua chặng đường gần 40 năm, bên cạnh những thành tựu nổi bật về cả kinh tế, chính trị, vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại được Đảng ta chỉ ra qua các kỳ Đại hội. Những hạn chế, bất cập này bao gồm: “đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ” [Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016]. Theo nhận định của GS, TS. Chu Văn Cấp, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, những điều chỉnh, đổi mới thể chế kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... đặc biệt là thể chế kinh tế ở Việt Nam, đã có những bước tiến đáng kể và có tác động quyết định đến thành công của công cuộc đổi mới đất

nước, tuy nhiên những hạn chế, bất cập của thể chế kinh tế và thể chế chính trị, sự “lệch nhịp” giữa đổi mới hai thể chế này đang trở thành rào cản đối với sự phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của đất nước [Chu Văn Cấp, 2016]. Thực tiễn cũng đã cho thấy, đổi mới thể chế chính trị tại Việt Nam đang diễn ra chậm so với đổi mới thể chế kinh tế. Vì thế, hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị bộc lộ rõ những bất cập, gồm: “Tổ chức bộ máy của Đảng và toàn hệ thống chính trị còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ ở một số tổ chức còn chồng chéo; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhiều tổ chức trong hệ thống chính trị chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, v.v.. Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan, tổ chức nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức kết quả còn thấp. Số lượng công chức không những không giảm mà lại tăng...” [Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016, tr. 193-194]. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là nguyên nhân dẫn đến tiền lương thấp, khu vực công thiếu tính cạnh tranh so với khu vực tư về thu nhập, phát sinh những tiêu cực trong bộ máy công quyền. Vì thế, Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới” [Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016, tr. 76]; trong đó có đổi mới thể chế chính trị và thể chế kinh tế.

Theo tinh thần Đại hội XII của Đảng, các nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị bao gồm: “Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” [Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016, tr. 77]; “Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”; “Tiếp tục hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” [Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016, tr. 79]; “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh...” [Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, 2016, tr. 80], đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh đổi mới thể chế chính trị. Ngay chủ đề Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội đã đề cập “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh...”. Như vậy, Đại hội XIII đã đặt vấn đề xây dựng Đảng song song và đồng thời với xây dựng hệ thống chính trị, gắn bó chặt chẽ xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị. Đại hội cũng đã xác định một số nội dung mới quan trọng, cụ thể hơn về xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị, bao gồm: (i) Nhấn mạnh thực hiện toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, trong đó có đổi mới hệ thống chính trị. Tất cả mọi vấn đề, từ tổ chức bộ máy, các mối quan hệ, các cơ chế, đến các nguyên tắc vận hành... luôn được nhìn nhận, tiếp cận một cách toàn diện, đồng bộ; (ii) Xác định rõ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị: “xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị” [Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, 2021, t. I, tr. 174]; (iii) Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức và đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức.

Nhìn chung, thể chế chính trị Việt Nam đã và đang được đổi mới theo hướng ngày càng dân chủ hơn, công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng được thúc đẩy song song với đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước, công tác lập pháp được coi trọng, làm xuất hiện cục diện cởi mở, dân chủ hơn trong đời sống chính trị.

4.3.2. Gợi mở cho Việt Nam

4.3.2.1. Bài học kinh nghiệm

Công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đang bước vào giai đoạn công kiên hay nói cách khác là đang đi vào “vùng nước sâu”. Quá trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc cũng đã để lại những bài học kinh nghiệm sau đây:

Thứ nhất, phải xuất phát từ tình hình thực tế của đất nước, kiên trì “bốn nguyên tắc cơ bản”, xây dựng nền chính trị dân chủ XHCN đặc sắc Trung Quốc, quyết không bệ nguyên hay sao chép máy móc mô thức của phương Tây. Ngoài ra, cần phân biệt rõ ưu thế của chế độ chính trị căn bản và những khiếm khuyết của thể chế chính trị

để từ đó nắm chắc phương hướng cải cách.

Thứ hai, cần kết hợp chặt chẽ và phát triển đồng bộ với cải cách thể chế kinh tế nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển sức sản xuất và xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Không nhân mạnh một cách phiến diện cải cách thể chế chính trị, mà phải căn cứ vào nhu cầu của cải cách thể chế kinh tế để thúc đẩy cải cách thể chế chính trị, chỉ có như vậy cải cách mới phát triển lành mạnh.

Thứ ba, nhận thức rõ vị trí, vai trò của công tác cải cách thể chế chính trị trong chiến lược cải cách tổng thể. Lựa chọn tốt “đột phá khâu” và coi trọng “cái giá phải đánh đổi” của cải cách thể chế chính trị. Mức độ tiến hành cải cách thể chế chính trị có thể chậm hơn so với cải cách kinh tế, nhưng về phương thức thì có sự tương đồng nhất định.

Thứ tư, coi trọng nghiên cứu những lý luận sáng tạo mới về cải cách thể chế chính trị. Đây là nhân tố quan trọng để thúc đẩy cải cách thể chế chính trị. Trong quá trình cải cách cần tăng cường nghiên cứu lý luận chính trị hiện đại của nước ngoài, thậm chí thử nghiệm, học hỏi một số điểm tích cực trong thể chế chính trị của các nước TBCN phát triển, nghiên cứu và tìm tòi một cách có hệ thống đối với những vấn đề lớn mà quá trình cải cách thể chế chính trị gặp phải. Đồng thời, cũng cần phải tăng cường xây dựng văn hóa hiện đại. Ở góc độ này, thực tế thời gian gần đây, tại một số trường đại học hoặc cơ quan/đơn vị nghiên cứu - tư vấn xã hội Trung Quốc (think-tank), đã tổ chức tọa đàm, hội thảo về thể chế xã hội dân chủ tư bản mới tại phương Tây, đặc biệt là tại các quốc gia Tây Âu phát triển như Thụy Sĩ, Thụy Điển, Phần Lan...

Thứ năm, cải cách thể chế chính trị phải duy trì và củng cố được vị thế chính trị của Đảng cầm quyền, tăng cường nguồn lực chính trị và tính hợp pháp cho nó. Nếu như cải cách thể chế chính trị không thể duy trì được vị thế hợp pháp của Đảng cầm quyền thì cải cách sẽ không có được sự ủng hộ của Đảng cầm quyền, thậm chí còn bị phản đối, đồng nghĩa với việc cải cách sẽ bị đứt đoạn hoặc dập tắt. Đảng cầm quyền cần phải có năng lực học tập trong thực tiễn, để có thể tiếp thu được những bài học kinh nghiệm và tri thức mới trong quá trình cải cách thể chế chính trị.

Thứ sáu, kiên trì và dưới sự lãnh đạo của ĐCS, tiến hành cải cách thể chế chính trị một cách kiên quyết, thận trọng và có trật tự. Luôn luôn coi phát triển dân chủ XHCN là một trong những mục tiêu quan trọng của sự nghiệp CNXH đặc sắc Trung Quốc. Phát triển dân chủ dưới tiền đề chính trị ổn định, không chạy theo dân chủ hình thức, không rập khuôn mô hình phương Tây.

Thứ bảy, những vấn đề nào buộc phải cải cách thì phải cải cách, còn những vấn đề đang tranh cãi thì chưa nên cải cách mà cần phải có thời gian để chứng minh vấn đề đó cũng phải cải cách.

Thứ tám, những nguyên tắc cơ bản trong cải cách thể chế chính trị: (i) Phân định rõ ràng tính chất cải cách thể chế chính trị là hoàn thiện thể chế vốn có chứ không phải là phủ định toàn bộ chế độ chính trị cơ bản; (ii) Quy định rõ ràng phương pháp cải cách thể chế chính trị là tiến hành theo kiểu tiệm tiến, không thể nóng vội; (iii) Nắm chắc sự nhất trí giữa tổng thể, toàn cục và mục tiêu chính thể; (iv) Cải cách thể chế chính trị phải hết sức cẩn thận.

Thứ chín, về cơ bản cải cách thể chế chính trị cần phải giữ được tính ổn định và kế thừa. Ngoài ra, thể chế chính trị hiện hành phải có năng lực tự điều chỉnh một cách tương đối.

Trên đây là những bài học kinh nghiệm bổ ích mà công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc để lại. Đi sâu nghiên cứu và tìm hiểu những bài học kinh nghiệm đó của Trung Quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng về lý luận và thực tiễn, đặc biệt là đối với nước đang phát triển như Việt Nam - một nước cũng đang tiến hành công cuộc đổi mới đất nước và có nhiều nét tương đồng với Trung Quốc thì điều này lại càng có ý nghĩa hơn, có thể cung cấp các gợi ý, bài học kinh nghiệm quan trọng.

4.3.2.2. Một số gợi mở

Là quốc gia láng giềng có nhiều nét tương đồng với Trung Quốc, những kinh nghiệm trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đều có giá trị tham khảo tốt cho Việt Nam. Nhìn từ thực tiễn cải cách thể chế chính trị Trung Quốc có một số gợi mở đối với Việt Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cải cách thể chế chính trị cần xuất phát từ thực tiễn, không ngừng đổi mới lý luận. Đối với các quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam,

thực hiện đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế là một vấn đề chưa có tiền lệ. Để thực hiện công cuộc đổi mới thành công cần phải có lý luận dẫn dắt. Chính vì thế, ĐCS Việt Nam với tư cách là Đảng cầm quyền cần không ngừng đổi mới lý luận và mạnh dạn cải cách trong thực tiễn. Bên cạnh đó, cần chủ động nắm bắt xu thế phát triển chung của thời đại, tận dụng tốt thời cơ do môi trường quốc tế đem lại, căn cứ vào tình hình cụ thể trong nước và quốc tế để định ra những chủ trương, chính sách, biện pháp đổi mới phù hợp giúp quá trình đổi mới hệ thống chính trị đạt được hiệu quả cao.

Thứ hai, bên cạnh việc chú trọng đến đặc thù của đất nước, vẫn phải coi trọng và tuân thủ quy luật chung. Trong quá trình thực hiện đổi mới hệ thống chính trị, Việt Nam cần có những sáng tạo mới về lý luận, đồng thời dùng lý luận đó để chỉ đạo thực tiễn, từ đó đúc kết ra những “đặc thù” riêng. Bên cạnh đó, cần phải nắm vững các quy luật như: Quy luật phát triển, quy luật hiện đại hóa, quy luật cầm quyền, quy luật của kinh tế thị trường... Chỉ có như vậy mới có thể giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đổi mới, cải tổ. Trong quá trình phát triển, phải kiên trì bảo đảm và cải thiện dân sinh, coi việc gia tăng phúc lợi cho nhân dân là mục tiêu căn bản trong phát triển; đảm bảo nhân dân được hưởng thành quả của phát triển. Tăng cường và đổi mới quản trị xã hội, bảo đảm sự ổn định của xã hội, của đất nước. Các biện pháp cụ thể bao gồm: (i) Ưu tiên phát triển sự nghiệp giáo dục; (ii) Coi trọng đổi mới trong cung cấp dịch vụ công, đặc biệt là các dịch vụ công gắn với lợi ích của nhân dân như y tế, giáo dục, giao thông; (iii) Tích cực giải quyết các mâu thuẫn mang tính kết cấu; (iv) Tích cực xóa đói giảm nghèo; (v) Đẩy nhanh việc đổi mới chế độ phân phối thu nhập; (vi) Không ngừng hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội; (vii) Thực hiện đất nước giàu mạnh; (viii) Coi trọng chính sách dân số, đặc biệt là giữ kết cấu “dân số vàng” để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, trong công tác cán bộ, cần coi trọng việc đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt có năng lực và trình độ cầm quyền cao. Để thực hiện thành công công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới hệ thống chính trị nói riêng, nhân tố then chốt vẫn là con người, cụ thể là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

Bối cảnh thực tế trong và ngoài nước hiện nay càng đòi hỏi đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải có trình độ cao, năng lực tốt, nhất là trong việc vận hành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Thứ tư, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, Đảng cầm quyền khoa học, quản lý theo pháp luật. Đảng ra quyết sách phải nhanh chóng, kịp thời và chính xác; có quyết đoán chính trị và trí tuệ. Ngoài ra, Đảng cũng cần không ngừng tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, đặc biệt là nâng cao năng lực điều hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Không để hình thành lợi ích nhóm hoặc phe phái trong nội bộ Đảng. Chỉ có như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách người lãnh đạo mới kích thích được sức sáng tạo của toàn xã hội, từ đó kết tinh được trí tuệ để khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức cũng như rủi ro từ cả bên ngoài lẫn bên trong một cách chủ động, tự tin.

Đặc biệt lưu ý cần kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy tối đa vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong đổi mới hệ thống chính trị, kiên định chế độ XHCN. Thực hiện cải cách có bước đi, có kế hoạch, tuần tự tiệm tiến, chú trọng việc định hướng từ tầng cao, vĩ mô, bao trùm; tiến hành đồng bộ và tương thích giữa cải cách thể chế chính trị và cải cách thể chế kinh tế, tạo môi trường xã hội tốt đẹp và nền tảng kinh tế vững chắc cho cải cách thể chế chính trị. Trong quá trình đó, luôn lấy nhân dân làm trung tâm, nắm chắc nguyên tắc nhân dân làm chủ và khuyến khích sự tham gia của người dân vào quá trình đổi mới hệ thống chính trị.

Quyền lực tạo cho Đảng có ảnh hưởng toàn diện và to lớn với toàn xã hội, tuy nhiên, cần kiểm soát tốt quyền lực của Đảng, bởi đi đôi với quyền lực sẽ tiềm ẩn rủi ro Đảng biến chất. Đảng phải coi trọng và cảnh giác với rủi ro đó, đồng thời xem việc giảm thiểu rủi ro là trọng tâm trong xây dựng Đảng. Trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là Đảng cầm quyền khi thực thi quyền lực là kiểm soát quyền lực, là thực hiện được việc “nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế”. Xây dựng Đảng cũng phải xoay quanh trách nhiệm đó. Kiểm soát quyền lực của bản thân là một cuộc tự cách mạng hết sức khó khăn, vừa đòi hỏi năng lực và trình độ kiểm soát tốt, vừa

đòi hỏi phải thay đổi ý tưởng, quan điểm chủ quan, có quyết tâm và dũng khí, không ngừng giải phóng tư tưởng, thoát khỏi sự trói buộc của lợi ích hiện tại.

Thứ năm, các biện pháp đổi mới hệ thống chính trị phải được thực hiện theo lộ trình thống nhất, có tính đồng bộ và phối hợp nhịp nhàng. Cải cách cần tiến hành từ “điểm”, sau mở rộng dần sang “diện”. Nói cách khác là thực hiện thí điểm trước, sau khi đã thành công thì mới nhân rộng ra để tránh lãng phí cũng như khó kiểm soát. Hơn thế, việc thí điểm đổi mới hệ thống chính trị phải bảo đảm được: (i) Tính chính đáng, nghĩa là có cơ sở pháp lý hoặc được trao quyền; không được vượt quá quy định của pháp luật hoặc phạm vi quyền hạn được trao; (ii) Tính khoa học, nghĩa là đổi mới phải thực hiện tuân thủ đúng theo các quy luật cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin và (iii) Tính thận trọng. Cần xác định trọng tâm, trọng điểm hoặc cốt lõi để việc xác định đúng biện pháp đổi mới phù hợp nhằm đạt được hiệu quả cao. Khi đã xác định được “trọng điểm” hoặc “cốt lõi” thì sẽ có biện pháp hữu hiệu tập trung nguồn lực để thực hiện. Đảng phải nắm được quyền chủ động và kiểm soát toàn bộ tiến trình cải tổ, đổi mới. Phương pháp thực hiện phải có tính chỉnh thể, hệ thống. Trong đó, quan trọng là bắt đầu từ thí điểm, thường xuyên rút kinh nghiệm từ các mô hình thí điểm và tổng kết, thực hiện theo kiểu “dò đá qua sông”. Khi mở rộng sang diện, cần phải đi sâu cải cách toàn diện, trong đó đặc biệt chú trọng việc thiết kế tổng thể và từ tầng cao.

Thứ sáu, hình thành mô hình quản trị xã hội theo hướng cùng xây dựng, cùng hưởng bằng cách thúc đẩy hệ thống quản lý đất nước và hiện đại hóa năng lực quản lý đất nước. Các biện pháp cụ thể có thể áp dụng như: (i) Tăng cường xây dựng chế độ quản trị xã hội, hoàn thiện thể chế quản trị xã hội với đảng lãnh đạo, chính quyền phụ trách, xã hội phối hợp, nhân dân tham gia, được bảo đảm bởi pháp luật, nâng cao mức độ xã hội hóa, pháp trị hóa, thông minh hóa, chuyên nghiệp hóa trong quản trị xã hội; (ii) Tăng cường xây dựng cơ chế phòng ngừa và hóa giải mâu thuẫn xã hội, xử lý thỏa đáng các mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ nhân dân. Xây dựng ý tưởng phát triển an toàn, đề cao quan niệm an toàn là hàng đầu, kiên toàn hệ thống an ninh xã hội, kiên toàn chế độ trách nhiệm sản xuất an toàn, kiên quyết ngăn ngừa sự cố về

an toàn lao động đặc biệt nghiêm trọng, nâng cao năng lực phòng, chống rủi ro và hỗ trợ, cứu nạn; (iii) Đẩy nhanh xây dựng hệ thống phòng ngừa, bảo đảm trật tự an ninh xã hội, nghiêm trị theo pháp luật hoạt động phạm tội phi pháp, đặc biệt là phạm tội có tổ chức, tội phạm cấu kết với quan chức chính quyền để bảo vệ tính mạng và tài sản, cuộc sống của nhân dân; (iv) Đẩy mạnh việc hình thành và nuôi dưỡng tâm thế tự tin, tinh táo và chung sống hòa bình, dịch chuyển trọng tâm quản trị xã hội xuống cơ sở.

Ý tưởng, mục tiêu giá trị xuyên suốt trong quá trình xây dựng xã hội là công bằng chính nghĩa. Điều này luôn là kim chỉ nam, là chỗ dựa quan trọng cho xây dựng chế độ, là cơ sở quan trọng để đánh giá tính hợp lý của chế độ và kiểm nghiệm hiệu quả xây dựng xã hội.

Mục tiêu cơ bản trong xây dựng xã hội là cố gắng hình thành cục diện trong đó các thành viên xã hội đều nỗ lực làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu nhưng vẫn hài hòa với nhau, trong khi kinh tế phát triển hơn, dân chủ kiện toàn hơn, khoa giáo tiến bộ hơn, văn hóa phồn vinh hơn, cuộc sống nhân dân sung túc hơn, hướng tới xã hội phát triển hài hòa hơn. Dung hòa lợi ích là con đường cơ bản trong xây dựng xã hội; cũng là nội dung quan trọng phải được quán triệt xuyên suốt trong quá trình cải cách và phát triển xã hội, là đòi hỏi tất yếu để xây dựng xã hội.

Thứ bảy, kiên trì phương hướng đổi mới hệ thống chính trị theo con đường XHCN. Lấy đổi mới mối quan hệ cung - cầu làm trục chính cho phát triển. Thiết lập trạng thái mới của mối quan hệ giữa chính phủ và thị trường. Kiên trì đường lối tư tưởng khoa học, thực sự cầu thị, xuất phát từ thực tế, xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Kiên trì lấy nhân dân làm trung tâm, tôn trọng và bảo đảm vai trò làm chủ của nhân dân, tạo dựng môi trường chính trị và cơ chế chính sách tốt đẹp, phát huy tối đa sức sáng tạo của nhân dân. Luôn coi giải phóng và phát triển sức sản xuất là nhiệm vụ căn bản, lấy kinh tế làm trung tâm, thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy xã hội phát triển và tiến bộ toàn diện. Bởi thực tiễn công cuộc cải cách mở cửa nói chung và cải cách thể chế chính trị nói riêng của Trung Quốc đã cho thấy, cải cách mở cửa là then chốt và nguồn

lực để phát triển; kinh tế phát triển, xã hội ổn định là nền tảng để việc cải cách thể chế chính trị diễn ra suôn sẻ, thuận lợi. Đây là một kinh nghiệm có giá trị tham khảo cao. Trong quá trình đó, cần đẩy mạnh thực hiện quản lý đất nước theo pháp luật, tôn trọng và phát huy dân chủ, đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ quốc tế, tạo môi trường quốc tế tốt đẹp cho sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Bảo đảm tính tiên tiến của Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực cầm quyền và trình độ lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện đổi mới hệ thống chính trị phải phù hợp với mục tiêu chung là hoàn thiện và phát triển chế độ XHCN, thúc đẩy hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước, vấn đề nào nên đổi mới, cần đổi mới thì kiên quyết đổi mới, những vấn đề nào không nên đổi mới, chưa đủ điều kiện đổi mới và không thể đổi mới thì kiên quyết không đổi mới.

Cải cách thể chế chính trị là bộ phận quan trọng trong cải cách toàn diện, là yếu tố có ý nghĩa then chốt, quyết định thành công của cải cách thể chế kinh tế và cải cách thể chế trên các mặt khác, cung cấp sự đảm bảo về chế độ cho toàn bộ sự nghiệp cải cách và phát triển đất nước. Để đi sâu cải cách thể chế chính trị cần có sự ủng hộ của sự phát triển kinh tế, xã hội. Do vậy, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa động lực nội sinh và môi trường bên ngoài, thống nhất giữa giải quyết vấn đề và thực hiện mục tiêu.

Những gợi ý trên được rút ra từ thực tiễn cải cách thể chế chính trị Trung Quốc, Việt Nam có thể tham khảo trong điều hành, quản lý đất nước và xây dựng Đảng, đặc biệt là trong đổi mới hệ thống chính trị. Việc trao đổi kinh nghiệm giữa hai Đảng, hai Nhà nước trong quản lý đất nước và xây dựng Đảng, trong đó có cải cách thể chế chính trị để đổi mới và phát triển đất nước là rất cần thiết và quan trọng, góp phần làm phong phú nội dung của mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện mà lãnh đạo hai nước đã đề ra.

Tiểu kết Chương 4

Lịch sử phát triển và trỗi dậy của Trung Quốc đã chứng minh rằng, chính trị là nhân tố quyết định sự tiến lên hay thụt lùi của đất nước này. Chỉ khi nền chính trị được củng cố ổn định thì kinh tế - xã hội của đất nước mới duy trì được sự ổn định. Để duy trì sự ổn định mà các thế hệ lãnh đạo trước đó đều coi trọng, Trung ương ĐCS Trung Quốc với hạt nhân là Tập Cận Bình hiện đang và sẽ tiếp tục thúc đẩy công cuộc cải cách thể chế chính trị để giữ vững quyền lực và đảm bảo sự ổn định xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển đất nước.

Tuy nhiên, xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay khiến các quốc gia trong quá trình phát triển phải coi trọng cả những nhân tố bên ngoài tác động, chi phối tình hình trong nước, phải điều chỉnh thích hợp phương thức phân phối tài nguyên chính trị, phương thức vận hành chính trị.

Để thích ứng với những thay đổi trong và ngoài nước, đi sâu cải cách toàn diện, trong đó có cải cách thể chế chính trị trong thời gian tới, Trung Quốc cần xác định rõ những nhân tố tác động đến quá trình cải cách thể chế chính trị, tiếp tục giành được những thành tựu mới, khắc phục và giải quyết tốt những hạn chế, vấn đề cả về lý luận và thực tiễn nảy sinh trong quá trình này, trên cơ sở đó không ngừng nỗ lực để: cải cách và hoàn thiện thể chế cầm quyền và phương thức cầm quyền của ĐCS Trung Quốc; củng cố cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực, kéo dài chức năng giám sát đến cơ sở; kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, thúc đẩy cải cách hành chính, trong đó coi chuyển đổi chức năng chính phủ là cốt yếu; đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp trị, xã hội pháp trị; cải cách chế độ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sửa đổi Hiến pháp, phân quyền trong nội bộ Đảng, tách bạch Đảng và chính quyền, Đảng và doanh nghiệp, cải thiện tình trạng quyền lực quá tập trung; phối hợp tốt giữa thể chế chính trị tập trung thích hợp với thể chế kinh tế phân tán vừa phải, kết hợp cải cách thể chế kinh tế với cải cách thể chế chính trị; tìm ra đột phá khâu trong cải cách thể chế chính trị; tiến hành cải cách thể chế chính trị với những biện pháp cụ thể, hiệu quả.

Là một nước láng giềng của Trung Quốc, Việt Nam trong tiến trình đổi mới và phát triển đất nước cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề trong hệ thống chính trị, đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận thấu đáo và tìm tòi phương cách để đổi mới, hoàn thiện. Việc đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, gắn đổi mới hệ thống chính trị với đổi mới thể chế kinh tế, xây dựng Đảng đồng thời với xây dựng hệ thống chính trị luôn được các kỳ Đại hội Đảng chỉ rõ, trên cơ sở đó, căn cứ vào tình hình phát triển thực tiễn của đất nước ở mỗi thời kỳ để xác định các nhiệm vụ cụ thể.

Với nhiều nét tương đồng về chính trị, văn hóa, những bài học kinh nghiệm trong công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc như: phải xuất phát từ tình hình thực tiễn của đất nước; phải kết hợp chặt chẽ giữa cải cách thể chế chính trị và cải cách thể chế kinh tế; nhận thức rõ vị trí, vai trò của cải cách thể chế chính trị trong công cuộc cải cách, đổi mới tổng thể; đi sâu nghiên cứu, tìm tòi những đổi mới lý luận về cải cách thể chế chính trị; tiếp tục củng cố vị thế chính trị cầm quyền của ĐCS, kiên trì cải cách thể chế chính trị thận trọng, có trật tự dưới sự lãnh đạo của Đảng; lựa chọn và xác định đúng vấn đề cải cách của từng thời kỳ; xác định chính xác nguyên tắc trong cải cách thể chế chính trị; bảo đảm tính ổn định và kế thừa của cải cách thể chế chính trị..., cung cấp cho công cuộc đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới đất nước của Việt Nam một số gợi mở đáng chú ý là: đổi mới hệ thống chính trị cần đặt trong bối cảnh cụ thể của tình hình thực tiễn đất nước, không ngừng đổi mới lý luận để phù hợp với thực tế; coi trọng quy luật chung trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới, phát triển đất nước; coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài; kiên trì sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, tăng cường xây dựng và chỉnh đốn Đảng song song với xây dựng và củng cố hệ thống chính trị; thực hiện đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tuần tự, tiệm tiến, các biện pháp tiến hành phải bảo đảm tính đồng bộ và phối hợp nhịp nhàng; thúc đẩy hệ thống quản lý và năng lực quản lý đất nước để hình thành mô hình quản trị xã hội theo hướng cùng xây dựng, cùng hưởng; kiên định tính chất xã hội chủ nghĩa của sự nghiệp đổi mới đất nước, trong đó có đổi mới hệ thống chính trị.

KẾT LUẬN

Kể từ khi ra đời cho đến nay, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuy đã trải qua nhiều bước thăng trầm lịch sử, nhưng thể chế chính trị của quốc gia này về cơ bản vẫn được xây dựng và kiên toàn trên nguyên tắc tập trung dân chủ, quyền lực thuộc về nhân dân, vừa mang những nét đặc trưng của thể chế chính trị XHCN, lại vừa có những nét đặc thù riêng của Trung Quốc.

Sau khi Trung Quốc bước vào thời kỳ Đặng Tiểu Bình lãnh đạo, thể chế chính trị của Trung Quốc có những nét hết sức độc đáo. Về lý luận, vẫn giữ được tính đặc sắc xã hội chủ nghĩa, nhưng trên thực tế lại áp dụng một phần thể chế kinh tế thị trường của xã hội tư bản, chính quyền vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống của nhân dân. Hiện nay, Trung Quốc ngoài nhấn mạnh một Đảng cầm quyền (ĐCS), đã bước đầu thí điểm triển khai đồng thời một số thể chế theo hướng tăng cường dân chủ khác, đặc biệt là tăng mức độ mở cửa trong đời sống kinh tế như tại các nước phát triển phương Tây, tuy nhiên vẫn luôn giữ vững vai trò điều tiết, kiểm soát nền kinh tế của chính phủ, đặc biệt là đối với các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, trọng điểm. Trung Quốc bên cạnh việc xây dựng văn minh vật chất và văn minh tinh thần cũng đang đặc biệt nhấn mạnh đến văn minh chính trị, đó là chính trị dân chủ, đặc biệt là trong nội bộ của ĐCS.

Nói đến thể chế chính trị của Trung Quốc người ta thường đề cập 03 hệ thống: Đảng (ĐCS), Chính (Chính phủ), Quân (Quân đội) và 04 trụ cột là Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chính phủ; ĐHĐBNDTQ và Hội nghị hiệp thương chính trị. Do thực tiễn lịch sử để lại, Trung Quốc không có sự phân định thật sự rõ ràng giữa cơ quan của ĐCS và cơ quan của Chính phủ, đặc biệt là về chức năng, cơ chế vận hành cũng như kiểm soát quyền lực. Thể chế chính trị của Trung Quốc không giống với thể chế chính trị tam quyền phân lập của các nước phương Tây, cũng không giống thể chế chính trị của Liên Xô cũ, mà có đặc thù riêng.

Trong thể chế chính trị Trung Quốc, ĐCS là hạt nhân lãnh đạo mọi phương diện, điều này càng được thể hiện nổi bật trong thời kỳ Tập Cận Bình nắm quyền. Hiểu rõ

về ĐCS Trung Quốc sẽ là chìa khóa để lý giải và hiểu rõ đặc trưng của nền chính trị cũng như chiều hướng phát triển của chính trị Trung Quốc. Một trong những đặc trưng quan trọng của chính trị Trung Quốc là quyết sách của lãnh tụ cầm quyền đối với phát triển chính trị sẽ có tác dụng trực tiếp hơn, to lớn hơn và ảnh hưởng cũng sẽ dễ nhận biết hơn so với các nước khác. Vì thế, quyết sách cấp cao hay còn gọi là “thiết kế từ óc” có chính xác hay không, sẽ có ý nghĩa và ảnh hưởng to lớn đối với quản trị quốc gia. Nếu quyết sách chính xác thì đất nước ngày càng phát triển, ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển của đất nước (như giai đoạn sau trong sự nghiệp chính trị của Mao Trạch Đông). Lãnh tụ chính trị có trách nhiệm quan trọng đối với Đảng và Nhà nước, tư tưởng và quyết sách của họ có liên quan chặt chẽ tới lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân, tới tiền đồ, vận mệnh của Đảng và Nhà nước.

Đáng lưu ý, tuy thể chế Đảng cầm quyền của Trung Quốc là một đảng lãnh đạo, nhưng ngoài ĐCS, còn tồn tại nhiều đảng phái chính trị dân chủ khác (08 đảng phái chính trị dân chủ khác), các đảng phái chính trị dân chủ đó lại không phải là đảng đối lập, mà là đảng bạn, đồng thời các đảng này cũng không có quyền tham chính mà chỉ giữ vai trò “nghị chính”. ĐCS Trung Quốc thông qua địa vị lãnh đạo của mình để tiến hành hợp tác, hiệp thương chính trị với các đảng phái chính trị dân chủ đó. Đây chính là chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS. Điều này không giống chế độ đa đảng của các nước phương Tây, thực hiện tranh cử để lên nắm quyền, các đảng phối hợp lẫn nhau để cùng tham chính. Tại Trung Quốc hiện nay, trong cơ quan các cấp, đặc biệt là một số cơ cấu, tổ chức, đơn vị liên quan tới lĩnh vực khoa học công nghệ, giáo dục, thương mại, y tế và văn hóa, đều có một số lượng nhất định các nhân sĩ thuộc các đảng phái chính trị dân chủ khác tham gia, một số thời điểm nhất định, các nhân sĩ ngoài ĐCS còn có thể giữ vai trò lãnh đạo các cơ cấu này. ĐCS vẫn định vị vị trí của mình là đội quân tiên phong của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo duy nhất Nhà nước XHCN. Sự sống còn của ĐCS liên quan mật thiết đến vận mệnh của Trung Quốc. Chính vì thế, trong điều kiện mới, thời đại mới, tăng cường sự lãnh đạo của ĐCS là yếu tố quan trọng quyết định tương lai của Trung Quốc.

Trung Quốc thực hiện cải cách thể chế chính trị là do cả nguyên nhân bên trong lẫn nguyên nhân bên ngoài, trong đó nguyên nhân bên trong mang tính quyết định.

Công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thực chất là làm cho thể chế chính trị hiện nay ngày càng hoàn thiện hơn và có sức sống mạnh mẽ hơn, không làm thay đổi tính chất chế độ XHCN của Trung Quốc. Hay nói cách khác, cải cách thể chế chính trị Trung Quốc không phải là cải cách toàn bộ thể chế chính trị, mà chỉ cải cách những thể chế, cơ chế tồn tại nhiều khuyết tật, không còn thích ứng với bản chất và yêu cầu của chế độ chính trị cơ bản. Những thể chế phù hợp với chế độ chính trị cơ bản, phù hợp với tình hình thực tế của Trung Quốc sẽ tiếp tục được hoàn thiện chứ không cần cải cách. Trung Quốc thực hiện cải cách thể chế chính trị là để ổn định chính trị, phát triển kinh tế, đẩy nhanh hiện đại hóa bộ máy nhà nước, thực hiện chuyển đổi chức năng của Chính phủ, xây dựng Chính phủ liêm chính, hiệu quả, thực hiện chuyên nghiệp hóa công chức, dân chủ hóa và pháp trị hóa, xóa bỏ tập quyền cao độ.

Từ năm 2012 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Trung ương ĐCS Trung Quốc với Tập Cận Bình là hạt nhân, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc được tiến hành trên những lĩnh vực cụ thể như: Cải cách chế độ nhân sự, cải cách cơ chế bầu cử, cải cách chế độ ban hành quyết sách, cải cách chế độ kiểm tra giám sát, cải cách thể chế Đảng và Nhà nước, cải cách thể chế Đảng cầm quyền, cải cách quốc phòng và quân đội, cải cách thể chế quản trị cơ sở. Đáng lưu ý, chống tham nhũng vừa là mục tiêu, đồng thời cũng là “chỗ dựa”, biện pháp quan trọng để tiến hành cải cách thể chế chính trị.

Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc là một quá trình tiệm tiến hay thường gọi là “dò đá qua sông”, đi từ trị “Đảng” đến trị “Quốc”. Đây là nét đặc trưng nổi bật của Trung Quốc trong cải cách thể chế chính trị. Trung Quốc buộc phải kiên trì con đường từ trị “Đảng” đến trị “Quốc” là bởi: (i) Địa vị cầm quyền và tính tiên tiến của ĐCS Trung Quốc; (ii) Thực tế của ĐCS Trung Quốc buộc Trung Quốc phải đi theo con đường đó; (iii) Bài học từ sự sụp đổ của Liên Xô và tan rã tại Đông Âu. Quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện, từng bước nhấn mạnh con đường mới trong cải cách thể chế chính trị Trung Quốc như lồng ghép, đưa “quản lý toàn diện đất nước theo pháp luật” vào khung khổ của “quản lý Đảng nghiêm minh toàn diện”; thành lập ủy ban giám

sát nhà nước các cấp; kết hợp chặt chẽ xây dựng Đảng về tư tưởng và cải cách sâu sắc chế độ quản trị Đảng.

Công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đã trải qua các giai đoạn cải cách khác nhau và đã thu được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, đặt nền móng cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng nền chính trị dân chủ XHCN đặc sắc Trung Quốc, nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách phải vượt qua. Hiện nay, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đang ở “giai đoạn công kiên” hay nói cách khác là đi vào “vùng nước sâu”. Điều đó có nghĩa là công cuộc cải cách thể chế chính trị sẽ đụng chạm đến những vấn đề “cốt lõi” của thể chế chính trị. Đây mới là giai đoạn cải cách thể chế chính trị thực chất theo đúng nghĩa. Công cuộc cải cách thể chế chính trị là một quá trình lâu dài, đòi hỏi phải tiếp tục cải cách nhiều khâu khác nữa, với mức độ và quy mô cải cách lớn hơn nữa. Để công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc đi vào chiều sâu và giành được nhiều thành tựu hơn nữa, Trung Quốc cần phải xử lý tốt những vấn đề về cả lý luận và thực tiễn nảy sinh trong cải cách thể chế chính trị. Nói cách khác, công cuộc cải cách thể chế chính trị Trung Quốc phải là một quá trình chủ động tích cực và tiến lên ổn định.

Trong quá trình cải cách thể chế chính trị Trung Quốc từ nay về sau, tăng cường quyền uy của Trung ương Đảng, đặc biệt là vai trò “hạt nhân lãnh đạo” của Trung ương Đảng và chính quyền Trung ương, củng cố vị thế “hạt nhân thể hệ lãnh đạo” của Tập Cận Bình vẫn là vấn đề chính trị quan trọng. Điều đó có nghĩa là Trung Quốc sẽ tập quyền hơn, nhưng là tập quyền theo chế độ, được đảm bảo bởi quy phạm pháp luật. Sở dĩ Trung Quốc phải tập quyền trong cải cách thể chế chính trị là do (i) Trung Quốc luôn luôn trong quá trình cải cách, đặc biệt giai đoạn đi sâu cải cách toàn diện - cải cách của một nước lớn với quy mô như Trung Quốc thì sự thay đổi mà nó tạo ra là vô cùng to lớn và sâu sắc, do đó rất cần có trung tâm lãnh đạo và điều phối để bảo đảm cho cải cách được tiến hành một cách có trật tự, ổn định; (ii) Cải cách là quá trình thay đổi giữa cũ và mới, đề cập lợi ích trên nhiều mặt và cần phải điều chỉnh chế độ để hoàn thành chuyển đổi. Trong quá trình chuyển đổi cơ chế và thể chế, sẽ xuất hiện khoảng trống quyền lực hoặc hiện tượng mất kiểm

soát tại một số khâu, mặt nào đó của xã hội, vì vậy cần có quyền uy của Trung ương để kịp thời bù đắp hoặc lấp đầy khoảng trống đó; (iii) Thế kỷ XXI xuất hiện nhiều biến đổi khôn lường, tình hình thế giới, khu vực và nội bộ Trung Quốc diễn biến phức tạp, cần có một Trung ương có năng lực và niềm tin để lãnh đạo, động viên và điều phối một cách hiệu quả. Tuy nhiên, thực tiễn trước đây đã cho thấy, nếu Trung Quốc quá tập quyền trong cải cách thể chế chính trị, sẽ khó đi sâu cải cách toàn diện. Vì thế, trong quá trình cải cách thể chế chính trị, Trung Quốc phải tìm được điểm cân bằng giữa “tập quyền” và “trao quyền”. Đây là một việc làm không hề dễ dàng nhưng buộc phải làm.

Xu hướng cải cách thể chế chính trị Trung Quốc trong tương lai có thể sẽ phát triển theo hướng sau: (i) Từng bước “nới lỏng” dân chủ, tăng cường dẫn dắt, định hướng xã hội tham dự vào chính trị; (ii) Tìm đúng phương hướng cải cách thể chế chính trị hoặc “đột phá khâu” trong cải cách thể chế chính trị; (iii) Thực hiện cân bằng phân quyền, đẩy mạnh mức độ giám sát quyền lực.

Trong tương lai, với đường hướng và các biện pháp cải cách thể chế chính trị mà ĐCS Trung Quốc đang tiến hành, liệu nền chính trị của Trung Quốc có thực sự phản ánh đúng tính chất là nền chính trị dân chủ XHCN đặc sắc Trung Quốc hay không, nội hàm cụ thể của “đặc sắc Trung Quốc” là gì, liệu có trở nên mâu thuẫn với tính chất “xã hội chủ nghĩa” không? Đây đều là các vấn đề mâu chốt quan trọng liên quan thể chế chính trị Trung Quốc đòi hỏi cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Cù Thị Thuý Lan (2023), “Một số yếu tố tác động đến cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hiện nay”, Tạp chí *Chính trị và phát triển* (07-2023), ISSN 1859-2457, tr. 87-94.
2. Cù Thị Thuý Lan (2023), “Cải cách cơ chế giám sát và vận hành quyền lực ở Trung Quốc”, *Tạp chí Cộng sản (điện tử)*, ISSN 2734-9071, đăng tải ngày 15/11/2023.
3. Julia Luong Dinh, Ha Hai Hoang, Cu Thi Thuy Lan (2024), “China’s soft power in Southeast Asia through the Belt & Road initiative and Vietnam’s reception”, *Asian Perspective* (Johns Hopkins Univesity Press), Volume 48, Number 2 (2024), pp. 301–326, ISSN print: 0258-9184; online: 2288-2871.
4. Cu Thi Thuy Lan (2024), “Political Restructuring in China: Objectives, Tasks and Influencing factors”, *International Conference Proceedings New Studies and Findings in Vietnamese Politics and International Politics*, VNU University of Social Sciences and Humanities, Hanoi, University of Education Publisher, pp. 213-220.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ngọc Anh (2023), “Trung Quốc: 92 quan chức cấp cao bị trừng phạt vì tham nhũng”, *báo Thanh tra*, <https://thanhtra.com.vn/quoc-te/trung-quoc-92-quan-chuc-cap-cao-bi-trung-phat-vi-tham-nhung-207988.html>, ngày 08/3/2023.
2. Lý Thiết Ánh (2002), *Về cải cách và mở cửa của Trung Quốc*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Thạch Bình (2023), “Trung Quốc: Cuộc chiến chống tham nhũng và những thách thức phía trước”, *TTXVN/Vietnam+*, <https://www.vietnamplus.vn/trung-quoc-cuoc-chien-chong-tham-nhung-va-nhung-thach-thuc-phia-truoc/862887.vnp>, ngày 16/5/2023, truy cập ngày 02/7/2023.
4. Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử (2018), “Cải cách tổ chức, bộ máy hành chính - Kinh nghiệm của Trung Quốc”, <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/quoc-te/2018/12069/Cai-cach-to-chuc-bo-may-hanh-chinh-Kinh-nghiem-cua.aspx>.
5. Chu Văn Cấp (2016), “Tiếp tục đổi mới đồng bộ thể chế chính trị và thể chế kinh tế”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, ngày 16/5/2016, <http://tapchiquptd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/tiep-tuc-doi-moi-dong-bo-the-che-chinh-tri-va-the-che-kinh-te/8904.html>.
6. Nguyễn Xuân Cường (2011), “Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (1), tr. 19-33.
7. Nguyễn Xuân Cường (2018), *Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Xuân Cường, Vũ Quý Sơn (2022), “Tình hình Trung Quốc năm 2021 và dự báo năm 2022”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (3), tr. 3-15.
9. Giang Trạch Dân, Lý Bằng (1992), *Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc*. NXB Sự thật, Hà Nội.
10. Nguyễn Quang Dy (2022), “Tập Cận Bình và Đại hội của ĐCS Trung Quốc lần

- thứ XX”, tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, <https://nghiencuuquocte.org/2022/10/18/tap-can-binh-va-dai-hoi-dang-cong-san-trung-quoc-lan-thu-20/>
11. Quốc Đạt (2022), “10 năm Trung Quốc quyết liệt “đả hổ diệt ruồi””, <https://zingnews.vn/10-nam-trung-quoc-quyet-liet-da-ho-diet-ruoi-post1366190.html>, ngày 18/10/2022, truy cập ngày 02/7/2023.
 12. ĐCS Trung Quốc (2019), *Tổng tập Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIX*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 13. ĐCS Trung Quốc (2013), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 14. ĐCS Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 15. ĐCS Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
 16. Nguyễn Minh Đoan, Bùi Thị Đào, Trần Thị Hiền, Lê Vương Long, Nguyễn Văn Năm, Bùi Xuân Phái (2009), *Một số vấn đề về tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 17. Chu Công Huy (2022), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn tại Đại hội XX của ĐCS Trung Quốc”, *Tạp chí Cộng sản* điện tử, ngày 14/10/2022.
 18. Nguyễn Long (2022), “Chặng đường phát triển của Trung Quốc sau Đại hội ĐCS Trung Quốc lần thứ XX”, *Báo Dân trí online*, ngày 25/10/2022, <https://dantri.com.vn/the-gioi/nhan-dien-giac-mong-trung-hoa-sau-buoc-ngoat-dai-hoi-dang-20-20221024210907878.htm>
 19. Đinh Thị Hiền Lương (Chủ biên) (2022), *Sức mạnh mềm của Trung Quốc trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tác động và hàm ý đối với Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 20. Trường Lưu (2023), “Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc mở đầu thời đại mới của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”, *Tạp chí Cộng sản* điện tử, ngày 10/01/2018.

21. Lê Thị Thu Mai (2023), *Một số cải cách chính trị Trung Quốc*, <http://bienphongvietnam.gov.vn/mot-so-cai-cach-chinh-tri-cua-trung-quoc.html>.
22. Hoài Nam (2017), “ĐCS Trung Quốc với việc chuẩn bị Đại hội XIX”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (9), tr. 3-11.
23. Nguyễn Thu Ngân (2023), “Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng toàn cầu và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”, <https://nghiencuuchienluoc.org/trung-quoc-gia-tang-anh-huong-toan-cau-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam/>, ngày 27/6/2023.
24. Dương Xuân Ngọc và Lưu Văn An (Chủ biên) (2003), *Thế chế chính trị thế giới đương đại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Nguyễn Anh Phương (2015), “Vai trò cải cách thể chế trong quá trình phát triển của Trung Quốc”, <http://chinhsach.vn/vai-tro-cai-cach-the-che-trong-qua-trinh-phat-trien-cua-trung-quoc-1/>.
26. Nguyễn Huy Quý (2012), “Trung Quốc trước thềm Đại hội XVIII của ĐCS: thành tựu và vấn đề tồn tại của cải cách phát triển”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (11), tr.3-10.
27. Nguyễn Huy Quý (2017), “Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc và tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới”, *Tạp chí Cộng sản* (906), tr. 106-111.
28. Nguyễn Huy Quý (2018), “Trung Quốc sửa đổi Hiến pháp, cải cách bộ máy của Đảng và Nhà nước”, *Tạp chí Cộng sản* (908), tr. 107-111.
29. Đỗ Tiến Sâm (1998), “Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc với vấn đề cải cách thể chế chính trị Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (2), tr.15-20.
30. Đỗ Tiến Sâm (2003), *Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc (1978-2003)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

31. Đỗ Tiến Sâm, Hoàng Thế Anh (2014), “Cải cách thể chế của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (8), tr. 3-16.
32. Đỗ Tiến Sâm (2018), “Trung Quốc và những bước tiến tiếp theo dưới thời Tập Cận Bình”, *Thế giới toàn cảnh* (105).
33. Đỗ Tiến Sâm (2018), “Đại hội XIX và xu thế đối ngoại của Trung Quốc trong những năm sắp tới”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (41).
34. Đỗ Tiến Sâm (2019), “Những sáng tạo mới về lý luận Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong Đại hội XIX”, *Viện Nghiên cứu Trung Quốc*, <http://vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Article&aID=660>.
35. Tạp chí Tổ chức nhà nước (2018), “Cải cách tổ chức, bộ máy hành chính – Kinh nghiệm của Trung Quốc”, <http://tcnn.vn/news/detail/41216/Cai-cach-to-chuc-bo-may-hanh-chinh-%E2%80%93-Kinh-nghiem-cua-Trung-Quoc.html>, truy cập ngày 14/3/2020.
36. Nguyễn Thế Tăng (2000), *Trung Quốc cải cách và mở cửa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Phạm Đức Toàn (2018), “Một số kinh nghiệm cải cách tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức của Trung Quốc”, <https://moha.gov.vn/tin-tuc-su-kien/diem-tin/mot-so-kinh--nghiem-cai-cach-to-chuc-bo-mav-va-nang-cao-chat-luong-doi-ngu-cong-chuc-cua-trung-quoc-38418.html>.
38. *Từ điển Bách khoa nước Trung Hoa mới* (1991), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tiếng Anh

39. Ang Y.Y. (2016), *How China Escaped the Poverty Trap*, Cornell University Press, Ithaca, New York.
40. Arthur R. Kroeber (2016), *China's Economy: What Everyone Needs to Know*, Oxford University Press, New York.
41. Bary Buzan (2010), “China in International Society: Is ‘Peaceful Rise’ Possible?”, *The Chinese Journal of International Politics*.

42. Bates Fill (2007), *Rising Star: China's New Security Diplomacy*, Brookings Institution Press, Washington DC.
43. Bernald D. Cole (2010), *The Great Wall at Sea: China's Navy in the 21st Century*, Naval Institute Press.
44. Bromley D, Yao Y. (2006), "Understanding China's economic transformation: Are there lessons here for the developing world?", *World Economics* Vol. 7 (2).
45. Brown, Michael E.ed (2000), *The Rise of China*, MIT Press, Cambridge.
46. Bruce Dickson (2016), *The Dictator's Dilemma: The Chinese Communist Party's Strategy for Survival*, Oxford University Press, Oxford.
47. Cai Xia (2017), "Changing Facts - China's New Leaders Have Shuffled Their Foreign - Affairs Team. Relations with other Big Powers will soon be Tested", *The Economist* (11).
48. Chen J. and Dickson B.J. (2010), *Allies of the State: China's Private Entrepreneurs and Democratic Change*, Harvard University Press, Cambridge.
49. "China's Policy under Xi Jinping: Perspectives and Perceptions from EU and Neighboring Countries" (2013), *Conference Report of 16th Informal Roundtable on China*.
50. Chung Min Lee (2005), "China's Rise, Asia Dilemma", *The National Interest* Issue 81, fall 2005.
51. Chunman Zhang (June 2017), "How to Merge Western Theories and Chinese Indigenous Theories to Study Chinese Politics", *Journal of Chinese Political Science* Vol. 22 (2).
52. Daniel Bell et al., "Is the China Model Better than Democracy?" *The China File*, <https://foreignpolicy.com/2015/10/19/china-democracy-theory-communist-party-politics-model/>.
53. Danny Paau, Herbert Yee (2005), *Return of the dragon: US – China relations in the 21st century*, Peter Lang GmbH, Internationaler Verlag der Wissenschaften, Germany.

54. David Shambaugh (2006), *Power Shift: China and Asia's New Dynamics*, University of California Press.
55. Deer L & Song L. (2012), "China's Approach to Rebalancing: A Conceptual and Policy Framework", *China & World Economy* Vol. 20 (1).
56. "Dreaming Big, Acting Big: Xi's Impact on China's Military Development", *Asan Forum*, 3.5 (September-October 2015).
57. Eric X. Li., "The Life of the Party", *Foreign Affairs* (January/February 2013), <https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2012-12-03/life-party>.
58. Evan S. Medeiros and M. Taylor Fravel (2003), "China's New Diplomacy", *Foreign Affairs* (November/December).
59. Gamaut R, Song L & Yao Y. (2006), "Impact and Significance of State-owned Enterprise Restructuring in China", *The China Journal* Vol. 55.
60. Global Firepower (2017), "Military Strength Ranking", <https://www.globalfirepower.com/countries-listing.asp>.
61. Ha Anh Tuan (2014), "China's South China Sea Play: The End of Beijing's 'Peaceful Rise'?", <https://nationalinterest.org/blog/the-buzz/chinas-south-china-sea-play-the-end-beijings-peaceful-rise-10489>.
62. Helene Cooper (2014), "Hagel Spars with Chinese over Islands and Security", <https://www.nytimes.com/2014/04/09/world/asia/united-states-and-china-clash-over-contested-islands.html>.
63. Jacques deLisle (April 2010), "What's Happened to Democracy in China? Elections, Law and Political Reform", *Foreign Policy Research Institute*.
64. Jane Golley and Ligang Song (2011), "Rising China: Global Challenges and Opportunities", <https://www.eastasiaforum.org/2011/07/13/rising-chinaglobal-challenges-and-opportunities/>.
65. Jeremy Page (2013), "For Xi, a 'China Dream' of Military Power", <https://www.wsj.com/articles/SB10001424127887324128504578348774040546346>.
66. John Dotson (2012), "Outcomes of the Chinese Communist Party's 18th National

- Congress”, US - China Economic and Security, *Review Commission Staff Research Report*.
67. Joshua Kurlantzick (2007), *Charm Offensive: How China’s Soft Power is Transforming the World*, Yale University Press, New Haven and London.
68. Kevin G. Cai (2013), “China since the 18th Party Congress: A One - Year Assessment - Foreign Policy”, *The 55th Annual Conference of American Association for Chinese Studies*.
69. King G., Pan J. and Roberts M.E. (2013), “How Censorship in China Allows Government Criticism but Silences Collective Expression”, *American Political Science Review* 107 (02).
70. Knight J. (2013), *Inequality in China: An overview*, The World Bank Research Observer, World Bank Vol. 29 (1).
71. Ko K. and Wen C. (2012), “Structural Changes in Chinese Corruption”, *The China Quarterly* (211).
72. Kurlantzick, Joshua (2013), “Why the ‘China Model’ Isn’t Going away”, *The Atlantic*.
73. Landesa (2012), “Insecure Land Rights: The Single Greatest Challenge Facing China’s Sustainable Development and Continued Stability”, *Rural Development Institute*.
74. Leung J. (2015), “Xi’s Corruption Crackdown: How Bribery and Graft Threaten the Chinese Dream”, *Foreign Affairs* 94 (3).
75. Li Cheng (2012), “The End of the CCP’s Resilient Authoritarianism?”, *The China Quarterly* (211).
76. Linda Jakobson (2013), “China’s Foreign Policy Dilemma”, *Lowy Institute for International Policy*, Sydney.
77. Lorentzen, Peter (2017), “Designing Contentious Politics in Post-1989 China”, *Sage Journals* 43 (5).
78. Lu J. (2014), *Varieties of Governance in China: Migration and Institutional Change in Chinese Villages*, OUP Catalogue, Oxford University Press.

79. Maddison A. (2009), “Measuring the Economic Performance of Transition Economies: Some Lessons from Chinese Experience”, *Review of Income and Wealth Series* 55 (1).
80. Marangos J. (2011), “Social Change versus Transition: The Political Economy of Institutions and Transitional Economies”, *Forum for Social Economics* (1).
81. Michael D. Swaine (2013), “The 18th Party Congress and Foreign Policy: The Dog that Did Not Bark”, *China Leadership Monitor* (40).
82. Michael D. Swaine (2014), “Chinese Views and Commentary on Periphery Diplomacy”, *China Leadership Monitor* (44).
83. Michael S. Chase (2012), “China’s Search for a “New Type of Great Power Relationship””, *China Brief Vol.12* (17).
84. Minxin Pei (2012), “Superpower Denied? Why China’s ‘Rise’ May Have Already Peaked”, *The Diplomat*, August 9, <https://thediplomat.com/2012/08/superpower-denied-why-chinas-rise-may-have-already-peaked/>.
85. Minxin Pei (01/6/2019), “Rewriting the Rules of the Chinese Party State: Xi’s Progress in Reinvigorating the CCP”, *China Leadership Monitor*.
86. Mohan Malik (2014), “America and China's Dangerous Game of Geopolitical Poker”, *The National Interest*, <http://nationalinterest.org/feature/america-chinas-dangerous-game-geopolitical-poker-10690>.
87. Oi J.C., Babiarz K.S., Zhang L., Luo R. and Rozelle S. (2012), “Shifting Fiscal Control to Limit Cadre Power in China's Townships and Villages”, *The China Quarterly* (211).
88. Rappai M. (2000), “Chinese Communist Party - back to Business”, *Strategic Analysis Vol. 23* (10).
89. Repnikova M. (2017), *Media Politics in China: Improvising Power under Authoritarianism*, Cambridge University Press, Cambridge.
90. Richard McGregor (2010), *The Party: The Secret World of China’s Communist Rulers*, HarperCollins, New York.
91. Robert Lawrence Kuhn (2013), “Xi Jinping’s Chinese Dream”, *The New York Times*, <https://www.nytimes.com/2013/06/05/opinion/global/xi-jinpings->

chinese-dream.html.

92. Robert Sutter (2010), “China’s Rise, the United States, and Asia’s Angst”, Pacific Forum CSIS, PacNet#41, https://csis-website-prod.s3.amazonaws.com/s3fs-public/legacy_files/files/publication/pac1041.pdf
93. Shannon Tiezzi (2014), “China’s ‘Peaceful Rise’ and the South China Sea”, The Diplomat, <https://thediplomat.com/2014/05/chinas-peaceful-rise-and-the-south-china-sea/>.
94. Shen Dingli (2011), “How to Improve China - US Trust”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2013/11/how-to-improve-china-us-trust/>.
95. Shih, Victor, Christopher Adolph, and Mingxing Liu (2012), “Getting Ahead in the Communist Party: Explaining the Advancement of Central Committee Membes in China”, *American Political Science Review* 106 (1).
96. Shin C. (2014), “Understanding Chinese Economy Accurately, China Research”, *East Asia*.
97. Shujie Yao (2012), “Can China Become the Next Superpower?”, Briefing Series Issues 21 (China Policy Institute).
98. Song L, Wu J & Zhang Y. (2010), “Urbanization of Migrant Workers and Expansion of Domestic Demand”, *Social Sciences in China* Vol. 31 (3).
99. Song Z, Storesletten K & Zilibotti F. (2011), “Growing like China”, *American Economic Review* Vol. 101 (1).
100. Spence, Jonathan (2012), *The Search for Modern China*, Third Edition, W.W. Norton & Company, New York
101. Stephanie Kleine-Ahlbrandt (2013), “China: New Leaders, Same Assertive Foreign Policy”, *Crisis Group*, <https://www.crisisgroup.org/asia/north-east-asia/china/china-new-leaders-same-assertive-foreign-policy>.
102. Stiglitz J. (2012), *The Price of Inequality: How Today’s Divided Society Endangers our Future*, W.W. Norton & Company, New York.
103. Stockholm International Peace Research Institute (July 2012), “SIPRI Yearbook, Armament, Disarmament and International Security”.
104. Stockmann D. (2013), *Media Commercialization and Authoritarian Rule in*

- China*, Cambridge University Press, Cambridge.
105. Suisheng Zhao (2009), *China – US relations transformed: Perspectives and strategic interactions*, Routledge, Taylor & Francis Group, New York.
 106. Sujian Guo (2007), “Harmonious World and China’s New Foreign Policy”, Institute for Public Policy Research.
 107. Susan V., Lawrence and Michael F. Martin (2013), “Understanding China’s Political System”, *Congressional Research Service*.
 108. Sutter R. (2005), “China’s Rise in Asia - Promises, Prospects and Implications for the United States”, Asia-Pacific Center for Security Studies.
 109. Svobik, Milan W. (2013), *The Politics of Authoritarian Rule*, Cambridge University Press, Cambridge.
 110. Tetsuo Kotani (2010), “Tip of the Spear: the 13 Missions for the US Marines in Okinawa”, Pacific Forum CSIS, PacNet#43, The Project 2049 Institute, Washington.
 111. The Economist (2014), “The World’s Biggest Economies China’s Back”, <https://www.economist.com/finance-and-economics/2014/10/15/chinas-back>.
 112. Tigers and Flies (3 November 2014), “How Two Years-of Graft Probes Have Shaken China’s Political Elite”, *South China Morning Post*, <https://www.multimedia.scmp.com/china-corruption/>.
 113. Tim Summers (2013), “China’s New Leadership: Approaches to International Affairs”, Royal Institute of International Affairs.
 114. Tisdell C. (2009), “Economic Reform and Openness in China: China’s Development Policies in the Last 30 Years”, *Economic Theory, Applications & Issues, Working Paper* (55).
 115. Truex, Rory (2014), “The Returns to Office of a Rubber Stamp Parliament”, *American Political Science Review* 108 (2).
 116. Wang Y. (2014), “Coercive Capacity and the Durability of the Chinese Communist State”, *Communist and Post-Communist Studies* 47 (1).
 117. Wang, Yuhua and Carl Minzner (2015), “The Rise of the Chinese Security

- State”, *The China Quarterly* 222.
118. William A. Joseph (ed.) (2014), *Politics in China: An Introduction*, Second edition, Oxford University Press, New York.
 119. William s Tay & Alvin Y So (eds) (2012), *Handbook of Contemporary China*, World Scientific, Singapore.
 120. Xu C. (2011), “The Fundamental Institutions of China’s Reforms and Development”, *Journal of Economic Literature* Vol. 49 (4).
 121. Yasheng Huang (January/February 2013), “Democratize or Die: Why China’s Communists Face Reform or Revolution”, *Foreign Affairs*, <https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2012-12-03/democratize-or-die>.
 122. Yasuda J. (2017), *On Feeding the Masses: An Anatomy of Regulatory Failure in China*, Cambridge University Press, Cambridge.
 123. Yong Nam Cho, Jong Jo Jeong (2008), “China’s Soft Power - Discussions, Resources and Prospects”, *Asian Survey* Vol. 48 (3).
 124. Yuen Yuen Ang (2020), *China’s Gilded Age: The Paradox of Economic Boom and Vast Corruption*, Cambridge University Press, Cambridge.
 125. Yun Sun (2014), “China’s New Calculation in the South China Sea”, East-West Center, <https://www.eastwestcenter.org/publications/china%E2%80%99s-new-calculations-in-the-south-china-sea>.
 126. Zhang Hong (2011), “China Marches towards ‘Grand Diplomacy’”, *People’s Daily*, <http://theory.people.com.cn/GB/13871972.html>.
 127. Zheng Bijian (2005), “China’s “Peaceful Rise” to Great Power Status”, *Foreign Affairs* Vol. 84 (5).
 128. Zhiqun Zhu (2008), *US – China relations in the 21st century: Power transition and peace*, Routledge, Taylor & Francis Group, New York.

Tiếng Trung Quốc

129. 包心鉴：“中国政治体制改革 40 年：基本经验与逻辑理路”，《观察与思考》2018 年版第 11 期，第 12—16 页。

130. 蔡定剑：“中国政治体制改革三十年反思与前瞻”，2011年8月16日，<https://www.aisixiang.com/data/29376.html>。
131. 蔡文成、刘博睿：“人民民主：一个政治概念的中国化演变”，《治理现代化研究》，第40卷第3期，2024年5月，第41—52页。
132. 蔡明干：“论党的二十大报告对习近平新时代中国特色社会主义思想的丰富发展”，《产业与科技论坛》2024年第23（4）期，第5—8页。
133. 陈洁：“多项老龄工作重归民政部 应对人口老龄化任务紧迫”，《21世纪财经》，2023年3月8日，<https://m.21jingji.com/article/20230308/655cd5725bf653e6a4ae45ad47294711.html>。
134. 陈文：“改革开放40年当代中国政治研究的演进逻辑与特点表征”，《天津社会科学》，2019年第1期，第77—83页。
135. 邓纯东：“坚定不移走中国特色社会主义政治发展道路——新中国70年政治建设的主要成就与基本经验”，《人民论坛》，2019年第27期，第46—49页。
136. 丁志刚、王杰：“中国行政体制改革四十年：历程、成就、经验与思考”，《上海行政学院学报》2019年第20（01）期，第35—48页。
137. 房宁、张茜：“中国政治体制改革的历程与逻辑”，《文化纵横》2017年第6期，第19—27页。
138. 房宁、张茜：“中国政治体制，40年来有何变化？”，《观察者》，2018年2月1日，<https://www.guancha.cn/FangNing/20180201445378.shtml>。
139. 浦兴祖：《当代中国政治制度》，上海：复旦大学出版社，2018年版。
140. 高放：“改革开放以来中国政治体制改革的回顾与展望”，《理论探讨》2010年第1期，第20—22页。
141. 高尚全：“中国改革开放40年的经验和启示”，《中国改革年鉴》《深改10周年（2013-2022）》（下卷）2023年版，第1101—1111页。

142. 郭定平（主编）：《中国政党理论创新研究读本》，复旦大学出版社，2021年版。
143. 顾强，农颖霞：“越共十三大以来政治改革、意识形态和反腐败斗争的新动向”，《纵横东南亚》2024年第1期，第99—110页。
144. 韩庆祥：“强国时代”与“红船精神”《光明日报》，2018年12月28日7版。
145. 韩继志主编：《政府机构改革》，北京：中国人民大学出版社，1999年版。
146. 何增科：《中国政治体制改革研究》，北京：中央编译出版社出版，2008年版。
147. 何毅亭：“实现中国梦是新时代中国共产党人的历史使命”，《人民日报》2017年12月18日9版。
148. 红星：“党的十八大以来国家监察体制改革研究的知识图谱”，《法制与社会》第89—91页。
149. 黄丽娟：“制度创新与制度建设：中国共产党全面推动政治体制改革的关键”，《辽宁行政学院学报》2013年第15（04）期，第128—130页。
150. 黄仁宗：“中国的政治体制改革关”，《战略与管理》，2002年第2期，第72—82页。
151. 黄小勇著：《中国行政体制改革研究》，北京：中共中央党校出版社，2013年版。
152. 黄晓娟：“邓小平《党和国家领导制度的改革》研究综述”，《法制与社会》，2019年9期，第233—235页。
153. 胡伟：“国家治理体系和治理能力现代化的纲领性文献——纪念邓小平《党和国家领导制度的改革》发表40周年”，《理论周刊》2020年7月，第5—12页。

154. 胡鞍钢：“中国实力进入世界前列”，《清华大学新闻》，2017年10月18日，<https://www.tsinghua.edu.cn/info/1742/71289.htm>。
155. 蒋瑾：“当代中国政治体制改革主要成效及趋势述析”，《文教资料》2015年第9期，第78—80页。
156. 记者罗沙、范思翔、齐琪：“社会主义民主法治更加健全——党的十八届三中全会以来政治体制改革成就综述”，《人民日报》2024年6月29日，http://www.qstheory.cn/qshyjx/2024-06/29/c_1130170890.htm。
157. 孔令轩：“探析中国共产党领导下的中国式现代化道路”，《党建·思政》，2024年第4期，第49—51页。
158. 雷丛丛、李瞳：“改革开放以来中国共产党民主执政的重大成就探析”，《中共郑州市委党校学报》，2020年第3期，第22—28页。
159. 雷雨若：“中国政治体制改革的演进逻辑——一项历史制度主义的解释”，《陕西行政学院学报》，2016年第1期，第56—60页。
160. 梁晓玲、李梅清：“浅谈中国政治体制改革的现状及发展趋势”，《学习时报》，中共中央党校，2018年第1期，第17—25页。
161. 李凡：“中国当前政治改革的几个重要问题”，《爱思想》，aisixiang.com/data/90330.html。
162. 李敬德：“中国特色社会主义政治制度的创新发展及其重大意义”，《政治发展与治理·新视野》，2021年第4期，第11—15页。
163. 李庆霞：“当代中国政治体制改革的困境与出路”，《理论探讨》，2013年第3期，第26—30页。
164. 李少文：“政治体制改革的基本规律——以国家监察体制改革为例”，《广东行政学院学报》，2020年第32卷第6期，第74—84页。
165. 李少斐：“中国政治发展道路何以越走越宽广”，《理论视野》，2020年第4期，第67—73页。

166. 李笑宇：“比较视野下全过程人民民主的政治发展形态分析”，《学习与探索》，2023年第2期，第58—65页。
167. 刘星安：“对中国政治体制改革的思考”，《学理论》，2014年第28期，第53—54页。
168. 李寅月：“论机构改革与经济体制改革的协同推进”，《《理论探索》》2021年第3期（总第249期），第63—69页。
169. 李中杰：“新中国70年政治制度的发展”，《中国党政干部论坛》，2019年第2期，第6—12页。
170. 林尚立：《当代中国政治形态》，天津：天津人民出版社，2000年版。
171. 刘丹丹：《邓小平政治体制改革的四重特色》，2021年9月第四周，第16—18页。
172. 刘佳、吴雯：“加强乡镇“一把手”监督的理论探讨和实践路径”，2024年思想政治教育论坛郑州分论坛，2024年2月19日，第113—116页。
173. 刘华超：“改革开放以来党的领导制度改革的历史性推进与经验启示”，《当代世界社会主义问题》，2022年第1期，第53—63页。
174. 刘维芳：“改革开放以来中国政治建设的历程与成就”，《北京党史》2021年第1期，第23—31页。
175. 刘智峰：《渐进的改革：中国政治体制改革的经验与反思》，北京：中央文献出版社，2014年版。
176. 马亮：“党和国家机构改革方案公布 凸显六大亮点”，北京：中国人民大学的国家发展与战略研究院，2023年3月22日，<http://nads.ruc.edu.cn/xzgd/7c88974cb67942f5852ca470467273ff.htm>。
177. 门洪华：《构建中国大战略的框架》，北京：北京大学出版社，2005年版。
178. 潘同人：“全过程人民民主：当代中国政治认同生成的实践逻辑”，《治理现代化研究》，第40卷第3期，2024年5月，第53—61页。

179. 秦刚：“社会主义是当代中国实现现代化的成功之路”，《求是》，2018年1月15日。
180. 秦前红：“中国政治体制改革“试点”模式需解决好四大问题”，《爱思想》，<https://www.aisixiang.com/data/105573.html>。
181. 全国人民代表大会：《中华人民共和国宪法（2018年修正文本）》，国家法律法规数据库，<https://flk.npc.gov.cn/xf/html/xf2.html>。
182. 任剑涛：《中国政府体制改革的政治空间》，新加坡：新加坡国立大学东亚研究所，2008年。
183. 任鹏：“改革开放40年我国政治体制改革的历程特点和逻辑进路——基于历次党代会报告的分析”，《高校马克思主义理论研究》，2018年第4期，第32—44页。
184. 沈传亮：“新世纪以来中国政治体制改革研究综述”，《中共党史研究》，2011年第3期，第100—110页。
185. 石仲泉：“党和国家长治久安制度建设的伟大工程”，《理论视野》2020年第2期，第5—11页。
186. “首都师范大学北京市社会科学基金重大项目《中国政治体制改革的历史进程及基本经验研究》结项成果简介”，《首都师范大学学报》，2022年第3期，附录3。
187. Steve Tsang：“什么是习近平思想”，Project Syndicate，2019年2月15日。
188. 苏洁、卿晓秋：“略论当代中国司法改革的政治逻辑”，《领导科学论坛》，2022年第4期，第6—11页。
189. 苏珂、高怀霞：“中国政治体制改革的经验与启示”，《党史博采》| 2021年第6期，第22—24页。

190. 苏新星：“社会主义国家政治体制改革战略探析——鉴于戈尔巴乔夫“人道的民主的社会主义”改革之失”，《吕梁教育学院学》2021年3月第1期（总第115期），第50—52页。
191. 孙开，赵祝涛：“坚持我国政治体制改革顶层设计的现实理据、内在逻辑与当代启示——以“摸着石头过河”为考察视角”，《长春理工大学学报（社会科学版）Journal of Changchun University of Science and Technology（Social Sciences Edition）》第37卷第1期，2024年2月，第1—6页。
192. 孙晓莉：“中国政治体制改革的三大基本逻辑”，中国共产党新闻网，2014年11月12日刊登，<http://cpc.people.com.cn/n/2014/1112/c64387-26008544.html>。
193. 孙学敏、杨晓棠：“论邓小平关于党和国家领导体制改革的思想”，《中国石油大学学报（社会科学版）》，2007年第6期，第37—41页。
194. 唐晋、高全喜、何包钢：《大国策：通向大国之路的中国社会发展战略》，北京：人民日报出版社，2009年版。
195. 田国强、陈旭东：“现代国家治理视野下的中国政治体制改革——从何而来，往何处去？”，《学术月刊》2018年第46(03)期，第76—84页。
196. 汪仕凯：“党和国家机构改革与政治体制能力重塑：制度优势转化为治理效能的中国逻辑”，《南京社会科学》2020年第2期，第1—9页。
197. 王东：“马克思的国家观与中国政治体制改革的新道路”，《河北学刊》，2007年第1期，第1—6页。
198. 王乐夫、郭巍青：《当代中国政治体制改革的理论与实践研究》，广州：中山大学出版社，2002年版。
199. 王珺、张建刚：“中国式现代化的现实挑战及战略选择”，《理论视野》2023年第2期，第55—61页。

200. 王伟国：“坚持依规治党对中国法学创新发展的学术贡献”，《人民日报》2024年6月24日，http://www.qstheory.cn/qshyjx/2024-06/24/c_1130167008.htm。
201. 吴安家：《中共政治发展》，台北：台湾政治大学的国际关系研究中心出版社，1994年版。
202. 吴伟：“政治体制改革：十七大与十三大之比较”，《爱思想》，2012年2月16日，<https://www.aisixiang.com/data/24800.html>。
203. 习近平：“全面实施改革强军战略 坚定不移走中国特色强军之路”，中国共产党新闻网，<https://cpc.people.com.cn/n/2015/1127/c64094-27861889.html>。
204. 谢远学：“关于中国政治体制改革的几点认识”，《政治学研究》2013年第2期，第11—19页。
205. 新华网：“中国共产党第二十次全国代表大会关于十九届中央纪律检查委员会工作报告的决议”，2022年10月22日，<http://cpc.people.com.cn/20th/n1/2022/1027/c448334-32553373.html>。
206. 邢悦婷：《习近平关于党的政治建设重要论述研究》，电子科技大学，2022年版。
207. 熊光清：“中国政治改革面临的困境及路径选择”《哈尔滨工业大学学报（社会科学版）》2015年第4期，第2—7页。
208. 徐爽：“从民主改革到新时代党的治藏方略”，《人民日报》，2024年5月20日，http://www.qstheory.cn/qshyjx/2024-05/20/c_1130148077.htm。
209. 徐晓全：“运用国家制度和国家治理体系优势推进祖国统一”，《两岸关系》2020年第1期，第49—50页。
210. 许耀桐：“当代中国的政治体制改革——纪念改革开放40周年”，《中国浦东干部学院学报》2017年第6期，第102—108页。

211. 颜德如、李 过：“改革开放以来机构改革的经验塑造、逻辑演进及其展望”，《理论探讨》，2021 年第 3 期，第 42—50 页。
212. 杨凤城、肖政军：“多维度认识中国特色社会主义新时代的伟大成就”，《马克思主义理论学科研究》2022 年第 8(02)期，第 25—30 页。
213. 叶险明：“中国政治体制改革的前提性批判——一种马克思主义政治哲学的视角”，《哲学研究》2014 年第 11 期，第 3—11 页和 127 页。
214. 岳 鹏、屠 火 明：“习近平关于政治体制改革重要论述探析”，《观察与思考》，2019 年第 1 期，第 45—50 页。
215. 张剑、樊瑞、樊朔、王梦欣：“科技部重组的逻辑与意义”，《财经》杂志，2023 年 3 月 12 日，<https://news.sina.com.cn/c/2023-03-12/docimykrrpit9070095.shtml>。
216. 张君：“中国特色社会主义政治发展道路的两种观察视角——兼论与全过程人民民主的关联”，《理论月刊》，2024 年第 4 期，第 50—58 页。
217. 张倩楠：“国务院机构改革重新组建科学技术部，有何意义？”，《证券时报》，2023 年 3 月 8 日，<https://www.stcn.com/article/detail/810647.html>。
218. 中共中央党史和文献研究院：《党的十九大以来大事记》，北京：人民出版社，2022 年版。
219. 中共中央国务院印发《党和国家机构改革方案》，https://www.gov.cn/gongbao/content/2023/content_5748649.htm。
220. 中共中央宣传部：《习近平新时代中国特色社会主义思想三十讲》，北京：学习出版社，2018 年版。
221. 中央纪委国家监委法规室：“严明党的组织纪律 增强组织纪律性——关于《中国共产党纪律处分条例》组织纪律修订的重点内容”，《人民日报》2024 年 6 月 18 日，http://www.qstheory.cn/qshyjx/2024-06/18/c_1130164301.htm。

222. 周天勇：《中国政治体制改革》，北京：水利出版社，2004年版。
223. 周少来：《中国的政治体制改革与民主政治建设》，北京：文献社会科学出版社，2013年版。

PHỤ LỤC 1

TÓM LƯỢC VỀ 5 BẢN HIẾN PHÁP CỦA TRUNG QUỐC

Bản hiến pháp đầu tiên được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc (Nhân đại toàn quốc Trung Quốc) khóa I thông qua vào ngày 20/4/1954. Hiến pháp ghi rõ, thành quả thắng lợi của nhân dân cả nước giành được trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc đã thể hiện rõ chặng đường đã qua và ý nguyện lâu dài của quần chúng nhân dân, xác nhận một thực tế là quần chúng nhân dân chịu áp bức hàng nghìn năm đã trở thành chủ nhân đất nước. Hiến pháp quy định các chế độ chính trị, kinh tế đặc sắc Trung Quốc và các chế độ cơ bản khác. Tuy nhiên, trong thời kỳ Đại cách mạng văn hóa (1966-1976), do sự chi phối quá lớn của vai trò cá nhân lãnh tụ đối với nền chính trị Trung Quốc, Hiến pháp đã không thể phát huy được tác dụng.

Năm 1975, Nhân đại toàn quốc Trung Quốc đã thông qua bản Hiến pháp mới. Do sự phá hoại của tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu và Giang Thanh, nên bản Hiến pháp năm 1975 đã bãi bỏ nhiều quy định đúng đắn trong bản Hiến pháp năm 1954 và bổ sung vào nhiều điểm sai lầm, in đậm dấu ấn của Đại cách mạng văn hóa, xen lẫn những sai lầm cực tả, nôn nóng, đốt cháy giai đoạn, có tính hạn chế lịch sử nghiêm trọng. Sau khi ban bố được vài năm, bản Hiến pháp này “chết yểu” do đời sống chính trị Trung Quốc có những biến đổi to lớn.

Năm 1978, bản Hiến pháp thứ ba ra đời. Đây là bản Hiến pháp mang tính quá độ, đã tổng kết sơ bộ bài học về Đại cách mạng văn hóa và sửa đổi một số phần về tư tưởng cực tả, cũng như những quy định không phù hợp với tình hình thực tế khách quan trong bản Hiến pháp năm 1975. Tuy nhiên, bản Hiến pháp năm 1978 chưa loại bỏ được hoàn toàn những ảnh hưởng của Đại cách mạng văn hóa và tư tưởng Mao Trạch Đông. Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XI là mốc đánh dấu Trung Quốc bước vào thời kỳ lịch sử phát triển mới. Trong thời kỳ mới, tính hạn chế của bản Hiến pháp năm 1978 bộc lộ ngày càng rõ. Để phù hợp với tình hình mới, Trung Quốc lúc đó đã xác định cần phải sửa đổi Hiến pháp năm 1978.

Sau hơn hai năm sửa đổi, ngày 04/12/1982, Nhân đại toàn quốc Trung Quốc khóa V đã thông qua bản Hiến pháp năm 1982. Về hình thức, Hiến pháp năm 1982 được hình thành trên cơ sở sửa đổi Hiến pháp năm 1978, nhưng trên thực tế là kế thừa và phát triển những nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp năm 1954, tổng kết một cách hệ thống kinh nghiệm từ ngày dựng nước, đặc biệt là thành quả “sửa cái sai, trở lại với cái đúng”, “giải phóng tư tưởng” sau Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khóa XI, xóa bỏ những nội dung lỗi thời không còn phù hợp với sự phát triển thực tế của xã hội trong bản Hiến pháp năm 1954 cũng như những sai lầm tả khuynh trong Hiến pháp năm 1975 và Hiến pháp năm 1978, hay nói cách khác là vừa tính đến tình hình hiện thực khi đó, vừa tính đến viễn cảnh phát triển trong tương lai. Hiến pháp đã khẳng định 4 nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội là: (i) Nền chuyên chính nhân dân; dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông; (ii) Con đường xã hội chủ nghĩa và (iv) Sự lãnh đạo của ĐCS. Nét mới của bản Hiến pháp này là vai trò của Đảng được giới hạn, chức năng của Nhà nước được tăng cường. Theo đó, Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật, các lực lượng vũ trang đặt dưới sự chỉ huy của Chủ tịch Quân Ủy Trung ương. Ngoài ra, Hiến pháp năm 1982 còn quy định nhiều quyền và nghĩa vụ công dân. Từ đó đến nay, Hiến pháp hiện hành (năm 1982) là sự bảo đảm về mặt Hiến pháp cho việc tiến hành thuận lợi công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

PHỤ LỤC 2

CHỨC NĂNG, QUYỀN HẠN

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN TOÀN QUỐC

VÀ BAN THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN TOÀN QUỐC

TRUNG QUỐC

1. Chức năng cơ bản của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc

Theo Hiến pháp hiện hành và những quy định pháp luật liên quan, chức năng cơ bản của ĐHĐBNDTQ là [Phó Hưng Tổ, 2003, tr. 18-19]:

(i) Định ra và sửa đổi Hiến pháp, định ra và sửa đổi luật cơ bản.

(ii) Bầu ra, quyết định và bãi miễn những người lãnh đạo cao nhất của cơ quan nhà nước và thành viên của các tổ chức liên quan, cụ thể: Bầu ra Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước; Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Ủy ban trưởng, Phó Ủy ban trưởng, Ủy viên và Tổng thư ký của Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ. Căn cứ đề nghị của Chủ tịch nước quyết định bổ nhiệm Thủ tướng Quốc vụ viện; Căn cứ đề nghị của Thủ tướng Quốc vụ viện bổ nhiệm Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Ủy viên Quốc vụ viện, các Bộ trưởng, Chủ nhiệm các Ủy ban, Thẩm kế trưởng (Tổng Kiểm toán Nhà nước), Tổng Thanh tra; Căn cứ đề nghị của Chủ tịch Quân Ủy Trung ương bổ nhiệm các thành viên tổ chức khác của Quân Ủy Trung ương; Có quyền quyết định bãi miễn tất cả những người mà mình bầu ra như đã nói ở trên và chấp nhận đơn từ chức của những người đó.

(iii) Thẩm tra và phê chuẩn báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cũng như tình hình thực hiện kế hoạch; Thẩm tra và phê chuẩn báo cáo về ngân sách quốc gia và tình hình thực hiện ngân sách; Phê chuẩn việc thành lập các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định thành lập khu hành chính đặc biệt và các chế độ quản lý của khu; Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình.

Giám sát việc thực thi Hiến pháp, các công việc của cơ quan nhà nước tối cao, bao gồm: Lắng nghe và thẩm tra báo cáo công việc của Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ,

Quốc vụ viện, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đưa ra chất vấn đối với Quốc vụ viện hoặc các bộ, ủy ban của ĐHĐBNDTQ, sửa đổi và hủy bỏ những quyết định không phù hợp của Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ.

Đại biểu ĐHĐBNDTQ có nhiệm kỳ 5 năm với các quyền hạn: Đề xuất ý kiến thuộc thẩm quyền của ĐHĐBNDTQ; chất vấn Quốc vụ viện và các bộ, ủy ban thuộc Quốc vụ viện trong các kỳ họp của ĐHĐBNDTQ; có quyền bất khả xâm phạm cá nhân và không phải chịu trách nhiệm hình sự, trừ phi Đoàn Chủ tịch kỳ họp ĐHĐBNDTQ hoặc Ban Thường vụ ĐHĐBNDTQ cho phép; không chịu trách nhiệm pháp lý về phát biểu và quyết định lựa chọn bầu cử tại các kỳ họp khác nhau của ĐHĐBNDTQ... Quyền lợi và nghĩa vụ của đại biểu Nhân đại toàn quốc là thống nhất với nhau, không thể tách rời [*Từ điển Bách khoa nước Trung Hoa mới*, 1991, tr. 132].

2. Chức năng, quyền hạn của Ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc

Thông thường, Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ Trung Quốc họp 2 tháng 1 lần. Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ có những chức năng và quyền hạn cơ bản sau:

Một là, định ra và sửa đổi các đạo luật, trừ các đạo luật mà ĐHĐBNDTQ định ra; Thay đổi một số chi tiết hay bổ sung vào các đạo luật mà không trái với nguyên tắc cơ bản của luật đó.

Hai là, giải thích Hiến pháp và các đạo luật.

Ba là, giám sát thực thi Hiến pháp, các công việc của các cơ quan nhà nước, bao gồm: Quốc vụ viện, Ủy ban Quân sự Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; hủy bỏ các văn bản pháp quy hành chính, các quyết định và mệnh lệnh của Quốc vụ viện trái với Hiến pháp và pháp luật; hủy bỏ các quy định luật pháp của địa phương, các quyết định của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, khu tự trị và các thành phố trực thuộc Trung ương trái với Hiến pháp, pháp luật và các văn bản pháp quy hành chính; dựa vào luật pháp để đưa ra chất vấn đối với Quốc vụ viện và các bộ, ủy ban của Quốc vụ viện.

Bốn là, xem xét và phê chuẩn điều chỉnh một số chi tiết cần thiết trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cũng như ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện; phê chuẩn các điều lệ tự trị và điều lệ đơn lẻ của khu tự trị; thông qua việc

phê chuẩn và hủy bỏ các điều ước và hiệp định quan trọng ký kết với nước ngoài; quy định chế độ quân hàm, hàm ngoại giao cho quân nhân và nhân viên ngoại giao, cũng như cấp bậc của các ngành chuyên môn khác; quy định và quyết định các danh hiệu nhà nước và phong tặng danh hiệu đó; quyết định đặc xá; thông qua quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh trong thời gian giữa các kỳ đại hội của ĐHĐBNDTQ nếu như đất nước bị xâm lược vũ trang hoặc buộc phải thực hiện điều ước quốc tế chung chống xâm lược; quyết định tổng động viên hoặc tổng động viên từng phần; quyết định tình trạng giới nghiêm trong cả nước hoặc trong các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc riêng lẻ.

Năm là, trong thời gian giữa các kỳ đại hội của ĐHĐBNDTQ, căn cứ vào đề nghị của Thủ tướng Quốc vụ viện, quyết định bổ nhiệm Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban, Thẩm kế trưởng (Tổng Kiểm toán Nhà nước), Tổng thanh tra; Căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương bổ nhiệm các thành viên khác của Ủy ban Quân sự Trung ương; Căn cứ vào đề nghị của Chánh án Tòa án nhân tối cao, bổ nhiệm và miễn nhiệm phó chánh án, thẩm phán, ủy viên Hội đồng xét xử của Tòa án nhân dân tối cao và chánh án Tòa án quân sự; Căn cứ vào đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bổ nhiệm và miễn nhiệm phó viện trưởng, kiểm sát viên, ủy viên Hội đồng kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự, đồng thời phê chuẩn bổ nhiệm và bãi nhiệm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông qua quyết định về việc cử và triệu hồi Đại sứ đặc mệnh toàn quyền ở nước ngoài.

Sáu là, tham dự công việc tổ chức ĐHĐBNDTQ, bao gồm: Chủ trì bầu cử đại biểu ĐHĐBNDTQ; triệu tập ĐHĐBNDTQ; quyết định kéo dài nhiệm kỳ của ĐHĐBNDTQ khóa đó; chủ trì Hội nghị trù bị của ĐHĐBNDTQ; thẩm tra tư cách đại biểu; đề ra chương trình nghị sự cho ĐHĐBNDTQ; lãnh đạo các Ủy ban chuyên trách của ĐHĐBNDTQ trong thời gian giữa các kỳ Đại hội.

Bảy là, thực hiện các chức năng khác mà ĐHĐBNDTQ giao phó. Do Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ có nhiều thành viên nhưng lại không hoạt động thường xuyên, nên ĐHĐBNDTQ bầu ra Hội nghị Ủy viên trưởng để phụ trách và xử lý các công việc thường ngày quan trọng của Ủy ban. Thành phần bao gồm: Ủy viên trưởng, Phó Ủy

viên trưởng và Tổng thư ký, với các chức trách chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, quyết định thời gian của mỗi lần họp Ủy ban thường vụ, sắp xếp, dự thảo chương trình hội nghị.

Thứ hai, đề xuất với Ban Thường vụ các dự luật nằm trong phạm vi chức năng của Ban thường vụ. Đối với dự luật và chất vấn của cơ quan khác đưa ra cho Ban thường vụ, sẽ giao cho các Ủy ban chuyên trách xem xét bàn bạc hoặc nhắc nhở Hội nghị Ban thường vụ xem xét bàn bạc, quyết định phương thức trả lời chất vấn.

Thứ ba, xử lý công việc liên quan đến bổ nhiệm và bãi nhiệm nhân sự, đưa ra vấn đề trình tự liên quan để Ban thường vụ xem xét bàn bạc.

Thứ tư, chỉ đạo và điều phối công việc hàng ngày của các Ủy ban chuyên trách.

Thứ năm, quyết định việc hệ trọng trong công việc của cơ quan Ban thường vụ, xử lý các công việc chủ yếu hàng ngày khác của Ban thường vụ.

Hội nghị Ủy viên trưởng không phải là một cơ cấu quyền lực thực tế, chỉ là cơ quan xử lý các công việc quan trọng thường ngày của Ban thường vụ, không có quyền thay thế Ban thường vụ thực hiện chức năng.

PHỤ LỤC 3

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG, BAN THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC ỦY BAN CHUYÊN TRÁCH

1. Chức năng, quyền hạn của Đại hội đại biểu nhân dân địa phương và chính quyền địa phương các cấp

* *Chức năng và quyền hạn của Đại hội đại biểu nhân dân địa phương* [浦兴祖 (Phó Hưng Tổ), 2003, tr. 51-54]:

(i) Căn cứ vào quy định của Hiến pháp và pháp luật hoặc được quyền theo một trình tự nhất định để định ra, sửa đổi hoặc hủy bỏ quyền hạn chức năng của những văn bản pháp quy mang tính địa phương. Có quyền định ra và ban bố văn bản pháp quy địa phương, nhưng không được trái với Hiến pháp và pháp luật;

(ii) Quán triệt thực hiện Hiến pháp, pháp luật, pháp quy hành chính và những nghị quyết liên quan của các cơ quan quyền lực nhà nước cấp trên ở khu vực hành chính của mình. ĐHĐBND các cấp địa phương cấp huyện trở lên còn phải đảm bảo việc thực hiện kế hoạch phát triển quốc gia và dự toán ngân sách nhà nước. ĐHĐBND các cấp địa phương bảo vệ tài sản thuộc sở hữu toàn dân XHCN và tài sản thuộc sở hữu của tập thể quần chúng lao động, bảo vệ tài sản hợp pháp thuộc sở hữu tư nhân của công dân. Bảo vệ trật tự xã hội, tự do bản thân, quyền lợi dân chủ và các quyền lợi khác của công dân. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức kinh tế. Bảo đảm quyền lợi của dân tộc thiểu số...;

(iii) ĐHĐBND địa phương cấp huyện trở lên có quyền xem xét, phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân, phát triển xã hội và dự toán ngân sách trong khu vực hành chính của mình, cũng như báo cáo tình hình thực hiện; thảo luận, quyết định những công việc to lớn trong khu vực hành chính của mình trên các lĩnh vực như: Kinh tế, chính trị, giáo dục, khoa học, môi trường và bảo vệ môi trường, dân chính, dân tộc... ĐHĐBND địa phương cấp xã trong khu vực hành chính của mình có quyền

căn cứ vào kế hoạch nhà nước để quyết định sự nghiệp kinh tế, văn hóa cũng như kế hoạch xây dựng sự nghiệp công ích; xem xét và phê chuẩn dự toán tài chính và báo cáo tình hình thực hiện dự toán; quyết định kế hoạch thực thi công việc dân chính. ĐHĐBND các cấp địa phương trong phạm vi quyền hạn của mình có thể thông qua và ban bố những nghị quyết liên quan;

(iv) Ở các cấp tương ứng, ĐHĐBND các cấp địa phương có quyền bầu và bãi miễn tỉnh trưởng, phó tỉnh trưởng, chủ tịch và phó chủ tịch khu tự trị, thị trưởng và phó thị trưởng, châu trưởng và phó châu trưởng, huyện trưởng và phó huyện trưởng, trưởng và phó khu, trưởng và phó xã, trưởng và phó trấn. ĐHĐBND địa phương cấp huyện trở lên có quyền bầu và bãi miễn các thành viên trong Ban thường vụ của ĐHĐBND địa phương cấp tương đương; bầu ra đại biểu ĐHĐBND địa phương cấp trên, đồng thời có quyền bãi miễn đại biểu ĐHĐBND địa phương cấp trên mà mình đã bầu ra. Có quyền bầu ra và bãi miễn Chánh án Tòa án nhân dân và Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tương đương. Tuy nhiên, khi bầu hoặc quyết định bãi miễn Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tương đương cần phải báo cáo với Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao hơn và xin sự phê chuẩn của Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp đó. ĐHĐBND địa phương cấp xã có quyền bầu ra chủ tịch và phó chủ tịch cấp đó. Những người lãnh đạo chính quyền nhân dân địa phương các cấp, ủy viên ban thường vụ của ĐHĐBND địa phương, chánh án tòa án nhân dân, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trở lên, chủ tịch và phó chủ tịch ĐHĐBND địa phương cấp xã đều có thể nộp đơn từ chức cho ĐHĐBND địa phương cùng cấp và do ĐHĐBND địa phương cùng cấp quyết định có chấp nhận đơn từ chức hay không. Đơn từ chức của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân buộc phải báo cáo với viện trưởng viện kiểm sát cấp trên và xin sự phê chuẩn của Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp đó;

(v) ĐHĐBND địa phương các cấp có quyền lắng nghe và xem xét báo cáo công việc của chính quyền nhân dân cấp tương đương, hủy bỏ những quyết định không thích hợp của chính quyền nhân dân cấp tương đương. Ngoài ra, ĐHĐBND địa phương các cấp có quyền thông qua những hình thức như chất vấn, bình xét để giám

sát chính quyền nhân dân cấp tương đương, cũng như công việc thuộc về nó, giám sát tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân cấp tương đương.

** Chức năng và quyền hạn của chính quyền nhân dân cấp tỉnh:* (i) Thực hiện nghị quyết của ĐHĐBND địa phương cấp mình và Ban thường vụ ĐBĐHND đó, chấp hành những quyết định và mệnh lệnh của Quốc vụ viện, đồng thời bảo đảm nó được quán triệt thực hiện một cách hiệu quả, thuận lợi trong khu vực hành chính của mình; (ii) Quản lý các công việc hành chính trong khu vực hành chính của mình; (iii) Căn cứ vào pháp luật, văn bản pháp quy hành chính và văn bản pháp quy hành chính mang tính địa phương mà ĐHĐBND địa phương cấp mình và Ban thường vụ ĐHĐBND để định ra văn bản pháp quy hành chính, quy định biện pháp hành chính, ban bố quyết định và mệnh lệnh; (iv) Lãnh đạo toàn diện mảng công việc thuộc phạm vi chức trách và công việc của chính quyền nhân dân cấp dưới; (v) Bảo vệ tài sản sở hữu toàn dân và tài sản sở hữu tập thể của quần chúng lao động, bảo vệ tài sản sở hữu tư nhân của công dân, bảo vệ trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi bản thân, quyền lợi dân chủ và các quyền lợi khác của công dân; Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức kinh tế; Bảo vệ quyền lợi và tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số...

** Chức năng và quyền hạn của chính quyền nhân dân cấp địa khu:* (i) Chấp hành các nghị quyết của ĐHĐBND địa phương cấp tương đương và Ban thường vụ ĐHĐBND, chấp hành nghị quyết và mệnh lệnh của Quốc vụ viện, chính quyền nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị mà mình trực thuộc; (ii) Quy định các biện pháp hành chính, ban bố các nghị quyết và mệnh lệnh hành chính; (iii) Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách, quản lý các công việc hành chính trong khu vực hành chính của mình; (iv) Bảo vệ tài sản sở hữu toàn dân và tài sản sở hữu tập thể của quần chúng nhân dân lao động, bảo vệ tài sản hợp pháp của mọi công dân, duy trì trật tự xã hội...; (v) Lãnh đạo và giám sát công việc của các cơ quan, bộ phận trực thuộc mình, cũng như chính quyền nhân dân cấp khu, huyện, căn cứ vào pháp luật để bổ nhiệm và bãi nhiệm, bồi dưỡng, sát hạch và thưởng phạt các nhân viên làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước, thay đổi hoặc hủy bỏ những mệnh lệnh, chỉ

thị và quyết định không thích hợp [浦兴祖 (Phổ Hưng Tô), 2003, tr. 182-183].

* *Chức năng và quyền hạn của chính quyền nhân dân cấp huyện*: (i) Chấp hành các nghị quyết của ĐHĐBND địa phương và Ban thường vụ ĐHĐBND cấp mình, cũng như những quyết nghị và mệnh lệnh của cơ quan hành chính nhà nước; (ii) Quy định biện pháp hành chính, ban bố quyết định và mệnh lệnh; (iii) Lãnh đạo công việc thuộc phạm vi chức trách của mình và công việc của chính quyền nhân dân cấp dưới, bổ nhiệm, miễn nhiệm và thưởng phạt nhân viên làm việc trong cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật, thay đổi hoặc hủy bỏ những nghị quyết và mệnh lệnh không phù hợp của mình; (iv) Triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế và dự toán ngân sách, quản lý các công việc hành chính trong khu vực hành chính mình phụ trách; (v) Bảo vệ tài sản sở hữu toàn dân và tài sản thuộc sở hữu tập thể, bảo vệ tài sản hợp pháp của công dân, bảo vệ các cơ sở công ích, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của các tổ chức kinh tế,...

* *Chức năng và quyền hạn của chính quyền nhân dân cấp xã*: (i) Chấp hành các nghị quyết của ĐHĐBND địa phương cấp tương đương và những quyết định và mệnh lệnh của cơ quan hành chính quốc gia cấp trên; (ii) Định ra biện pháp hành chính, ban bố quyết định và mệnh lệnh; (iii) Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách, quản lý các công việc hành chính trong khu vực hành chính của mình như: Chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, y tế, tài chính, công an...; (iv) Bảo vệ tài sản sở hữu toàn dân và tài sản sở hữu tập thể của quần chúng nhân dân lao động, bảo vệ tài sản hợp pháp sở hữu tư nhân của công dân, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức kinh tế... và (v) Làm những công việc khác mà chính quyền nhân dân cấp trên giao cho.

2. Chức năng của Ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân địa phương và các Ủy ban chuyên trách

Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương có những chức năng cơ bản sau đây:

(i) Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức cho ĐHĐBND địa phương cấp tương đương, cụ thể là: Lãnh đạo hoặc chủ trì bầu cử của ĐHĐBND địa phương cấp mình; triệu tập ĐHĐBND địa phương cấp mình; lãnh đạo công việc các Ủy ban chuyên

trách của ĐHĐBND địa phương cấp mình trong thời gian giữa kỳ họp của ĐHĐBND địa phương cấp đó; liên hệ với đại biểu của ĐHĐBND địa phương cấp mình, tổ chức hoạt động cho các đại biểu; bầu bổ sung đại biểu cho ĐHĐBND địa phương cấp cao hơn và bãi miễn đại biểu cá biệt nào đó;

(ii) Bảo đảm tuân thủ và thực hiện Hiến pháp, pháp luật và những nghị quyết của ĐHĐBND địa phương cấp trên và Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp đó;

(iii) Có thể căn cứ vào pháp luật để định ra các văn bản pháp quy hành chính. Những văn bản pháp quy của Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương buộc phải báo cáo Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ và Quốc vụ viện lập hồ sơ; Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp tỉnh, thành phố có chính quyền nhân dân khu tự trị và thành phố tương đối lớn đã được Quốc vụ viện phê chuẩn thì buộc phải báo cáo lên Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp tỉnh, khu tự trị để phê chuẩn sau đó mới thực thi và có trách nhiệm báo cáo lên Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ và Quốc vụ viện lập hồ sơ;

(iv) Thảo luận, quyết định những công việc quan trọng trong khu vực hành chính của mình trên các lĩnh vực như: Chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, văn hóa, y tế, bảo vệ môi trường và tài nguyên, dân chính, dân tộc..., căn cứ vào kiến nghị của chính quyền nhân dân cấp mình để quyết định kế hoạch kinh tế quốc dân, kế hoạch phát triển xã hội và thay đổi một phần dự toán ngân sách trong khu vực hành chính của mình; quyết định phong tặng danh hiệu mang tính địa phương...;

(v) Có quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm những người mà nó bầu ra; giám sát công việc của “Nhất phủ lưỡng viện” cấp mình, thụ lý khiếu nại và ý kiến của quần chúng nhân dân lao động đối với các cơ quan nói trên và nhân viên của các cơ quan đó; hủy bỏ những nghị quyết không thích hợp của ĐHĐBND địa phương cấp dưới và Ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp đó; hủy bỏ các quyết định, mệnh lệnh không thích hợp của chính quyền nhân dân cấp tương đương...

Ngoài ra, ĐHĐBND các cấp địa phương còn có các cơ quan trợ giúp của mình, đó là các ủy ban chuyên trách [Phó Hưng Tổ, 2003, tr. 59], cụ thể: Ủy ban chuyên trách cấp tỉnh, địa khu, chịu sự lãnh đạo của ĐHĐBND địa phương cấp mình. Trong thời

gian giữa kỳ họp của ĐHĐBND địa phương sẽ chịu sự lãnh đạo của ban thường vụ ĐHĐBND địa phương cấp tương đương. Thành phần bao gồm: Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các ủy viên, do đoàn chủ tịch đề cử trong danh sách đại biểu và ĐHĐBND địa phương thông qua. Nhiệm vụ của các ủy ban chuyên trách là: *Thứ nhất*, nghiên cứu, xem xét những dự án liên quan mà ĐHĐBND địa phương cấp mình và ban thường vụ của ĐHĐBND địa phương đó giao cho. *Thứ hai*, đưa ra những dự án thuộc phạm vi quyền hạn của mình cho ĐHĐBND địa phương cấp mình và Ban thường vụ của ĐHĐBND địa phương đó. *Thứ ba*, điều tra, nghiên cứu những vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của ĐHĐBND địa phương cấp mình và Ban thường vụ của ĐHĐBND địa phương đó, đồng thời có liên quan đến ủy ban chuyên trách của mình và đưa ra ý kiến. Ủy ban điều tra đặc biệt cấp tỉnh, địa khu, huyện. ĐHĐBND các cấp địa phương có thể thành lập ủy ban điều tra các vấn đề đặc biệt (gọi tắt là Ủy ban điều tra đặc biệt), có nhiệm vụ soạn thảo, đệ trình báo cáo điều tra cho ĐHĐBND địa phương cấp mình, và căn cứ vào đó ĐHĐBND địa phương đưa ra những nghị quyết tương ứng. ĐHĐBND địa phương có thể giao quyền cho ban thường vụ của mình lắng nghe báo cáo điều tra của Ủy ban điều tra đặc biệt và căn cứ vào đó để ra nghị quyết tương ứng, đồng thời báo cho ĐHĐBND địa phương kỳ sau lưu hồ sơ.

Thông thường ĐHĐBND các cấp địa phương một năm họp một lần, còn Ban thường vụ của cơ quan này hai tháng họp một lần.

PHỤ LỤC 4

CHỨC NĂNG VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỐC VỤ VIỆN NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

Quốc vụ viện Trung Quốc thực hiện chức năng và quyền hạn sau:

(i) Căn cứ vào Hiến pháp, pháp luật định ra những biện pháp hành chính, văn bản pháp quy hành chính, ban bố những nghị định và chỉ thị.

(ii) Đề xuất ý kiến cho ĐHĐBNDTQ hoặc Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ, thống nhất lãnh đạo công việc của các cơ quan hành chính quốc gia, cụ thể: Thứ nhất, quy định nhiệm vụ và chức năng cho các bộ, ủy ban, lãnh đạo các bộ và ủy ban đó, ngoài ra còn lãnh đạo công việc hành chính mang tính toàn quốc không thuộc về các bộ và ủy ban; Thứ hai, thống nhất lãnh đạo công việc của cơ quan hành chính quốc gia các cấp địa phương, phân định rõ ràng chức năng giữa cơ quan hành chính quốc gia Trung ương và cơ quan hành chính quốc gia cấp tỉnh, cơ quan hành chính quốc gia các cấp địa phương trên cả nước đều phải phục tùng sự lãnh đạo thống nhất của Quốc vụ viện.

(iii) Thay đổi, xóa bỏ những mệnh lệnh, chỉ thị và quy chế không còn thích hợp do các bộ, ủy ban ban hành; thay đổi hoặc hủy bỏ những quyết định và mệnh lệnh không thích hợp của cơ quan hành chính quốc gia các cấp ở địa phương.

(iv) Thống nhất lãnh đạo và quản lý các công việc về nội chính, ngoại giao trong cả nước, cụ thể: Thứ nhất, xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước. Lãnh đạo và quản lý công việc kinh tế và xây dựng thành thị và nông thôn. Thứ hai, lãnh đạo và quản lý công việc trên các lĩnh vực như giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa, y tế và kế hoạch hóa gia đình. Lãnh đạo và quản lý công việc của các cơ quan hành chính dân sự, công an, tư pháp và kiểm sát. Lãnh đạo và quản lý công việc dân tộc, bảo đảm quyền bình đẳng của dân tộc thiểu số và quyền lợi chính trị của khu tự trị dân tộc, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Hoa kiều hồi hương và Hoa kiều sống ở nước ngoài. Thứ ba, lãnh đạo và quản lý sự nghiệp xây dựng quốc phòng. Thứ tư, quản lý công việc đối ngoại, ký kết điều ước và hiệp định với nước ngoài. Thứ năm, chuẩn y việc phân chia khu vực hành chính tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, phê chuẩn việc thiết lập và phân chia châu tự trị,

huyện, huyện tự trị, thành phố. Thứ sáu, quyết định giới nghiêm ở từng vùng trong nội bộ tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương. Thứ bảy, xem xét quyết định biên chế cơ quan hành chính, căn cứ quy định của pháp luật để bổ nhiệm, bãi nhiệm, đào tạo, đánh giá, kỷ luật và khen thưởng nhân viên hành chính. Thứ tám, thực hiện những chức năng khác mà ĐHĐBNDTQ và Ban thường vụ ĐHĐBNDTQ giao cho.